

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

TẬP 17



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Giảng giải

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 17

Hòa Thượng **TUYÊN HOÁ**

Giảng giải



Chùa/Pagode Kim Quang
75 Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel : 01.48.69.01.24
e-mail : kimquangtu@gmail.com
website: chuakimquang.com



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG
HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI TRÍ VẤN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN BỒ TÁT



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

QUYỀN BỐN MƯỜI HAI

Thứ tám, tam muội Tất cả thân chúng sinh khác biệt.....	9
Thứ chín, tam muội Tự tại pháp giới.....	45

QUYỀN BỐN MƯỜI BA

Thứ mười, tam muội Vô ngại luân.....	87
--------------------------------------	----

QUYỀN BỐN MƯỜI BỐN

Phẩm Thập thông thứ hai mươi tám.....	198
Thứ nhất, trí thần thông khéo biết tha tâm.....	203
Thứ hai, trí thần thông thiên nhãn vô ngại.....	209
Thứ ba, trí thần thông biết kiếp thuở quá khứ túc trụ.....	212
Thứ tư, trí thần thông biết hết kiếp thuở vị lai.....	217
Thứ năm, trí thần thông thiên nhĩ thanh tịnh vô ngại.....	220
Thứ sáu, trí thần thông trụ không thể tánh không động tác đến tất cả cõi Phật.....	224
Thứ bảy, trí thần thông khéo phân biệt tất cả lời nói.....	228
Thứ tám, trí thần thông vô số sắc thân.....	231
Thứ chín, trí thần thông tất cả pháp.....	240
Thứ mười, trí thần thông vào tam muội tất cả pháp.....	247

QUYỀN BỐN MƯỜI BỐN

Phẩm thập nhĩ thứ hai mươi chín.....	254
--------------------------------------	-----

QUYỀN BỐN MƯỜI LĂM

Phẩm A tăng kỳ thứ ba mươi.....	366
Phẩm thọ lượng của Như Lai thứ ba mươi một.....	434
Phẩm trụ xứ của các Bồ Tát thứ ba mươi hai.....	439

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định
Hoà thượng Tuyên Hoá giảng giải

**QUYỂN BỐN MƯƠI HAI
PHẨM THẬP ĐỊNH THỨ HAI MƯƠI BẢY**

**THỨ TÁM, TAM MUỘI TẤT CẢ
THÂN CHÚNG SINH KHÁC BIỆT**

Phật tử ! Thế nào là tam muội Tất cả thân chúng sinh khác biệt của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Thế nào là đại tam muội tất cả thân chúng sinh khác biệt của đại Bồ Tát ?

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, đắc được mười thứ không chấp trước. Những gì là mười ? Đó là : Nơi tất cả cõi không chấp trước. Nơi tất cả phương không chấp trước. Nơi tất cả kiếp không chấp trước. Nơi tất cả chúng không chấp trước. Nơi tất cả pháp không chấp trước. Nơi tất cả Bồ Tát không chấp trước. Nơi

tất cả Bồ Tát nguyện không chấp trước. Nơi tất cả tam muội không chấp trước. Nơi tất cả chư Phật không chấp trước. Nơi tất cả địa không chấp trước. Đó là mười.

Các vị Phật tử ! Vị đại Bồ Tát này tu Bồ Tát đạo, viên mãn lục độ vạn hạnh, tích tập đủ thứ căn lành công đức, khi trụ tam muội tất cả thân chúng sinh khác biệt, đắc được mười thứ tự tại không chấp trước. Những gì là mười ? Đó là :

1. Đối với tất cả cõi Phật không chấp trước.
2. Đối với tất cả địa phương không chấp trước.
3. Đối với tất cả kiếp số không chấp trước.
4. Đối với tất cả chúng sinh không chấp trước.
5. Đối với tất cả pháp tướng không chấp trước.
6. Đối với tất cả Bồ Tát không chấp trước.
7. Đối với tất cả Bồ Tát nguyện không chấp trước.
8. Đối với tất cả tam muội không chấp trước.
9. Đối với tất cả chư Phật không chấp trước.
10. Đối với tất cả địa vị không chấp trước.

Đó là mười pháp không chấp trước. Vì Bồ Tát quét tất cả pháp lìa tất cả tướng, cho nên phá tất cả mọi sự chấp trước. Chúng ta người tu đạo, cũng phải phá tất cả mọi sự chấp trước, phải học tập theo tinh thần của Bồ Tát, vì người chẳng vì mình. Tóm lại, vạn sự đều « OK », thì chẳng có sự chấp trước. Nói cách khác, tốt cũng chẳng chấp trước, xấu cũng chẳng chấp trước, tất cả đều buông bỏ hết. Trong Tâm Kinh có nói : « Vì không quái ngại, nên không có sợ hãi, xa lìa điên đảo mộng tưởng, rốt ráo Niết

Bàn ». Nếu như buông bỏ được tất cả, thì không có quái ngại, đó là chỗ tinh hoa của Phật pháp.

Phật tử ! Đại Bồ Tát nơi tam muội này, vào như thế nào ? Khởi như thế nào ?

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát nơi tam muội tất cả thân chúng sinh khác biệt, làm thế nào nhập định ? Làm thế nào xuất định ? Đây là vấn đề Bồ Tát Phổ Hiền tự hỏi tự đáp.

Phật tử ! Đại Bồ Tát nơi tam muội này, trong thân nhập, ngoài thân khởi. Ngoài thân nhập, trong thân khởi. Đồng thân nhập, khác thân khởi. Khác thân nhập, đồng thân khởi. Thân người nhập, thân Dạ Xoa khởi. Thân Dạ Xoa nhập, thân rồng khởi. Thân rồng nhập, thân A tu la khởi. Thân A tu la nhập, thân trời khởi. Thân trời nhập, thân Phạm Vương khởi. Thân Phạm Vương nhập, thân dục giới khởi. Trên trời nhập, địa ngục khởi. Địa ngục nhập, nhân gian khởi. Nhân gian nhập, cõi kia khởi. Ngàn thân nhập, một thân khởi. Một thân nhập, ngàn thân khởi. Na do tha thân nhập, một thân khởi. Một thân nhập, Na do tha thân khởi.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát nơi tam muội này, có những cảnh giới như vậy : Từ trong thân nhập định, từ ngoài thân xuất định. Từ ngoài thân nhập định, từ trong thân xuất định. Từ đồng thân nhập định, từ khác thân xuất định. Từ khác thân nhập định, từ đồng thân xuất định. Từ thân người nhập định, từ thân Dạ Xoa xuất định. Từ thân Dạ Xoa nhập định, từ thân rồng xuất định. Từ thân rồng nhập định, từ thân A tu la xuất định. Từ thân A tu la nhập định, từ thân trời xuất định. Từ thân trời nhập định, từ thân Phạm Vương xuất định. Từ thân Phạm Vương nhập định, từ thân dục giới xuất định.

Bồ Tát có thể hoá thân ngàn vạn ức, phân thân vô số lượng. Đó đây không ngại, ta người vô ngại, trong ngoài vô ngại, đồng khác vô ngại, đó tức là cảnh giới thần thông diệu dụng của Bồ Tát. Bồ Tát nhập định hoặc xuất định, không nhất định tại thân mình, tùy thời tùy lúc đều có thể nhập định, tùy thời tùy lúc đều có thể xuất định, chẳng thọ sự hạn chế của thời gian và không gian, nhậm vận tự tại, diệu không thể tả.

Bồ Tát ở trên trời nhập định, từ địa ngục xuất định. Từ địa ngục nhập định, từ nhân gian xuất định. Từ nhân gian nhập định, từ cõi kia xuất định. Từ ngàn thân nhập định, từ một thân xuất định. Từ một thân nhập định, từ ngàn thân xuất định. Từ Na do tha thân nhập định, từ một thân xuất định. Từ một thân nhập định, từ Na do tha thân xuất định.

Bồ Tát vì tùy duyên giáo hoá tất cả chúng sinh, tự do nhập định, tự do xuất định. Cảnh giới này, toại tâm như ý. Hoan hỉ thế nào thì như thế đó, một chút cũng không miễn

cưỡng, nhậm vận tự tại. Phạm là người thành tâm tu đạo, đều chúng được cảnh giới này.

Trong chúng sinh Diêm Phù Đề nhập, trong chúng sinh Tây Cù Đà Ni khởi. Trong chúng sinh Tây Cù Đà Ni nhập, trong chúng sinh Bắc Câu Lư khởi. Trong chúng sinh Bắc Câu Lư nhập, trong chúng sinh Đông Bì Đề Ha khởi. Trong chúng sinh Đông Bì Đề Ha nhập, trong chúng sinh ba thiên hạ khởi. Trong chúng sinh ba thiên hạ nhập, trong chúng sinh bốn thiên hạ khởi. Trong chúng sinh bốn thiên hạ nhập, trong chúng sinh tất cả biển khác biệt khởi. Trong chúng sinh tất cả biển khác biệt nhập, trong chúng sinh thần tất cả biển khởi.

Bồ Tát ở trong chúng sinh Diêm Phù Đề (Nam Thiệm Bộ Châu) nhập định, từ trong chúng sinh Tây Cù Đà Ni (Tây Ngu Hoá Châu) xuất định. Trong chúng sinh Tây Cù Đà Ni nhập định, từ trong chúng sinh Bắc Câu Lư (Bắc Câu Lư Châu) xuất định. Trong chúng sinh Bắc Câu Lư nhập định, từ trong chúng sinh Đông Bì Đề Ha (Đông Thắng Thần Châu) xuất định. Trong chúng sinh Đông Bì Đề Ha nhập định, từ trong chúng sinh ba thiên hạ xuất định. Trong chúng sinh ba thiên hạ nhập định, từ trong

chúng sinh bốn thiên hạ xuất định. Trong chúng sinh bốn thiên hạ nhập định, từ trong chúng sinh tất cả biển khác biệt xuất định. Trong chúng sinh tất cả biển khác biệt nhập định, từ trong chúng thần tất cả biển xuất định.

Trong chúng thần tất cả biển nhập, trong thủy đại tất cả biển khởi. Trong thủy đại tất cả biển nhập, trong địa đại tất cả biển khởi. Trong địa đại tất cả biển nhập, trong hoả đại tất cả biển khởi. Trong hoả đại tất cả biển nhập, trong phong đại tất cả biển khởi. Trong phong đại tất cả biển nhập, trong tất cả bốn thứ đại khởi. Trong tất cả bốn thứ đại nhập, trong pháp vô sinh khởi. Trong pháp vô sinh nhập, trong núi Diệu Cao khởi. Trong núi Diệu Cao nhập, trong núi bảy báu khởi. Trong núi bảy báu nhập, trong tất cả đất đai đủ thứ cây cỏ lùm rùng hắc sơn khởi. Trong tất cả đất đai đủ thứ cây cỏ lùm rùng hắc sơn nhập, trong tất cả diệu hương hoa báu trang nghiêm khởi. Trong tất cả diệu hương hoa báu trang nghiêm nhập, trong tất cả chúng sinh thọ sinh của tất cả bốn thiên hạ phương dưới phương trên khởi.

Bồ Tát ở trong chúng thân tất cả biển nhập định, từ trong thủy đại tất cả biển xuất định. Trong thủy đại tất cả biển nhập định, từ trong địa đại tất cả biển xuất định. Trong địa đại tất cả biển nhập định, từ trong hoả đại tất cả biển xuất định. Trong hoả đại tất cả biển nhập định, từ trong phong đại tất cả biển xuất định. Trong phong đại tất cả biển nhập định, từ trong tất cả bốn thứ đại xuất định. Trong tất cả bốn thứ đại nhập định, từ trong pháp vô sinh xuất định. Trong pháp vô sinh nhập định, từ trong núi Diệu Cao xuất định. Trong núi Diệu Cao nhập định, từ trong núi bảy báu xuất định. Trong núi bảy báu nhập định, từ trong tất cả đất đai đủ thứ cây cỏ lùm rừng hắc sơn khởi. Trong tất cả đất đai đủ thứ cây cỏ lùm rừng hắc sơn nhập định, từ trong tất cả diệu hương hoa báu trang nghiêm xuất định. Trong tất cả diệu hương hoa báu trang nghiêm nhập định, từ trong tất cả chúng sinh thọ sinh của tất cả bốn thiên hạ phương dưới phương trên xuất định.

Trong tất cả chúng sinh thọ sinh tất cả bốn thiên hạ phương dưới phương trên nhập, trong chúng sinh tiểu thiên thế giới khởi. Trong chúng sinh tiểu thiên thế giới nhập, trong chúng sinh trung thiên thế giới khởi. Trong chúng sinh trung thiên thế giới nhập, trong chúng sinh đại thiên thế giới khởi. Trong chúng sinh đại thiên thế giới nhập, trong chúng sinh trăm ngàn ức na do

tha ba ngàn đại thiên thế giới khởi. Trong chúng sinh trăm ngàn ức Na do tha ba ngàn đại thiên thế giới nhập, trong chúng sinh vô số thế giới khởi. Trong chúng sinh vô số thế giới nhập, trong chúng sinh vô lượng thế giới khởi. Trong chúng sinh vô lượng thế giới nhập, trong chúng sinh vô biên cõi Phật khởi. Trong chúng sinh vô biên cõi Phật nhập, trong chúng sinh vô đẳng cõi Phật khởi. Trong chúng sinh vô đẳng cõi Phật nhập, trong chúng sinh bất khả số thế giới khởi.

Bồ Tát ở trong tất cả chúng sinh thọ sinh tất cả bốn thiên hạ phương dưới phương trên nhập định, từ trong chúng sinh tiểu thiên thế giới xuất định. Trong chúng sinh tiểu thiên thế giới nhập định, trong chúng sinh trung thiên thế giới xuất định. Trong chúng sinh trung thiên thế giới nhập định, từ trong chúng sinh đại thiên thế giới xuất định. Trong chúng sinh đại thiên thế giới nhập định, từ trong chúng sinh trăm ngàn ức Na do tha ba ngàn đại thiên thế giới xuất định. Trong chúng sinh trăm ngàn ức Na do tha ba ngàn đại thiên thế giới nhập định, từ trong chúng sinh vô số thế giới xuất định. Trong chúng sinh vô số thế giới nhập định, từ trong chúng sinh vô lượng thế giới xuất định. Trong chúng sinh vô lượng thế giới nhập định, từ trong chúng sinh vô biên cõi Phật xuất định. Trong chúng sinh vô

biên cõi Phật nhập định, từ trong chúng sinh vô đẳng cõi Phật xuất định. Trong chúng sinh vô đẳng cõi Phật nhập định, từ trong chúng sinh bất khả số thế giới khởi.

Trong chúng sinh bất khả số thế giới nhập, trong chúng sinh bất khả xưng thế giới khởi. Trong chúng sinh bất khả xưng thế giới nhập, trong chúng sinh bất khả tư thế giới khởi. Trong chúng sinh bất khả tư thế giới nhập, trong chúng sinh bất khả lượng thế giới khởi. Trong chúng sinh bất khả lượng thế giới nhập, trong chúng sinh bất khả thuyết thế giới khởi. Trong chúng sinh bất khả thuyết thế giới nhập, trong chúng sinh bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới khởi. Trong chúng sinh bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới nhập, trong chúng sinh tạp nhiễm khởi. Trong chúng sinh tạp nhiễm nhập, trong chúng sinh thanh tịnh khởi. Trong chúng sinh thanh tịnh nhập, trong chúng sinh tạp nhiễm khởi.

Bồ Tát ở trong chúng sinh bất khả số thế giới nhập định, từ trong chúng sinh bất khả xưng thế giới xuất định. Trong chúng sinh bất khả xưng thế giới nhập định, từ trong

chúng sinh bất khả tư thể giới xuất định. Trong chúng sinh bất khả tư thể giới nhập định, từ trong chúng sinh bất khả lượng thể giới xuất định. Trong chúng sinh bất khả lượng thể giới nhập định, từ trong chúng sinh bất khả thuyết thể giới xuất định. Trong chúng sinh bất khả thuyết thể giới nhập định, trong chúng sinh bất khả thuyết bất khả thuyết thể giới xuất định. Trong chúng sinh bất khả thuyết bất khả thuyết thể giới nhập định, từ trong chúng sinh tạp nhiễm xuất định. Trong chúng sinh tạp nhiễm nhập định, từ trong chúng sinh thanh tịnh xuất định. Trong chúng sinh thanh tịnh nhập định, từ trong chúng sinh tạp nhiễm xuất định.

Đoạn văn này nói về cảnh giới của Bồ Tát, là « không nhập mà chẳng tự được vậy ». Tức cũng là toại tâm như ý, muốn lúc nào nhập định thì lúc đó nhập định. Muốn nơi nào xuất định, thì nơi đó xuất định. Chẳng bị thời gian và không gian hạn chế. Lớn thì như núi Tu Di, nhỏ thì như hạt bụi, tùy ý biến hoá, đây là cảnh giới như ý thông của Bồ Tát.

Cảnh giới Kinh Hoa Nghiêm là khai mở tâm chúng sinh rộng lớn từng chút từng chút. Từ một đến mười, từ mười đến trăm, từ trăm đến ngàn, từ ngàn đến vạn, từ vạn đến ức, cho đến vô số vô số, vô lượng vô lượng. Chủ yếu làm cho tư tưởng rộng lớn, phải có cảnh giới « dọc bao thái hư, ngang khắp pháp giới ».

Kinh Hoa Nghiêm nói về thể giới vô lượng, cõi nước vô lượng, chư Phật vô lượng, Bồ Tát vô lượng, tất cả tất cả, đều không có hạn lượng. Cảnh giới đó, chẳng phải người tâm nhỏ lượng nhỏ mình bạch được, hiểu thấu được.

Chúng ta chúng sinh điên điên đảo đảo, lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải, chẳng nhận thức được chủ nhân

ông của chính mình. Lấy niềm khổ làm vui, bỏ giác hợp trần, nhận giác làm con, thật là đáng thương ! Bồ Tát rất từ bi đối với chúng ta, giống như mẹ hiền dạy con cái. Cha mẹ hy vọng con trai thành rồng, con gái thành phụng, Bồ Tát thì hy vọng chúng sinh thành Phật, hy vọng chúng sinh không điên đảo, không chấp trước, phát tâm bồ đề, tu vô thượng đạo. Song, chúng sinh chẳng nghe lời, vẫn cứ điên đảo, vẫn cứ chấp trước. Như vậy, chẳng phải là cô phụ một phen khổ tâm của Bồ Tát chăng ? Chúng ta người tu đạo, phải mau hồi đầu, cải ác hướng thiện, nghe lời dạy của Bồ Tát. Toàn bộ Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật đều nói về đạo lý tu Bồ Tát đạo, độ hoá chúng sinh. Nếu chúng ta như pháp thực hành một câu, một bài kệ, thì công đức vô lượng, thọ không hết.

Nơi mắt nhập, nơi tai khởi. Nơi tai nhập, nơi mắt khởi. Nơi mũi nhập, nơi lưỡi khởi. Nơi lưỡi nhập, nơi mũi khởi. Nơi thân nhập, nơi ý khởi. Nơi ý nhập, nơi thân khởi. Nơi mình nhập, nơi họ khởi. Nơi họ nhập, nơi mình khởi. Trong một hạt bụi nhập, trong hạt bụi vô số thế giới khởi. Trong hạt bụi vô số thế giới nhập, trong một hạt bụi khởi. Thanh Văn nhập, Độc Giác khởi. Độc Giác nhập, Thanh Văn khởi. Thân mình nhập, thân Phật khởi. Thân Phật nhập, thân mình khởi. Một

niệm nhập, ức kiếp khởi. Ưc kiếp nhập, một niệm khởi. Đồng niệm nhập, thời khác khởi. Thời khác nhập, đồng niệm khởi. Tiền tế nhập, hậu tế khởi. Hậu tế nhập, tiền tế khởi. Tiền tế nhập, trung tế khởi. Trung tế nhập, tiền tế khởi. Ba đời nhập, sát na khởi. Sát na nhập, ba đời khởi. Chân như nhập, ngôn thuyết khởi. Ngôn thuyết nhập, chân như khởi.

Bồ Tát nơi mắt nhập định, từ nơi tai xuất định. Nơi tai nhập định, từ nơi mắt xuất định. Nơi mũi nhập định, từ nơi lưỡi xuất định. Nơi lưỡi nhập định, từ nơi mũi xuất định. Nơi thân nhập định, từ nơi ý xuất định. Nơi ý nhập định, từ nơi thân xuất định. Nơi mình nhập định, từ nơi họ xuất định. Nơi họ nhập định, từ nơi mình xuất định.

Bồ Tát ở trong một hạt bụi nhập, từ trong hạt bụi vô số thế giới xuất định. Trong hạt bụi vô số thế giới nhập định, từ trong một hạt bụi xuất định. Thanh Văn nhập định, từ Độc Giác xuất định. Độc Giác nhập định, từ Thanh Văn xuất định. Thân mình nhập định, từ thân Phật xuất định. Thân Phật nhập định, từ thân mình xuất định. Một niệm nhập định, từ ức kiếp xuất định. Ưc kiếp nhập định, từ một niệm xuất định. Đồng niệm nhập định, từ thời khác xuất định. Thời khác nhập định, từ đồng niệm xuất định. Tiền tế nhập định, từ hậu tế xuất định. Hậu tế nhập định, tiền tế xuất định. Tiền tế nhập định, từ trung tế xuất định. Trung tế nhập định, từ tiền tế xuất định. Ba đời nhập định, từ sát na

xuất định. Sát na nhập định, từ ba đời xuất định. Chân như nhập định, từ ngôn thuyết xuất định. Ngôn thuyết nhập định, từ chân như xuất định.

Phật tử ! Ví như có người, bị quỷ nhập, làm cho thân họ rung động, không thể được an. Quỷ không hiện thân, khiến thân họ như vậy. Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. Thân mình nhập định thân họ khởi. Thân họ nhập định thân mình khởi.

Các vị Phật tử ! Ví như có người, bị quỷ nhập, thân thể của họ rung động không ngừng, không thể được an tĩnh. Quỷ chẳng hiện thân, mà khiến cho người khác phát sinh tình hình như thế, rung động không ngừng. Đại Bồ Tát cũng như thế, chẳng nhìn thấy thân Ngài, mà Ngài có thể ở trên thân của bạn xuất định. Do đó kinh văn có nói : « Tại thân mình nhập định, từ thân người khác xuất định. Tại thân người khác nhập định, từ thân mình xuất định ». Cảnh giới này chẳng chướng ngại nhau.

Phật tử ! Ví như tử thi, vì nhờ lực của Chú mà có thể dậy đi, tùy theo các việc đều làm được. Tử thi và Chú tuy đều khác biệt, mà có thể hoà hợp, thành tựu việc đó.

Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. Đồng cảnh nhập định, mà khác

cảnh khởi. Khác cảnh nhập định, mà đồng cảnh khởi.

Các vị Phật tử ! Ví như tử thi, nhờ sức lực của Chú ngữ, mà có thể khiến cho tử thi dậy đi. Tử thi tuy chẳng còn tri giác, nhưng có thể thay thế bạn làm việc, những việc làm đều thành tựu. Tử thi và Chú tuy đều khác biệt, nhưng Chú ngữ có thể khiến cho tử thi đi được, lại có thể hợp tác với nhau, thành tựu việc làm đó. Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. « Đồng cảnh nhập định, mà khác cảnh xuất định. Khác cảnh nhập định, mà đồng cảnh xuất định ». Cảnh giới này chẳng có chướng ngại nhau.

Phật tử ! Ví như Tỳ Kheo, đắc được tâm tự tại. Hoặc dùng một thân làm nhiều thân, hoặc dùng nhiều thân làm một thân. Chẳng phải một thân chẳng còn, mà nhiều thân sinh. Chẳng phải nhiều thân chẳng còn, mà một thân sinh.

Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. Một thân nhập định nhiều thân khởi, nhiều thân nhập định một thân khởi.

Các vị Phật tử ! Ví như Tỳ Kheo, đắc được như ý thông, tức là toại tâm như ý, biến hoá vô cùng. Hoặc dùng một thân mà biến thành nhiều thân, hoặc dùng nhiều thân mà biến thành một thân. Chẳng phải nói thân này chẳng

còn mà sinh ra nhiều thân. Cũng chẳng phải nhiều thân chẳng còn, lại làm một thân. Đây là cảnh giới thần thông biến hoá không thể nghĩ bàn. Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. « Một thân nhập định nhiều thân xuất định, nhiều thân nhập định một thân xuất định ». Cảnh giới này chẳng chướng ngại nhau.

Tỳ kheo có ba ý nghĩa :

1. Khất sĩ : Trên khất pháp của chư Phật, để nuôi huệ mạng; dưới khất thực của chúng sinh, để nuôi dưỡng sắc thân.

2. Bồ ma : Khi Tỳ Kheo thọ giới cụ túc, đặc giới hoà thượng hỏi :

- « Ông có phải là đại trọng phư không ? »

- Đáp : « Là đại trọng phư ».

- Lại hỏi : « Ông có phát bồ đề tâm chăng ? »

- Đáp : « Đã phát bồ đề tâm ».

Lúc đó, ma vương nghe được, bèn sinh sợ hãi. Tại sao ? Vì quyền thuộc của ma lại bớt đi một người, còn quyền thuộc của Phật lại thêm một người, cho nên sinh tâm sợ hãi.

3. Phá ác : Tức là phá phiền não ác. Vì Tỳ Kheo có ba ý nghĩa này, nên không dịch. Khi Trung Quốc phiên dịch kinh điển tiếng Phạn, có năm loại không dịch :

1. Bí mật không dịch : Như Chú ngữ.

2. Tôn trọng không dịch : Như « Bát Nhã », « Bồ đề ».

3. Thuận cổ không dịch : Như « A nậu đa la tam miệu tam bồ đề ».

4. Đa hàm không dịch : Như « Tỳ Kheo ».

5. Thử phương vô bất dịch : Như « quả Am ma la ».

Phật tử ! Ví như đại địa, chỉ có một vị, mà sinh ra cây cỏ đủ thứ vị khác nhau. Tuy đất không khác nhau, mà vị có sự khác nhau đặc thù.

Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế, không có sự phân biệt, mà có một thứ nhập định nhiều thứ khởi, nhiều thứ nhập định một thứ khởi.

Các vị Phật tử ! Ví như đại địa, tuy chỉ có một vị, mà sinh ra cây cỏ đủ thứ vị khác nhau. Có vị đắng, có vị ngọt, có vị chua. Đất không khác nhau, mà sinh ra thực vật có vị khác nhau. Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế, không có gì phân biệt, mà « Tại một thứ nhập định, từ nhiều thứ xuất định, tại nhiều thứ nhập định, một thứ xuất định ». Cảnh giới này chẳng chướng ngại nhau.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, đắc được mười pháp khen ngợi của sự khen ngợi. Những gì là mười ? Đó là : Vì vào chân như, nên gọi là Như Lai. Vì giác tất cả pháp, nên gọi là Phật. Vì được tất cả thế gian khen ngợi, nên gọi là pháp sư. Vì biết tất cả pháp, nên gọi là Nhất thiết trí. Vì là chỗ nương tựa của tất cả thế gian, nên gọi là chỗ nương tựa. Vì thấu đạt tất cả

pháp phương tiện, nên gọi là Đạo sư. Vì dẫn dắt tất cả chúng sinh vào đạo Tát bà nhạ, nên gọi là đại Đạo sư. Vì làm đèn của tất cả thế gian, nên gọi là quang minh. Vì tâm chí viên mãn, nghĩa lợi thành tựu, những gì cần làm đã làm xong, trụ trí huệ vô ngại, phân biệt biết rõ tất cả các pháp, nên gọi là Thập lực. Vì tự tại thông đạt tất cả pháp luân, nên gọi là bậc thấy tất cả. Đó là mười.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi tam muội này, đắc được mười pháp khen ngợi của sự khen ngợi. Những gì là mười ? Đó là :

1. Vì vào chân như, nên gọi là Như Lai : Vì Bồ Tát chứng nhập chân như thật tướng lý thể, cho nên gọi là Như Lai.

2. Vì giác tất cả pháp, nên gọi là Phật : Vì Bồ Tát giác ngộ thấu rõ tất cả các pháp, cho nên xưng là Phật.

3. Vì được tất cả thế gian khen ngợi, nên gọi là pháp sư : Vì Bồ Tát có tâm từ bi, độ khắp chúng sinh, được hết thấy mọi người thế gian khen ngợi, cho nên xưng là Pháp sư.

4. Vì biết tất cả pháp, nên gọi là Nhất thiết trí : Vì Bồ Tát biết rõ tất cả Phật pháp, cho nên xưng là Nhất thiết trí.

5. Vì là chỗ nương tựa của tất cả thế gian, nên gọi là chỗ nương tựa : Vì Bồ Tát là chỗ nương tựa của tất cả chúng sinh thế gian, cho nên xưng là chỗ nương tựa.

6. Vì thấu đạt tất cả pháp phương tiện, nên gọi là Đạo sư : Vì Bồ Tát thấu rõ thông đạt tất cả tất cả pháp phương tiện, cho nên xưng là Đạo sư.

7. Vì dẫn dắt tất cả chúng sinh vào đạo Tát bà nhạ, nên gọi là đại Đạo sư : Vì Bồ Tát dẫn dắt tất cả chúng sinh đều vào đạo Tát bà nhạ (Nhất thiết trí), cho nên xưng là đại Đạo sư.

8. Vì làm đèn của tất cả thế gian, nên gọi là quang minh : Vì Bồ Tát là đèn quang minh của tất cả thế gian, cho nên xưng là quang minh.

9. Vì tâm chí viên mãn, nghĩa lợi thành tựu, những gì cần làm đã làm xong, trụ trí huệ vô ngại, phân biệt biết rõ tất cả các pháp, nên gọi là Thập lực : Vì tâm chí của Bồ Tát đã viên mãn, nghĩa lợi đã thành tựu, những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa, trụ nơi trí huệ không có chướng ngại, phân biệt biết rõ được tất cả các pháp, cho nên xưng là Thập lực.

10. Vì tự tại thông đạt tất cả pháp luân, nên gọi là bậc Thấy tất cả : Vì Bồ Tát tự tại thông đạt tất cả pháp luân, cho nên xưng là bậc Thấy tất cả. Đó là mười pháp khen ngợi.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, lại được mười thứ quang minh chiếu sáng. Những gì là mười ?

Đó là : Được quang minh của tất cả chư Phật, vì bình đẳng với chư Phật. Được quang minh của tất cả thế giới, vì nghiêm tịnh khắp. Được quang minh của tất cả

chúng sinh, vì đều đến điều phục. Được vô lượng vô úy quang minh, vì pháp giới làm đạo tràng diễn nói. Được quang minh không khác biệt, vì biết tất cả pháp không có các thứ tánh. Được quang minh phương tiện, vì nơi tất cả pháp lìa dục tế mà chứng nhập. Được quang minh chân thật, vì nơi tất cả pháp lìa dục tế tâm bình đẳng. Được quang minh khắp tất cả thể gian thần thông biến hoá, vì được Phật gia trì luôn không ngừng nghỉ. Được quang minh khéo tư duy, vì đến được bờ tự tại của tất cả chư Phật. Được quang minh tất cả pháp chân thật, vì trong một lỗ lông khéo nói tất cả. Đó là mười.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, lại đắc được mười thứ quang minh chiếu sáng. Những gì là mười ? Đó là :

1. Bồ Tát đắc được quang minh của tất cả chư Phật, vì bình đẳng với chư Phật.
2. Bồ Tát đắc được quang minh của tất cả thế giới, vì trang nghiêm thanh tịnh khắp tất cả thế giới.
3. Bồ Tát đắc được quang minh của tất cả chúng sinh, vì đều đến điều phục tất cả chúng sinh.

4. Bồ Tát đắc được vô lượng vô úy quang minh, vì dùng pháp giới làm đạo tràng diễn nói diệu pháp.

5. Bồ Tát đắc được quang minh không phân biệt, vì biết tất cả pháp không có các thứ tự tánh.

6. Bồ Tát đắc được quang minh phương tiện, vì đối với tất cả pháp lia khỏi dục tế, mà chứng nhập chân như.

7. Bồ Tát đắc được quang minh chân thật, vì nơi tất cả pháp lia dục tế tâm và pháp là bình đẳng.

8. Bồ Tát đắc được quang minh khắp tất cả thế gian thân thông biến hoá, vì được Phật gia trì luôn không ngừng nghỉ.

9. Bồ Tát đắc được quang minh khéo tư duy, vì đạt đến được bờ bên kia tự tại của tất cả chư Phật.

10. Bồ Tát đắc được quang minh tất cả pháp chân thật, vì trong một lỗ lông khéo nói tất cả các pháp. Đó là mười thứ quang minh.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, lại được mười thứ vô sở tác. Những gì là mười ?

Đó là : Thân nghiệp vô sở tác, lời nghiệp vô sở tác, ý nghiệp vô sở tác, thân thông vô sở tác, rõ pháp không tánh vô sở tác, biết nghiệp chẳng hư hoại vô sở tác, trí vô sai biệt vô sở tác, trí không sinh khởi vô sở tác, biết pháp không diệt vô sở tác, tùy

thuận nơi văn chẳng hoại nơi nghĩa vô sở tác. Đó là mười.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, lại được mười thứ nghiệp vô sở tác, tức cũng là mười thứ thanh tịnh, cũng có thể nói là mười thứ pháp tịch diệt. Những gì là mười ? Đó là :

1. Thân nghiệp vô sở tác : Tức là thân thanh tịnh không ô nhiễm

2. Lời nghiệp vô sở tác : Tức là miệng thanh tịnh không nhiễm ô.

3. Ý nghiệp vô sở tác : Tức là ý thanh tịnh không nhiễm.

4. Thần thông vô sở tác : Thần thông vốn là thanh tịnh, không có sở tác.

5. Rõ pháp không tánh vô sở tác : Thấu được tất cả pháp chẳng có tự tánh, chẳng có sở tác.

6. Biết nghiệp chẳng hư hoại vô sở tác : Biết được tất cả nghiệp thiện không hư hoại, chẳng có sở tác.

7. Trí vô sai biệt vô sở tác : Trí huệ chẳng có sự phân biệt, thông đạt được tất cả, đây cũng là vô sở tác.

8. Trí không sinh khởi vô sở tác : Trí huệ chẳng có sinh khởi, mà biết rõ tất cả, đây cũng là vô sở tác.

9. Biết pháp không diệt vô sở tác : Vì Bồ Tát biết các pháp không sinh không diệt, cho nên vô sở tác.

10. Tùy thuận nơi văn chẳng hoại nơi nghĩa vô sở tác : Vì Bồ Tát hay tùy thuận nơi câu văn, lại chẳng hoại nơi nghĩa lý, cho nên vô sở tác.

Đó là mười thứ nghiệp vô sở tác.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi tam muội này, có vô lượng cảnh giới, đủ thứ sự khác biệt. Đó là : Một nhập nhiều khởi, nhiều nhập một khởi. Đồng nhập khác khởi, khác nhập đồng khởi. Tế nhập thô khởi, thô nhập tế khởi. Đại nhập tiểu khởi, tiểu nhập đại khởi. Thuận nhập nghịch khởi, nghịch nhập thuận khởi. Không thân nhập có thân khởi, có thân nhập không thân khởi. Không tướng nhập có tướng khởi, có tướng nhập không tướng khởi. Trong khởi nhập trong khởi. Như vậy đều là cảnh giới tự tại của tam muội này.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi tam muội này, lại có vô lượng cảnh giới, đủ thứ sự khác biệt. Đó là : Tại một nhập định, từ nhiều xuất định. Tại nhiều nhập định, từ một xuất định. Tại đồng nhập định, từ khác xuất định. Tại khác nhập định, từ đồng xuất định. Tại tế nhập định, từ thô xuất định. Tại thô nhập định, từ tế xuất định. Tại đại nhập định, từ tiểu xuất định. Tại tiểu nhập định, từ đại xuất định. Tại thuận nhập định, từ nghịch xuất định. Tại nghịch nhập định, từ thuận xuất định. Tại không thân nhập định, từ có thân xuất định. Tại có thân nhập định, từ không thân xuất định. Tại không tướng nhập định, từ có tướng xuất định. Tại có tướng nhập định, từ không tướng xuất định. Tại trong khởi nhập định, từ trong khởi xuất định. Nhập định

xuất định như vậy đều không ngại nhau. Đó là cảnh giới tự tại của tam muội này.

Phật tử ! Ví như nhà huyền thuật, trì chú được thành tựu, có thể hiện ra đủ thứ hình tướng khác nhau. Chú với huyền khác nhau, mà làm huyền được. Tuy chú là tiếng, mà có thể huyền làm nhãn thức biết đủ thứ các sắc, nhĩ thức biết được đủ thứ các tiếng, tỉ thức biết được đủ thứ các mùi, thiệt thức biết được đủ thứ các vị, thân thức biết được đủ thứ các xúc, ý thức biết được đủ thứ cảnh giới.

Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. Trong đồng nhập định trong khác khởi, trong khác nhập định trong đồng khởi.

Các Phật tử ! Ví như nhà huyền thuật trì chú ngữ, có thể tự không hoá có, tự có hoá không, có thể hiện ra đủ thứ hình tướng khác nhau. Giống như một bình không có rượu, ông ta niệm chú thì trong bình tự nhiên có rượu. Lại đem một hạt giống hoa, trồng xuống đất, lập tức đâm chồi nảy mầm, ra cành ra lá, đơm hoa kết trái, trong khoảnh khắc liền thành tựu. Lại có thể ở trong lửa sinh ra hoa sen rất đẹp. Cảnh giới này, đều do huyền tướng trì chú mà hiện ra. Chú và huyền tướng tuy khác nhau, nhưng chú có thể làm

huyền tướng. Niệm chú chỉ là âm thanh, mà làm ra đủ thứ cảnh giới hư vọng – nhãn thức biết đủ thứ các màu sắc, nhĩ thức biết được đủ thứ các tiếng, tỉ thức biết được đủ thứ các mùi, thiệt thức biết được đủ thứ các vị, thân thức biết được đủ thứ các xúc, ý thức biết được đủ thứ cảnh giới. Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. Ở trong đồng nhập định, từ trong khác xuất định, ở trong khác nhập định, từ trong đồng xuất định. Đây là cảnh giới xuất định nhập định toại tâm như ý không thể nghĩ bàn.

Phật tử ! Ví như khi trời Ba Mươi Ba đánh nhau với A tu la, chư Thiên thắng lợi, A tu la thua trận. Vua A tu la thân cao lớn bảy trăm do tuần, bốn binh vây quanh vô số ngàn vạn, dùng sức huyền thuật, đem tất cả quân lính cùng nhau chạy trốn trong lỗ ngó sen.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, đã khéo thành tựu các huyền trí địa. Huyền trí tức là Bồ Tát, Bồ Tát tức là huyền trí. Cho nên, có thể ở trong pháp không phân biệt nhập định, ở trong pháp phân biệt khởi. Ở trong pháp phân biệt nhập định, ở trong pháp không phân biệt khởi.

Các vị Phật tử ! Ví như khi Đế Thích trời Ba Mươi Ba đánh nhau với A tu la, thì chư Thiên thường thắng lợi.

Có lúc A tu la chiến thắng, trời Đế Thích không cách nào kháng cự, bèn đến chỗ đức Phật cầu cứu. Đức Phật nói cho ông ta một câu chú, niệm : « Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa », dịch ra nghĩa là « Đại trí huệ đến bờ kia ». Ma Ha nghĩa là « Đại », Bát Nhã là « Trí huệ », Ba La Mật Đa là « Đến bờ kia ». Đế Thích trở về trời Ba Mươi Ba, bèn nói với binh trời tướng trời rằng : « Khi các vị gặp binh lính A tu la, thì hãy thành tâm niệm “Ma Ha Mát Nhã Ba La Mật Đa”, đây là pháp mà đức Phật ban tặng để đánh lui quân địch ».

Ngày thứ hai lại đánh với A tu la. Binh trời tướng trời đều niệm câu chú này quả nhiên linh nghiệm, binh lính A tu la thua bỏ chạy. Tại sao ? Vì binh trời tướng trời thân đều phóng ra ánh sáng rất mạnh, binh lính A tu la không thể nào mở mắt ra được, cho nên bại trận bỏ chạy.

A tu la dịch là « Vô đoan chánh », vì tướng mạo của người nam rất là xấu xí, ngũ quan chẳng đoan chánh. Song, nữ A tu la rất xinh đẹp, ai thấy cũng đều thương mến. Vợ đẹp của trời Đế Thích là con gái của vua A tu la. Do đó, có thể biết người trời vẫn còn dục tham luyến sắc đẹp. Chư Thiên đến được cõi sắc giới, mới dứt được sắc dục. Người ở cõi sắc giới là hoá sinh, chỉ có diệu sắc thân, chứ chẳng còn nam nữ khác nhau.

Vua A tu la thân cao lớn bảy trăm đại do tuần, lại có bốn thứ binh (tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh) vây quanh vô số ngàn vạn. Vua A tu la dùng sức huyền thuật, đem tất cả quân lính cùng nhau chạy trốn trong lỗ ngó sen. Đây là cảnh giới lớn nhỏ vô ngại, tức cũng là cảnh giới trong lớn có thể hiện nhỏ, trong nhỏ có thể dung lớn, dung nạp với nhau không ngại. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì tu

hành căn lành, cho nên thành tựu tất cả huyễn trí địa, tức cũng là trí huệ thần thông. Huyễn trí tức là Bồ Tát, Bồ Tát tức là huyễn trí. Vì vậy cho nên, có thể ở trong pháp không phân biệt nhập định, từ trong pháp phân biệt xuất định. Ở trong pháp phân biệt nhập định, từ trong pháp không phân biệt xuất định. Đó là thần thông diệu dụng của Bồ Tát tu, đã đạt đến cảnh giới nhập vận tự tại. Tóm lại, muốn như thế nào thì như thế đó, chẳng có mọi sự chướng ngại. Đó là do trí huệ biến hoá, chứ chẳng phải do thức biến hoá.

Phật tử! Ví như nông phu, trong ruộng gieo giống xuống, hạt giống ở dưới, quả sinh ở trên. Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. Trong một nhập định, trong nhiều khởi. Trong nhiều nhập định, trong một khởi.

Các vị Phật tử! Ví như nông phu, trong ruộng đất gieo hạt giống ngũ cốc xuống, trồng hạt giống ở dưới đất, quả thật sinh trưởng ở trên đất. Đây là luật nhân quả tự nhiên. Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. Có thể ở trong thân một chúng sinh nhập định, từ trong thân nhiều chúng sinh xuất định. Ở trong thân nhiều chúng sinh nhập định, từ trong một thân chúng sinh xuất định, chẳng có chướng ngại.

Phật tử! Ví như tinh cha huyết mẹ của nam nữ hoà hợp, hoặc có chúng sinh ở trong đó thọ sinh. Bây giờ, gọi là Ca la lã

vị. Từ đây lần lược trụ ở trong thai mẹ, đầy đủ mười tháng. Do sức nghiệp thiện, nên tất cả chi phần đều được thành tựu, các căn không thiếu, tâm ý sáng tỏ. Ca la lã với sáu căn, thể tướng đều khác nhau. Do nghiệp lực, khiến cho lần lược thành tựu, thọ đủ thứ các loại quả báo khác nhau.

Bồ Tát cũng lại như thế, từ Nhất thiết trí Ca la lã vị, tin hiểu nguyện lực, dần dần tăng trưởng. Tâm của Bồ Tát rộng lớn, nhậm vận tự tại. Trong không nhập định, trong có khởi. Trong có nhập định, trong không khởi.

Các vị Phật tử ! Ví như khi tinh cha huyết mẹ của nam nữ hoà hợp, hoặc có một thân trung âm thọ sinh. Lúc đó, thức thọ sinh gọi là Ca la lã vị. Từ đó bắt đầu lần lược sống, đầy đủ mười tháng, sinh ra thể gian này, tiếp thọ các sự khổ, nhưng chúng sinh vẫn cứ lấy khổ làm vui.

Lược thuật quá trình của đời người là : Trước hết bắt đầu từ vô minh, vô minh tức là vọng tâm tham ái của nam nữ. Vô minh duyên hành : Hành tức là tánh hành vi. Nam nữ yêu nhau kết thành vợ chồng, để nối dõi giống nòi, nên có hành vi này. Hành duyên thức : Thức tức là bào thai, tinh cha huyết mẹ kết tinh thể, tức cũng là nơi ký thác thọ sinh của thân trung âm. Thức duyên danh sắc : Bào thai ở trong bụng mẹ sinh ra hệ thống thần kinh (danh), còn sinh

ra nhục thể (sắc). Danh sắc duyên lục nhập : Tức nhiên có trạng thái tâm lý và sinh lý, thì đương nhiên sinh ra sáu căn, tức cũng là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Lục nhập duyên xúc : Xúc là xúc giác, tức cũng là có sự tác dụng của tri giác. Khi đứa bé sinh ra thì da tiếp xúc với không khí, biết cảm giác lạnh nóng. Xúc duyên thọ : Có tiếp xúc thì có cảm thọ, cảm thấy thọ tốt thì đi tranh lấy. Thọ duyên ái : Vì lãnh thọ tất cả tốt đẹp, nên tăng thêm tâm ái. Ái duyên thủ : Có tâm ái rồi, thì tìm hết biện pháp, hết tâm sức để tranh lấy, chiếm làm sở hữu của mình. Thủ duyên hữu : Vì thủ lấy, nên tạo ba nghiệp thân, khẩu, ý. Có nghiệp tạo rồi, bèn có hạt giống thọ sinh. Hữu duyên sinh : Do đó : « Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo ». Vì nhất thời hồ đồ, bèn tạo ra nghiệp thọ sinh, nên có quả báo lai sinh. Sinh duyên lão tử : Lai sinh có thân năm uẩn, thì đương nhiên có sự uy hiếp lão tử. Từ nhỏ lớn lên thành thiếu niên, từ thiếu niên thành thanh niên, từ thanh niên rồi già, do già rồi chết đi – đó là quá trình đời người phải đi qua, bất cứ người nào cũng không tránh khỏi. Đây là luật nhân quả ba đời tuần hoàn, sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh, từ vô thủy kiếp đến nay, vĩnh viễn không dứt được gốc, đó là vòng mười hai nhân duyên sinh mạng.

Người tu đạo tức là dứt sinh tử, không thọ khổ luân hồi. Làm thế nào để dứt sinh tử ? Chỉ có một phương pháp, tức là niệm « Nam Mô A Di Đà Phật », niệm đến lúc nhất tâm bất loạn, thì có thể đởi nghiệp vãng sinh về thế giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật. Ở đó hoa sen hoá sinh, chẳng có con nít, chỉ hiện thân thể chín phẩm thành người. Ngoài ra còn có một phương pháp chấm dứt sinh tử đó là tham thiền. Tham đến cảnh giới tứ thiên, chẳng biết đủ mà dừng

lại, đó vẫn là cảnh giới của phàm phu. Phải tiếp tục dụng công phu tiến về trước, trải qua trời Ngũ Bất Hoàn, lúc đó vượt qua trời Tứ Không, mà ra khỏi tam giới, sẽ dứt được phần đoạn sinh tử.

Bây giờ đưa ra một vấn đề, để mọi người cùng nhau nghiên cứu : Tại sao người nam thương người nữ ? Người nữ thương người nam ? Có người nói : « Đây là thiên tính ! Không Tử đã từng nói : ‘Tánh tham sắc vậy’, đây là tham dục của con người ». Bởi nhân duyên này, cho nên chúng sinh do sắc dục mà sinh, do sắc dục mà chết. Ai phá được ái sắc dục, đoạn dục khử ái, thì không bị mười hai nhân duyên ràng buộc, sẽ được giải thoát.

Con người sinh ra thế giới này, đều là có nhân duyên. Có người có duyên lành đến làm cha con, hoặc mẹ con. Có người có báo oán đến làm cha con, hoặc mẹ con. Cho nên, có những con cái đến trả nợ, cũng có những con cái đến đòi nợ, do đó :

« Không con, không cái, không oan gia ».

Nếu nói về nhân quả, thì có những sự việc hoàn toàn chân thật. Nay đưa ra một câu chuyện để tham khảo.

Phong tục nhân gian trước kia, hễ có lễ cưới, sinh con, đám ma .v.v...đều thỉnh mời mấy Thầy đến tụng kinh. Mục đích là để được cát tường như ý, tiêu tai sống lâu, vãng sinh về Cực Lạc. Một ngày nọ, hoà thượng Xã Thuận (sơ tổ của tông Hoa Nghiêm) đến nhà trai chủ ứng cúng. Thọ trai xong, vợ chồng trai chủ bồng em bé đến trước mặt hoà thượng, thỉnh hoà thượng từ bi gia trì cho em bé, muốn cho em bé được sống lâu giàu có. Hoà thượng dùng pháp nhãn quán sát, biết nhân duyên của đứa bé, đứa bé đó đến

để đòi nợ, vì muốn cho đôi bên giải trừ oán cừu, hoà thượng bèn kêu vợ chồng trai chủ bồng đứa bé đến bờ sông. Hoà thượng ôm đứa bé liệng xuống sông.

Lúc đó, vợ chồng trai chủ khóc lóc, kêu hoà thượng đòi con lại. Hoà thượng nói với họ rằng : « Các vị hãy trở về nhìn con của các vị đi » ! Vợ chồng trai chủ trở về nhìn xem, thì ở trong nước hiện ra thân một người nam, trợn mắt nói với vợ chồng đó rằng : « Ai là con của các vị ! Ba năm trước, tôi là người buôn bán, ngồi thuyền của các vị qua sông, các vị thấy tôi có tiền, bèn sinh tâm bất lương, giết tôi cướp tiền của. Khi thuyền đến giữa sông, bèn xô tôi té xuống sông, để chiếm đoạt tài vật của tôi. Đòi này tôi đến để đòi nợ, nay may mắn gặp hoà thượng từ bi, hoà giải cho chúng ta. Bằng không, nhất định tôi sẽ làm hại quý vị nhà tan người mất ». Nói xong không thấy tông tích nữa. Lúc đó, vợ chồng như ngây như dại, rất là hồ thẹn. Bèn kính thỉnh hoà thượng Xã Thuận làm pháp hội Thủy Lục Không, siêu độ cô hồn dã quỷ, đều được vãng sinh. Từ đó về sau, vợ chồng tụng kinh lễ Phật, ăn chay suốt đời.

Thai nhi ở trong bụng mẹ, mãn mười tháng, do sức nghiệp thiện, nên ngũ quan tứ chi, tất cả đều được đầy đủ. Ngũ tạng lục phủ đều thành tựu, các căn không thiếu. Tâm ý minh bạch tất cả sự lý. Ca la mã vị này với sáu căn, thể tướng đều khác nhau. Do nghiệp lực thiện đã tạo ra trong kiếp trước, khiến cho lần lượt thành tựu thai nhi, thọ đồng loại (người), hoặc loài khác (súc sinh) đủ thứ các loại quả báo khác nhau.

Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, viên mãn lục độ vạn hạnh cũng lại như thế, từ Nhất thiết trí ca la mã vị, vì có nguyện lực tin hiểu, dần dần tăng trưởng. Tâm của Bồ Tát đặc biệt

rộng lớn, nhậm vận tự tại, tất cả đều toại tâm như ý. Cảnh giới này, chẳng có tơ hào chướng ngại. Ở trong chân không nhập định, từ trong diệu hữu xuất định. Ở trong diệu hữu nhập định, từ trong chân không xuất định, không có chướng ngại.

Phật tử ! Ví như cung rồng, nương đất mà lập, chẳng nương hư không. Rồng nương cung điện mà ở, cũng chẳng phải ở trong hư không, mà hay nổi mây đầy khắp trong hư không. Có người ngược nhìn thấy cung điện. Nên biết đó là thành của Càn Thát Bà, chẳng phải cung rồng.

Phật tử ! Rồng tuy ở dưới thấp, còn mây giăng trên trời. Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế. Nơi không tướng nhập, có tướng khởi. Nơi có tướng nhập, không tướng khởi.

Các vị Phật tử ! Ví như cung điện rồng ở trong biển, nương đất mà lập, chẳng phải ở trong hư không. Rồng nương cung mà ở, cũng chẳng phải ở trong hư không. Nhưng khi nổi mây mưa xuống, thì mây giăng đầy khắp trong hư không. Có người ngược nhìn lên hư không, thấy có cung điện. Nên biết đó là thành thị của Càn Thát Bà, chứ chẳng phải cung điện của rồng.

Các vị Phật tử ! Rồng tuy ở dưới biển, nhưng khi nổi mây mưa xuống thì ở trên hư không. Đại Bồ Tát trụ tam

muội này, cũng lại như thế. Nơi không tướng nhập, từ có tướng xuất định. Nơi có tướng nhập, từ không tướng xuất định, chẳng có chướng ngại.

Phật tử ! Ví như cung điện của Diệu Quang Đại Phạm Thiên Vương ở, gọi là Nhất thiết thế gian tối thắng thanh tịnh tạng. Ở trong đại cung điện đó, thấy khắp các bốn thiên hạ trong ba ngàn đại thiên thế giới, cung trời, cung rồng, cung Dạ Xoa, cung Càn Thát Bà, cung A Tu La, cung Ca Lô La, cung Khẩn Na La, cung Ma Hầu La Già, chỗ ở nhân gian, và ba đường ác, núi Tu Di đủ thứ các núi, biển cả sông ngòi, ao đầm nguồn suối, thành ấp làng xóm, cây rừng các báu, tất cả đủ thứ sự trang nghiêm như vậy, tột cùng hết thấy bờ mé đại luân vi. Cho đến du trần vi tế ở trong hư không, thấy đều hiển hiện ra ở trong Phạm cung. Giống như thấy mặt mình hiện ra trong gương sáng.

Đại Bồ Tát trụ đại tam muội Tất cả thân chúng sinh khác biệt này, biết đủ thứ cõi, thấy các vị Phật, độ đủ thứ chúng, chứng đủ thứ pháp, thành tựu đủ thứ

hạnh, viên mãn đủ thứ giải, vào đủ thứ tam muội, khởi đủ thứ thần thông, được đủ thứ trí huệ, trụ đủ thứ sát na tế.

Các vị Phật tử ! Ví như cung điện của Diệu Quang Đại Phạm Thiên Vương ở, gọi là Nhất thiết thế gian tối thắng thanh tịnh tạng. Ở trong đại cung điện đó, thấy khắp tất cả các bốn thiên hạ trong ba ngàn đại thiên thế giới. Hết thấy cung điện trời, cung điện rồng, cung điện Dạ xoa, cung điện Càn thát bà, cung điện A tu la, cung điện Ca lâu la, cung điện Khẩn na la, cung điện Ma hầu la già, cùng với chỗ ở nhân gian, và ba đường ác.

Ở trong Phạm cung đó, lại thấy núi Tu di đủ thứ các núi, đủ thứ biển cả, đủ thứ sông ngòi, đủ thứ ao đầm, đủ thứ nguồn suối, thành ấp, làng xóm, cây rừng, các báu .v.v...tất cả đủ thứ sự trang nghiêm như vậy, tốt cùng hết thấy bờ mé đại luân vi. Cho đến du trần vi tế tận cùng ở trong hư không, thấy đều hiển hiện ra ở trong đại cung điện Nhất thiết thế gian tối thắng thanh tịnh tạng của Diệu Quang Đại Phạm Thiên. Giống như thấy tướng mặt mình hiện ra trong gương sáng.

Đại Bồ Tát trụ đại tam muội tất cả thân chúng sinh khác biệt này, biết đủ thứ cõi Phật, thấy được các vị Phật, độ được đủ thứ chúng, chứng được đủ thứ pháp, thành tựu đủ thứ hạnh, viên mãn đủ thứ trí giải, vào được đủ thứ tam muội, sinh khởi đủ thứ thần thông, đắc được đủ thứ trí huệ, trụ tại đủ thứ sát na tế.

Ở trên đưa ra sáu ví dụ :

1. Dụ về huyền hiện sáu cảnh.
2. Dụ về A tu la chạy trốn.

3. Dụ về nông phu gieo giống.
4. Dụ về thọ thai lớn lên.
5. Dụ về rồng ở dưới mây ở trên.
6. Dụ về Phạm cung hiện khắp.

Đó là biểu thị đại Bồ Tát thị hiện, khi nhập vào đại tam muội Tất cả thân chúng sinh khác biệt, có vô lượng cảnh giới, có đủ thứ sự khác biệt, nhậm vận tự tại, muốn nhập định lúc nào? Lúc nào xuất định? Nơi nào nhập định? Nơi nào xuất định? Điều toại tâm như ý, chẳng có chướng ngại. Cảnh giới này, thật là không thể nghĩ bàn, diệu không thể tả.

Phật tử! Đại Bồ Tát này đến được mười thứ thần thông bờ kia. Những gì là mười? Đó là:

Thần thông bờ kia đến được chư Phật tận hư không khắp pháp giới.

Thần thông bờ kia đến được Bồ Tát rốt ráo không khác biệt tự tại.

Thần thông bờ kia đến được hay phát khởi Bồ Tát hạnh nguyện rộng lớn, vào Như Lai môn Phật sự.

Thần thông bờ kia đến được hay chấn động tất cả thế giới, tất cả cảnh giới đều khiến cho thanh tịnh.

Thần thông bờ kia đến được hay tự tại biết nghiệp quả không nghĩ bàn của tất cả chúng sinh, đều như huyễn hoá.

Thần thông bờ kia đến được hay tự tại biết tam muội thô tế nhập xuất tướng khác biệt.

Thần thông bờ kia đến được hay dũng mãnh vào cảnh giới Như Lai, mà ở trong đó phát sinh đại nguyện.

Thần thông bờ kia đến được hay hoá làm Phật hoá chuyển pháp luân, điều phục chúng sinh, khiến cho sinh giống Phật, khiến cho vào Phật thừa, sớm được thành tựu.

Thần thông bờ kia đến được hay biết rõ bất khả thuyết tất cả bí mật câu văn mà chuyển pháp luân, khiến cho trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết bất khả thuyết pháp môn đều được thanh tịnh.

Thần thông bờ kia đến được chẳng mượn ngày đêm năm tháng kiếp số, một niệm đều có thể thị hiện ba đời. Đó là mười.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát này đến được cảnh giới mười thứ thần thông bờ kia. Bờ kia tức là Ba la mật. Những gì là mười ? Đó là :

1. Thần thông bờ kia đến được chư Phật tận hư không khắp pháp giới.

2. Thần thông bờ kia đến được Bồ Tát tự tại rốt ráo không khác biệt.

3. Thần thông bờ kia đến được hay phát khởi Bồ Tát hạnh nguyện rộng lớn, vào môn của Như Lai, làm đủ thứ Phật sự

4. Thần thông bờ kia đến được hay chấn động tất cả thế giới, tất cả cảnh giới đều khiến cho thanh tịnh.

5. Thần thông bờ kia đến được hay tự tại biết nghiệp quả không nghĩ bàn của tất cả chúng sinh, đều như huyền như hoá.

6. Thần thông bờ kia đến được hay tự tại biết tất cả tam muội thô tế nhập xuất tướng khác biệt.

7. Thần thông bờ kia đến được hay dừng mãnh vào cảnh giới của Như Lai, mà ở trong đó phát sinh đại nguyện.

8. Thần thông bờ kia đến được hay hoá làm tướng Phật, hoá làm chuyển pháp luân, điều phục chúng sinh, khiến cho sinh giống tánh Phật, khiến cho vào diệu pháp của Phật thừa, sớm được thành tựu.

9. Thần thông bờ kia đến được hay biết rõ bất khả thuyết tất cả bí mật câu văn, mà chuyển đại pháp luân, khiến cho trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết bất khả thuyết pháp môn đều được thanh tịnh.

10. Thần thông bờ kia đến được chẳng giả mượn ngày đêm năm tháng kiếp số, trong một niệm, hoàn toàn

đều có thể thị hiện ba đời. Đó là cảnh giới mười thứ thân thông bờ kia.

Phật tử ! Đó là đại tam muội Trí thiện xảo tất cả thân chúng sinh khác biệt thứ tám của đại Bồ Tát.

Các vị Phật tử ! Đó là đại tam muội Trí huệ thiện xảo tất cả thân chúng sinh khác biệt thứ tám của đại Bồ Tát tu nhập vào.

THỨ CHÍN, TAM MUỘI TỰ TẠI PHÁP GIỚI

Phật tử ! Thế nào là tam muội Tự tại pháp giới của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là đại tam muội Tự tại pháp giới của đại Bồ Tát phải tu hành ?

Phật tử ! Đại Bồ Tát này ở nơi con mắt của mình, cho đến nơi ý nhập tam muội, gọi là tự tại pháp giới. Trong mỗi lỗ chân lông nơi thân của Bồ Tát, đều nhập tam muội này. Tự nhiên biết được các thế gian, biết các pháp thế gian, biết các thế giới, biết ức Na do tha thế giới, biết A tăng kỳ thế giới, biết thế giới nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết cõi Phật. Thấy trong tất cả

thế giới có Phật xuất hiện ra đời, Bồ Tát chúng hội, thấy đều đầy đủ. Quang minh thanh tịnh, thuận thiện không tạp, rộng lớn trang nghiêm, đủ thứ các báu dùng để nghiêm sức.

Các vị Phật tử ! Vị đại Bồ Tát này tu hành Bồ Tát đạo, viên mãn lục độ vạn hạnh, tích tập đủ thứ căn lành. Ở nơi con mắt của mình, cho đến nơi ý của mình, nhập tam muội, đại tam muội này tên gọi là Tụ tại pháp giới.

Trong mỗi lỗ chân lông nơi thân của Bồ Tát, đều nhập tam muội Tụ tại pháp giới, tự nhiên biết được cảnh giới của tất cả thế gian, biết được tất cả pháp thế gian, biết được tất cả thế giới, biết được ức Na do tha thế giới, biết được A tăng kỳ thế giới, biết được thế giới nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết cõi Phật. Lại thấy được trong tất cả thế giới có Phật xuất hiện ra đời, Bồ Tát đại chúng pháp hội, đều đầy đủ khắp thế giới. Vừa quang minh vừa thanh tịnh, thuận thiện không tạp, vừa rộng lớn lại trang nghiêm. Dùng đủ thứ các châu báu để nghiêm sức.

Bồ Tát ở nơi đó, hoặc một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, ức kiếp, trăm ngàn ức Na do tha kiếp, vô số kiếp, vô lượng kiếp, vô biên kiếp, vô đẳng kiếp, bất khả số kiếp, bất khả xưng kiếp, bất khả tư kiếp, bất khả lượng kiếp, bất khả thuyết kiếp, bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, bất khả thuyết

bất khả thuyết Phật sát vi trần số kiếp, tu Bồ Tát hạnh, thường không ngừng nghỉ.

Bồ Tát ở trong chúng hội đạo tràng, hoặc một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, ức kiếp, trăm ngàn ức Na do tha kiếp, vô số kiếp, vô lượng kiếp, vô biên kiếp, vô đẳng kiếp, bất khả số kiếp, bất khả xưng kiếp, bất khả tư kiếp, bất khả lượng kiếp, bất khả thuyết kiếp, bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số kiếp, trong thời gian dài này, Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, luôn luôn không ngừng nghỉ, cũng chẳng có khi nào nhàm mỏi. Đó là đại hạnh đại nguyện của Bồ Tát, tinh thần đó, khiến cho mọi người khởi tâm kính phục.

Lại ở trong vô lượng kiếp như vậy, trụ tam muội này. Cũng nhập, cũng khởi, cũng thành tựu thế giới, cũng điều phục chúng sinh, cũng rõ khắp pháp giới, cũng biết khắp ba đời, cũng diễn nói các pháp, cũng hiện đại thân thông. Đủ thứ phương tiện, không chấp, không ngại, vì nhờ nơi pháp giới mà đắc được tự tại.

Khéo phân biệt mắt, khéo phân biệt tai, khéo phân biệt mũi, khéo phân biệt lưỡi, khéo phân biệt thân, khéo phân biệt ý. Đủ thứ sự khác nhau như vậy, đều khéo phân biệt, tốt cùng bờ mé.

Bồ Tát lại ở trong vô lượng kiếp như vậy, khi trụ nơi tam muội tự tại pháp giới, cũng nhập định, cũng xuất định, cũng thành tựu thế giới, cũng điều phục chúng sinh, cũng rõ khắp pháp giới, cũng biết khắp ba đời, cũng diễn nói các pháp, cũng thị hiện đại thân thông. Đủ thứ phương tiện, cũng không chấp trước, cũng không chướng ngại.

Bồ Tát ở trong pháp giới, nhờ đắc được nhậm vận tự tại, cho nên khéo phân biệt mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn. Đủ thứ các căn khác nhau như vậy, Bồ Tát hoàn toàn phân biệt được, tốt cùng bờ mé. Cảnh giới đó, Bồ Tát có đại trí huệ mới phân biệt rõ ràng được.

Bồ Tát khéo thấy biết như vậy rồi, bèn sinh khởi mười ngàn ức Đà la ni pháp quang minh, thành tựu mười ngàn ức hạnh thanh tịnh, đắc được mười ngàn ức các căn, viên mãn mười ngàn ức thần thông, vào được mười ngàn ức tam muội, thành tựu mười ngàn ức thần lực, trưởng dưỡng mười ngàn ức các lực, viên mãn mười ngàn ức thâm tâm, vận động mười ngàn ức lực trì, thị hiện mười ngàn ức thần biến, đầy đủ mười ngàn ức Bồ Tát vô ngại, viên mãn mười ngàn ức Bồ Tát trợ đạo, tích tập mười ngàn ức Bồ Tát tạng, chiếu rõ mười ngàn ức Bồ Tát phương tiện, diễn nói mười

ngàn ức các nghĩa, thành tựu mười ngàn ức các nguyện, sinh ra mười ngàn ức hồi hướng, tịnh trị mười ngàn ức Bồ Tát chánh vị, thấu rõ mười ngàn ức pháp môn, khai thị mười ngàn ức diễn nói, tu trị mười ngàn ức Bồ Tát thanh tịnh.

Bồ Tát khéo thấy biết như vậy rồi, bèn sinh khởi mười ngàn ức đà la ni pháp quang minh, thành tựu mười ngàn ức hạnh thanh tịnh, đắc được mười ngàn ức các căn, viên mãn mười ngàn ức thần thông, vào được mười ngàn ức tam muội, thành tựu mười ngàn ức thần lực, trưởng dưỡng mười ngàn ức các lực, viên mãn mười ngàn ức thâm tâm, vận động mười ngàn ức lực trì, thị hiện mười ngàn ức thần biến, đầy đủ mười ngàn ức cảnh giới Bồ Tát vô ngại, viên mãn mười ngàn ức Bồ Tát trợ đạo, tích tập mười ngàn ức Bồ Tát tạng, chiếu rõ mười ngàn ức Bồ Tát phương tiện, diễn nói mười ngàn ức các nghĩa, thành tựu mười ngàn ức các nguyện, sinh ra mười ngàn ức hồi hướng, tịnh trị mười ngàn ức Bồ Tát chánh vị, thấu rõ mười ngàn ức pháp môn, khai thị mười ngàn ức diễn nói, tu trị mười ngàn ức Bồ Tát thanh tịnh.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này, lại có vô số công đức, vô lượng công đức, vô biên công đức, vô đẳng công đức, bất khả số công đức, bất khả xưng công đức, bất khả tư

công đức, bất khả lượng công đức, bất khả thuyết công đức, vô tận công đức.

Phật tử ! Bồ Tát này nơi công đức như vậy, đều đã làm đủ, đều đã tích tập, đều đã trang nghiêm, đều đã thanh tịnh, đều đã thấu triệt, đều đã nhiếp thọ, đều hay sinh ra, đều đáng khen ngợi, đều được kiên cố, đều đã thành tựu.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát lại thành tựu vô số, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xung, bất khả tư, bất khả lượng, vô cùng vô tận công đức như vậy,

Các vị Phật tử ! Vị Bồ Tát này đối với công đức như đã nói ở trên, đều đã viên mãn đầy đủ, đều đã tích tập thành tựu, đều đã trang nghiêm thanh tịnh, đều đã thấu triệt, đều đã nhiếp thọ chúng sinh, đều hay sinh ra Bát nhã, đều đáng tán thán khen ngợi, đều được kiên cố bất hoại, đều đã thành tựu đạo nghiệp.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, được danh hiệu chư Phật phương đông, nhiều như số hạt bụi mười ngàn ức A tăng kỳ cõi Phật nhiếp thọ. Mỗi mỗi danh hiệu, lại có chư Phật nhiều như số hạt bụi mười ngàn ức A tăng kỳ cõi Phật, thấy đều khác biệt. Như phương đông, phương nam

tây bắc bốn hướng trên dưới cũng lại như thế.

Chư Phật đó đều hiện ra ở trước mặt, vì hiện cõi nước chư Phật thanh tịnh, vì nói vô lượng thân của chư Phật, vì nói mắt khó nghĩ bàn của chư Phật, vì nói vô lượng tai của chư Phật, vì nói mũi thanh tịnh của chư Phật, vì nói lưỡi thanh tịnh của chư Phật, vì nói tâm vô trụ của chư Phật, vì nói thần thông vô thượng của Như Lai.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, được danh hiệu chư Phật phương đông, nhiều như số hạt bụi mười ngàn ức A tăng kỳ cõi Phật nhiếp thọ. Ở trong mỗi danh hiệu, lại có Phật nhiều như số hạt bụi mười ngàn ức A tăng kỳ cõi Phật, mỗi vị Phật đều khác biệt. Như phương đông là như thế, phương nam, tây, bắc, bốn hướng trên dưới, cũng lại như thế.

Hết thấy chư Phật đó, thấy đều hiện ra ở trước mặt, vì hiện cõi Phật thanh tịnh của chư Phật, vì nói vô lượng thân của chư Phật, vì nói mắt khó nghĩ bàn của chư Phật, vì nói vô lượng tai của chư Phật, vì nói mũi thanh tịnh của chư Phật, vì nói lưỡi thanh tịnh của chư Phật, vì nói tâm vô trụ của chư Phật, vì nói thần thông vô thượng của Như Lai.

Khiến tu vô thượng bồ đề của Như Lai. Khiến được âm thanh thanh tịnh của

Như Lai. Khai thị bánh xe pháp bất thối của Như Lai. Hiển bày vô biên chúng hội của Như Lai. Khiến vào vô biên bí mật của Như Lai. Tán thán tất cả căn lành của Như Lai. Khiến vào pháp bình đẳng của Như Lai. Tuyên nói giống tánh ba đời của Như Lai. Thị hiện vô lượng sắc tướng của Như Lai. Xiển dương pháp hộ niệm của Như Lai. Diễn xướng pháp âm vi diệu của Như Lai. Biện minh tất cả thế giới của chư Phật. Tuyên dương tất cả tam muội của chư Phật. Thị hiện chúng hội thứ tự của chư Phật. Hộ trì pháp không nghĩ bàn của chư Phật. Nói tất cả pháp giống như huyễn hoá. Thấu rõ tánh của các pháp không có động chuyển. Khai thị tất cả pháp luân vô thượng. Khen ngợi vô lượng công đức của Như Lai. Khiến vào tất cả các mây tam muội. Khiến biết tâm như huyễn, như hoá, vô biên, vô tận.

Tại sao ở trước nói đủ thứ pháp ? Vì Phật khiến cho tất cả Bồ Tát tu hành vô thượng bồ đề của Như Lai. Khiến cho tất cả Bồ Tát đắc được âm thanh thanh tịnh của Như Lai. Khai thị bánh xe pháp bất thối của Như Lai. Hiển bày

vô biên chúng hội của Như Lai. Khiến vào vô biên bí mật của Như Lai. Tán thán tất cả căn lành của Như Lai. Khiến vào pháp môn bình đẳng của Như Lai. Tuyên nói giống tánh ba đời của Như Lai. Thị hiện vô lượng sắc tướng của Như Lai. Xiển dương pháp môn hộ niệm của Như Lai. Diễn xướng pháp âm vi diệu của Như Lai. Biện minh tất cả thế giới của chư Phật. Tuyên dương tất cả tam muội của chư Phật. Thị hiện chúng hội thứ tự của chư Phật. Hộ trì pháp môn không nghĩ bàn của chư Phật. Nói tất cả pháp giống như huyền hoá. Thấu rõ tự tánh của các pháp là tịch tĩnh, không có lúc nào động chuyển. Khai thị tất cả pháp luân vô thượng. Khen ngợi vô lượng công đức của Như Lai. Khiến vào tất cả các mây tam muội. Khiến biết tâm như huyền như hoá, chẳng chân thật, là vô biên vô tận.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát trụ tam muội Tự tại pháp giới này, mỗi phương trong mười phương, đều có danh hiệu Như Lai, nhiều như số hạt bụi mười ngàn A tăng kỳ cõi Phật. Trong mỗi danh hiệu, đều có Phật nhiều như số hạt bụi mười ngàn A tăng kỳ cõi Phật, đồng thời hộ niệm.

Khiến cho Bồ Tát này được vô biên thân. Khiến cho Bồ Tát này được tâm vô ngại. Khiến cho Bồ Tát này nơi tất cả pháp, hay nhớ không quên. Khiến cho Bồ Tát này nơi tất cả pháp, được huệ quyết

định. Khiến cho Bồ Tát này càng thêm thông minh sáng suốt, nơi tất cả pháp, đều được lãnh thọ. Khiến cho Bồ Tát này nơi tất cả pháp, đều được sáng tỏ. Khiến cho Bồ Tát này các căn dững mãnh lạnh lợi, nơi pháp thần thông, đều được khéo léo. Khiến cho Bồ Tát này được cảnh giới vô ngại, đi khắp pháp giới, luôn không ngừng nghỉ. Khiến cho Bồ Tát này được trí vô ngại, rất ráo thanh tịnh. Khiến cho Bồ Tát này dùng sức thần thông, tất cả thế giới thị hiện thành Phật.

Các vị Phật tử ! Khi đại Bồ Tát trụ tam muội tự tại pháp giới này, mỗi phương trong mười phương thế giới, đều có danh hiệu Như Lai, nhiều như số hạt bụi mười ngàn A tăng kỳ cõi Phật. Trong mỗi danh hiệu, đều có Phật nhiều như số hạt bụi mười ngàn A tăng kỳ cõi Phật, đồng thời hộ niệm Bồ Tát trụ tam muội này.

Khiến cho vị Bồ Tát này được vô biên thân. Khiến cho vị Bồ Tát này được tâm vô ngại. Khiến cho vị Bồ Tát này nơi tất cả pháp, đắc được sức nhớ không quên. Do đó :

« Một khi lọt qua tai,
Vĩnh viễn là giống đạo ».

Khiến cho vị Bồ Tát này nơi tất cả pháp, đắc được huệ quyết định, vì có con mắt chọn pháp, cho nên có trí

huệ quyết định. Khiến cho vị Bồ Tát này càng thêm thông minh sáng suốt, nơi tất cả pháp, đều được lãnh thọ. Khiến cho vị Bồ Tát này nơi tất cả pháp, hoàn toàn được minh bạch sáng tỏ. Khiến cho vị Bồ Tát này các căn dừng mãnh lợi, nơi pháp thần thông tự tại, hoàn toàn đắc được phương tiện khéo léo. Khiến cho vị Bồ Tát này đắc được cảnh giới vô ngại, đi khắp pháp giới, luôn không ngừng nghỉ. Khiến cho vị Bồ Tát này được trí vô ngại, rốt ráo thanh tịnh. Khiến cho vị Bồ Tát này dùng sức thần thông, trong tất cả thế giới thị hiện thành Phật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, được mười thứ biển. Những gì là mười ? Đó là : Được biển chư Phật, vì đều được thấy. Được biển chúng sinh, vì đều điều phục. Được biển các pháp, vì hay dùng trí huệ đều biết rõ. Được biển các cõi, vì dùng thần thông không tánh, không làm, đều đi đến. Được biển công đức, vì tất cả tu hành đều viên mãn. Được biển thần thông, vì hay rộng thị hiện khiến cho khai ngộ. Được biển các căn, vì đủ thứ khác nhau đều khéo biết. Được biển các tâm, vì biết tất cả chúng sinh đủ thứ khác biệt vô lượng tâm. Được biển các hạnh, vì hay dùng nguyện lực đều viên mãn. Được biển các

nguyện, vì đều khiến cho thành tựu vĩnh viễn thanh tịnh.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, đắc được lợi ích mười thứ biển sâu rộng. Những gì là mười ? Đó là :

1. Đắc được biện pháp tánh của tất cả chư Phật, vì đều thấy được tất cả chư Phật.
2. Đắc được biến tất cả chúng sinh, vì đều điều phục được chúng sinh cương cứng.
3. Đắc được biến tất cả các pháp, vì hay dùng Nhất thiết trí huệ, hoàn toàn biết rõ.
4. Đắc được biến tất cả các cõi, vì dùng thần thông không tánh không làm, đều đi đến cõi nước chư Phật.
5. Đắc được biến tất cả công đức, vì tất cả tu hành đều viên mãn.
6. Đắc được biến tất cả thần thông, vì hay rộng thị hiện rộng lớn khiến cho khai ngộ.
7. Đắc được biến tất cả các căn, vì biết các căn của tất cả chúng sinh, có đủ thứ khác nhau.
8. Đắc được biến tất cả các tâm, vì biết tâm của tất cả chúng sinh, có đủ thứ khác biệt vô lượng.
9. Đắc được biến tất cả các hạnh, vì hay dùng nguyện lực đều viên mãn hạnh môn.
10. Đắc được biến tất cả các nguyện, vì đều khiến cho thành tựu đạo quả, vĩnh viễn thanh tịnh.

Phật tử ! Đại Bồ Tát được mười thứ biển như vậy rồi, lại được mười thứ thù thắng. Những gì là mười ?

Đó là : Một là đệ nhất ở trong tất cả chúng sinh. Hai là thù đặc nhất ở trong tất cả chư Thiên. Ba là tự tại nhất ở trong tất cả Phạm Vương. Bốn là không nhiễm trước nơi các thế gian. Năm là tất cả thế gian không che khuất được. Sáu là tất cả các ma không mê hoặc loạn được. Bảy là vào khắp các cõi, không có quái ngại. Tám là nơi nơi thọ sinh, biết không vững bền. Chín là tất cả Phật pháp đều được tự tại. Mười là tất cả thần thông đều thị hiện được.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát đắc được lợi ích mười thứ biển sâu rộng như vậy rồi, lại được mười thứ lợi ích thù thắng siêu tuyệt. Những gì là mười ? Đó là :

1. Bồ Tát ở trong tất cả chúng sinh là đệ nhất không có ai bằng.
2. Bồ Tát thù thắng nhất lại đặc biệt ở trong tất cả chư Thiên.
3. Bồ Tát tự tại nhất ở trong tất cả Phạm Vương.
4. Bồ Tát không nhiễm ô, cũng không chấp trước trong tất cả thế gian.
5. Quang minh của tất cả thế gian không cách chi che khuất được quang minh của Bồ Tát.
6. Tất cả các ma không mê hoặc nhiễu loạn được tâm thanh tịnh của Bồ Tát.

7. Tuy Bồ Tát vì độ sinh, mà vào khắp các cõi thọ sinh, nhưng không có sự quái ngại.

8. Khi Bồ Tát nơi nơi thọ sinh, biết tất cả đều không vững bền, nên không tham luyện.

9. Bồ Tát đối với tất cả Phật pháp, đều được nhậm vận tự tại.

10. Bồ Tát đắc được tất cả thần thông, đều có thể thị hiện trước tất cả chúng sinh.

Phật tử ! Đại Bồ Tát được mười thứ thù thắng như vậy rồi, lại được mười thứ lực. Nơi cõi chúng sinh, tu tập các hạnh. Những gì là mười ?

Một là lực dũng kiện, vì điều phục thế gian. Hai là lực tinh tấn, vì luôn không thối chuyển. Ba là lực không chấp trước, vì lìa các cấu nhiễm. Bốn là lực tịch tĩnh, vì nơi tất cả pháp không tranh luận. Năm là lực nghịch thuận, vì nơi tất cả pháp tâm tự tại. Sáu là lực pháp tánh, vì trong các nghĩa được tự tại. Bảy là lực vô ngại, vì trí huệ rộng lớn. Tám là lực vô úy, vì hay nói các pháp. Chín là lực biện tài, vì hay trì các pháp. Mười là lực khai thị, vì trí huệ vô biên.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát đắc được mười thứ thù thắng siêu tuyệt như vậy rồi, lại đắc được mười thứ sức lực không thể nghĩ bàn. Ở trong cõi chúng sinh, tu tập tất cả các hạnh, đến được bất thối chuyển. Những gì là mười ?

1. Lực dũng kiện : Vì hay điều phục chúng sinh thế gian cương cường.

2. Lực tinh tấn : Vì ngày đêm tinh tấn, luôn không thối chuyển.

3. Lực không chấp trước : Vì hay lìa khỏi tất cả ô uế, mà không nhiễm trước.

4. Lực tịch tĩnh : Vì thường ở trong định, đối với tất cả các pháp, không sinh hoài nghi, không khởi tranh luận.

5. Lực nghịch thuận : Vì bất cứ nghịch cảnh, hoặc thuận cảnh, đối với tất cả pháp trong tâm tự tại.

6. Lực pháp tánh : Vì ở trong tất cả nghĩa lý, nhậm vận tự tại, cho nên không có chướng ngại.

7. Lực vô ngại : Vì trí huệ rộng lớn, cho nên viên dung vô ngại.

8. Lực vô úy : Vì khéo thuyết pháp, cho nên không có sợ hãi.

9. Lực biện tài : Vì thọ trì tất cả các pháp, cho nên có đại biện tài.

10. Lực khai thị. Vì trí huệ vô biên, cho nên giáo hoá chúng sinh phát tâm bồ đề, học vô thượng đạo.

Phật tử ! Mười thứ lực này, là lực rộng lớn, lực tối thắng, lực không thể hàng phục, lực vô lượng, lực khéo tập, lực bất động, lực kiên cố, lực trí huệ, lực thành tựu, lực

thắng định, lực thanh tịnh, lực rất thanh tịnh, lực pháp thân, lực pháp quang minh, lực pháp đấng, lực pháp môn, lực không thể hoại, lực rất dũng mãnh, lực đại trượng phu, lực trượng phu khéo tu tập, lực thành Chánh Giác, lực quá khứ tích tập căn lành, lực an trụ vô lượng căn lành, lực trụ Như Lai lực, lực tâm tư duy, lực tăng trưởng Bồ Tát hoan hỷ, lực sinh ra Bồ Tát tịnh tín, lực tăng trưởng Bồ Tát dũng mãnh, lực bồ đề tâm sinh ra, lực Bồ Tát thanh tịnh thâm tâm, lực Bồ Tát thù thắng thâm tâm, lực huân tập căn lành của Bồ Tát, lực các pháp rốt ráo, lực thân không chướng ngại, lực vào pháp môn phương tiện khéo léo, lực diệu pháp thanh tịnh, lực an trụ đại thể tất cả thế gian không thể khuynh động, lực tất cả chúng sinh không thể che lấp.

Các vị Phật tử ! Mười thứ lực này, lại đầy đủ ba mươi tám thứ lực. Tức là :

1. Lực rộng lớn.
2. Lực tối thắng.
3. Lực không thể hàng phục.
4. Lực vô lượng.

5. Lực khéo tập.
6. Lực bất động.
7. Lực kiên cố.
8. Lực trí huệ.
9. Lực thành tựu.
10. Lực thắng định.
11. Lực thanh tịnh.
12. Lực rất thanh tịnh.
13. Lực pháp thân.
14. Lực pháp quang minh.
15. Lực pháp đấng.
16. Lực pháp môn.
17. Lực không thể hoại.
18. Lực rất dũng mãnh.
19. Lực đại trượng phu.
20. Lực trượng phu khéo tu tập.
21. Lực thành Chánh Giác.
22. Lực quá khứ tích tập căn lành.
23. Lực an trụ vô lượng căn lành.
24. Lực trụ Như Lai lực.
25. Lực tâm tư duy.
26. Lực tăng trưởng Bồ Tát hoan hỷ.
27. Lực sinh ra Bồ Tát tịnh tín.
28. Lực tăng trưởng Bồ Tát dũng mãnh.
29. Lực bồ đề tâm sinh ra.
30. Lực Bồ Tát thanh tịnh thâm tâm.
31. Lực Bồ Tát thù thắng thâm tâm.
32. Lực huân tập căn lành của Bồ Tát.
33. Lực các pháp rốt ráo.
34. Lực thân không chướng ngại.

35. Lực vào pháp môn phương tiện khéo léo.
36. Lực diệu pháp thanh tịnh.
37. Lực an trụ đại thể tất cả thể gian không thể khuynh động.
38. Lực tất cả chúng sinh không thể che lấp.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này nơi pháp vô lượng công đức như vậy, hay sinh, hay thành tựu, hay viên mãn, hay chiếu sáng, hay đầy đủ, hay đầy đủ khắp, hay rộng lớn, hay kiên cố, hay tăng trưởng, hay tịnh trị, hay tịnh trị khắp.

Các vị Phật tử ! Vị đại Bồ Tát này, đối với pháp vô lượng công đức như đã nói ở trước, hay sinh ra công đức này, hay thành tựu công đức này, hay viên mãn công đức này, hay chiếu sáng công đức này, hay đầy đủ công đức này, hay đầy đủ khắp công đức này, hay rộng lớn công đức này, hay kiên cố công đức này, hay tăng trưởng công đức này, hay tịnh trị công đức này, hay tịnh trị khắp công đức này.

Bờ mé công đức, bờ mé trí huệ, bờ mé tu hành, bờ mé pháp môn, bờ mé tự tại, bờ mé khổ hạnh, bờ mé thành tựu, bờ mé thanh tịnh, bờ mé xuất ly, bờ mé pháp tự tại của Bồ Tát này, không ai có thể nói được.

Bồ Tát này, sự đắc được, sự thành tựu, sự thú nhập, sự hiện tiền, hết thấy cảnh giới, hết thấy quán sát, hết thấy chứng nhập, hết thấy thanh tịnh, hết thấy sự biết rõ, hết thấy kiến lập, tất cả pháp môn. Trong bất khả thuyết kiếp, không thể nói hết được.

Vị đại Bồ Tát này, tất cả bờ mé của Ngài không cách chi biết được. Bờ mé công đức, bờ mé trí huệ, bờ mé tu hành, bờ mé pháp môn, bờ mé tự tại, bờ mé khổ hạnh, bờ mé thành tựu, bờ mé thanh tịnh, bờ mé xuất ly, bờ mé pháp tự tại. Mười thứ bờ mé này chẳng cách chi nói ra được.

Vị Bồ Tát này, Ngài có công đức không thể nghĩ bàn. Sự đắc được, sự thành tựu, sự thú nhập, sự hiện tiền, hết thấy cảnh giới, hết thấy quán sát, hết thấy chứng nhập, hết thấy thanh tịnh, hết thấy sự biết rõ, hết thấy kiến lập, tất cả pháp môn. Trong bất khả thuyết đại kiếp, cũng không cách chi có thể nói hết được.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, biết rõ vô số, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết tất cả tam muội.

Hết thấy cảnh giới của mỗi tam muội đó, rộng lớn vô lượng. Ở trong cảnh giới,

hoặc nhập, hoặc khởi, hoặc trụ, hết thấy tướng trạng, hết thấy thị hiện, hết thấy hành xứ, hết thấy đẳng lưu, hết thấy tự tại, hết thấy trừ diệt, hết thấy xuất ly, tất cả như vậy, thấy đều thấy rõ.

Các vị Phật tử ! Khi đại Bồ Tát trụ tam muội này, biết rõ vô số tam muội, vô lượng tam muội, vô biên tam muội, vô đẳng tam muội, bất khả số tam muội, bất khả xưng tam muội, bất khả tư tam muội, bất khả lượng tam muội, bất khả thuyết tam muội, bất khả thuyết bất khả thuyết tất cả tam muội.

Ở trong những tam muội đó, mỗi một thứ tam muội, hết thấy cảnh giới, rộng lớn vô lượng. Ở trong cảnh giới, hoặc nhập định, hoặc xuất định, hoặc trụ định, hết thấy tướng trạng, hết thấy thị hiện, hết thấy hành xứ, hết thấy đẳng lưu, hết thấy tự tại, hết thấy trừ diệt, hết thấy xuất ly, tất cả tất cả như vậy chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấy được.

Phật tử ! Ví như cung của Vô Nhiệt Nã Đại Long Vương, nơi ao A Nậu Đạt chảy ra bốn con sông lớn. Không đục, không tạp, chẳng có dơ bẩn. Quang sắc thanh tịnh, giống như hư không.

Bốn mặt ao đó, đều có một cửa sông, chảy ra một con sông. Nơi cửa Tượng

Khẩu, chảy ra sông Hằng Già. Nơi cửa Su Tử khẩu, chảy ra sông Tư Đà. Nơi cửa Ngưu Khẩu, chảy ra sông Tín Độ. Nơi cửa Mã Khẩu, chảy ra sông Phục Sô.

Bốn ao lớn đó, khi chảy ra, thì cửa sông Hằng Già chảy ra cát bạc. Cửa sông Tư Đà chảy ra cát kim cương. Cửa sông Tín Độ chảy ra cát vàng. Cửa sông Phục Sô chảy ra cát lưu ly.

Cửa sông Hằng Già màu bạc trắng. Cửa sông Tư Đà màu kim cương. Cửa sông Tín Độ màu vàng thật. Cửa sông Phục Sô màu lưu ly.

Mỗi cửa sông rộng một do tuần. Nước bốn con sông lớn đó, đều chảy quanh ao A Nậu Đạt bảy vòng, rồi theo phương diện mà chảy ra bốn hướng, nổi sóng cuộn cuộn rồi chảy vào biển.

Các vị Phật tử ! Ví như cung của Vô Nhiệt Nã Đại Long Vương, ở trên đỉnh Tuyết Sơn. Có một cái ao lớn, tên là ao A Nậu Đạt, dịch là “Vô nhiệt”. Ao đó chu vi năm mươi do tuần, hình vuông. Có một vị đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, dùng nguyện lực hoá làm Long Vương, tên gọi là A Na Bà Đạt Đa, sống ở trong đó.

Bốn phía chảy ra bốn con sông lớn, để cung ứng cho chúng sinh ở Nam Thiệm Bộ Châu sử dụng. Nước đó trong trong không đục không tạp, chẳng có dơ bẩn. Ánh sáng và màu sắc của nước rất thanh tịnh, giống như hư không.

Bốn mặt ao Vô Nhiệt đó, đều có một cửa sông, chảy ra một con sông. Hướng đông của ao đó, cửa Tượng Khẩu màu bạc trắng, nước chảy ra thành sông Hằng Già. Hướng bắc của ao đó, cửa Sư Tử khẩu màu kim cương, nước chảy ra thành sông Tu Đà. Hướng nam của ao đó, cửa Ngưu Khẩu màu vàng thật, nước chảy ra thành sông Tín Độ. Hướng tây của ao đó, cửa Mã Khẩu màu lưu ly, nước chảy ra thành sông Phược Sô.

Bốn ao lớn đó, khi chảy ra, thì cửa sông Hằng Già chảy ra cát bạc. Cửa sông Tu Đà chảy ra cát kim cương. Cửa sông Tín Độ chảy ra cát vàng. Cửa sông Phược Sô chảy ra cát lưu ly.

Cửa sông Hằng Già màu bạc trắng. Cửa sông Tu Đà màu kim cương. Cửa sông Tín Độ màu vàng thật. Cửa sông Phược Sô màu lưu ly. Mỗi cửa sông rộng một do tuần. Nước bốn con sông lớn đó, đều chảy quanh ao A Nậu Đạt bảy vòng, rồi sau đó theo phương diện mà chảy ra bốn hướng đông tây nam bắc, thế nước rất mạnh nổi sóng cuộn cuộn, rồi chảy vào biển.

Ở giữa bốn con sông đó, đều có báu trời làm thành hoa Ưu bát la, hoa Ba đầu ma, hoa Câu vật đầu, hoa Phân đà lợi. Những hoa đó toả ra hương thơm ngào ngạt kỳ lạ, sắc đẹp thanh tịnh. Đủ thứ lá

hoa, đủ thứ đài nhụy, đều bằng các báu, tự nhiên chiếu rực rỡ, đều thành quang minh, chiếu hiện với nhau.

Ao Vô Nhiệt đó, chu vi rộng lớn năm mươi do tuần. Cát bằng các thứ báu đẹp, rải khắp dưới đáy ao, có đủ thứ ma ni dùng để nghiêm sức. Vô lượng báu đẹp trang nghiêm bờ ao.

Hương thơm chiên đàn toả khắp trong ao. Hoa Ưu bát la, hoa Ba đầu ma, hoa Câu vật đầu, hoa Phân đà lợi, và các hoa báu khác, đều đầy khắp. Gió nhẹ thổi động, hương thơm toả xa. Rừng hoa cây báu bày khắp chung quanh ao.

Khi mặt trời mọc lên, ánh sáng chiếu khắp, trong ngoài sông ao, tất cả các vật, chiếu sáng lẫn nhau, thành lưới quang minh. Các vật như vậy, hoặc xa, hoặc gần, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc rộng, hoặc hẹp, hoặc thô, hoặc tế, cho đến rất nhỏ như hạt cát, hạt bụi, đều là báu đẹp, quang minh chiếu sáng.

Tất cả các vật đều hiện bóng mặt trời, các vật đó cũng chuyển động hiện bóng lẫn nhau. Các bóng như vậy, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng hợp, chẳng tan, đều như bản chất mà được thấy rõ.

Bốn con sông lớn đó, đều vòng về bên phải, ở giữa mỗi con sông đó, đều có báu trời làm thành hoa Ưu bát la (hoa sen xanh), hoa Ba đầu ma (hoa sen đỏ), hoa Câu vật đầu (hoa sen vàng), hoa Phân đà lợi (hoa sen trắng). Những hoa sen đó toả ra hương thơm ngào ngạt kỳ lạ, không thể sánh bằng, màu sắc của hoa rất đẹp thanh tịnh. Đủ thứ lá hoa, đủ thứ đài nhụy, đều bằng các thứ báu. Có lá bằng vàng thật, hoa bằng bạc trắng, rất là tươi tốt.

Ở giữa hoa tự nhiên chiếu rục rỡ, ở giữa lá tự nhiên chiếu hiện, phóng quang minh với nhau, chiếu sáng với nhau. Năm quang mười sắc, sáng lạn chói mắt. Cảnh đó dị thường, khó mà nhìn thấy được.

Ao Vô Nhiệt đó, đặc biệt rộng lớn, chu vi năm mươi do tuần. Cát bằng các thứ báu đẹp, rải đầy khắp dưới đáy ao, có đủ thứ ma ni báu dùng để nghiêm sức ao. Dùng vô lượng báu đẹp để trang nghiêm bờ ao. Dùng hương thơm chiên đàn toả khắp trong ao. Trong ao có hoa Ưu bát la, hoa Ba đầu ma, hoa Câu vật đầu, hoa Phân đà lợi, và các hoa báu khác, đều đầy khắp. Khi gió nhẹ thổi động, hương thơm toả xa mấy do tuần.

Bốn bên ao lại có rừng hoa cây báu bày khắp chung quanh ao, rất là trang nghiêm. Khi mặt trời mọc lên, ánh sáng chiếu khắp trong ngoài sông ao, tất cả các vật, tiếp

bóng lẫn nhau, chiếu sáng lẫn nhau, tạo thành lưới quang minh. Các vật như vậy, hoặc xa hoặc gần, hoặc cao hoặc thấp, hoặc rộng hoặc hẹp, hoặc thô hoặc tế, cho đến vật rất nhỏ như hạt cát hạt bụi, đều là báu đẹp, quang minh chiếu sáng.

Tất cả các vật đều hiện bóng mặt trời, các vật đó cũng chuyển động hiện bóng lẫn nhau. Do đó : “Bóng bóng chiếu nhau, bóng bóng tiếp nhau”. Các bóng như vậy, chẳng tăng, cũng chẳng giảm, cũng chẳng hợp, cũng chẳng tan, đều là chất vốn có, ánh sáng vốn có, mà được thấy rõ.

Phật tử ! Như ao Vô Nhiệt, nơi bốn cửa, chảy ra bốn con sông, rồi nhập vào biển. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, từ bốn biện tài, chảy ra các hạnh, rốt ráo nhập vào biển Nhất thiết trí.

Các vị Phật tử ! Như ao Vô Nhiệt, nơi bốn cửa, chảy ra bốn con sông, rồi nhập vào biển. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, từ bốn biện tài, chảy ra các hạnh, rốt ráo nhập vào biển Nhất thiết trí.

Như sông lớn Hằng Già, từ cửa tượng khẩu màu bạc, chảy ra cát bạc. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng nghĩa biện tài, nói tất cả nghĩa môn mà tất cả Như Lai nói. Sinh ra tất cả pháp trắng thanh tịnh, rốt ráo nhập vào biển trí vô ngại.

Như sông lớn Tư Đà, từ cửa khẩu sủ tử màu kim cương, chảy ra cát kim cương. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng pháp biện tài, vì tất cả chúng sinh nói câu kim cương của Phật, dẫn đến kim cương trí, rốt ráo nhập vào biển trí vô ngại.

Như sông lớn Tín Độ, từ cửa ngu khẩu màu vàng, chảy ra cát vàng. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng huân từ biện thuyết, tùy thuận phương tiện duyên khởi thế gian, khai ngộ chúng sinh, khiến cho họ đều hoan hỉ, điều phục thành thực, rốt ráo nhập vào biển phương tiện duyên khởi.

Như sông lớn Phục sô, từ cửa mã khẩu màu lưu ly, chảy ra cát lưu ly. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng vô tận biện, mưa pháp hàng trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết, khiến cho người nghe, đều được thấm nhuần, rốt ráo nhập vào biển Phật pháp.

Như sông lớn Hằng Già, từ cửa tượng khẩu màu bạc, chảy ra cát bạc. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng nghĩa vô ngại biện tài, nói tất cả nghĩa lý pháp môn mà tất cả Như

Lai nói. Sinh ra tất cả pháp trắng thanh tịnh, rốt ráo nhập vào biển trí huệ vô ngại.

Như sông lớn Tư Đà, từ cửa khẩu sư tử màu kim cương, chảy ra cát kim cương. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng pháp vô ngại biện tài, vì tất cả chúng sinh nói câu kim cương của Phật, dẫn đến kim cương trí trong tự tánh, rốt ráo nhập vào biển trí huệ vô ngại.

Như sông lớn Tín Độ, từ cửa ngưu khẩu màu vàng, chảy ra cát vàng. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng từ vô ngại biện tài, tùy thuận phương tiện duyên khởi thế gian, để khai ngộ chúng sinh, khiến cho họ đều đại hoan hỷ, điều phục tất cả chúng sinh, thành thực tất cả chúng sinh, rốt ráo nhập vào biển phương tiện duyên khởi.

Như sông lớn Phục sô, từ cửa mã khẩu màu lưu ly, chảy ra cát lưu ly. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng nhạo thuyết vô ngại biện tài, nói trăm ngàn ức na do tha bất khả thuyết pháp môn, khiến cho người nghe, đều được thâm nhuần pháp vũ, rốt ráo nhập vào biển pháp của chư Phật.

Như bốn con sông lớn, tùy thuận bao quanh ao Vô Nhiệt rồi, từ bốn phương chảy vào biển. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, thành tựu tùy thuận thân nghiệp, tùy thuận lời nghiệp, tùy thuận ý nghiệp. Thành tựu trí làm tiền đạo thân nghiệp, trí làm tiền đạo lời nghiệp, trí làm tiền đạo ý nghiệp. Bốn phương chảy ra, rốt ráo nhập vào biển Nhất thiết trí.

Phật tử ! Thế nào gọi là bốn phương của Bồ Tát ?

Phật tử ! Đó là thấy tất cả chư Phật mà được khai ngộ. Nghe tất cả pháp thọ trì không quên. Viên mãn tất cả hạnh Ba la mật. Đại bi thuyết pháp, đầy đủ chúng sinh.

Như bốn con sông lớn, tùy thuận phương hướng bao quanh ao lớn Vô Nhiệt rồi, từ bốn phương chảy nhập vào biển. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, thành tựu tùy thuận thân nghiệp, lời nghiệp, ý nghiệp. Thành tựu trí làm tiền đạo thân nghiệp, lời nghiệp, ý nghiệp. Từ bốn phương chảy ra, cuối cùng chảy vào biển Nhất thiết trí.

Các vị Phật tử ! Thế nào gọi là bốn phương của Bồ Tát ?

Các vị Phật tử ! Hãy chú ý lắng nghe, đó là :

1. Bồ Tát thấy được tất cả chư Phật, mà được khai ngộ, minh bạch bản lai diện mục (bộ mặt thật xưa nay).
2. Bồ Tát nghe được tất cả pháp, vì văn, tư, tu, ba huệ viên mãn, cho nên thọ trì không quên.
3. Bồ Tát viên mãn được tất cả hạnh Ba la mật.
4. Bồ Tát dùng đại bi tâm để thuyết pháp, đầy đủ dục vọng của tất cả chúng sinh.

Như bốn con sông lớn, bao quanh ao lớn. Ở trong giữa ao đó, đều đầy đầy hoa ưu bát la, hoa ba đầu ma, hoa câu vật đầu,

hoa phân đà lợi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, ở trong giữa tâm bồ đề, chẳng bỏ chúng sinh, nói pháp điều phục, đều khiến cho viên mãn vô lượng tam muội, thấy cõi nước Phật trang nghiêm thanh tịnh.

Như bốn con sông lớn, bao quanh ao lớn Vô Nhiệt. Ở trong giữa ao đó, đều đầy đầy hoa ưu bát la, hoa ba đầu ma, hoa câu vật đầu, hoa phân đà lợi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, ở trong giữa tâm bồ đề, chẳng bỏ chúng sinh nào, mà vì họ nói đủ thứ pháp, để điều phục chúng sinh cương cứng, đều khiến cho viên mãn vô lượng tam muội, thấy được cõi nước Phật đều trang nghiêm thanh tịnh.

Như ao lớn Vô Nhiệt, có cây báu chung quanh. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, hiện cõi nước Phật chung quanh trang nghiêm, khiến cho các chúng sinh hướng về bồ đề.

Như ao lớn Vô Nhiệt, có đủ thứ cây báu chung quanh tứ phía. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng sức thần thông biến hoá, thị hiện cõi nước chư Phật chung quanh trang nghiêm, khiến cho các chúng sinh hướng về bồ đề giác đạo.

Như ao lớn Vô Nhiệt, bề ngang rộng năm mươi do tuần, thanh tịnh không đục.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tâm bồ đề rộng vô lượng vô biên, căn lành đầy đầy, thanh tịnh không đục.

Như ao lớn Vô Nhiệt, bề ngang rộng năm mươi do tuần, nước rất thanh tịnh không đục. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, phát tâm bồ đề vô lượng vô biên, căn lành đầy đầy pháp giới, thanh tịnh không đục.

Như ao lớn Vô Nhiệt, dùng vô lượng báu trang nghiêm bờ ao, rải hương chiên đàn, đầy khắp trong đó. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng trăm ngàn ức mười thứ trí báu, trang nghiêm bờ bồ đề tâm đại nguyện, khắp rải hương thơm tất cả các điều thiện.

Như ao lớn Vô Nhiệt, dùng vô lượng các báu để trang nghiêm bờ ao, rải hương bột chiên đàn, đầy khắp trong đó. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng trăm ngàn ức mười thứ trí huệ báu, để trang nghiêm bờ bồ đề tâm đại nguyện, khắp rải hương thơm tất cả các điều thiện.

Như ao lớn Vô Nhiệt, đáy ao rải cát vàng, đủ thứ ma ni, xen lẫn trang nghiêm. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, trí huệ vi diệu, quán sát khắp cùng, bất khả tư nghì giải thoát của Bồ Tát, đủ thứ pháp bảo, xen lẫn

trang nghiêm. Được tất cả pháp quang minh vô ngại, trụ chỗ trụ của tất cả chư Phật, vào trong tất cả phương tiện thâm sâu.

Như ao lớn Vô Nhiệt, đáy ao rải đầy cát vàng, đủ thứ châu báu ma ni, xen lẫn để trang nghiêm. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng trí huệ vi diệu, để quán sát khắp cùng, bất khả tư nghì giải thoát của Bồ Tát. Có đủ thứ pháp bảo, xen lẫn trang nghiêm. Được tất cả pháp vô ngại quang minh, trụ nơi cảnh giới chỗ trụ của tất cả chư Phật, vào được trong tất cả pháp môn phương tiện khéo léo thâm sâu.

Như A Na Bà Đạt Đa Long Vương, vĩnh viễn lìa khỏi mọi nhiệt não trong loài rồng. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả ưu não của thế gian. Tuy hiện thọ sinh mà không nhiễm trước.

Như A Na Bà Đạt Đa Long Vương, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả mọi nhiệt não trong loài rồng. Rồng sợ nhất là ánh nắng mặt trời nóng, cho nên khi hành động thì dùng mây để che đỡ. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả ưu sầu phiền não của thế gian. Tuy nhiên thị hiện thọ sinh trong sáu cõi, mà không nhiễm trước tất cả thế gian.

Như bốn con sông lớn, thấm nhuần tất cả đất đai cõi Diêm Phù Đề. Thấm nhuần

rồi, chảy vào trong biển cả. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng sông bốn trí, thấm nhuần trời, người, Sa môn, Bà la môn, khiến cho họ khắp vào biển trí huệ A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, dùng mười thứ lực để trang nghiêm. Những gì là bốn ?

Một là sông nguyện trí, cứu hộ điều phục tất cả chúng sinh, thường không ngừng nghỉ.

Hai là sông trí Ba la mật, tu hạnh bồ đề, lợi ích chúng sinh. Đời quá khứ, vị lai, hiện tại, liên tục vô tận, rốt ráo nhập vào biển trí của chư Phật.

Ba là sông trí tam muội của Bồ Tát, vô số tam muội, dùng để trang nghiêm. Thấy tất cả chư Phật, vào biển chư Phật.

Bốn là sông trí đại bi, đại từ tự tại, cứu khắp chúng sinh. Phương tiện nhiếp lấy, không có ngừng nghỉ. Tu hành môn công đức bí mật, rốt ráo nhập vào biển thập lực.

Như nước bốn con sông lớn, thấm nhuần hết tất cả đất đai cõi Diêm Phù Đề. Thấm nhuần rồi, bèn chảy vào trong biển cả. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng sông bốn thứ trí huệ, để thấm nhuần trời, người, Sa môn, Bà la môn,

khiến cho họ khắp vào biển trí huệ Vô thượng chánh đẳng chánh giác, dùng mười thứ lực để trang nghiêm. Những gì là bốn thứ sông trí ?

1. Sông nguyện trí : Hay cứu hộ tất cả chúng sinh, hay điều phục tất cả chúng sinh, không có lúc nào ngừng nghỉ.

2. Sông trí Ba la mật : Thường tu hạnh bồ đề, để lợi ích tất cả chúng sinh. Đời quá khứ, vị lai, hiện tại, liên tục vô tận, rốt ráo nhập vào biển trí của chư Phật.

3. Sông trí tam muội của Bồ Tát : Dùng vô số vô lượng tam muội, để trang nghiêm. Thấy được tất cả chư Phật, vào biển tất cả chư Phật.

4. Sông trí đại bi : Dùng tâm đại từ tự tại, để khắp cứu độ tất cả chúng sinh. Phương tiện khéo léo để nhiếp lấy tất cả chúng sinh, không có lúc nào ngừng nghỉ. Chuyên tu hành môn công đức bí mật, rốt ráo nhập vào biển thập lực.

Như bốn con sông lớn, từ ao Vô Nhiệt chảy ra rồi, rốt ráo vô tận, nhập vào biển cả. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng đại nguyện lực, tu hạnh Bồ Tát, tự tại tri kiến không cùng tận, rốt ráo nhập vào biển Nhất thiết trí.

Như bốn con sông lớn, từ ao lớn Vô Nhiệt chảy ra rồi, rốt ráo không hết được, mà chảy nhập vào biển cả. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng đại nguyện lực, để tu hạnh

Bồ Tát, nhậm vận tự tại, chánh tri chánh kiến, không có lúc nào hết được, rốt ráo nhập vào biển Nhất thiết trí.

Như bốn con sông lớn, nhập vào biển cả. Không có gì chướng ngại, khiến cho không nhập vào biển. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, thường siêng tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, thành tựu nhất thiết trí huệ quang minh, trụ nơi pháp bồ đề của tất cả chư Phật, nhập vào trí của Như Lai, không có chướng ngại.

Như bốn con sông lớn, nhập vào biển cả. Không có gì chướng ngại được, khiến cho không nhập vào biển. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, thường siêng tu tập hạnh nguyện Bồ Tát Phổ Hiền, thành tựu quang minh nhất thiết trí huệ. Trụ trong pháp bồ đề của tất cả chư Phật, chứng được trí huệ của Như Lai, không có chướng ngại.

Như bốn con sông lớn, chảy thẳng vào biển, trải qua nhiều kiếp, cũng không nhàm mỏi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng hạnh nguyện Phổ Hiền, hết kiếp vị lai, tu Bồ Tát hạnh, vào biển Như Lai, chẳng sinh nhàm mỏi.

Như bốn con sông lớn, chảy thẳng vào biển, trải qua vô số kiếp, cũng không có lúc nào nhàm chán mệt mỏi. Đại

Bồ Tát cũng lại như thế, dùng hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, hết kiếp thuở vị lai, tu Bồ Tát hạnh, vào biển pháp của Như Lai, cũng chẳng sinh tâm nhàm mỏi.

Phật tử ! Như khi mặt trời mọc lên, cát vàng, cát bạc, các kim cương, cát lưu ly, và tất cả đủ thứ báu vật khác trong ao Vô Nhiệt, đều có bóng mặt trời hiện ra trong đó. Những cát vàng, cát bạc, cát kim cương, cát lưu ly, tất cả báu vật, cũng đều lần lượt hiện bóng, chiếu soi lẫn nhau, không có chướng ngại.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, trụ tam muội này, trong mỗi lỗ chân lông thân mình, đều thấy chư Phật Như Lai nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, cũng thấy hết thủy cõi nước đạo tràng chúng hội của các đức Phật đó. Ở chỗ mỗi đức Phật, nghe pháp thọ trì, tin hiểu cúng dường, đều trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết ức Na do tha kiếp, mà chẳng nghĩ nhớ thời tiết dài ngắn, các chúng hội đó cũng không bị chật hẹp.

Các vị Phật tử ! Giống như khi mặt trời mọc lên, thì hết thấy cát vàng, cát bạc, các kim cương, cát lưu ly, và tất

cả đủ thứ báu vật khác trong ao Vô Nhiệt, đều có bóng mặt trời hiện ra trong đó. Hết thấy tất cả cát vàng, cát bạc, cát kim cương, cát lưu ly, tất cả báu vật, mỗi thứ cũng đều lần lượt hiện ra hình bóng, chiếu soi lẫn nhau, không có chướng ngại.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, trụ tam muội này, trong mỗi lỗ chân lông thân mình, đều thấy chư Phật Như Lai nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, cũng thấy hết thấy cõi nước đạo tràng chúng hội của các đức Phật đó. Bồ Tát ở nơi đạo tràng của mỗi đức Phật, nghe Phật nói chánh pháp, thọ trì chánh pháp, tin hiểu Phật pháp, cúng dường Phật, thừa sự Phật, đều trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết ức na do tha kiếp, mà chẳng nghĩ nhớ thời gian dài ngắn, hết thấy mọi người ở trong chúng hội, cũng chẳng cảm giác chật hẹp.

Tại sao ? Vì dùng tâm vi diệu, vào vô biên pháp giới. Vì vào vô đẳng sai biệt nghiệp quả. Vì vào cảnh giới tam muội không nghĩ bàn. Vì vào cảnh giới tư duy không nghĩ bàn. Vì vào cảnh giới tự tại của tất cả chư Phật. Vì được tất cả chư Phật hộ niệm. Vì được đại thần biến của tất cả chư Phật. Vì được mười thứ lực khó được khó biết của các Như Lai. Vì vào cảnh giới hạnh viên mãn của Bồ Tát Phổ Hiền. Vì

được sức thần thông không mệt mỏi của tất cả chư Phật.

Tại sao có những cảnh giới đó ? Do nguyên nhân gì ? Vì dùng tâm vi diệu không thể nghĩ bàn, mà đắc được mười thứ cảnh giới.

1. Vì vào được vô biên pháp giới.
2. Vì vào được nghiệp quả vô đẳng sai biệt.
3. Vì vào được cảnh giới tam muội không thể nghĩ bàn.
4. Vì vào được cảnh giới tư duy không thể nghĩ bàn.
5. Vì vào được cảnh giới tự tại của tất cả chư Phật.
6. Vì được tất cả chư Phật hộ niệm.
7. Vì đắc được đại thần biến của tất cả chư Phật.
8. Vì đắc được mười thứ lực khó được khó biết của tất cả chư Phật.
9. Vì vào được cảnh giới hạnh viên mãn của Bồ Tát Phổ Hiền.
10. Vì đắc được sức thần thông không mệt mỏi của tất cả chư Phật.

Phật tử ! Tuy đại Bồ Tát có thể ở trong định một niệm nhập xuất, nhưng cũng chẳng bỏ thời gian lâu dài ở trong định, cũng chẳng chấp trước.

Tuy nơi cảnh giới không nương trụ, nhưng cũng không xả bỏ tất cả sở duyên.

Tuy khéo vào sát na tế, nhưng vì lợi ích tất cả chúng sinh, mà thị hiện thần thông của Phật, không nhằm đủ.

Tuy đồng vào pháp giới, nhưng không được bờ mé pháp giới.

Tuy vô sở trụ, không có xứ sở, nhưng luôn nhập vào Nhất thiết trí đạo. Dùng sức biến hoá, khắp vào trong chúng vô lượng chúng sinh, trang nghiêm đầy đủ tất cả thế giới.

Tuy lìa phân biệt điên đảo của thế gian, vượt qua sự phân biệt tất cả các địa, cũng không xả bỏ đủ thứ các tướng.

Tuy đầy đủ phương tiện khéo léo, nhưng rốt ráo thanh tịnh.

Tuy không phân biệt các địa của Bồ Tát, nhưng đều đã khéo vào các địa.

Các vị Phật tử ! Tuy đại Bồ Tát đều trụ ở trong định, một niệm có thể nhập, một niệm có thể xuất. Nhập định xuất định, nhập vận tự tại, nhưng cũng chẳng bỏ thời gian lâu dài ở trong định, cũng chẳng chấp trước nơi định. Nhập xuất đều ở trong cảnh giới như như bất động, liễu liễu thường minh.

Tuy Bồ Tát ở trong cảnh giới, cũng không nương tựa cảnh giới, cũng không chấp trụ cảnh giới, nhưng cũng không xả bỏ tất cả sở duyên tiếp cận.

Tuy Bồ Tát có thể nhập định trong thời gian rất ngắn, nhưng vì lợi ích tất cả chúng sinh, mà thị hiện thần thông của chư Phật, không có khi nào nhàm mỏi và đầy đủ.

Tuy Bồ Tát đồng vào pháp giới, nhưng không được bờ mé pháp giới.

Tuy Bồ Tát vô sở trụ, không có xứ sở, nhưng luôn nhập vào đạo Nhất thiết trí. Dùng sức biến hoá, khắp vào vô lượng đại chúng trong chúng sinh, đầy đủ trang nghiêm tất cả thế giới.

Tuy Bồ Tát lìa khỏi tất cả phân biệt điên đảo của thế gian, vượt qua được tất cả địa phân biệt, nhưng Bồ Tát tức thế gian, lìa thế gian, không xả bỏ đủ thứ các tướng, tức cũng là tuy vượt xuất thế gian, nhưng không lìa khỏi tất cả tướng của thế gian.

Tuy Bồ Tát đầy đủ pháp môn phương tiện khéo léo, nhưng rốt ráo là diệu pháp thanh tịnh.

Tuy Bồ Tát không phân biệt các địa của Bồ Tát, nhưng đều đã khéo vào tất cả các địa, đạt được địa vị Đẳng giác (địa vị cao nhất của Bồ Tát).

Phật tử ! Ví như hư không, tuy dung thọ tất cả sự vật, mà lìa có, không. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tuy khắp vào tất cả thế gian, mà lìa tướng thế gian.

Tuy siêng độ tất cả chúng sinh, mà lìa tướng chúng sinh. Tuy biết sâu tất cả các

pháp, mà lìa tưởng các pháp. Tuy thích thấy tất cả chư Phật, mà lìa tưởng chư Phật. Tuy khéo nhập đủ thứ tam muội, mà biết tất cả pháp tự tánh đều như, không có nhiệm trước. Tuy dùng vô biên biện tài, diễn nói vô tận câu pháp, là tâm luôn trụ lìa pháp vẫn tự. Tuy thích quán sát nói pháp không lời, mà luôn thị hiện âm thanh thanh tịnh. Tuy trụ tất cả pháp tế lìa lời nói, mà luôn thị hiện đủ thứ sắc tướng. Tuy giáo hoá chúng sinh, mà biết tất cả pháp rốt ráo tánh không. Tuy siêng tu đại bi, độ thoát chúng sinh, mà biết cõi chúng sinh vô tận vô số.

Tuy thấu đạt pháp giới thường trụ không thay đổi, mà dùng ba luân điều phục chúng sinh, luôn không nghỉ ngơi. Tuy thường an trụ chỗ trụ của Như Lai, mà trí huệ thanh tịnh, tâm không sợ hãi, phân biệt diễn nói đủ thứ các pháp, chuyển bánh xe pháp, thường không nghỉ ngơi.

Các vị Phật tử ! Ví như hư không, tuy dung thọ tất cả sự vật, mà lìa nghĩ tưởng có, không. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tuy Bồ Tát khắp đi đến tất cả thế gian, giáo hoá tất

cả chúng sinh, nhưng lìa tướng thế gian, hành sở vô sự, không chấp tất cả tướng. Tuy Bồ Tát siêng độ tất cả chúng sinh, nhưng lìa tướng chúng sinh. Trong Kinh Kim Cang có nói :

« Tôi phải diệt độ tất cả chúng sinh,
Diệt độ tất cả chúng sinh rồi,
Mà không có một chúng sinh thật diệt độ ».

Đây là lìa tướng chúng sinh. Tuy Bồ Tát biết sâu tất cả các pháp, nhưng lìa tướng các pháp, nghĩa là không chấp nơi pháp, không chấp về tướng. Tuy Bồ Tát thích thấy tất cả mười phương chư Phật ba đời, nhưng lìa tướng chư Phật. Tuy Bồ Tát khéo nhập đủ thứ tam muội, nhưng biết tự tánh của tất cả các pháp đều không chỗ có, không chấp trước, đã đạt đến cảnh giới chẳng chấp trước, không nhiễm trước. Tuy Bồ Tát dùng vô biên biện tài, diễn nói vô tận câu pháp, nhưng tâm luôn trụ nơi pháp lìa văn tự. Do đó :

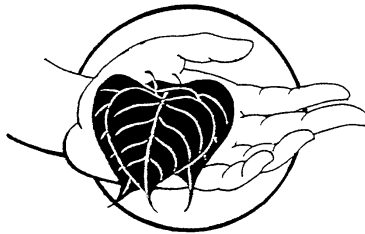
« Lìa tướng lời nói,
Lìa tướng văn tự,
Lìa tướng duyên tâm ».

Tuy Bồ Tát hoan hỉ quán sát nói pháp không lời, tức cũng là pháp vắng lặng, nhưng luôn thị hiện âm thanh thanh tịnh, vì chúng sinh diễn nói diệu pháp. Tuy Bồ Tát trụ tất cả pháp tế lìa lời nói, nhưng luôn thị hiện đủ thứ sắc tướng, tức cũng là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân. Tuy Bồ Tát giáo hoá tất cả chúng sinh, nhưng biết tất cả pháp rốt ráo tánh không. Tuy Bồ Tát siêng tu đại bi tâm, độ thoát tất cả chúng sinh, nhưng biết cõi chúng sinh vô tận vô số, chúng sinh tuy nhiên độ không

hết, nhưng vẫn phải độ. Tuy Bồ Tát thấu đạt pháp giới thường trụ không thay đổi, nhưng dùng ba luân (thân, miệng, ý) để điều phục chúng sinh càng cường, luôn không nghỉ ngơi. Tuy Bồ Tát thường an trụ quả vị chỗ trụ của Như Lai, nhưng trí huệ thanh tịnh, tâm không sợ hãi, phân biệt diễn nói được đủ thứ diệu pháp, chuyển được bánh xe pháp vô thượng, thường không nghỉ ngơi.

Phật tử ! Đó là đại tam muội Trí thiện xảo pháp giới tự tại thứ chín của đại Bồ Tát.

Các vị Phật tử ! Đó là đại tam muội Trí huệ thiện xảo pháp giới tự tại thứ chín của đại Bồ Tát tu.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYỂN BỐN MƯƠI BA

PHẨM THẬP ĐỊNH THỨ HAI MƯƠI BẢY
THỨ MƯỜI, TAM MUỘI VÔ NGẠI LUÂN

Phật tử ! Thế nào là tam muội Vô ngại luân của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là tam muội Vô ngại luân của đại Bồ Tát nên tu hành ?

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát nhập tam muội này, thì trụ thân nghiệp vô ngại, lời nghiệp vô ngại, ý nghiệp vô ngại. Trụ cõi Phật vô ngại, được trí vô ngại thành tựu chúng sinh, được trí vô ngại điều phục chúng sinh. Phóng quang minh vô ngại, hiện lưới quang minh vô ngại, thị hiện biến hoá rộng lớn vô ngại, chuyên bánh xe pháp thanh tịnh vô ngại. Được tự tại vô ngại của Bồ Tát, khắp vào lực của chư Phật, khắp trụ trí huệ của chư Phật, làm những gì

Phật làm, tịnh những gì Phật tịnh, hiện thần thông của Phật, khiến cho Phật hoan hỉ. Thực hành những gì Phật thực hành, trụ đạo của Như Lai. Thường được gần gũi vô lượng chư Phật, làm các Phật sự, tiếp nối hạt giống của chư Phật.

Các vị Phật tử ! Vị đại Bồ Tát này tu hành Bồ Tát đạo, viên mãn lục độ vạn hạnh, tích tụ đủ thứ căn lành. Khi Ngài chứng được tam muội Vô ngại luân, trụ nơi thân nghiệp vô ngại, trụ nơi lời nghiệp vô ngại, trụ nơi ý nghiệp vô ngại. Trụ cõi Phật vô ngại, đắc được trí huệ thành tựu chúng sinh không chướng ngại, đắc được trí huệ điều phục chúng sinh không chướng ngại. Phóng ra trí huệ quang minh không chướng ngại, hiện ra lưới quang minh trí huệ không chướng ngại, thị hiện biến hoá rộng lớn không chướng ngại, thường chuyển bánh xe pháp thanh tịnh không chướng ngại. Đắc được nhậm vận tự tại không chướng ngại của Bồ Tát.

Vị Bồ Tát này lại khắp vào mười lực của tất cả chư Phật, lại khắp trụ trí huệ của tất cả chư Phật, lại làm những gì mà tất cả chư Phật làm, lại thanh tịnh cõi nước mà tất cả chư Phật thanh tịnh, lại thị hiện thần thông của tất cả chư Phật, khiến cho mười phương chư Phật hoan hỉ tán thán. Lại thực hành những gì Phật thực hành, lại trụ đạo của tất cả chư Phật. Lại thường được gần gũi vô lượng chư Phật, lại thường làm việc của tất cả chư Phật, lại tiếp nối hạt giống của tất cả chư Phật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này rồi, quán nhất thiết trí, tổng quán nhất thiết trí, biệt quán nhất thiết trí. Tùy thuận nhất thiết trí, hiển bày nhất thiết trí, phan duyên nhất thiết trí. Thấy nhất thiết trí, tổng thấy nhất thiết trí, biệt thấy nhất thiết trí.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này rồi, hay quán sát nhất thiết trí huệ. Lại hay tổng quát để quán sát nhất thiết trí huệ. Lại hay phân biệt để quán sát nhất thiết trí huệ. Lại hay tùy thuận nhất thiết trí huệ. Lại hay hiển bày nhất thiết trí huệ. Lại hay phan duyên nhất thiết trí huệ. Lại hay thấy được nhất thiết trí huệ. Lại hay tổng quát thấy được nhất thiết trí huệ. Lại hay phân biệt thấy được nhất thiết trí huệ.

Nơi Bồ Tát Phổ Hiền, nguyện rộng lớn, tâm rộng lớn, hạnh rộng lớn, thú hưởng rộng lớn, sở nhập rộng lớn, quang minh rộng lớn, xuất hiện rộng lớn, hộ niệm rộng lớn, biến hoá rộng lớn, đạo rộng lớn, không dứt, không lùi, không nghỉ, không đổi, không mệt, không bỏ, không tán, không loạn, thường tăng tấn, luôn liên tục.

Tại sao ? Vì đại Bồ Tát này ở trong các pháp, thành tựu nguyện lớn, phát tâm tu hành đại thừa, vào biển đại phương tiện Phật pháp, dùng nguyện lực thù thắng, nơi hạnh của các Bồ Tát tu hành, trí huệ chiếu sáng, đều được khéo léo. Đây đủ thần thông biến hoá của Bồ Tát, khéo hộ niệm tất cả chúng sinh, như tất cả chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hộ niệm, đối với các chúng sinh luôn khởi tâm đại bi, thành tựu pháp không biến đổi của Như Lai.

Nơi Bồ Tát Phổ Hiền, nguyện lực rộng lớn, tâm rộng lớn, tu hành rộng lớn, thú hưởng rộng lớn, sở nhập rộng lớn, quang minh rộng lớn, xuất hiện rộng lớn, hộ niệm rộng lớn, biến hoá rộng lớn, đạo rộng lớn, cũng không dứt hẳn, cũng không thối lùi, cũng không nghỉ ngơi, cũng không biến đổi, không mệt mỏi, không xả bỏ, không tán mất, không mê loạn, thường tinh tấn hướng về trước, siêng tu đạo của Bồ Tát tu, thường liên tục không dứt, không nghỉ ngơi.

Đây là nguyên nhân gì ? Vì vị đại Bồ Tát này đối với tâm bồ đề, luôn luôn tăng tấn, liên tục không ngừng. Cho nên, ở trong tất cả các pháp, thành tựu nguyện lớn đã phát ra, phát tâm bồ đề đại thừa, vào biển đại phương tiện Phật pháp, dùng nguyện lực thù thắng, đối với hạnh môn của tất cả Bồ Tát tu hành, dùng trí huệ để chiếu sáng, đều được

pháp phương tiện khéo léo. Đầy đủ hết thảy thần thông biến hoá của tất cả Bồ Tát, khéo hộ niệm tất cả chúng sinh, như tất cả chư Phật ba đời quá khứ vị lai hiện tại hộ niệm. Đối với hết thảy tất cả chúng sinh, luôn sinh tâm đại bi, thành tựu pháp không biến đổi, tùy duyên không đổi, không đổi tùy duyên của chư Phật.

Phật tử ! Ví như có người, dùng ma ni báu để vào trong y phục màu sắc. Ma ni báu đó, tuy đồng với màu sắc y phục, mà không bỏ tự tánh. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, thành tựu trí huệ dùng làm tâm báu. Quán nhất thiết trí đều hiện rõ khắp, mà không bỏ các hạnh của Bồ Tát.

Tại sao ? Vì đại Bồ Tát phát đại thệ nguyện, lợi ích tất cả chúng sinh, độ thoát tất cả chúng sinh, thừa sự tất cả chư Phật, nghiêm tịnh tất cả thế giới, an ổn chúng sinh, vào sâu biển pháp. Vì tịnh cõi chúng sinh, mà hiện đại tự tại, thí cho chúng sinh, chiếu khắp thế gian, vào vô biên pháp môn huyền hoá, chẳng thôi chuyển, chẳng mỗi nhàm.

Các vị Phật tử ! Ví như có người, dùng châu báu ma ni báu để vào trong y phục màu sắc. Ánh sáng châu báu ma

ni đó, tuy đồng với màu sắc y phục, nhưng tự tánh của châu báu vẫn tồn tại, chẳng bỏ đi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, thành tựu đại trí đại huệ dùng làm tâm báu. Dùng diệu quán sát trí để quán sát nhất thiết trí, đều hiện rõ khắp, mà không bỏ các hạnh của Bồ Tát tu. Đây là nguyên nhân gì ? Vì đại Bồ Tát phát đại bốn hồng thệ nguyện :

« Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành ».

Nguyện lợi ích tất cả chúng sinh, độ thoát tất cả chúng sinh. Thừa sự mười phương ba đời tất cả chư Phật, trang nghiêm thanh tịnh tất cả thế giới. An ổn chúng sinh, khiến cho họ vào sâu biển pháp tánh của tất cả chư Phật. Vì thanh tịnh cõi chúng sinh, mà thị hiện cảnh giới đại tự tại vô ngại. Thường hành bố thí cho chúng sinh, khiến cho họ được pháp ích. Dùng trí huệ quang minh để chiếu khắp tất cả thế gian, khiến cho đen tối thành ánh sáng. Khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được đại trí huệ. Bồ Tát biết tất cả đều như huyễn, như hoá, cho nên chẳng chấp trước vào bất cứ sự việc gì. Hay vào vô biên pháp môn huyễn hoá, chẳng thối chuyển, chẳng mỗi nhàm, quán triệt thủy chung, hành Bồ Tát đạo, cứu chúng sinh thoát khỏi biển khổ.

Phật tử ! Ví như hư không chi trì các thế giới. Hoặc thành, hoặc trụ, không nhàm, không mỏi, không gãy, không hư, không tan, không hoại, không đổi, không

khác, không có khác biệt, chẳng bỏ tự tánh. Tại sao ? Vì tự tánh hư không là như vậy. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, lập vô lượng đại nguyện, độ tất cả chúng sinh, tâm không nhàm mỏi.

Các vị Phật tử ! Ví như hư không, hay chi trì hết thủy thế giới, hoặc thế giới thành, hoặc thế giới trụ, hoặc thế giới hoại, hoặc thế giới không. Trong tự tánh của hư không chẳng có nhàm chán, chẳng có mỗi mảy; không có gầy ốm, không có hư mục, không tan mất, không phá hoại; không biến đổi, không có hai dạng. Bất cứ trong tình huống nào, hư không chẳng có tâm phân biệt, cũng chẳng có bỏ lia tự tánh. Tại sao ? Vì tự tánh hư không là như vậy. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, phát ra vô lượng đại nguyện, độ thoát tất cả chúng sinh, đó là bản phận của Bồ Tát, độ thoát chúng sinh làm sự nghiệp. Tuy độ chúng sinh, mà không chấp trước độ chúng sinh, vì hành sở vô sự, cho nên tâm không nhàm mỏi.

Phật tử ! Ví như Niết Bàn, quá khứ vị lại hiện tại vô lượng chúng sinh, ở trong sự diệt độ, mà trọn không nhàm mỏi. Tại sao ? Vì tất cả các pháp bản tánh thanh tịnh, đó là Niết Bàn, làm sao trong đó có sự nhàm mỏi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh, khiến cho

họ đều thoát khỏi, mà hiện ra đời, sao lại khỏi tâm nhàm mõi.

Các vị Phật tử ! Ví như Niết Bàn (không sinh không diệt), trong quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời vô lượng chúng sinh, đều ở trong sự diệt độ, mà trọn không nhàm mõi. Tại sao ? Vì bốn tánh của tất cả các pháp thanh tịnh không nhiễm, đó là Niết Bàn. Tức nhiên là thanh tịnh, sao lại có sự nhàm mõi ? Nếu có sự nhàm mõi thì chẳng thanh tịnh, chẳng thanh tịnh thì có sinh tử, thanh tịnh thì không sinh tử. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều thoát khỏi ba cõi, cho nên Bồ Tát mới thị hiện ra đời. Tức nhiên là cam tâm tình nguyện vô điều kiện để độ chúng sinh, sao lại có tâm nhàm mõi ?

**Phật tử ! Như Tát bà nhạ, hay khiến
tất cả Bồ Tát quá khứ vị lai hiện tại, đã
sinh, sẽ sinh, đang sinh vào nhà chur Phật,
cho đến khiến cho thành tựu vô thượng bồ
đề, trọn không nhàm mõi. Tại sao ? Vì
nhất thiết trí với pháp giới không hai, vì
nơi tất cả pháp không chấp trước. Đại Bồ
Tát cũng lại như thế, tâm của Ngài bình
đẳng, trụ nhất thiết trí, sao lại có tâm
nhàm mõi.**

Phật tử ! Như Tát bà nhạ (nhất thiết trí), hay khiến
tất cả Bồ Tát trong quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời, đều sinh

vào trong nhà của chư Phật, hoặc đã sinh vào nhà của chư Phật, hoặc vị lai sẽ sinh vào nhà của chư Phật, hoặc hiện tại đang sinh vào nhà chư Phật, cho đến khiến cho tất cả chúng sinh thành tựu vô thượng bồ đề, trọn không nhầm mỗi. Tại sao ? Vì thể tánh của nhất thiết trí và pháp giới là một chẳng phải hai. Người có trí huệ, chẳng chấp vào tất cả các pháp, tức cũng là không có pháp chấp. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tâm của Ngài bình đẳng, trụ nơi nhất thiết trí, thì làm sao lại có tâm nhầm mỗi ? Tuyệt đối không có.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này có một hoa sen. Hoa sen đó rộng lớn, tận cùng bờ mé mười phương. Dùng bất khả thuyết lá, bất khả thuyết báu, bất khả thuyết hương, để trang nghiêm. Bất khả thuyết báu đó, mỗi thứ lại thị hiện đủ thứ các báu, thanh tịnh tốt đẹp, rất khéo an trụ.

Hoa sen đó thường phóng ra các màu sắc quang minh, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới, không có sự chướng ngại. Vàng thật làm lưới, giăng che phía trên. Linh báu lay động vang ra âm thanh vi diệu, âm thanh đó diễn xướng pháp nhất thiết trí.

Các vị Phật tử ! Vị đại Bồ Tát này, Ngài có một đoá hoa sen lớn. Hoa sen đó đặc biệt rộng lớn, thể tích của nó

tận cùng bờ mé mười phương. Dùng bất khả thuyết lá, và bất khả thuyết báu, cùng với bất khả thuyết hương, để trang nghiêm hoa sen lớn đó. Trong bất khả thuyết báu đó, mỗi thứ lại thị hiện đủ thứ các báu, thanh tịnh không nhiễm, tốt đẹp trang nghiêm, rất khéo an trụ.

Hoa sen đó thường phóng ra các màu sắc quang minh, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới, không có mọi sự chướng ngại. Dùng vàng thật làm lưới báu, giăng che phía trên hoa sen lớn đó. Phía trên hoa sen báu đó, lại có vô lượng linh báu lay động nhẹ nhàng, vang ra âm thanh vi diệu rất êm tai, khiến cho tất cả chúng sinh nghe được âm thanh này, tâm rất hoan hỉ, quên mất phiền não, quên luôn sự đói khát. Tại sao ? Vì tinh thần tập trung lắng nghe âm thanh hay, cho nên mới có cảnh giới đó. Trong âm thanh đó, diễn xướng pháp nhất thiết trí, khiến cho người nghe phát tâm Bồ đề, hành Bồ Tát đạo, khai mở đại trí huệ.

Hoa sen lớn đó, đầy đủ thanh tịnh trang nghiêm của Như Lai. Do tất cả căn lành sinh ra, tiêu biểu sự cát tường, sự hiển hiện thần lực. Có mười ngàn A tăng kỳ công đức thanh tịnh. Chỗ thành tựu diệu đạo của Bồ Tát, chỗ chảy ra tâm nhất thiết trí. Hình bóng mười phương chư Phật, hiển hiện ra trong đó. Thế gian chiêm ngưỡng, giống như tháp của Phật. Chúng sinh thấy được, thấy đều lễ kính. Từ chỗ

thấu rõ chánh pháp huyễn sinh ra, tất cả thế gian không thể ví dụ được. Đại Bồ Tát ngồi kiết già trên hoa sen đó, thân Ngài không lớn nhỏ, rất tương xứng với hoa sen.

Đóa hoa sen lớn đó, đầy đủ sự thanh tịnh trang nghiêm của chư Phật. Đó là do tất cả căn lành sinh ra, tiêu biểu bên ngoài để quán, hoa sen đó cát tường dị thường, đó là thần lực của Bồ Tát hiện ra, cũng nhờ mười phương chư Phật gia bị sở hiện. Đóa hoa sen lớn đó, có mười ngàn A tăng kỳ công đức thanh tịnh thành tựu, cũng là sự tu hành lục độ vạn hạnh của Bồ Tát thành tựu. Đó là từ tâm nhất thiết trí chảy ra. Hình bóng của mười phương chư Phật, đều hiển hiện ra trong hoa sen. Tất cả chúng sinh thế gian chiêm ngưỡng đóa hoa sen lớn đó, giống như bảo tháp của Phật. Hết thấy chúng sinh, phàm thấy được đóa hoa sen đó, thấy đều cung kính lễ bái. Đóa hoa sen đó là từ chỗ thấu rõ chánh pháp huyễn sinh ra, tất cả lời lẽ và văn tự thế gian không cách chi hình dung, không thể nào ví dụ được.

Người có duyên, mới nghe được Phật pháp, mà sinh tín tâm. Người không có duyên, nghe pháp cũng không sinh tâm tin, chẳng gần gũi thiện tri thức. Do đó :

« Nước mưa tuy nhiều,
Nhưng không thấm nhuần cây không rễ
Cửa Phật tuy rộng,
Nhưng khó độ người vô duyên ».

Người có căn lành, mới có cơ hội nghe được Phật pháp; người chẳng có căn lành, không thể nghe được Phật pháp. Chúng ta đều là người có căn lành, vì kiếp trước đã

tu căn lành, cho nên đời này nghe được chánh pháp. Hiện tại phải thương tiếc căn lành, phải tài bồi căn lành, khiến cho nó sinh rễ, khiến cho nó nở hoa, khiến cho nó kết quả. Cũng có nghĩa là khiến cho căn lành của mình tăng trưởng, khiến cho căn lành của mình thành thực. Khi căn lành thành thực thì liền được giải thoát.

Đại Bồ Tát ngồi kiết già trên hoa sen báu lớn đó, thân Ngài lớn nhỏ, rất tương xứng với hoa sen. Tóm lại, hoa sen lớn bao nhiêu, thì thân Bồ Tát lớn bấy nhiêu, đó là biểu thị tự nội mà quán, lượng chu sa giới; tự ngoại mà quán, hộ chúng quán xem. Cho nên, cảnh giới tức nhỏ tức lớn.

Ngồi kiết già còn gọi là ngồi kim cang, còn gọi là ngồi hoa sen, còn gọi là ngồi tu di, tuy nhiên danh từ khác nhau, nhưng tư thế đều giống nhau, tác dụng như nhau. Pháp ngồi này, sinh ra tất cả chánh định, sinh ra tất cả chánh thọ. Từ trong sự ngồi kiết già này, sinh ra trăm ngàn vạn ức môn tam muội.

Tại sao gọi là ngồi kim cang ? Vì tư thế ngồi này rất là kiên cố, hay hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo. Dùng định thắng động, dùng định thắng loạn, vì định lực này, vượt qua tất cả pháp thuật của ma vương (còn gọi là ngồi hàng ma). Nếu ngồi được kiết già, thì sẽ có cảnh giới như như bất động, rõ ràng sáng suốt. Tự nhiên sinh ra đại định Lăng Nghiêm, vì định lực này từ trong tâm kim cang sinh ra, nên gọi là ngồi kim cang.

Tại sao gọi là ngồi hoa sen ? Vì tư thế ngồi giống như hoa sen. Lại vì thường ngồi trên hoa sen, biểu thị thân nhẹ mà có định lực. Lại có ý nghĩa thủ hoa sen tặng thế giới, nên gọi là ngồi hoa sen, còn gọi là ngồi cát tường.

Tại sao gọi là ngôi tu di ? Vì tư thế ngôi này, giống như núi Tu Di, an ổn bất động, lớn mà không ngoài, nhỏ mà chẳng trong. Tận hư không khắp pháp giới, đầy đầy quang minh, nên gọi là ngôi tu di.

Được thần lực của tất cả chư Phật gia bị, khiến cho mỗi lỗ chân lông trên thân Bồ Tát, đều phóng ra quang minh nhiều như số hạt bụi trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi quang minh, đều hiện ra ma ni báu nhiều như số hạt bụi trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Các ma ni báu đó đều gọi là phổ quang minh minh tạng, đủ thứ sắc tướng dùng để trang nghiêm. Thành tựu vô lượng công đức, các báu và hoa dùng làm lưới la, giăng che phía trên. Rải trăm ngàn ức Na do tha hương thơm thù thắng, có vô lượng sắc tướng đủ thứ sự trang nghiêm. Lại hiện lộng báu trang nghiêm không nghĩ bàn để che phía trên.

Được thần lực của tất cả mười phương chư Phật ba đời gia bị, khiến cho mỗi lỗ chân lông trên toàn thân Bồ Tát, đều phóng ra quang minh. Trong mỗi lỗ chân lông, đều phóng ra quang minh, nhiều như số hạt bụi trăm ngàn

ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Trong mỗi luồng quang minh, lại hiện ra ma ni báu nhiều như số hạt bụi trăm ngàn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Các ma ni báu đó, đều đồng một tên, đều gọi là phổ quang minh minh tạng. Quang minh đó, chiếu khắp mười phương bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới, chúng sinh ở trong mỗi thế giới, thọ được quang minh đó chiếu sáng, không lâu liền thành tựu Phật đạo.

Các ma ni báu đó, phóng ra đủ thứ vô lượng quang minh. Dùng đủ thứ sắc tướng dùng để trang nghiêm. Cảnh giới đó, do Bồ Tát tu vô lượng công đức mà thành tựu. Dùng các báu và hoa để làm lưới la, giăng che phía trên hoa sen báu lớn, khắp rải trăm ngàn ức na do tha hương thơm đặc biệt thù thắng. Vô lượng sắc tướng có đủ thứ sự trang nghiêm. Lại hiện lọng báu trang nghiêm không thể nghĩ bàn, ở trong hư không để che phía trên hoa sen báu lớn.

Mỗi ma ni báu, đều hiện lâu các nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi lâu các, lại hiện ra toà sư tử liên hoa tạng, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Mỗi toà sư tử, lại hiện ra quang minh, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi quang minh, lại hiện ra sắc tướng, nhiều như số

hạt bụi trăm vạn ức bất khả thuyết cõi Phật.

Mỗi sắc tướng, lại hiện ra quang minh luân, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi quang minh luân, lại hiện ra hoa báu ma ni tỳ lô giá na, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Mỗi hoa báu, lại hiện ra đài, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi đài, lại hiện ra chư Phật, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Mỗi vị Phật, lại hiện thần biến, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi thần biến, thanh tịnh cõi chúng sinh, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Trong mỗi hạt ma ni báu, đều hiện ra lầu các nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Trong mỗi lầu các, lại hiện ra toà sư tử liên hoa tạng, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Trong mỗi toà sư tử, lại hiện ra quang minh, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Trong mỗi quang minh, lại hiện ra sắc tướng, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức bất khả thuyết cõi Phật.

Trong mỗi thứ sắc tướng, lại hiện ra quang minh luân, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Trong mỗi quang minh luân, lại hiện ra hoa báu ma ni tỳ lô giá na, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Trong mỗi đoá hoa báu, lại hiện ra đài, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Trong mỗi toà đài, lại hiện ra chư Phật, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Trong mỗi vị Phật, lại hiện thân biến, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Trong mỗi thứ thân biến, thanh tịnh cõi chúng sinh, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Trong mỗi chúng sinh, lại hiện ra tự tại của chư Phật, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi tự tại, mưa Phật pháp, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Mỗi Phật pháp, lại có Tu đa la, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi Tu đa la, diễn nói

pháp môn, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Mỗi pháp môn, lại có kim cang trí nhập vào pháp luân, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật, những lời lẽ đều khác biệt, đều diễn nói khác nhau. Mỗi pháp luân, thành thực cõi chúng sinh, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Mỗi cõi chúng sinh, lại có chúng sinh, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết cõi Phật, ở trong Phật pháp được điều phục.

Ở trong mỗi chúng sinh, lại hiện ra tự tại của chư Phật, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Ở trong mỗi thứ tự tại, mưa Phật pháp, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Ở trong mỗi Phật pháp, lại có Tu đà la (kinh điển), nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật. Ở trong mỗi Tu đà la, diễn nói pháp môn, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Ở trong mỗi thứ pháp môn, lại có kim cang trí, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật, chúng được pháp luân, lời lẽ khác biệt, đều diễn nói

khác nhau. Ở trong mỗi pháp luân, thành thực cõi chúng sinh, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật.

Ở trong mỗi cõi chúng sinh, lại có chúng sinh, nhiều như số hạt bụi trăm vạn ức na do tha bất khả thuyết cõi Phật, ở trong Phật pháp được điều phục. Những cảnh giới ở trên, sum la vạn tượng, thật là không thể nghĩ bàn.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, thị hiện cảnh giới thần thông như vậy, vô lượng sự biến hoá, đều biết như huyền, nên không chấp trước. An trụ vô biên bất khả thuyết pháp, tự tánh thanh tịnh, pháp giới thật tướng. Trong chũng tánh không bờ mé của Như Lai, không đến, không đi, chẳng trước, chẳng sau, thâm sâu không đáy. Hiện lượng sở đắc, dùng trí tự vào, chẳng do người khác mà ngộ, tâm chẳng mê loạn, cũng không phân biệt.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát khi trụ tam muội này, thị hiện cảnh giới thần thông như vậy, diệu dụng biến hoá, tự có hoá không, tự không hoá có, vô lượng vô biên. Bồ Tát đều biết tất cả sự biến hoá, như huyền như hoá, cho nên không nhiễm trước, không tham luyến, an trụ trong vô biên bất khả thuyết pháp. Tự tánh là thanh tịnh, pháp giới là thật tướng. Thật tướng là tướng như thật, cũng là vô tướng, tướng không hư vọng, nhưng vô sở bất tướng. Chúng được

chúng tánh của Như Lai, ở trong cảnh giới chẳng có chướng ngại, cũng không đến, cũng không đi, cũng chẳng trước, cũng chẳng sau, pháp đó thâm sâu không đáy. Dùng hiện lượng sở đắc, dùng trí huệ mà tự vào, chẳng phải do người khác giúp đỡ mà khai ngộ, tâm của Bồ Tát chẳng mê loạn, cũng không phân biệt.

Được tất cả chư Phật quá khứ vị lai hiện tại khen ngợi, từ lực của chư Phật chảy ra, vào tất cả cảnh giới của chư Phật, thể tánh như thật. Mắt thanh tịnh hiện chứng, mắt trí huệ thấy khắp, thành tựu mắt của Phật, làm đèn sáng cho thế gian. Tu hành mắt trí huệ, biết được cảnh giới, rộng khai thị pháp môn vi diệu.

Cảnh giới của Bồ Tát, được tất cả chư Phật mười phương, quá khứ, vị lai, hiện tại, khen ngợi tán thán. Là từ sức đại oai đức của tất cả chư Phật chảy ra, nhập vào trong cảnh giới của tất cả chư Phật. Thể tánh là chân thật, không có hư vọng. Mắt pháp thanh tịnh hiện chứng, mắt trí huệ thấy khắp, thành tựu mắt của Phật, làm đèn sáng cho thế gian. Tu hành mắt trí huệ, biết được cảnh giới, rộng vì tất cả chúng sinh khai thị pháp môn vi diệu không thể nghĩ bàn.

Thành tựu tâm bồ đề, hướng về trượng phu thù thắng. Nơi các cảnh giới,

chẳng có chướng ngại. Vào trí huệ chủng tánh, sinh ra các trí huệ. Là sinh pháp thế gian, mà hiện thọ sinh. Thần thông biến hoá, điều phục tất cả như vậy, đều là phương tiện khéo léo.

Bồ Tát thành tựu tâm bồ đề, hướng về đại trượng phu thù thắng. Đối với tất cả cảnh giới, chẳng có chướng ngại. Vào trí huệ chủng tánh, sinh ra nhất thiết trí huệ. Tuy nhiên li khỏi pháp sinh tử thế gian, nhưng vẫn còn thị hiện tướng thọ sanh tử. Dùng đủ thứ thần thông biến hoá, phương tiện để điều phục chúng sinh, tất cả như vậy đều là phương tiện khéo léo.

Công đức thấu hiểu mong muốn, thấy đều thanh tịnh, vi diệu tối cực, đầy đủ viên mãn. Trí huệ rộng lớn như hư không. Khéo quán sát cảnh giới của các bậc Thánh. Tin hành nguyện lực, kiên cố bất động. Công đức vô tận, được thế gian khen ngợi.

Nơi tạc chỗ quán của tất cả chư Phật, nơi đại bồ đề, biến nhất thiết trí, tích tập các báu đẹp, làm bậc đại trí. Như hoa sen, tự tánh thanh tịnh. Chúng sinh thấy được, đều sinh hoan hỷ, đều được lợi ích. Trí huệ

quang minh chiếu khắp, thấy vô lượng chư Phật, tịnh tất cả pháp.

Bồ Tát đối với công đức, sự thấu hiểu, sự hy vọng, thấy đều thanh tịnh. Nói tóm lại, dù ở trong pháp nhiệm ô, cũng tu pháp thanh tịnh. Chỗ vi diệu đến chỗ tối cực nhất, lại đầy đủ lại viên mãn. Nhất thiết rí huệ rộng lớn vô biên, giống như hư không, bao la vạn hữu. Do đó : « Chân không diệu hữu, diệu hữu chân không ». Bồ Tát khéo quán sát cảnh giới của các bậc Thánh, tức cũng là cảnh giới của Phật Bồ Tát. Đầy đủ tâm tin và nguyện lực tu hành, kiên cố bất động. Do đó : « Tám gió thổi không lay ». Công đức của Bồ Tát vô cùng vô tận, được tất cả chúng sinh thế gian khen ngợi. Đối với tất cả tạng pháp chỗ quán của tất cả chư Phật, nơi đại bồ đề, biến pháp nhất thiết trí, tích tập tất cả căn lành báu đẹp, làm bậc đại trí. Giống như hoa sen lớn, tự tánh của nó thanh tịnh. Nếu chúng sinh thấy được hoa sen thanh tịnh, đều sinh tâm hoan hỷ, đều đắc được lợi ích đáng được. Trí huệ quang minh chiếu khắp tất cả chúng sinh, thấy được mười phương vô lượng chư Phật, thanh tịnh tất cả các pháp.

Tu hành tịch tĩnh, nơi các Phật pháp, rốt ráo vô ngại. Luôn dùng phương tiện, trụ Phật bồ đề, trong công đức tu hành, được sinh ra. Đủ trí huệ của Bồ Tát, làm Bồ Tát thượng thủ, được tất cả chư Phật cùng hộ niệm, được oai thần của Phật,

thành tựu pháp thân Phật, niệm lực khó nghĩ bàn, nơi cảnh một duyên mà vô sở duyên. Bồ Tát tu hành rộng lớn, vô tướng vô ngại, đồng với pháp giới, vô lượng vô biên. Bồ đề chứng được như hư không, chẳng có bờ mé, không có ràng buộc chấp trước.

Bồ Tát tu hành đều là pháp tịch tĩnh, đối với tất cả Phật pháp, được rớt ráo không chướng ngại. Thường dùng phương tiện khéo léo, trụ nơi bồ đề giác đạo của Phật. Hết thấy công đức của Phật, ở trong sự tu hành, được sinh ra diệu quả bồ đề. Nếu đầy đủ trí huệ viên mãn của Bồ Tát, thì làm Bồ Tát thượng thủ, được tất cả chư Phật mười phương cùng đến hộ niệm, được đại oai thần lực của Phật, thành tựu pháp thân của Phật, đầy khắp tất cả mọi nơi. Niệm lực của Bồ Tát là khó nghĩ bàn, nơi mỗi một thứ cảnh giới và mỗi một thứ duyên, chẳng phan duyên. Bồ Tát tu hành rộng lớn vô biên, chẳng có tướng, cũng chẳng có chướng ngại, đồng với pháp giới, vô lượng vô biên. Bồ đề chứng được như hư không, chẳng có bờ mé, không có ràng buộc chấp trước.

Trong các thế gian, khắp làm lợi ích. Từ biển nhất thiết trí căn lành chảy ra, đều thông đạt vô lượng cảnh giới, đã khéo thành tựu pháp bố thí thanh tịnh, trụ tâm Bồ Tát, tịnh hạt giống Bồ Tát, tùy thuận

sinh ra bồ đề của chư Phật. Nơi các Phật pháp đều được khéo léo, đủ hạnh vi diệu, thành tựu sức kiên cố.

Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh thế gian, khắp làm lợi ích. Đó là do biện nhất thiết trí sở tu căn lành chảy ra, hoàn toàn viên mãn vô ngại, thông đạt vô lượng cảnh giới của chư Phật, đã khéo thành tựu pháp môn bố thí thanh tịnh, thường trụ tâm từ bi của Bồ Tát, thanh tịnh hạt giống Bồ Tát, hay tùy thuận tu hành, sinh ra bồ đề giác đạo của chư Phật. Đối với tất cả đều đắc được phương tiện khéo léo, đầy đủ hạnh môn vi diệu, thành tựu sức kiên cố.

Tự tại oai thần của tất cả chư Phật, chúng sinh khó nghe được, Bồ Tát đều biết, vào môn không hai. Trụ pháp vô tướng, nhưng lại vĩnh viễn xả bỏ tất cả các tướng, mà rộng nói đủ thứ các pháp. Tùy thuận tâm ưa muốn hiểu biết của các chúng sinh, đều khiến cho họ điều phục, đều khiến cho họ hoan hỉ.

Tự tại oai thần của tất cả chư Phật mười phương ba đời, chúng sinh khó nghe khó biết, chỉ có Đẳng giác Bồ Tát mới biết được cảnh giới này, mà vào pháp môn không hai, trụ quả vị pháp vô tướng. Bồ Tát là tức tướng lia tướng, do đó :

« Quét tất cả pháp, lia tất cả tướng ».

Bồ Tát lại vĩnh viễn xả bỏ tất cả các pháp, nhưng lại rộng nói đủ thứ pháp tướng của các pháp. Bồ Tát phát nguyện tùy thuận chúng sinh, khiến cho trong tâm tất cả chúng sinh hoan hỉ những gì, thì Bồ Tát vì chúng sinh nói pháp đó, khiến cho chúng sinh càng cường, đều bị điều phục. Khiến cho chúng sinh đều đại hoan hỉ.

Bồ Tát dùng pháp giới làm thân, không có phân biệt. Trí huệ cảnh giới, không thể cùng tận. Chí thường dững mãi, tâm luôn bình đẳng. Thấy được bờ mé công đức của tất cả chư Phật, thấu rõ tất cả kiếp thứ lớp khác nhau.

Bồ Tát dùng pháp giới làm thân, hư không làm dụng. Chẳng có tất cả tâm phân biệt, lìa khỏi tất cả thức, mà dùng nhất thiết trí. Cảnh giới trí huệ của Bồ Tát vô cùng vô tận. Chí nguyện của Bồ Tát thường dững mãi tinh tấn, chẳng thối lùi về sau. Tâm của Bồ Tát luôn bình đẳng, chẳng có sự phân biệt đó đây, nghĩa là không ta, không người, không chúng sinh, không thọ mạng, tâm bốn tướng. Bồ Tát thấy được bờ mé công đức của tất cả chư Phật tu, thấu rõ tất cả kiếp thứ lớp khác nhau, phân biệt rất rõ ràng.

Bồ Tát khai thị tất cả pháp, an trụ tất cả cõi, nghiêm tịnh cõi nước của tất cả chư Phật, hiển hiện tất cả chánh pháp quang minh, diễn nói tất cả Phật pháp quá khứ, vị

lai, hiện tại. Chỉ bày xứ sở của các Bồ Tát ở, làm đèn sáng cho thế gian, sinh ra các căn lành, vĩnh viễn là thế gian, thường sinh vào chỗ Phật.

Bồ Tát khai thị chúng sinh tất cả pháp, an trụ tại cõi nước của tất cả chư Phật, trang nghiêm thanh tịnh cõi nước của tất cả chư Phật, hiển hiện tất cả chánh pháp quang minh, diễn nói tất cả Phật pháp ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Chỉ bày xứ sở của tất cả Bồ Tát ở, làm đèn sáng cho thế gian, sinh ra tất cả các căn lành, vĩnh viễn là khỏi tất cả pháp ô nhiễm, thường sinh vào đạo tràng của Phật, gần gũi Phật, thừa sự Phật.

Bồ Tát đắc được trí huệ sáng tỏ đệ nhất của Phật, được tất cả chư Phật đều cùng nhiếp thọ, đã vào số của chư Phật vị lai. Từ các bạn lành mà được sinh ra, hết thấy chí cầu, đều thành tựu quả.

Bồ Tát đắc được hết thấy tất cả trí huệ, thấu rõ đạo lý đệ nhất nghĩa đế của Phật, tức cũng là trung đạo. Trung đạo tức là chẳng rơi vào bên có, chẳng rơi vào bên không, hai bên. Được tất cả chư Phật mười phương ba đời, đều cùng đến nhiếp thọ. Đã chứng nhập vào số của chư Phật vị lai. Là từ các bạn lành mà được sinh ra, hết thấy chí nguyện, đều được viên mãn thành tựu quả.

Bồ Tát đầy đủ đại oai đức, trụ tại ý tăng thượng, theo chỗ nghe được, đều khéo diễn nói. Cũng vì khai thị thiện căn nghe pháp trụ thật tế luân, nơi tất cả pháp, tâm không chướng ngại, không xả bỏ các hạnh, lìa khỏi các sự phân biệt.

Bồ Tát lại đầy đủ đại oai đức, trụ tại tâm bồ đề tăng thượng. Bất cứ ở trong đạo tràng nào, phạm là nghe được pháp của Phật nói, đều nhớ mãi không quên, tùy thời tùy lúc khéo nói diệu pháp, giáo hoá chúng sinh. Bồ Tát khai thị chúng sinh, khiến cho chúng sinh nghe pháp mà tăng trưởng căn lành, trụ tại thật tế (chân như pháp tánh) luân. Đối với tất cả pháp, trong tâm không chướng ngại. Không xả bỏ tất cả hạnh môn của Bồ Tát tu, lìa khỏi tất cả tâm phân biệt.

Nơi tất cả pháp, tâm không động niệm. Đắc được trí huệ quang minh, diệt trừ các ngu si đen tối. Đều chiếu sáng tất cả Phật pháp, chẳng phá hoại các cõi, mà sinh trong đó. Biết rõ tất cả cảnh giới các cõi. Từ xưa đến nay, không có động tác. Thân lời ý nghiệp, thấy đều vô biên.

Bồ Tát đối với tất cả pháp, thấu hiểu thâm sâu, cho nên tâm không có vọng niệm. Đắc được trí huệ quang minh, diệt trừ các ngu si đen tối, đều chiếu sáng thông đạt

tất cả pháp của chư Phật nói, không cần phá hoại tam giới hai mươi lăm cõi, tuy nhiên ở trong tam giới các cõi, nhưng thấu rõ cảnh giới các cõi trong tam giới. Từ vô thủy cho đến hiện tại, không có động tác. Thân lời ý ba nghiệp, thấy đều vô lượng vô biên.

Tuy tùy thế tục, diễn nói đủ thứ vô lượng văn tự, mà luôn hoại lia pháp văn tự. Vào sâu biển Phật, biết tất cả pháp chỉ có giả danh. Nơi các cảnh giới, không ràng buộc, không chấp trước.

Bồ Tát tuy nhiên tùy thế tục của thế gian, diễn nói đủ thứ vô lượng văn tự, nhưng thường không phá hoại pháp chân đế lia khỏi pháp văn tự. Vào sâu biển trí huệ của Phật, biết tất cả pháp chỉ có giả danh mà thôi. Đối với hết thấy tất cả cảnh giới, không ràng buộc, không chấp trước.

Thấu rõ tất cả các pháp, vốn không chẳng chỗ có, tu các hạnh đều từ pháp giới sinh ra. Giống như hư không, không tướng, không hình, vào sâu pháp giới, tùy thuận diễn nói. Nơi một môn cảnh giới, sinh ra nhất thiết trí.

Bồ Tát thấu rõ tất cả pháp, vốn không chẳng chỗ có, tu các hạnh đều từ pháp giới sinh ra. Giống như hư không, không tướng, cũng không hình. Vào sâu pháp giới, tùy

thuận chúng sinh diễn nói diệu pháp. Ở trong một môn cảnh giới, bèn sinh ra nhất thiết trí.

Quán bậc Thập lực, dùng trí tu học. Trí làm kiêu lương, đến Tát bà nhạ. Dùng mắt trí huệ, thấy pháp vô ngại. Khéo vào các địa, biết đủ thứ nghĩa lý. Mỗi mỗi pháp môn, đều được sáng tỏ. Hết thấy đại nguyện, thấy đều thành tựu.

Bồ Tát quán sát địa vị của mười phương chư Phật thập lực, dùng trí huệ để tu học tất cả Phật pháp. Dùng trí làm kiêu lương, đến bờ bên kia nhất thiết trí. Dùng mắt trí huệ, thấy tất cả pháp không chướng ngại. Khéo vào mười địa của Bồ Tát, biết rõ đủ thứ nghĩa lý. Hết thấy mỗi một pháp môn, hoàn toàn minh bạch thấu rõ. Đại nguyện của Bồ Tát phát ra, nguyện nguyện đều thành tựu, chẳng có một nguyện nào mà chẳng thành tựu.

Phật tử! Đại Bồ Tát dùng nghĩa lý này, để khai thị tánh không khác biệt của tất cả Như Lai. Đây là môn phương tiện vô ngại. Đây hay sinh ra Bồ Tát chúng hội. Pháp này chỉ là cảnh giới tam muội. Đây hay dũng mãnh tinh tấn vào Tát bà nhạ. Đây hay khai hiển các môn tam muội. Đây hay vào khắp các cõi vô ngại. Đây hay điều

phục tất cả chúng sinh. Đây hay trụ bờ mé không chúng sinh. Đây hay khai thị tất cả Phật pháp. Nơi cảnh giới này, đều vô sở đắc.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng nghĩa lý này, để khai thị pháp tánh không khác biệt của tất cả chư Phật. Đây là môn phương tiện khéo léo không chướng ngại. Đây hay sinh ra Bồ Tát đạo tràng chúng hội. Pháp này hết thảy đều là cảnh giới tam muội. Đây hay dừng mãnh tinh tấn vào Tát bà nhạ. Đây hay khai hiển tất cả môn tam muội. Đây hay vào khắp tất cả cõi Phật không chướng ngại. Đây hay điều phục tất cả chúng sinh cương cường. Đây hay trụ bờ mé không chúng sinh. Đây hay khai thị pháp của tất cả chư Phật nói. Nơi tất cả cảnh giới này đều vô sở đắc, do đó : « Vô trí diệt vô đắc ».

Tuy tất cả thời diễn nói khai thị, mà luôn xa lìa vọng tưởng phân biệt.

Tuy Bồ Tát tất cả thời, diễn nói diệu pháp, khai thị chúng sinh. Song, pháp môn đó, luôn xa lìa tất cả vọng tưởng và phân biệt. Ý nghĩa câu này là « Có chẳng ngại không », vì dùng có là có ở trong không. Ý nghĩa bốn mươi câu dưới đây là nói rõ đạo lý « Không chẳng ngại có », vì không là không ở trong có. Cho nên một câu ở trước là « Hai mà chẳng hai », bốn mươi câu sau là « Chẳng hai mà hai ».

Tuy biết các pháp đều vô sở tác, mà hay thị hiện tất cả tác nghiệp. Tuy biết chư Phật không có hai tướng, mà hay hiển bày tất cả chư Phật. Tuy biết không sắc, mà diễn nói các sắc.

Tuy biết không thọ, mà diễn nói các thọ. Tuy biết không tướng, mà diễn nói các tướng. Tuy biết không hành, mà diễn nói các hành. Tuy biết không thức, mà diễn nói các thức. Luôn dùng pháp luân khai thị tất cả. Tuy biết pháp không sinh, mà thường chuyển pháp luân.

Tuy biết pháp không khác biệt, mà nói các môn khác nhau. Tuy biết các pháp không có sinh diệt, mà nói tất cả tướng sinh diệt.

Bồ Tát tuy biết các pháp, vốn đều không tạo tác, nhưng vẫn phải thị hiện tất cả nghiệp làm ra và sở thọ quả báo.

Các pháp là gì ? Nói đơn giản tức là tất cả pháp. Nói rộng ra tức là tám vạn bốn ngàn pháp. Tám vạn bốn ngàn pháp lại chia thành trăm pháp. Trăm pháp là những pháp gì ? Đó là :

1. Sắc pháp : Có 11 thứ pháp.
2. Tâm pháp : Có 8 thứ pháp.

3. Tâm sở pháp : Có 51 thứ pháp.

4. Bất tương ưng pháp : Có 24 thứ pháp.

5. Vô vi pháp : Có 6 thứ pháp.

Tổng cộng lại có 100 pháp. Đây là 100 pháp của đại thừa, tiểu thừa chỉ có 75 pháp. Nếu muốn thấu hiểu tường tận, thì hãy tham khảo quyển Bách Pháp Minh Môn Luận.

Bồ Tát tuy biết tất cả chư Phật không có hai tướng, chỉ có một tướng, mà vẫn phải thị hiện mười phương ba đời tất cả chư Phật đủ thứ tướng. Tại sao ? Vì muốn độ chúng sinh thoát khỏi ba cõi, chấm dứt sinh tử, cho nên thị hiện pháp môn phương tiện.

Bồ Tát tuy biết không có sắc, là không, mà vẫn phải diễn nói pháp môn tất cả các sắc. Các pháp vô ngã, năm uẩn đều không, đạo lý này Bồ Tát đều thấu hiểu. Vì độ chúng sinh, cho nên trong không nói có, trong có nói không, dùng pháp phương tiện khéo léo, để giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ phát bồ đề tâm, cầu vô thượng đạo.

Bồ Tát tuy biết thọ là không, mà vẫn phải diễn nói pháp môn tất cả các thọ.

Bồ Tát tuy biết tướng là không, mà vẫn phải diễn nói pháp môn tất cả các tướng.

Bồ Tát tuy biết hành là không, mà vẫn phải diễn nói pháp môn tất cả các hành.

Bồ Tát tuy biết thức là không, mà vẫn phải diễn nói pháp môn tất cả các thức.

Bồ Tát luôn thường chuyển đại pháp luân, để khai thị tất cả chúng sinh, để giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ bỏ mê về giác, chứng được giải thoát.

Bồ Tát tuy biết « Các pháp từng bản lai, thường tự tịch diệt tướng » không thể dùng lời nói, mà vẫn ở trong

pháp không sinh, thường chuyển pháp luân, để vì tất cả chúng sinh thuyết pháp.

Bồ Tát tuy biết tất cả pháp, không có sự khác biệt, mà vẫn phải diễn nói tất cả các môn khác nhau.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, không có sinh diệt, mà vẫn phải diễn nói tất cả tướng có sinh diệt.

Tuy biết các pháp không thô, không tế, mà nói tướng các pháp thô tế. Tuy biết các pháp không có thượng trung hạ, mà hay diễn nói pháp tối thượng. Tuy biết các pháp không thể nói ra, mà hay diễn nói lời lẽ thanh tịnh.

Tuy biết các pháp không trong, không ngoài, mà nói tất cả các pháp trong ngoài. Tuy biết các pháp không thể biết rõ, mà nói đủ thứ trí huệ quán sát. Tuy biết các pháp không có chân thật, mà nói ra đạo là chân thật.

Tuy biết các pháp rất ráo vô tận, mà hay diễn nói hết các hữu lậu. Tuy biết các pháp không trái, không tranh, nhưng cũng chẳng không tự tha khác biệt.

Tuy biết các pháp rất ráo vô sự, mà thường tôn kính tất cả sự trưởng. Tuy biết

các pháp chẳng do người khác mà ngộ, nhưng thường tôn kính các thiện tri thức.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, chẳng có tướng thô, cũng chẳng có tướng tế, mà vẫn phải diễn nói tướng pháp thô và pháp tế.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, chẳng có phân biệt thượng trung hạ, đều là bình đẳng. Trong Kinh Kim Cang có nói :

« Là pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp ».

Mà vẫn phải ở tại pháp bình đẳng diễn nói pháp môn tối thượng.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, không thể dùng lời nói, do đó : « Lìa lời nói tướng, lìa tướng văn tự, lìa tâm duyên tướng », mà hay diễn nói lời lẽ thanh tịnh.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, chẳng có bên trong, cũng chẳng có bên ngoài, mà vẫn phải diễn nói tất cả các pháp trong ngoài.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, là không thể biết rõ, mà vẫn phải diễn nói đủ thứ trí huệ, để quán sát tất cả pháp.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, chẳng có tánh chân thật, vốn là hư vọng, mà nói ra pháp lìa khỏi hư vọng không thật, đắc được đạo chân thật.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, là rốt ráo vô tận, mà vẫn phải diễn nói hết tất cả pháp hữu lậu. Lại minh bạch pháp vô lậu. Pháp hữu lậu tức là pháp có tướng, tức là pháp hữu vi. Pháp vô lậu tức là pháp vô tướng, tức là pháp vô vi.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, là không trái, không tranh, tức cũng là giữa pháp và pháp, chẳng có trái nhau,

chẳng tranh luận với nhau, nhưng pháp cũng chẳng có sự phân biệt có tự, cũng chẳng có tha.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, đến cực điểm rồi, không thầy mà tự thông, nhưng luôn luôn tôn kính tất cả sư trưởng.

Tại sao không có người dạy mà tự mình thông đạt ? Vì đến được cảnh giới :

« Quét tất cả pháp, lia tất cả tướng ».

Do đó :

« Lia tướng lời nói,
Lia tướng văn tự,
Lia tướng tâm duyên ».

Nhưng Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, dạy họ phải tôn trọng sư phụ, hiếu kính trưởng bối.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, là tự giác tự ngộ, chẳng phải do người khác dạy mà khai ngộ, nhưng vẫn phải tôn kính tất cả thiện tri thức, vẫn phải cúng dường thiện tri thức.

Làm thế nào để tự giác tự ngộ ? Tức là y pháp tu hành, tu đến chỗ rốt ráo, thì vẫn cần chính mình đi giác ngộ. Pháp này tuy nhiên là tự ngộ, nhưng đây là đốn ngộ. Vì thuở xưa, kết quả do thiện tri thức giáo hoá từng chút từng chút. Do đó :

« Lý là đốn ngộ, sự là tiệm tu ».

Tuy nhiên có căn lành, vẫn phải tu hành, mới được khai ngộ.

Tuy biết pháp không chuyển, mà chuyển pháp luân. Tuy biết pháp không khởi, mà thị hiện các nhân duyên. Tuy biết các pháp không có tiền tế, mà rộng nói quá khứ.

Tuy biết các pháp không có hậu tế, mà rộng nói vị lai. Tuy biết các pháp không có trung tế, mà rộng nói hiện tại. Tuy biết các pháp không có tác giả, mà nói các nghiệp làm.

Tuy biết các pháp không có nhân duyên, mà nói các nhân tập. Tuy biết các pháp không có bình đẳng so sánh, mà nói đạo bình đẳng, không bình đẳng.

Tuy biết các pháp không có lời nói, mà quyết định nói pháp ba đời. Tuy biết các pháp không có chỗ nương, mà nói nương pháp lành để được thoát khỏi.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp là vắng lặng, chẳng có pháp có thể chuyển, mà vẫn phải thường chuyển đại pháp luân, để giáo hoá chúng sinh.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, chẳng có sinh khởi, mà vẫn phải thị hiện nhân duyên của tất cả pháp. Do đó :

« Các pháp do duyên khởi,

Các pháp do duyên diệt ».

Pháp duyên sinh, là chẳng có tự tánh, do đó :

« Nhân duyên sinh ra pháp
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa trung đạo ».

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, chẳng có tiền tế, mà rộng nói tất cả pháp quá khứ.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, chẳng có hậu tế, mà rộng nói tất cả pháp vị lai.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp, chẳng có trung tế, mà rộng nói tất cả pháp hiện tại.

Tại bốn thể pháp mà nói, là chẳng có phân biệt quá khứ, hiện tại, vị lai, nhưng Bồ Tát phân biệt ra để nói pháp ba đời. Tại sao phải phiền phức như vậy ? Vì Bồ Tát thích làm việc cực khổ, lại có thể nói Bồ Tát thích quản nhân sự, cho nên cam tâm tình nguyện đi hành Bồ Tát đạo, vì lợi ích tất cả chúng sinh, mà chịu hy sinh lợi ích của chính mình. Chịu khổ chịu cực đi giáo hoá chúng sinh, thọ hết sự cực khổ, mà không một lời oán trách. Điều hy vọng chúng sinh cải tà theo chánh, bỏ tối về sáng. Cho nên chỗ làm của Bồ Tát và chỗ làm của phàm phu đều hoàn toàn khác nhau. Tư tưởng của phàm phu là ích kỷ lợi mình. Nếu việc đối với mình có lợi ích, thì tìm cách đi tranh giành, bằng không, thì tuyệt đối không đi làm. Tư tưởng của Bồ Tát thì ngược lại, chuyên nghĩ đến chúng sinh, chẳng nghĩ đến mình, cho nên tinh thần « vô duyên đại từ, đồng thể đại bi ».

Các vị hãy quán sát nhân loại trên thế giới này, người nào vì mọi người mưu hạnh phúc ? Vốn chẳng có,

hoàn toàn đều vì mình : Tôi phải mặc quần áo đẹp, tôi phải ăn thức ăn ngon, tôi phải ở nhà sang trọng, tôi phải chạy xe mới .v.v...Tóm lại, tất cả đều vì mình mà nghĩ đến sự hưởng thụ. Ai Ai cũng có tư tưởng như thế, thì thế giới làm sao mà thái bình!

Mục đích học Phật là thay đổi tâm ích kỷ, thành tâm đại công vô tư. Việc việc đều vì người, mà chẳng vì mình. Hy sinh sự khoái lạc của chính mình, đi trợ giúp người khác khốn khổ, do đó : « Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa », đây là tông chỉ của Phật giáo.

Phật giáo là giáo cứu thế độ nhân, ban cho chúng sinh sự khoái lạc, cứu khổ chúng sinh. Chúng sinh có sự đau khổ, thì tận sức đi cứu họ thoát khỏi biển khổ, thậm chí vào chỗ dầu sôi lửa bỏng, cũng không từ nan, đây là trách nhiệm của người Phật tử. Trước hết bắt đầu từ chính mình, sau đó mới lan rộng tới quần chúng, ai ai cũng như thế, thì thế giới sẽ hoà bình, an cư lạc nghiệp.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không có tác giả, mà vẫn phải nói tất cả tác nghiệp, tức cũng là luật nhân quả, do đó : « Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu »; trồng nghiệp lành, thì thọ báo lành; trồng nghiệp ác, thì thọ báo ác.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không có nhân duyên, mà vẫn phải nói đạo lý tập nhân của tất cả các pháp.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không có bình đẳng so sánh, mà vẫn phải nói đạo lý bình đẳng và không bình đẳng.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không có lời nói, do đó : « Lời nói đã bạc, tâm hành đã diệt », mà vẫn phải quyết định nói pháp ba đời.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không có chỗ nương, mà vẫn phải nói nương tựa pháp lành, để được thoát khỏi tam giới hai mươi lăm cõi.

Tuy biết pháp không thân, mà rộng nói pháp thân. Tuy biết ba đời chư Phật vô biên, mà hay diễn nói chỉ có một vị Phật. Tuy biết pháp không sắc, mà hiện đủ thứ sắc.

Tuy biết pháp vô kiến, mà diễn nói các kiến. Tuy biết pháp vô tướng, mà nói đủ thứ tướng. Tuy biết các pháp không có cảnh giới, mà rộng diễn nói cảnh giới trí huệ.

Tuy biết các pháp không có khác biệt, mà nói hành quả đủ thứ sự khác biệt. Tuy biết các pháp không có xuất ly, mà nói các hạnh thanh tịnh xuất ly.

Tuy biết các pháp vốn thường trụ, mà nói tất cả các dòng chuyển pháp. Tuy biết các pháp không có chiếu sáng, mà luôn rộng nói pháp chiếu sáng.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không thân, mà vẫn phải rộng nói lý thể của pháp thân.

Bồ Tát tuy biết ba đời chư Phật vô biên không bờ mé, mà vẫn hay diễn nói chỉ có một vị Phật, tức là Phật Thích Ca Mâu Ni.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không hình không tướng, không sắc, mà vẫn phải thị hiện đủ thứ sắc tướng.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp vô kiến, mà vẫn phải rộng diễn nói đạo lý các kiến.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp vô tướng, mà vẫn phải rộng nói đủ thứ tướng.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không có cảnh giới, mà vẫn phải rộng diễn nói cảnh giới nhất thiết trí huệ.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không có phân biệt, mà vẫn phải nói quả báo tu hành sở đắc, có đủ thứ sự phân biệt. Do đó :

« Thiện có thiện quả, ác có ác quả;
Nếu không có báo, tức thời chưa đến ».

Người học Phật, phải tin chân lý nhân quả báo ứng.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không có xuất ly. Vì bản thể của các pháp là không sinh, không diệt, không dơ, không sạch, không tăng, không giảm, mà Bồ Tát vẫn phải nói làm thế nào tu hạnh thanh tịnh để thoát khỏi ba cõi.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp vốn thường trụ, không thay đổi, mà vẫn phải nói pháp tất cả các dòng lưu chuyển biến hoá.

Bồ Tát tuy biết tất cả các pháp không có chiếu sáng, mà luôn luôn rộng nói pháp trí huệ quang minh chiếu khắp.

Phật tử ! Đại Bồ Tát nhập vào tam muội trí luân đại oai đức như vậy : Liên chứng được tất cả Phật pháp. Liên nhập vào tất cả Phật pháp.

Liên thành tựu, liên viên mãn, liên tích tập, liên thanh tịnh, liên an trụ, liên thấu đạt, cùng tất cả pháp tự tánh tương ưng, mà đại Bồ Tát đó chẳng nghĩ như vậy : Có bao nhiêu Bồ Tát, bao nhiêu Bồ Tát pháp, bao nhiêu Bồ Tát rốt ráo, bao nhiêu huyễn rốt ráo, bao nhiêu hoá rốt ráo, bao nhiêu thần thông thành tựu, bao nhiêu trí thành tựu, bao nhiêu tư duy, bao nhiêu chứng nhập, bao nhiêu thú hưởng, bao nhiêu cảnh giới ?

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị Phật tử ! Vị đại Bồ Tát đó tu hành Bồ Tát đạo, tích tập đủ thứ căn lành, viên mãn lục độ vạn hạnh, Ngài nhập vào được tam muội trí luân đại oai đức như vậy : Liên chứng được pháp của tất cả chư Phật nói, liên nhập vào được pháp của tất cả chư Phật nói, liên thành tựu pháp của tất cả chư Phật nói, liên viên mãn pháp của tất cả chư Phật nói, liên tích tập căn lành của tất cả chư Phật Bồ Tát tích tập, liên thanh tịnh pháp thân của tất cả chư Phật Bồ Tát, liên an trụ quả vị của tất cả chư Phật Bồ Tát an trụ, liên thấu đạt nghĩa lý của tất

cả chư Phật Bồ Tát đã nói, cùng với tự tánh của tất cả pháp tương ưng.

Vị đại Bồ Tát đó chẳng nghĩ như vậy : Có bao nhiêu Bồ Tát ? Có bao nhiêu Bồ Tát pháp ? Có bao nhiêu Bồ Tát rốt ráo ? Có bao nhiêu huyễn vọng rốt ráo ? Có bao nhiêu biến hoá rốt ráo ? Có bao nhiêu thân thông thành tựu ? Có bao nhiêu trí thành tựu ? Có bao nhiêu tam muội tư duy ? Có bao nhiêu trí huệ chứng nhập ? Có bao nhiêu thú hướng về bồ đề đạo ? Có bao nhiêu cảnh giới khai ngộ ? Bồ Tát không khởi những vọng tưởng như thế.

Tại sao ? Vì Bồ Tát tam muội thể tánh như vậy, vô biên như vậy, thù thắng như vậy. Tam muội này đủ thứ cảnh giới, đủ thứ oai lực, đủ thứ thâm nhập.

Tại sao Bồ Tát không khởi vọng tưởng ? Vì Bồ Tát chứng được tam muội, lý thể là như vậy, tức là vô biên như vậy, là thù thắng như vậy. Cho nên, không cần khởi tất cả vọng tưởng. Vì tam muội này, có đủ thứ cảnh giới, đủ thứ oai lực, đủ thứ thâm nhập, cho nên chứng được hai mươi tám thứ pháp môn dưới đây.

Đó là : Vào môn trí huệ bất khả thuyết. Vào các sự trang nghiêm lià phân biệt. Vào vô biên thù thắng Ba la mật. Vào vô số thiên định. Vào trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết trí rộng lớn. Vào thắng diệu tạng thấy vô biên Phật. Vào nơi cảnh

giới không ngừng nghỉ. Vào pháp trợ đạo thanh tịnh tin hiểu. Vào các căn mãnh lợi đại thần thông. Vào nơi cảnh giới tâm vô ngại.

Đó là :

1. Vào môn trí huệ nhiều bất khả thuyết.
2. Vào môn tất cả sự trang nghiêm lìa khỏi sự phân biệt.
3. Vào môn Ba la mật vô biên thù thắng.
4. Vào vô số vô lượng môn thiên định.
5. Vào trăm ngàn ức na do tha bất khả thuyết môn trí huệ rộng lớn.
6. Vào môn thắng diệu tạng thấy vô biên Phật.
7. Vào môn cảnh giới không ngừng nghỉ.
8. Vào môn pháp trợ đạo thanh tịnh tin hiểu.
9. Vào môn các căn mãnh lợi đại thần thông.
10. Vào môn cảnh giới tâm vô ngại.

Nhập vào mắt thấy tất cả chư Phật bình đẳng. Vào tích tập thắng chí hạnh của Phổ Hiền. Vào trụ trí thân na la diên. Vào nói biện trí huệ của Như Lai. Vào khởi vô lượng thứ tự tại thần biến. Vào môn sinh ra vô tận trí của tất cả chư Phật. Vào cảnh giới hiện tiền của tất cả chư Phật. Vào tịnh tự tại trí của Bồ Tát Phổ Hiền. Vào trí phổ

môn khai thị vô tử. Vào tất cả cảnh giới vi tế biết khắp pháp giới.

11. Bồ Tát có thể nhập vào môn mắt thấy tất cả chư Phật bình đẳng.

12. Vào môn tích tập hết thấy tất cả thù thắng chí hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền.

13. Vào môn trụ trí thân na la diên (kiên cố).

14. Vào môn nói biến trí huệ của Phật.

15. Vào môn khởi vô lượng thứ tự tại thân biến.

16. Vào môn sinh ra vô tận trí của tất cả chư Phật.

17. Vào môn cảnh giới hiện tiền của tất cả chư Phật.

18. Vào môn thanh tịnh tự tại trí huệ của Bồ Tát Phổ Hiền.

19. Vào môn trí huệ phổ môn khai thị vô tử.

20. Vào môn tất cả cảnh giới vi tế biết khắp pháp giới.

Vào khắp hiện pháp giới tất cả cảnh giới vi tế. Vào tất cả trí huệ quang minh thù thắng. Vào tất cả tự tại biên tế. Vào tất cả biện tài bờ mé pháp môn. Vào khắp pháp giới trí huệ thân. Vào thành tựu tất cả chỗ hành đạo khắp. Vào tam muội khéo trụ tất cả sự khác biệt. Vào tâm biết tất cả chư Phật.

21. Bồ Tát vào môn khắp hiện pháp giới tất cả cảnh giới vi tế.

22. Vào môn tất cả trí huệ quang minh thù thắng.
23. Vào môn tất cả tự tại biên tế.
24. Vào môn tất cả biện tài bờ mé pháp môn.
25. Vào môn đầy khắp pháp giới trí huệ thân.
26. Vào môn thành tựu tất cả chỗ hành đạo khắp.
27. Vào tam muội khéo trụ tất cả tam muội khác biệt.
28. Vào tâm biết tất cả chư Phật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này trụ hạnh Phổ Hiền, niệm niệm vào trăm ức bất khả thuyết tam muội, mà chẳng thấy tam muội Bồ Tát Phổ Hiền, và cảnh giới trang nghiêm tiền tế của Phật. Tại sao ?

Các vị Phật tử ! Vị đại Bồ Tát này, tuy nhiên trụ ở trong hạnh Bồ Tát Phổ Hiền, vẫn có thể ở trong niệm niệm, vào trăm ức bất khả thuyết môn tam muội, mà vẫn chẳng thấy tam muội của Bồ Tát Phổ Hiền, và cảnh giới trang nghiêm tiền tế của Phật. Đây là nguyên nhân gì ?

Vì biết tất cả pháp rốt ráo vô tận. Vì biết tất cả cõi Phật vô biên. Vì biết tất cả cõi chúng sinh không nghĩ bàn. Vì biết quá khứ không có bắt đầu. Vì biết vị lai không cùng tận. Vì nói hiện tại tận hư không khắp pháp giới vô biên. Vì biết cảnh giới tất cả chư Phật không thể nghĩ bàn. Vì biết tất cả Bồ Tát hạnh vô số. Vì biết cảnh giới

biện tài của tất cả chư Phật nói, vô biên bất khả thuyết. Vì biết tất cả tâm huyền diệu pháp vô lượng.

Vì vị đại Bồ Tát này vào tam muội Vô ngại luân, cho nên biết mười thứ cảnh giới ở dưới đây. Những gì là mười thứ cảnh giới ? Đó là :

1. Vì biết tất cả pháp rốt ráo vô cùng vô tận.
2. Vì biết tất cả cõi Phật, rốt ráo vô lượng vô biên.
3. Vì biết tất cả cõi chúng sinh không nghĩ bàn.
4. Vì biết quá khứ không có bắt đầu.
5. Vì biết vị lai không cùng tận.
6. Vì nói hiện tại tận hư không khắp pháp giới vô biên.
7. Vì biết hết thảy cảnh giới tất cả chư Phật, đều không thể nghĩ bàn.
8. Vì biết Bồ Tát hạnh của tất cả Bồ Tát tu hành, đều vô số vô lượng.
9. Vì biết cảnh giới biện tài tất cả chư Phật nói, đều vô biên bất khả thuyết.
10. Vì biết tất cả tâm huyền diệu pháp, đều là vô lượng vô biên.

Phật tử ! Như châu như ý, tùy theo sở cầu, tất cả đều được. Người cầu vô tận, ý nguyện đều đầy đủ, mà thể lực của châu trọn không hết, không dừng lại.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vào tam muội này, biết tâm như huyễn, sinh ra cảnh giới tất cả các pháp, khắp cùng vô tận, không hết, không ngừng.

Tại sao ? Vì đại Bồ Tát thành tựu hạnh trí vô ngại Phổ Hiền, quán sát vô lượng cảnh huyễn rộng lớn, giống như hình bóng, không tăng giảm.

Các vị Phật tử ! Giống như châu như ý, tùy theo tâm ý mong cầu, khiến cho tất cả đều đắc được sở cầu. Tuy nhiên dục vọng của người cầu vô tận, nhưng đều khiến cho họ tùy tâm mãn nguyện được đầy đủ. Thế lực của châu như ý, trọn không hết, cũng không thiếu bớt.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, khi vào tam muội vô ngại luân này, biết tâm do hư huyễn sinh, do hư huyễn diệt. Do tâm huyễn sinh ra cảnh giới tất cả các pháp, khắp cùng vô cùng tận, cũng không hết, cũng không ngừng. Tại sao ? Vì đại Bồ Tát thành tựu hạnh vô ngại và trí vô ngại của Bồ Tát Phổ Hiền. Cho nên, quán sát được vô lượng cảnh huyễn rộng lớn, giống như hình bóng, là hư huyễn không thật, cũng chẳng tăng, cũng chẳng giảm.

Phật tử ! Ví như phàm phu, đều sinh tâm khác nhau, đã sinh, hiện sinh, và sẽ sinh, chẳng có bờ mé, không dứt, không

tận. Tâm đó lưu chuyên, liên tục không đoạn tuyệt, không thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, khi vào môn tam muội phổ huyển này, chẳng có bờ mé, không thể dò lường. Tại sao ? Vì thấu đạt môn phổ huyển pháp vô tận của Bồ Tát Phổ Hiền.

Các vị Phật tử ! Ví như phàm phu, đều sinh tâm vọng tưởng khác nhau, hoặc đã sinh ra, hoặc hiện tại sinh ra, hoặc tương lai sẽ sinh ra. Những vọng tâm đó, chẳng có bờ mé, không thể dứt tuyệt, không thể cùng tận. Vọng tâm đó lưu chuyên không dứt, liên tục không đoạn tuyệt, cảnh giới đó không thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, khi vào môn tam muội phổ huyển này, chẳng có bờ mé, không thể dò lường. Tại sao ? Vì thấu rõ thông đạt môn phổ huyển pháp vô tận của Bồ Tát Phổ Hiền.

Phật tử ! Ví như Nan Đà Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương, Ma Na Tư Long Vương, và các đại Long Vương khác, khi mưa xuống, giọt nước như trục bánh xe, không có bờ mé. Tuy mưa như vậy, mà mây trợn không hết. Đây là cảnh giới vô tác của các Long Vương.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, trụ tam muội này, vào các môn tam muội Bồ Tát Phổ Hiền. Trí môn, pháp môn, môn thấy chư Phật, môn đến các phương, môn tâm tự tại, môn như tri, môn thần biến, môn thần thông, môn huyễn hoá, môn các pháp như huyễn.

Môn sung mãn bất khả thuyết bất khả thuyết các Bồ Tát. Môn gần gũi Như Lai chánh giác nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết số hạt bụi cõi Phật. Môn lưới huyễn rộng lớn bất khả thuyết bất khả thuyết. Môn biết cõi Phật rộng lớn khác biệt bất khả thuyết bất khả thuyết. Môn biết thế giới có thể tánh không thể tánh bất khả thuyết bất khả thuyết.

Môn biết chúng sinh tướng bất khả thuyết bất khả thuyết. Môn thời kiếp khác biệt bất khả thuyết bất khả thuyết. Môn biết thế giới thành hoại bất khả thuyết bất khả thuyết. Môn biết các cõi Phật úp ngửa bất khả thuyết bất khả thuyết.

Các vị Phật tử ! Ví như Nan Đà Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương, Ma Na Tư Long Vương, (Bà Già La Long Vương, Hoà Tu Cát Long Vương, Đức Xoa Già Long Vương, A Na Bà Đạt Đa Long Vương, Ưu Bát La Long Vương gọi là Bát Long Vương), và hết thảy các đại Long Vương khác, khi chúng mưa xuống, thì giọt nước mưa như trọc bánh xe rơi xuống không ngừng, chẳng có bờ mé. Tuy mưa xuống vô lượng như vậy, nhưng mây trợn không cùng tận. Đây là đạo lý gì ? Vì rồng có thần thông, đầy đủ diệu dụng, không cần tạo tác, không cần miễn cưỡng, đây là cảnh giới tự nhiên của các Long Vương.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, khi trụ tam muội vô ngại luân này, vào hai mươi thứ pháp môn của Bồ Tát Phổ Hiền tu. Những gì là hai mươi ? Đó là :

1. Vào pháp môn tất cả tam muội.
2. Vào pháp môn nhất thiết trí huệ.
3. Vào pháp môn tất cả pháp.
4. Vào pháp môn thấy tất cả chư Phật.
5. Vào pháp môn đến mười phương.
6. Vào pháp môn tâm tự tại.
7. Vào pháp môn như trì chúng sinh.
8. Vào pháp môn thần thông biến hoá.
9. Vào pháp môn thần thông diệu dụng.
10. Vào pháp môn như huyền như hoá.
11. Vào pháp môn tất cả các pháp như huyền hoá.
12. Vào pháp môn đầy đầy bất khả thuyết bất khả thuyết các Bồ Tát.
13. Vào pháp môn gần gũi Như Lai chánh giác, nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết số hạt bụi cõi Phật (ba ngàn đại thiên thế giới là một cõi Phật).

14. Vào pháp môn lưới huyễn rộng lớn bất khả thuyết bất khả thuyết.

15. Vào pháp môn biết cõi Phật rộng lớn khác biệt bất khả thuyết bất khả thuyết.

16. Vào pháp môn biết thế giới có thể tính và không có thể tính bất khả thuyết bất khả thuyết.

17. Vào pháp môn biết chúng sinh tướng bất khả thuyết bất khả thuyết, do đó :

« Tất cả chúng sinh bao nhiêu thứ tâm,
Bồ Tát đều biết đều thấy ».

18. Vào pháp môn thời kiếp khác biệt bất khả thuyết bất khả thuyết.

19. Vào pháp môn biết thế giới hoặc thành, hoặc trụ, hoặc hoại, hoặc không, bất khả thuyết bất khả thuyết.

20. Vào pháp môn biết tất cả cõi Phật úp, hoặc ngửa, bất khả thuyết bất khả thuyết.

Ở trong một niệm, đều biết như thật, khi nhập vào như vậy, không có bờ mé, không có cùng tận, không mỗi, không nhàm, không dứt, không ngừng, không thối, không mất.

Ở trong các pháp, chẳng trụ phi xứ. Luôn tư duy chân chánh, không trầm, không cử. Cầu nhất thiết trí, thường không lùi bỏ. Vì tất cả cõi Phật đèn chiếu sáng thế

gian, chuyển bất khả thuyết bất khả thuyết pháp luân.

Dùng diệu biện tài, thưa hỏi Như Lai, không khi nào cùng tận. Thị hiện thành Phật đạo, không có bờ mé. Điều phục chúng sinh, luôn không xả bỏ.

Thường siêng tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, chưa từng ngừng nghỉ. Thị hiện bất khả thuyết bất khả thuyết thân sắc tướng, không có đoạn tuyệt. Tại sao ? Ví như đốt lửa, theo duyên đã có, thì trong lúc đó, lửa cháy không ngừng.

Bồ Tát ở trong một niệm, đều biết cảnh giới đó chân thật, giống như khi nhập vào môn tam muội phổ huyển như vậy. Tuy nhiên không có bờ mé, không có cùng tận, nhưng không mệt mỏi, không nhầm chán, không dứt tuyệt, không ngừng nghỉ, cũng không thôi chuyển bồ đề tâm, cũng không mất đi bồ đề tâm.

Ở trong tất cả pháp, chẳng trụ nơi phi pháp. Luôn luôn tư duy chân chánh, không khởi vọng tưởng, cũng không hôn trầm, cũng không trạo cử. Bồ Tát ngồi thiền không ngủ gục, tại sao phạm phu ngồi thiền hay ngủ gục ? Vì tâm cầu pháp không chân thật. Bồ Tát mỗi cử chỉ hành động, đều theo quy cụ, không phóng dật. Phạm phu thì ngược lại, cho rằng giữ quy cụ thì không được tự do, cho

nên giải đãi phóng dăng. Phải hiểu rằng, sự tự do như thế, khi chết đi rồi thì chẳng còn tự do nữa.

Bồ Tát vì cầu nhất thiết trí, cho nên thường không lùi bỏ bồ đề tâm. Vì tất cả cõi nước chư Phật, làm đèn sáng chiếu thế gian. Lại thường chuyển bất khả thuyết bất khả thuyết pháp luân. Dùng biện tài không thể nghĩ bàn, thưa hỏi Như Lai thật tướng của tất cả các pháp, chẳng khi nào cùng tận. Thị hiện chư Phật thành tựu đạo bồ đề Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có bờ mé. Thời điều phục chúng sinh cương cường, không khi nào xả bỏ. Điều là điều luyện thân khẩu ý ba nghiệp, phục là chế phục tất cả vọng tưởng. Vì chúng sinh cương cường, khó điều khó phục, Bồ Tát xử dụng từ bi hỷ xả bốn vô lượng tâm để điều phục. Sau đó, lại dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, bốn pháp nhiếp để nhiếp thọ, khiến cho chúng sinh phát bồ đề tâm, cầu vô thượng đạo. Bồ Tát luôn luôn siêng tu tập hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, chưa từng ngừng nghỉ. Lại thị hiện bất khả thuyết bất khả thuyết thân sắc tướng, không có khi nào đoạn tuyệt. Tại sao phải như thế ? Là nguyên nhân gì ? Đưa ra một ví dụ, giống như đốt lửa, phàm là có vật làm duyên để đốt cháy, thì trong lúc đó, lửa cháy lên không ngừng.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, quán sát chúng sinh giới, pháp giới, thế giới, giống như hư không, chẳng có bờ mé. Cho đến có thể ở trong khoảng một niệm, đến chỗ chư Phật, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật.

Ở chỗ mỗi vị Phật, vào bất khả thuyết bất khả thuyết nhất thiết trí đủ thứ pháp khác biệt. Khiến cho bất khả thuyết bất khả thuyết cõi chúng sinh, xuất gia vì đạo, siêng tu căn lành, rốt ráo thanh tịnh. Khiến cho bất khả thuyết bất khả thuyết Bồ Tát, chưa quyết định nơi hạnh nguyện Phổ Hiền, được quyết định, an trụ môn trí huệ Phổ Hiền.

Dùng vô lượng phương tiện, vào bất khả thuyết bất khả thuyết ba đời kiếp thành trụ hoại rộng lớn khác biệt. Nơi bất khả thuyết bất khả thuyết cảnh giới thế gian thành trụ hoại khác biệt, sinh khởi bấy nhiêu đại bi đại nguyện, điều phục vô lượng tất cả chúng sinh, đều khiến không sót thừa. Tại sao ? Vì đại Bồ Tát này muốn độ thoát tất cả chúng sinh, tu hạnh Phổ Hiền, sinh trí huệ Phổ Hiền, đầy đủ hết thảy hạnh nguyện Phổ Hiền.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, hay quán sát nhân duyên chúng sinh giới, hay quán sát pháp giới, hay quán sát thế giới, giống như hư không, chẳng có bờ mé. Cho đến có thể ở trong khoảng một niệm, đến đạo tràng của chư

Phật, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật.

Ở chỗ đạo tràng của mỗi vị Phật, vào bất khả thuyết bất khả thuyết pháp môn nhất thiết trí đủ thứ pháp khác biệt. Hay khiến cho bất khả thuyết bất khả thuyết cõi chúng sinh, xuất gia tu đạo, tinh tấn siêng năng tu tập căn lành, rốt ráo đắc được thanh tịnh, chẳng có chút nhiễm ô nào. Hay khiến cho bất khả thuyết bất khả thuyết Bồ Tát, đối với hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền tu, người chưa quyết định nơi hạnh nguyện Phổ Hiền, thì đắc được trí huệ quyết định, để tu hạnh nguyện Bồ Tát Phổ Hiền, an trụ môn trí huệ Phổ Hiền.

Dùng vô lượng pháp môn phương tiện khéo léo, vào bất khả thuyết bất khả thuyết ba đời kiếp thành trụ hoại rộng lớn khác biệt. Nơi bất khả thuyết bất khả thuyết cảnh giới thể gian thành trụ hoại khác biệt, sinh khởi bất khả thuyết bất khả thuyết tâm đại bi và tâm đại nguyện, điều phục vô lượng vô biên tất cả chúng sinh, khiến cho hết thảy chúng sinh đều được giải thoát, chẳng có một chúng sinh nào mà không được độ. Tại sao? Vì vị đại Bồ Tát này, muốn độ thoát tất cả chúng sinh lìa khổ được vui, cho nên tu hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, sinh ra trí huệ của Bồ Tát Phổ Hiền, đầy đủ hết thảy tất cả hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền.

Do vậy các Bồ Tát, phải ở nơi giống loại như vậy, cảnh giới như vậy, oai đức như vậy, rộng lớn như vậy, vô lượng như vậy, không thể nghĩ bàn như vậy, chiếu

sáng khắp như vậy, tất cả chư Phật hiện tiền trụ như vậy, được tất cả Như Lai hộ niệm như vậy, thành tựu căn lành thuở xưa như vậy, trong tam muội tâm vô ngại chẳng động như vậy.

Siêng năng tu tập, lia các nhiệt não, chẳng có mỗi nhàm, tâm chẳng thối chuyển, lập chí thâm sâu, dũng mãnh chẳng sợ. Tuỳ thuận cảnh giới tam muội, vào trí địa khó nghĩ bàn, chẳng nương văn tự, chẳng chấp thế gian, chẳng thủ lấy các pháp, chẳng khởi phân biệt, chẳng nhiễm trước việc đời, chẳng phân biệt cảnh giới.

Vì vậy cho nên tất cả các Bồ Tát, phải đối với nơi giống loại như đã nói ở trước, cảnh giới như đã nói, oai đức như đã nói, nguyện lực rộng lớn, vô lượng pháp môn, cảnh giới không thể nghĩ bàn, trí huệ quang minh Phật pháp chiếu sáng khắp, tất cả chư Phật thị hiện trụ nơi ba đời như vậy, được tất cả chư Phật hộ niệm và gia trì như vậy, thành tựu căn lành thuở xưa như vậy, tâm Bồ Tát không chướng, không ngại, ở trong tam muội bất động như vậy.

Siêng năng tu tập pháp môn hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền tu tập. Phải lia khỏi tất cả nhiệt não, chẳng có khi nào mệt mỏi và nhàm chán. Bồ Tát vì pháp, tâm chẳng thối chuyển, lập xuống chí nguyện thâm sâu, dũng mãnh tinh tấn, tâm chẳng sợ hãi, mà được an vui. Tuỳ thuận cảnh giới

tam muội, vào trí địa không thể nghĩ bàn, tức cũng là chứng nhập quả vị Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ Tát chẳng nhất định y chiếu theo văn tự để tu hành, chẳng chấp trước vào tất cả pháp hữu vi thế gian, cũng chẳng thủ lấy tất cả pháp nhiệm ô thế gian, cũng chẳng sinh khởi tất cả tâm phân biệt, cũng chẳng nhiệm trước tất cả việc đời, cũng chẳng phân biệt tất cả cảnh giới.

Nơi các pháp trí, chỉ nên an trụ, không nên so lường. Tức là : Gần gũi nhất thiết trí, ngộ hiểu Phật bồ đề, thành tựu pháp quang minh, thí cho tất cả chúng sinh căn lành.

Ở trong cõi ma, cứu chúng sinh thoát khỏi, khiến cho họ được vào cảnh giới Phật pháp, khiến cho không bỏ đại nguyện, siêng quán đạo xuất thế, thêm rộng cảnh thanh tịnh, thành tựu các độ. Nơi tất cả chư Phật, sinh tin hiểu thâm sâu. Thường phải quán sát tất cả pháp tánh, không lúc nào tạm bỏ.

Bồ Tát đối với tất cả các pháp và nhất thiết trí, phải an trụ ở trong đó, không nên so lường, pháp rốt ráo có bao nhiêu ? Trí rốt ráo có bao nhiêu ? Không thể sinh tâm phân biệt. Nghĩa là : Gần gũi nhất thiết trí huệ, ngộ hiểu Phật bồ

đề giác đạo, thành tựu pháp trí huệ quang minh. Sau đó Bồ thí cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ căn lành tăng trưởng. Đối với chúng sinh ở trong cõi ma, phải cứu họ thoát khỏi biển phiền não nước sôi lửa nóng, khiến cho họ được vào cảnh giới Phật pháp.

Trước khi chúng ta chưa xuất gia phát Bồ đề tâm, đều làm quyền thuộc của ma vương, làm việc gì cũng đều có quan hệ với ma, ví như ích kỷ lợi mình, đố kỵ chướng ngại, tranh luận đê nhất, nói thị phi, đều bị ma chỉ huy. Cho nên nói chúng sinh là quyền thuộc của ma. Nếu tu hành thì sẽ thành Phật; nếu không tu hành tức là chúng sinh. Đây là hai con đường giữa ánh sáng và đen tối, do chúng sinh tự mình lựa chọn. Cứ hưởng thụ tài sắc danh ăn và ngủ nằm dục, thì vĩnh viễn làm chúng sinh. Nếu xuất gia tu đạo, chỉ cần « Siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si », thì thẳng đến cảnh Niết Bàn bờ bên kia.

Bồ Tát có tâm từ bi, từ trong cảnh ma, cứu độ chúng sinh, khiến cho chúng sinh sớm được giác ngộ, chúng được cảnh giới Phật pháp, khiến cho tất cả Bồ Tát và phàm phu không xả bỏ đại nguyện đã phát, siêng năng quán sát con đường thoát khỏi ba cõi, tăng trưởng cảnh giới thanh tịnh rộng lớn, thành tựu mười pháp môn Ba la mật. Đối với pháp của mười phương ba đời tất cả chư Phật đã nói, phải sinh tâm tin hiểu thâm sâu, phải thường quán sát tự tánh của tất cả các pháp, không lúc nào không quán sát.

Nên biết thân mình và các pháp tánh, thấy đều bình đẳng. Phải hiểu rõ việc làm của thế gian, chỉ bày cho họ trí huệ phương

tiện đúng như pháp. Phải thường tinh tấn, không có ngừng nghỉ.

Nên quán thân mình, căn lành kém ít. Nên siêng năng tăng trưởng các căn lành cho họ. Nên tự mình tu hành đạo nhất thiết trí. Nên siêng năng tăng trưởng cảnh giới của Bồ Tát. Nên thích gần gũi các thiện tri thức. Nên cùng ở với người đồng hành. Đừng nên phân biệt Phật, đừng nên xả lìa niệm.

Nên thường an trụ pháp giới bình đẳng. Nên biết tất cả tâm thức như huyễn. Nên biết thể gian các hành như mộng. Nên biết nguyện lực xuất hiện ra đời của chư Phật, giống như hình bóng. Nên biết tất cả các nghiệp rộng lớn, giống như biến hoá.

Nên biết lời nói thấy đều như tiếng vang. Nên quán tất cả các pháp như huyễn. Nên biết tất cả pháp sinh diệt, đều như âm thanh. Nên biết chỗ đến của tất cả cõi Phật, đều không thể tánh. Nên thưa hỏi Như Lai về Phật pháp, mà không sinh tâm mệt mỏi. Nên vì khai ngộ tất cả chúng sinh thể gian,

mà siêng năng dạy bảo, không xả bỏ chúng sinh. Nên vì điều phục tất cả chúng sinh, biết thời thuyết pháp, mà không ngừng nghỉ.

Nên biết thân thể của mình và tự tánh của các pháp, thấy đều bình đẳng. Nên minh bạch hiểu rõ việc làm của thế gian, chỉ bày cho họ pháp chân thật, pháp trí huệ phương tiện. Phải thường tinh tấn học tập Phật pháp, không có ngừng nghỉ. Nên quán sát thân mình, thuở xưa tu căn lành rất ít. Nên siêng tăng trưởng tất cả căn lành, chẳng những khiến cho mình tăng trưởng căn lành, mà cũng khiến cho họ căn lành tăng trưởng.

Nên tự mình tu hành đạo nhất thiết trí, cũng nên khiến cho họ tu hành đạo nhất thiết trí, đó là tư tưởng của Bồ Tát. Do đó : « Tự giác giác tha, tự độ độ tha, tự lợi lợi tha ». Tư tưởng của tiểu thừa là « Tự giác chẳng giác tha, tự độ chẳng độ tha, tự lợi chẳng lợi tha ». Đó là tác phong của tự liễu hán !

Nên siêng năng tăng trưởng cảnh giới của Bồ Tát. Nên ưa thích gần gũi tất cả thiện tri thức. Nên cùng tu hành với thiện tri thức mà ở với nhau. Đừng nên phân biệt tất cả chư Phật. Đừng nên xả lìa niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Nên thường an trụ trong pháp giới bình đẳng. Nên biết tất cả tâm thức đều hư vọng như huyễn như hoá. Nên biết thế gian tất cả các hành không chân thật như mộng như bọt nước.

Nên biết chư Phật xuất hiện ra đời, đều vì nguyện lực đã phát ra trong quá khứ, giống như hình bóng. Nên

biết tất cả các nghiệp rộng lớn, giống như biến hoá. Nên biết lời nói, đều như tiếng vang. Nên quán tất cả các pháp như huyễn không thật. Nên biết tất cả pháp sinh diệt, đều như âm thanh, hốt có hốt không. Nên biết chỗ đến của tất cả cõi Phật, đều chẳng có một thật thể. Nên thưa hỏi pháp mà Phật đã nói, không sinh tâm mệt mỏi. Nên vì khai ngộ tất cả chúng sinh thế gian, siêng năng dạy bảo, không xả bỏ chúng sinh. Nên vì điều phục tất cả chúng sinh, biết lúc nào vì chúng sinh thuyết pháp, vĩnh viễn không ngừng nghỉ. Tóm lại, tùy thời tùy lúc vì chúng sinh thuyết pháp, do đó : « Quán căn cơ chúng sinh, vì người thuyết pháp ».

Nhìn lại đoạn kinh văn này, chúng ta người tu đạo, phải triệt để phản tỉnh lại, có phải hằng ngày y chiếu theo Phật pháp tu hành ? Có tâm đại công vô tư chẳng ? Có tâm ích kỷ chẳng ? Những gì chúng ta làm mỗi ngày là lợi ích chúng sinh hay là lợi ích chính mình ? Phải kiểm thảo triệt để lại xem.

Nếu muốn lợi ích chúng sinh, thì lợi ích chúng sinh như thế nào ? Có phải mỗi ngày khởi vọng tưởng lợi ích chúng sinh ? Có phải mỗi ngày tìm người nhiều loạn họ để lợi ích chúng sinh ? Mỗi ngày điên điên đảo đảo, chẳng nhận ra được mình sai. Mỗi ngày cầu cầu thả thả, chẳng chịu thành thật tu hành. Như vậy có thể lợi ích chúng sinh chẳng ? Chẳng hồi quang phản chiếu, chẳng trở về cầu nơi chính mình, như vậy có thể lợi ích chúng sinh chẳng ? Những chỗ này phải đặc biệt chú ý.

Nếu mỗi ngày chuyên vì mình mà tính toán, thì sẽ lỗ vốn. Giống như buôn bán, phải làm cho tiền vốn có lời. Nếu như chuyên làm việc lợi ích cho người khác, mà không lợi mình, như vậy, thì sự làm ăn (đức hạnh) càng

làm càng phát triển. Chúng ta học Phật pháp, chỉ có một phương pháp, đó là cước đạp thật địa, thành thật tu hành. Phải biết mình từ vô thủy đến nay, vì có tâm tham sân si, cho nên tu hành một chút cũng không có sự thành tựu.

Nếu tâm nhiệm ô quá nặng, tâm thanh tịnh quá nhẹ, thì tu đến thuở vị lai, cũng không thể thành công. Cho nên phải tu hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Vì hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, chẳng có tư tưởng ích kỷ, chẳng có hành vi ích kỷ. Nếu như dùng tà tri tà kiến để chi phối hành vi của mình, ngày ngày chướng ngại người khác tu hành, thì nhất định sẽ đọa vào địa ngục vô gián, vĩnh viễn không ra khỏi.

Hy vọng mọi người phải đoàn kết nhất chí, phải hoà bình với nhau, dùng tâm thành đối đãi với nhau, dùng đức cảm hoá. Chúng ta đều là người có nhân duyên, mới có thể cùng ở một chỗ học tập tu hành Phật pháp. Đây là căn lành đã gieo xuống nhiều đời nhiều kiếp, cho nên mới không phân biệt chủng tộc, không phân biệt quốc tịch, mọi người cùng nhau hoà thuận. Chuyên tâm cùng nhau nghiên cứu Phật pháp, tụng kinh trì chú, tham thiền đả tọa. Do đó « Bốn biển đều là huynh đệ », cũng có thể nói toàn thế giới đều là người một nhà. Ai ai cũng quan niệm như vậy, lấy Đức Phật Thích Ca làm thầy, chúng ta đều là con cháu của Ngài, thì hà tất phải đấu tranh, tranh sáng đoạt tối, làm tổn thương hoà khí, trở thành kẻ địch. Có câu nói, nói rất là có đạo lý :

« Chẳng nhìn Tăng mà nhìn mặt Phật ».

Mọi người đều là đệ tử của Phật ! Phải trợ giúp lẫn nhau, chỉ dẫn lẫn nhau, đồng tâm hiệp lực, phát triển Phật

giáo, khiến cho rộng lớn, đến khắp cùng các nơi trên thế giới, làm cho lòng người hướng thiện, chấm dứt chiến tranh. Mọi người phải sớm tiến về trước, hoàn thành sứ mạng của chúng ta.

Phật tử ! Đại Bồ Tát tu hành hạnh Phổ Hiền như vậy. Viên mãn cảnh giới Bồ Tát như vậy. Thông đạt đạo xuất ly như vậy. Thọ trì pháp ba đời của chư Phật như vậy. Quán sát môn nhất thiết trí như vậy.

Tư duy pháp không biến đổi như vậy. Sáng sạch tăng thượng chí ưa thích như vậy. Tin hiểu tất cả Như Lai như vậy. Biết rõ Phật lực rộng lớn như vậy. Quyết định tâm không chướng ngại như vậy. Nhiếp thọ tất cả chúng sinh như vậy.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát thời thời tu hành hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền, nơi nơi trợ giúp chúng sinh thành tựu Phật đạo. Hay làm viên mãn cảnh giới của Bồ Tát, sẽ thông đạt đạo thoát khỏi ba cõi, sẽ thọ trì pháp của ba đời chư Phật đã nói, thọ nơi tâm, trì nơi thân, phải tâm miệng như một, nói được thì làm được, đừng có « Khẩu đầu thiên ». Nếu nói được mà làm không được, cũng chẳng có ích gì. Tóm lại, bất cứ làm những gì đều lợi ích người khác đó là Phật pháp; còn làm những gì mà lợi ích chính mình, đó là ma pháp. Chánh tà hai pháp, do thiện ác để quyết định. Người thiện thì giúp người, còn kẻ ác thì hại người, tâm ích

kỷ tuyệt đối không thể có; tâm cứu đời cứu người, tuyệt đối không thể không có. Do đó : « Hy sinh tiểu ngã, mà thành tựu đại ngã ». Phải có tinh thần như thế, thì mới thật là Phật tử.

Giống như dùng quán sát trí để quán sát môn nhất thiết trí, đề tư duy pháp không biến đổi, tức cũng là đừng thấy khác mà nghĩ sai lệch, bị cảnh giới chuyển. Sáng sạch trí huệ tăng trưởng căn lành, chí nguyện đề tu hành, đắc được cảnh giới khoái lạc. Tin ngưỡng thấu hiểu pháp của tất cả chư Phật nói, để biết rõ Phật có sức lực rộng lớn, để tâm tin quyết định không có sự chượng ngại, để nhiếp thọ tất cả chúng sinh, Bồ Tát tu hành hạnh Phổ Hiền, đắc được mười một cảnh giới như vậy.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát nhập vào tam muội đại trí huệ, chỗ trụ của Bồ Tát Phổ Hiền như vậy, thì mười phương đều có bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi cõi nước, đều có danh hiệu Như Lai nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi danh hiệu, đều có chư Phật nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, hiện ra ở trước.

Các vị Phật tử ! Khi đại Bồ Tát nhập vào tam muội đại trí huệ, chỗ trụ của Bồ Tát Phổ Hiền như vậy, thì mười phương đều có bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Ở trong mỗi cõi nước, lại có danh hiệu Như Lai nhiều như số

hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Ở trong mỗi danh hiệu, lại có chư Phật nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, thấy đều thị hiện ra ở trước Bồ Tát.

Ban cho niệm lực của Như Lai, khiến cho không quên mất cảnh giới của Như Lai.

Ban cho tất cả pháp huệ rất ráo, khiến cho vào nhất thiết trí.

Ban cho biết tất cả pháp đủ thứ nghĩa quyết định huệ, khiến cho thọ trì tất cả Phật pháp, nhập vào vô ngại.

Ban cho Phật bồ đề vô thượng, khiến cho vào nhất thiết trí, khai ngộ pháp giới.

Ban cho huệ rất ráo của Bồ Tát, khiến cho đắc được tất cả pháp quang minh, không có các đen tối.

Ban cho trí bất thối của Bồ Tát, khiến cho biết thời, phi thời, phương tiện khéo léo điều phục chúng sinh.

Ban cho biện tài không chướng ngại của Bồ Tát, khiến cho ngộ hiểu vô biên pháp, diễn nói vô tận.

Ban cho sức thần thông biến hoá, khiến cho hiện bất khả thuyết bất khả thuyết thân khác nhau, vô biên sắc tướng, đủ thứ sự khác nhau, để khai ngộ chúng sinh.

Ban cho âm thanh viên mãn, khiến cho hiện bất khả thuyết bất khả thuyết âm thanh khác nhau đủ thứ lời lẽ, để khai ngộ chúng sinh.

Ban cho sức không lường bỏ, khiến cho tất cả chúng sinh, hoặc được thấy thân hình, hoặc được nghe pháp, thấy đều thành tựu, không có lường qua.

Có bất khả thuyết chư Phật, thị hiện ở trước vị đại Bồ Tát này. Ban cho mười sức trí huệ:

1. Ban cho niệm lực của Như Lai, khiến cho không quên mất cảnh giới của Như Lai.
2. Ban cho tất cả pháp trí huệ rốt ráo, khiến cho Ngài chứng nhập vào nhất thiết trí.
3. Ban cho biết tất cả pháp đủ thứ nghĩa lý, trí huệ quyết định, khiến cho Ngài thọ trì tất cả Phật pháp, nhập vào pháp môn không chướng ngại.
4. Ban cho Phật bồ đề giác đạo vô thượng, khiến cho Ngài vào nhất thiết trí, khai ngộ pháp giới tất cả chúng sinh.

5. Ban cho huệ rốt ráo của Bồ Tát, khiến cho Ngài đắc được tất cả pháp quang minh, chiếu phá tất cả đen tối.

6. Ban cho trí huệ bất thối của Bồ Tát, khiến cho Ngài biết thời thuyết pháp, hoặc chẳng phải thời thuyết pháp, phương tiện khéo léo để điều phục tất cả chúng sinh.

7. Ban cho biện tài không chướng ngại của Bồ Tát, khiến cho Ngài khai ngộ thấu hiểu vô biên Phật pháp, diễn nói vô tận diệu pháp.

8. Ban cho sức thần thông biến hoá, khiến cho Ngài hiện ra bất khả thuyết bất khả thuyết thân khác nhau, vô lượng vô biên sắc tướng, đủ thứ sự khác nhau, để khai ngộ tất cả chúng sinh.

9. Ban cho âm thanh viên mãn vô ngại, khiến cho Ngài hiện ra bất khả thuyết bất khả thuyết âm thanh khác nhau, đủ thứ lời lẽ khác nhau, để khai ngộ tất cả chúng sinh.

10. Ban cho sức không lường bờ, khiến cho tất cả chúng sinh, hoặc được thấy thân hình Bồ Tát, hoặc nghe được pháp âm của Bồ Tát, thấy đều thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có lường qua, nghĩa là không thể nào không đắc được lợi ích. Tóm lại, phàm là thấy được tướng của Bồ Tát, nghe được pháp của Bồ Tát, đều thành Phật đạo.

Phật tử! Vì đại Bồ Tát đầy đủ hạnh Phổ Hiền như vậy, nên đắc được lực của Như Lai, thanh tịnh đạo xuất ly, viên mãn nhất thiết trí. Dùng biện tài vô ngại, thần thông biến hoá, rốt ráo điều phục tất cả

chúng sinh, đủ oai đức của Phật, thanh tịnh hạnh Phổ Hiền, trụ đạo Phổ Hiền. Hết thuở vị lai, vì muốn điều phục tất cả chúng sinh, chuyển bánh xe pháp vi diệu của tất cả chư Phật. Tại sao?

Các vị Phật tử! Vì đại Bồ Tát tu hành như vậy, nên viên mãn đầy đủ hạnh Bồ Tát Phổ Hiền như vậy, nên đắc được lực của Như Lai gia bị, thanh tịnh đạo xuất ly ba cõi, viên mãn nhất thiết trí. Dùng biện tài vô ngại, thần thông biến hoá vô ngại, rốt ráo điều phục được tất cả chúng sinh. Đầy đủ đại oai đức của Phật, thanh tịnh hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền tu, trụ đạo của Bồ Tát Phổ Hiền tu. Hết thuở vị lai, vì muốn điều phục tất cả chúng sinh, mà chuyển bánh xe pháp vi diệu của tất cả chư Phật. Đây là nguyên nhân gì?

Phật tử! Đại Bồ Tát này thành tựu các hạnh Bồ Tát đại nguyện thù thắng như vậy: Là pháp sư của tất cả thế gian. Là mặt trời pháp của tất cả thế gian. Là mặt trăng trí huệ của tất cả thế gian. Là núi chúa Tu Di của tất cả thế gian, cao lớn vòi vọi, kiên cố bất động. Là biển trí không bờ của tất cả thế gian. Là đèn sáng chánh pháp của tất cả thế gian, chiếu khắp vô biên, liên tục không dứt.

Vì tất cả chúng sinh khai thị vô biên công đức thanh tịnh, đều khiến cho họ an trụ nơi công đức căn lành. Tùy thuận nhất thiết trí đại nguyện bình đẳng. Tu tập hạnh Phổ Hiền rộng lớn. Thường hay khuyến phát vô lượng chúng sinh, trụ bất khả thuyết bất khả thuyết tam muội hạnh rộng lớn, hiện đại tự tại.

Các vị Phật tử! Vị đại Bồ Tát này, Ngài dùng đủ thứ căn lành, thành tựu hạnh của tất cả Bồ Tát tu và đại nguyện thù thắng như đã nói ở trước, Ngài thành tựu đại nguyện và đại hạnh: Là đại pháp sư của tất cả thế gian. Là mặt trời pháp của tất cả thế gian. Là mặt trăng trí huệ của tất cả thế gian, cũng là mặt trăng mát mẻ. Là núi chúa Tu Di của tất cả thế gian, vì cao lớn vòi vọi, hơn hẳn tất cả các núi khác, kiên cố bất động. Là biển trí không bờ bến của tất cả thế gian. Là đèn sáng chánh pháp của tất cả thế gian, chiếu khắp mười phương vô biên thế giới, liên tục không gián đoạn.

Vì tất cả chúng sinh khai thị vô biên công đức thanh tịnh, khiến cho tất cả chúng sinh an trụ nơi tất cả công đức căn lành. Tùy thuận nhất thiết trí huệ, tất cả đại nguyện đều bình đẳng. Tu tập hạnh Bồ Tát Phổ Hiền rộng lớn. Thường khuyến phát vô lượng chúng sinh, trụ bất khả thuyết bất khả thuyết tam muội đại hạnh Bồ Tát Phổ Hiền rộng lớn, thị hiện thần thông biến hoá đại tự tại.

Phật tử! Đại Bồ Tát này trí huệ như vậy, chứng pháp như vậy, nơi pháp như vậy, suy xét trụ thấy rõ. Đắc được thần lực như vậy, trụ cảnh giới như vậy, hiện thần biến như vậy, khởi thần thông như vậy. Thường an trụ đại bi, thường lợi ích chúng sinh, khai thị chúng sinh an ổn chánh đạo, kiến lập phước trí tràng đại quang minh. Chúng được giải thoát không nghĩ bàn, trụ nơi giải thoát nhất thiết trí, đến bờ giải thoát bên kia của chư Phật.

Học môn phương tiện giải thoát không nghĩ bàn. Đã được thành tựu vào môn pháp giới khác biệt, chẳng có tán loạn. Nơi bất khả thuyết bất khả thuyết tam muội Phổ Hiền, du hí tự tại. Trụ nơi trí huệ sư tử phần tấn, tâm ý vô ngại.

Các vị Phật tử! Vị đại Bồ Tát này, đắc được trí huệ như vậy, chứng được pháp môn như vậy. Đối với pháp này, suy xét chúng được trí huệ thấy rõ. Đắc được thần lực không thể nghĩ bàn, trụ nơi cảnh giới không thể nghĩ bàn, hiện ra thần biến không thể nghĩ bàn, sinh khởi thần thông không thể nghĩ bàn. Thường thường an trụ tâm đại bi, luôn luôn lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho họ phát tâm Bồ đề, thường thường khai thị tất cả chúng sinh, an ổn trụ nơi bờ

đề chánh đạo, kiến lập phước trí tràng đại quang minh. Chúng được giải thoát không nghĩ bàn. Trụ nơi giải thoát nhất thiết trí, đến được bờ giải thoát bên kia của tất cả chư Phật. Học tập môn phương tiện giải thoát không nghĩ bàn, đã được thành tựu vào môn pháp giới khác biệt. Pháp môn tuy rất nhiều, nhưng chẳng có tán loạn. Đối với bất khả thuyết bất khả thuyết tam muội của Bồ Tát Phổ Hiền, nhậm vận du hí tự tại. Trụ nơi trí huệ sư tử phần tán, tâm ý đều không có sự chướng ngại.

Tâm Bồ Tát thường trụ nơi mười đại pháp tạng. Những gì là mười? Đó là: Trụ vào sự nghĩ nhớ tất cả chư Phật. Trụ vào sự nghĩ nhớ tất cả Phật pháp. Trụ nơi đại bi điều phục tất cả chúng sinh. Trụ nơi trí huệ không nghĩ bàn thị hiện cõi nước thanh tịnh. Trụ nơi quyết định giải vào sâu cảnh giới của chư Phật.

Trụ nơi tướng bồ đề bình đẳng của tất cả chư Phật quá khứ vị lai hiện tại. Trụ nơi bờ mé không chướng ngại, không chấp trước. Trụ nơi tất cả pháp tánh vô tướng. Trụ nơi căn lành bình đẳng của tất cả chư Phật quá khứ vị lai hiện tại. Trụ nơi trí tiên đạo thân miệng ý pháp giới không khác biệt của tất cả Như Lai quá khứ, vị lai, hiện

tại. Trụ vào sát na tế, quán sát tất cả chư Phật ba đời, thọ sinh, xuất gia, đến đạo tràng, thành Chánh Giác, chuyển pháp luân, vào Niết Bàn.

Vị đại Bồ Tát này, tâm của Ngài thường trụ ở trong mười đại pháp tạng. Những gì là mười đại pháp tạng? Đó là:

1. Thường trụ nghĩ nhớ danh hiệu của tất cả mười phương chư Phật.

2. Thường trụ nghĩ nhớ pháp của tất cả mười phương chư Phật.

3. Thường trụ tâm đại bi, để điều phục tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

4. Thường trụ trí huệ thị hiện cõi nước thanh tịnh không thể nghĩ bàn.

5. Thường trụ quyết định giải vào sâu cảnh giới của tất cả chư Phật.

6. Thường trụ tướng Bồ Đề bình đẳng của tất cả chư Phật đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại.

7. Thường trụ nơi bờ mé không chướng ngại, không chấp trước.

8. Thường trụ nơi tất cả pháp vô tánh, vô tướng.

9. Thường trụ nơi căn lành bình đẳng của tất cả chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

10. Thường trụ nơi trí tiên đạo thân miệng ý, pháp giới không khác biệt của tất cả chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Hoàn toàn vào sát na tế, quán sát tất cả chư Phật

ba đời, thọ sinh, xuất gia, đến đạo tràng, thành Chánh Giác, chuyển pháp luân, vào Niết Bàn.

Phật tử! Mười đại pháp tạng này rộng lớn vô lượng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả thuyết, vô cùng tận, khó nhẫn thọ. Tất cả trí huệ thế gian, không thể xưng tán tường thuật hết được.

Các vị Phật tử! Mười đại pháp tạng này, rộng lớn vô lượng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả thuyết, vô cùng tận, khó nhẫn thọ. Hết thảy tất cả trí huệ thế gian, không cách chi tán thán khen ngợi, tường thuật hết được.

Phật tử! Đại Bồ Tát này đã đến được bờ bên kia các hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền. Chứng được pháp thanh tịnh, chí lực rộng lớn. Khai thị chúng sinh vô lượng căn lành, tăng trưởng tất cả thế lực của Bồ Tát. Trong khoảng niệm niệm, đầy đủ tất cả công đức của Bồ Tát, thành tựu tất cả các hạnh của Bồ Tát, đắc được pháp đà la ni của tất cả chư Phật, thọ trì pháp của tất cả chư Phật nói. Tuy thường an trụ chân như thật tế, mà tùy thuận tất cả lời nói của thế tục, thị hiện điều phục tất cả chúng sinh.

Tại sao? Vì đại Bồ Tát trụ tam muội này, pháp như vậy.

Các vị Phật tử! Vị đại Bồ Tát này, đã đến được bờ bên kia tất cả các hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền tu. Chứng được pháp thanh tịnh, chí lực rộng lớn vô biên. Khai thị tất cả chúng sinh, đắc được vô lượng căn lành, tăng trưởng tất cả oai đức thế lực của Bồ Tát tu. Trong khoảng mỗi một niệm, đầy đủ tất cả công đức của Bồ Tát tu, thành tựu hết thảy tất cả hạnh của Bồ Tát, đắc được pháp đà la ni của tất cả chư Phật, thọ trì pháp của tất cả chư Phật nói. Tuy thường an trụ ở trong chân như thật tế, mà có thể tùy thuận tất cả lời nói của thế tục. Thị hiện điều phục tất cả chúng sinh cương cường. Tại sao? Vì khi đại Bồ Tát trụ nơi tam muội Vô ngại luân, cho nên pháp như vậy.

Phật tử! Đại Bồ Tát nhờ tam muội này, mà đắc được trí rộng lớn của tất cả chư Phật. Được biện tài tự tại khéo nói tất cả pháp rộng lớn. Được pháp vô úy thanh tịnh thù thắng nhất trong tất cả thế gian. Được trí huệ vào tất cả tam muội. Được phương tiện khéo léo của tất cả Bồ Tát. Được môn quang minh của tất cả các pháp. Đến được bờ bên kia an ổn tất cả thế gian pháp. Biết tất cả chúng sinh thời, phi thời. Chiếu mười phương thế giới tất cả mọi nơi,

khiến cho tất cả chúng sinh được thắng trí. Làm Vô thượng sư của tất cả thế gian, an trụ nơi tất cả các công đức, khai thị cho tất cả chúng sinh tam muội thanh tịnh, khiến cho họ vào trí huệ tối thượng. Tại sao?

Các vị Phật tử! Đại Bồ Tát nhờ trụ vào tam muội này, mà đắc được mười thứ cảnh giới. Những gì là mười?

1. Đắc được hết thấy trí huệ rộng lớn của tất cả chư Phật.

2. Đắc được phương tiện khéo léo, biện tài vô ngại nhậm vận tự tại, để nói tất cả Phật pháp rộng lớn.

3. Đắc được pháp vô úy thanh tịnh thù thắng nhất trong tất cả thế gian.

4. Đắc được trí huệ vào tất cả tam muội.

5. Đắc được pháp môn có đủ phương tiện khéo léo của tất cả Bồ Tát.

6. Đắc được môn quang minh của tất cả các pháp.

7. Đến được bờ bên kia an ổn tất cả thế gian pháp.

8. Biết tất cả chúng sinh thời, phi thời.

9. Chiếu mười phương thế giới tất cả mọi nơi, khiến cho tất cả chúng sinh được trí huệ thù thắng.

10. Làm vô thượng sư của tất cả thế gian, an trụ nơi tất cả các công đức, khai thị cho tất cả chúng sinh đắc được tam muội thanh tịnh, khiến cho họ vào trí huệ tối thượng. Tại sao?

Vì đại Bồ Tát tu hành như vậy, thì lợi ích chúng sinh, tăng trưởng đại bi, gần gũi

thiện tri thức, thấy được tất cả chư Phật, thấu rõ tất cả các pháp, đến được tất cả cõi Phật, vào được tất cả phương, vào tất cả thế gian, ngộ tất cả pháp tánh bình đẳng, biết tất cả chư Phật tánh bình đẳng, trụ nhất thiết trí tánh bình đẳng.

Đại Bồ Tát tu hành tất cả Bồ Tát đạo như vậy, thì có mười thứ cảnh giới, những gì là mười? Đó là:

1. Hay lợi ích tất cả chúng sinh.
2. Hay tăng trưởng đại bi.
3. Hay gân gũi thiện tri thức.
4. Hay thấy được tất cả chư Phật.
5. Hay thấu rõ tất cả Phật pháp.
6. Hay đến được tất cả cõi nước chư Phật.
7. Hay vào tất cả địa phương.
8. Hay vào tất cả thế gian.
9. Hay ngộ tánh bình đẳng của tất cả pháp.
10. Hay biết tánh bình đẳng của tất cả chư Phật, thì trụ nhất thiết trí tánh bình đẳng.

Ở trong pháp đó, tạo nghiệp như vậy, chẳng tạo nghiệp khác. Trụ tâm chưa đủ, trụ tâm chẳng tán loạn, trụ tâm chuyên nhất, trụ tâm siêng tu, trụ tâm quyết định, trụ tâm chẳng biến đổi. Tư duy như vậy, tạo nghiệp như vậy, rốt ráo như vậy.

Ở trong pháp đó, tạo nghiệp thanh tịnh, chẳng tạo nghiệp nhiễm ô. Trụ tâm vì pháp chưa đầy đủ, trụ tâm chẳng tán loạn, trụ tâm chuyên nhất, trụ tâm siêng tu hành, trụ tâm quyết định, trụ tâm chẳng biến đổi. Bồ Tát tư duy như vậy, tạo nghiệp như vậy, rốt ráo như vậy, tức cũng là pháp môn tu hành, đều làm đến cực điểm.

Phật tử! Đại Bồ Tát không nói khác, làm khác, mà nói như thật, làm thật. Tại sao?

Các vị Phật tử! Đại Bồ Tát chẳng nói hai lời, chẳng làm hai dạng. Những lời nói ra, đều như pháp, việc làm đều hợp pháp. Đây là nguyên nhân gì? Ở dưới đây có đưa ra mười ví dụ để nói rõ.

1. Ví dụ kim cang bất hoại.
2. Ví dụ sắc đẹp vàng thật.
3. Ví dụ ánh sáng mặt trời.
4. Ví dụ bốn ngọn núi Tu Di.
5. Ví dụ đại địa giữ gìn.
6. Ví dụ biển cả chứa nước.
7. Ví dụ tướng quân khai chiến.
8. Ví dụ luân vương hộ đời.
9. Ví dụ cây trồng lớn lên.
10. Khi mưa sinh giống.

Ví như kim cang, nhờ không thể hoại mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi sự bất hoại. Đại Bồ Tát cũng lại như thế,

nhờ tu hành các pháp mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi tu hành các pháp.

Giống như kim cương, ví nó kiên cố, không dễ gì phá hoại, cho nên được tên là kim cương, trọn không khi nào phá hoại được. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì tu lục độ vạn hạnh, mà được tên là Bồ Tát, trọn không khi nào lìa khỏi lục độ vạn hạnh.

Ví như vàng thật, nhờ có màu sắc đẹp mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi màu sắc đẹp. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ các nghiệp lành mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi các nghiệp lành.

Giống như vàng thật, nhờ màu sắc đẹp của nó mà khiến cho mọi người ưa thích, cho nên được tên là vàng thật, trọn không khi nào lìa khỏi màu sắc đẹp. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì làm tất cả nghiệp lành, để lợi ích tất cả chúng sinh, cho nên được tên là Bồ Tát, trọn không khi nào lìa khỏi tất cả nghiệp lành.

Ví như mặt trời, nhờ ánh sáng mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi ánh sáng. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ trí huệ quang minh mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi trí huệ quang minh.

Giống như mặt trời, nhờ có ánh sáng chiếu khắp thế gian, khiến cho tất cả đều được lợi ích, cho nên gọi là mặt trời, trọn không khi nào lìa khỏi ánh sáng. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì có trí huệ quang minh, cho nên được tên Bồ Tát, trọn không khi nào lìa khỏi trí huệ quang minh.

Ví như núi chúa Tu Di, nhờ bốn ngọn núi báu, ở tại biển cả, cao lớn sừng sững mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi bốn ngọn núi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ các căn lành, ở tại thế gian, cao lớn vòi vọi mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi căn lành.

Giống như núi chúa Tu Di, có bốn ngọn núi báu, ở giữa biển cả, cao lớn sừng sững mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi bốn ngọn núi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ các căn lành, ở tại thế gian, cao lớn vòi vọi hơn tất cả chúng sinh, mà được tên Bồ Tát, trọn không khi nào lìa khỏi tất cả căn lành.

Ví như đại địa, nhờ giữ gìn tất cả vạn vật mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi năng giữ. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ độ tất cả mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi đại bi.

Giống như đại địa, nhờ giữ gìn tất cả vạn vật, mà được tên là đại địa, trọn không khi nào lìa khỏi năng giữ.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ độ thoát tất cả chúng sinh, cho nên được tên là Bồ Tát, trọn không khi nào lìa khỏi tâm đại bi.

Ví như biển cả, nhờ chứa các dòng nước mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi nước. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ các đại nguyện mà được tên, trọn không khi nào tạm lìa khỏi nguyện độ chúng sinh.

Giống như biển cả, vì nó dung chứa tất cả các dòng nước, cho nên được tên là biển cả, trọn không khi nào lìa khỏi nước. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ tất cả các đại nguyện cứu chúng sinh thọ khổ, cho nên được tên Bồ Tát, trọn không khi nào tạm lìa khỏi nguyện độ chúng sinh.

Ví như tướng quân, nhờ giỏi tập luyện phương pháp chiến đấu mà được tên, trọn không khi nào lìa khỏi tài năng này. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ giỏi tu tập tam muội như vậy mà được tên, cho đến thành tựu trí huệ nhất thiết trí, trọn không khi nào lìa khỏi hạnh này.

Giống như tướng quân, ở trong trận mạc, quyết thắng ngoài ngàn dặm, đều thắng lợi, đi đến đâu thắng đến đó, bách chiến bách thắng. Hiểu rõ thao lược tôn tử binh

pháp. Vì thích chiến đấu, cho nên được tên là đại tướng quân, trọn không khi nào lìa khỏi khoa sự như thần, chưa bói đã biết trước. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ giỏi tu tập tam muội như vậy mà được tên Bồ Tát, cho đến thành tựu trí huệ nhất thiết trí, trọn không khi nào lìa khỏi từ bi hi xả bốn tâm vô lượng.

Ví như Chuyển Luân Vương, thống trị bốn thiên hạ, thường siêng bảo hộ tất cả chúng sinh, khiến cho không hoạn tử, luôn được an lạc. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vào các đại tam muội như thế, thường siêng hoá độ tất cả chúng sinh, cho đến khiến cho họ rốt ráo được thanh tịnh.

Giống như Chuyển Luân Thánh Vương, thống trị bốn thiên hạ, thường siêng bảo hộ tất cả chúng sinh, khiến cho hết thảy chúng sinh không có tai nạn hoạn tử, luôn luôn được an lạc vô tỉ. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vào các đại tam muội như thế, thường siêng giáo hoá độ thoát tất cả chúng sinh, cho đến khiến cho tất cả chúng sinh, rốt ráo được thanh tịnh.

Ví như hạt giống gieo trồng xuống đất, cho đến hay làm cho cành lá lớn lên. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tu hạnh Phổ Hiền, cho đến hay khiến cho tất cả chúng sinh tăng trưởng pháp lành.

Giống như hạt giống gieo trồng xuống đất, cho đến hay làm cho nảy mầm, sinh rễ, ra cành lá lớn lên, nở hoa, kết trái, lớn lên dần dần mà thành thực. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tu hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền tu, cho đến hay khiến cho tất cả chúng sinh, ngày càng tăng trưởng hết thảy pháp lành.

Ví như mây lớn, tháng mùa hè nóng nực, đổ mưa lớn xuống, cho đến tăng trưởng tất cả hạt giống.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vào các đại tam muội như vậy, tu hạnh Bồ Tát, mưa đại pháp vũ. Cho đến hay khiến cho tất cả chúng sinh rất ráo được thanh tịnh. Rất ráo được Niết Bàn. Rất ráo được an ổn. Rất ráo đến bờ bên kia. Rất ráo hoan hỷ. Rất ráo dứt nghi.

Vì các chúng sinh làm ruộng phước rất ráo. Khiến cho nghiệp bố thí của họ đều được thanh tịnh. Khiến cho họ đều trụ đạo bất thối chuyển. Khiến cho họ đồng được trí nhất thiết trí. Khiến cho họ đều được thoát khỏi ba cõi. Khiến cho họ đều được trí rất ráo. Khiến cho họ đều được pháp

rốt ráo của chư Phật Như Lai. Đặt để chúng sinh nơi nhất thiết trí. Tại sao?

Giống như mây lớn, tháng mùa hè nóng nực, thường đổ mưa lớn xuống, cho đến tăng trưởng tất cả hạt giống. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vào các đại tam muội như vậy, tu hạnh của Bồ Tát tu, mưa đại pháp vũ, đánh trống pháp lớn, thổi loa pháp lớn, chuyển đại pháp luân, giáo hoá tất cả chúng sinh.

Cho đến hay khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo đắc được pháp thanh tịnh, lìa khỏi pháp nhiễm ô, tức cũng là đắc được giới định huệ ba học, lìa khỏi tham sân si ba độc, khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo được Niết Bàn, tức cũng là không sinh không diệt, đắc được thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức. Khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo được an ổn, chẳng có mọi phiền não. Khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo đến được bờ bên kia, chẳng còn thọ khổ trong luân hồi. Khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo được hoan hỷ. Khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo dứt được nghi.

Bồ Tát vì hết thảy chúng sinh làm ruộng phước rốt ráo, khiến cho tất cả chúng sinh chẳng chấp tướng bố thí, chẳng chấp tướng thọ, đều được thanh tịnh. Khiến cho tất cả chúng sinh đều trụ nơi giác đạo A nậu đa la tam muội tam bồ đề. Khiến cho tất cả chúng sinh đồng được trí nhất thiết trí. Khiến cho tất cả chúng sinh đều được thoát khỏi nhà lửa ba cõi. Khiến cho tất cả chúng sinh đều được trí huệ rốt ráo. Khiến cho tất cả chúng sinh đều được pháp yếu rốt ráo của chư Phật. Đặt để chúng sinh nơi nhất thiết trí. Tại sao phải như vậy?

Vì đại Bồ Tát thành tựu pháp này, trí huệ sáng tỏ, mà vào môn pháp giới, hay thanh tịnh vô lượng các hạnh không thể nghĩ bàn của Bồ Tát. Đó là:

Hay tịnh các trí, vì cầu nhất thiết trí. Hay tịnh chúng sinh, vì khiến cho điều phục. Hay tịnh cõi nước, vì thường hồi hướng. Hay tịnh các pháp, vì khắp biết rõ. Hay tịnh chẳng sợ, vì chẳng khiếp sợ. Hay tịnh vô ngại biện, vì khéo diễn nói. Hay tịnh đà la ni, vì nơi tất cả pháp được tự tại. Hay tịnh hạnh gần gũi, vì thường thấy tất cả chư Phật ra đời.

Vì đại Bồ Tát thành tựu pháp này, trí huệ đã sáng tỏ, mà vào môn pháp giới, cho nên hay thanh tịnh vô lượng các hạnh không thể nghĩ bàn của Bồ Tát. Đó là: Hay thanh tịnh nhất thiết trí, vì cầu được nhất thiết trí huệ. Hay thanh tịnh tất cả chúng sinh, vì khiến cho chúng sinh càng càng bị điều phục. Hay tịnh tất cả cõi nước, vì thường hồi hướng công đức, cầu trang nghiêm cõi nước thanh tịnh. Hay thanh tịnh tất cả các pháp, vì khắp biết rõ. Hay thanh tịnh không sợ, vì có đức hạnh, cho nên chẳng khiếp sợ. Hay thanh tịnh vô ngại biện, vì khéo léo diễn nói tất cả các pháp. Hay thanh tịnh đà la ni, vì trong tất cả pháp được tự tại. Hay thanh tịnh hạnh gần gũi chư Phật, vì thường thấy tất cả chư Phật xuất hiện ra đời.

Phật tử! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, đắc được trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết bất khả thuyết, công đức thanh tịnh như vậy. Vì trong các cảnh giới tam muội như vậy được tự tại. Vì được tất cả chư Phật gia bị. Vì nhờ sức căn lành của mình mà ra. Vì vào bậc trí huệ đại oai lực. Vì nhờ sức các thiện tri thức dẫn đường. Vì sức hàng phục tất cả các ma. Vì sức đồng phạm căn lành thuần tịnh. Vì sức thệ nguyện ưa thích rộng lớn. Vì sức trồng căn lành thành tựu. Vì sức vô đối của phước vô tận vượt qua các thế gian.

Các vị Phật tử! Khi đại Bồ Tát trụ tam muội vô ngại luân, đắc được trăm ngàn ức na do tha bất khả thuyết bất khả thuyết công đức thanh tịnh như vậy.

Bồ Tát đối với tam muội này, đắc được mười thứ lực. Những gì là mười?

1. Vì đắc được cảnh giới tam muội nhậm vận tự tại.
2. Vì được tất cả chư Phật gia bị.
3. Vì nhờ sức căn lành thuở xưa của mình mà ra.
4. Vì vào bậc trí huệ có đại oai lực.
5. Vì nhờ sức các thiện tri thức dẫn đường.
6. Vì sức hàng phục tất cả các ma.
7. Vì sức đồng phạm căn lành thuần tịnh.

8. Vì sức thệ nguyện ưa thích rộng lớn.
9. Vì sức trồng căn lành thành tựu.
10. Vì sức vô đối của phước vô tận vượt qua các thế gian.

Bồ Tát phát bốn hoằng thệ nguyện:

"Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

Chúng ta là người học Phật pháp, cũng phải phát bốn đại nguyện này, mỗi ngày phải y chiếu bốn đại nguyện này mà thực hành, thì mới có sự tiến bộ. Bằng không, miệng đọc thuộc lòng, nhưng chẳng thực hành, thì chẳng có chút ích lợi gì. Chẳng những không thể độ chúng sinh, mà cho đến chính mình cũng cứu không được. Nay giải thích sơ lược bốn đại nguyện này:

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ: Trước hết phải hỏi quang phản chiếu, tự mình hỏi mình, độ được chúng sinh chưa? Nếu có độ chúng sinh, nhưng đừng có chấp trước vào tướng chúng sinh. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Tôi phải diệt độ tất cả chúng sinh
Diệt độ tất cả chúng sinh rồi,
Mà không có một chúng sinh thật được diệt độ".

Ý nghĩa này dạy mọi người đừng chấp trước vào công đức của mình, đừng chấp trước vào tướng độ chúng sinh, do đó:

"Độ sinh lìa tướng, lìa tướng độ sinh".

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn: Trước hết phải phản tỉnh, nhìn xem phiền não của mình đã dứt chưa? Hiện nay nói thật với các vị, phiền não của tôi cũng chưa dứt, nhưng muốn dứt phiền não. Nói ra thật là xấu hổ, giảng kinh nhiều năm rồi, mà vô minh vẫn chưa phá, phiền não vẫn chưa dứt, thật có lỗi các vị, cho nên phiền não của các vị cũng rất nhiều.

Song, tôi sớm đã từng nói với các vị: "Tôi muốn hoá duyên với các vị, muốn hoá duyên lớn, chẳng hoá duyên nhỏ". Thế nào là duyên lớn? Tức là không hình không tướng. Thế nào là duyên nhỏ? Nghĩa là có hình có tướng. Nóng giận phiền não là không hình không tướng; tiền bạc châu báu là có hình có tướng. Mười mấy năm trước tôi đã từng nói qua: "Hãy đem nóng giận phiền não của quý vị, bố thí hết cho tôi". Tôi hoan hỷ phiền não, tôi muốn ăn cơm phiền não, tôi muốn mặc y phiền não, tôi muốn ở nhà phiền não, tôi muốn ngồi toà phiền não, nhưng các vị không để ý đến, không bố thí bỏ được, vẫn giữ lại để chính mình dùng. Bất cứ xuất gia bao nhiêu năm? Nếu không bố thí phiền não, thì vĩnh viễn không thể chứng đạo.

Làm thế nào không có phiền não? Thì phải xem tất cả chúng sinh đều là Phật. Nếu trực tiếp đối với tất cả chúng sinh sinh phiền não, cũng giống như gián tiếp đối với tất cả chư Phật mà sinh phiền não. Chúng ta là đệ tử của Phật, không thể đối với Phật sinh phiền não, cho nên phải dứt trừ phiền não.

Người nào không chịu bố thí phiền não? Đó là người ngu. Người có trí huệ, thì không có phiền não. Tôi thường nói:

"Mọi việc đều đi qua

Nóng giận khó hoá giải
Thật không sinh nóng giận
Tức được báu vô giá.
Lại đừng có oán người
Mọi việc đều tốt đẹp
Phiền não vĩnh không sinh
Oan nghiệt biết đâu tìm!
Thường nhìn người không đúng
Khổ của mình chẳng dứt".

Mấy câu này đã nói với quý vị nhiều lần, nhưng các vị coi như gió thoảng qua tai, chẳng lưu lại trong tâm, nói xong quên mất, qua rồi không nhớ nữa.

Tại sao hay có phiền não? Vì có nghiệp chướng, có oan nghiệt. Trong vô lượng kiếp đến nay, giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hoà hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu – phạm tội ngũ nghịch. Tóm lại, phạm là ở trong Tăng đoàn, đâm thọc ly gián, nói thị nói phi, khiến cho Tỳ Kheo nghi ngờ, thậm chí tạo ra đủ thứ việc không tốt, đó là phá hoà hợp tăng. Nếu phá hoại quy cụ trong đạo tràng, khiến cho đạo tràng không được an ổn, tạo ra nhiều việc phiền não, đó là làm thân Phật chảy máu. Tạo năm tội ngũ nghịch này, nghĩ muốn tu hành, thì những tội nghiệt này tìm đến nhiều loạn, khiến cho bạn không thể tĩnh tâm tu hành, vọng tưởng lung tung, phiền não trùng trùng.

Người có bệnh hoạn, là vì có nghiệp chướng, oan nghiệt đến tác quái, khiến cho tinh thần của bạn hoảng hốt, không tự làm chủ được. Phạm là người mạnh khoẻ, là do chẳng tạo oan nghiệt.

Vì trong quá khứ chúng ta chẳng giữ năm giới, chẳng làm mười điều lành, cho nên chẳng có căn lành. Đời này muốn phát bồ đề tâm, nhưng ma lại đến nhiễu loạn. Vậy, phải làm bằng cách nào? Hãy mau sám hối sửa lỗi làm con người mới, tâm bình khí hoà, sửa lỗi triệt để, làm mới triệt để. Nên nhớ! Không thể nửa sửa, nửa không sửa, đó là hành vi gạt chính mình. Tu hành phải chân đạp xuống đất, không thể xen tạp thành phần hư nguy ở trong tâm. Tu đạo tức là tu thành thật, do đó: "Tâm thành tức linh", tâm thành đến cực điểm thì sẽ có cảm ứng. Nhà Nho có nói: "Tinh thành sở chí, kim thạch vi khai".

Chúng ta lúc nào cũng phải kiểm thảo chính mình, xem thử phiền não đã dứt chưa? Nếu chưa dứt thì sớm dứt trừ, còn nếu đã dứt thì đừng để nó sinh ra nữa. Phiền não là thứ tệ nhất, phiền thân não tâm, là đá buộc chân người tu đạo.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học: Mỗi ngày các vị đến nghe kinh, nghiên cứu Phật pháp, song danh tướng cũng không nhớ.

- Hỏi: Thế nào là tứ niệm xứ? Tôi không biết.

- Hỏi: Thế nào là ngũ căn? Có phải hôm qua tôi đốt hương ngũ căn chẳng?

- Hỏi: Thế nào là lục độ? Con người của tôi chẳng có sáu cái bụng!

- Hỏi: Thế nào là bát chánh đạo? Đại khái là tám con đường!

- Hỏi: Thế nào là thập lực? Có phải là mười sức lực chẳng!

- Lại hỏi: Thế nào là mười tám pháp bất cộng? Lại không biết. Một hỏi ba không biết, đến học Phật pháp như vậy có tiến bộ chăng!

Pháp môn thì vô lượng, thử hỏi mình học chưa? Nếu chưa học, thì hãy mau học. Nếu đã học rồi, thì càng phải học cho nhiều. Phải dũng mãnh tinh tấn, siêng học Phật pháp, thì tương lai có thể trợ giúp Phật hoàng pháp, hoàn thành nhiệm vụ là Phật giáo đồ. Bằng không, "Thư đáo dụng thời phương hận thiếu", đến lúc dùng, hậu hối cũng không kịp. "Sự phi kinh quá bất tri nan". Nghe người ta giảng kinh thuyết pháp, cảm thấy rất dễ dàng. Song, khi mình giảng thì mới biết mùi vị của nó chẳng đơn giản, phải trải qua một phen công phu khổ cực, thì mới được thắng lợi, không thể làm á dương tăng.

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành: Lời nguyện này phải nương vào công phu thật để thành tựu, chẳng phải nói suông, mà là thực hành. Nói mà làm không được, thì vĩnh viễn không thể thành đạo. Tự mình hỏi mình Phật đạo đã thành chưa? Nếu chưa thành, thì hãy mau y pháp tu hành, tương lai nhất định sẽ thành Phật đạo.

Bốn hoàng thế nguyện này, các vị phải ghi nhớ mà thực hành, đừng cô phụ mục đích mỗi ngày đến nghe kinh. Nghe kinh là vì khai ngộ, khai ngộ mới có thể thành Phật, cho nên nói Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Phật tử! Đại Bồ Tát trụ tam muội này, được mười pháp, đồng với tất cả chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Những gì là mười?

Đó là: Được các tướng tốt đủ thứ sự trang nghiêm, đồng với chư Phật. Hay phóng lưới đại quang minh thanh tịnh, đồng với chư Phật. Thần thông biến hoá điều phục chúng sinh, đồng với chư Phật. Vô biên sắc thân thanh tịnh viên âm, đồng với chư Phật. Tuỳ chúng sinh nghiệp, hiện tịnh cõi Phật, đồng với chư Phật.

Hết thấy lời lẽ của tất cả chúng sinh, đều nhiếp trì được không quên, không mất, đồng với chư Phật. Vô tận biện tài, tuỳ tâm chúng sinh mà chuyển pháp luân, khiến cho sinh trí huệ, đồng với chư Phật. Đại sư tử hống, không khiếp sợ, dùng vô lượng pháp, khai ngộ quần sinh, đồng với chư Phật.

Trong khoảng một niệm, dùng đại thần thông vào khắp ba đời, đồng với chư Phật. Khắp hiển bày cho tất cả chúng sinh biết, sự trang nghiêm của chư Phật, oai lực của chư Phật, cảnh giới của chư Phật, đồng với chư Phật.

Các vị Phật tử! Khi đại Bồ Tát trụ tam muội vô ngại luân, đắc được mười pháp, đồng với tất cả chư Phật đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Những gì là mười? Đó là:

1. Bồ Tát đắc được 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, đủ thứ sự trang nghiêm, đồng với chư Phật.

2. Bồ Tát hay phóng lưới đại quang minh thanh tịnh ở trong hư không, đồng với chư Phật.

3. Bồ Tát dùng thần thông biến hoá để điều phục tất cả chúng sinh, đồng với chư Phật.

4. Bồ Tát có vô biên sắc thân và viên âm thanh tịnh, đồng với chư Phật. Phật có tám âm:

a. Âm cực tốt.

b. Âm nhẹ nhàng.

c. Âm hài hoà.

d. Âm êm tai.

e. Âm chẳng phải người nữ.

f. Âm chẳng lầm.

g. Âm sâu xa.

h. Âm chẳng hết được.

5. Bồ Tát tùy nghiệp của chúng sinh tạo ra, mà hiện cõi Phật thanh tịnh, đồng với chư Phật.

6. Bồ Tát đối với hết thảy lời lẽ của tất cả chúng sinh, như phi cầm có lời lẽ của phi cầm, tẩu thú có lời lẽ của tẩu thú, cá rùa có lời lẽ của cá rùa, côn trùng có lời lẽ của côn trùng. Tóm lại, phi tiềm động thực, đều có lời lẽ của chúng. Tất cả lời lẽ Bồ Tát đều nhiếp trì, không quên không mất, đồng với chư Phật.

7. Biện tài của Bồ Tát như nước sông lớn chảy, thao thao bất tuyệt, chẳng có khi nào cùng tận. Bồ Tát có trí huệ phương tiện khéo léo, tùy thuận tâm niệm của chúng sinh,

mà thường chuyên đại pháp luân, khiến cho chúng sinh đắc được trí huệ, đồng với chư Phật.

8. Bồ Tát có oai lực của đại sư tử hồng, trong Chứng Đạo Ca có nói :

"Sư tử hồng, vô úy thuyết.
Bách thú văn chi giai não liệt,
Hương tượng bốn ba thất cước uy,
Thiên long tịch thính sinh hân duyệt",

Chẳng có khi nào khiếp sợ. Dùng vô lượng pháp môn, để khai ngộ tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, bỏ tà theo chánh, thân tâm kiện Khang, tu tướng thuần chánh, đồng với chư Phật.

9. Bồ Tát trong khoảng một niệm, dùng đại oai thần thông lực vào khắp cảnh giới ba đời vô ngại, đồng với chư Phật. Có thể đem ba đời dời đi, đời quá khứ tuy đã quá khứ, song có thể dời đến hiện tại. Hiện tại tuy không ngừng, song có thể dời đến vị lai. Đời vị lai tuy chưa đến, song có thể dời về quá khứ. Lý luận cảnh giới này là của bậc trí, người thế tục khó mà tin được. Tại sao ? Vì sự chấp trước của người thế tục quá sâu, cho rằng quá khứ tức là quá khứ, hiện tại tức là hiện tại, vị lai tức là vị lai. Làm sao mà dời đổi được ? Làm đảo lộn thời gian, đâu có lý này !

Người thế tục không hiểu được đạo lý ba đời vô ngại. Thật ra mà nói, vốn chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai, chẳng có hiện tại. Bất quá, tâm chấp trước của chúng sinh khởi phân biệt mà thôi. Ở trong đại viên cảnh trí của chư Phật, ba đời không phân biệt. Ở trong thức A lại da của chúng sinh, ba đời có sự phân biệt. Cho nên, trong Kinh Kim Cang nói :

"Tâm quá khứ bất khả đắc
Tâm hiện tại bất khả đắc
Tâm vị lai bất khả đắc".

Đó là đạo lý thấu rõ ba tâm bất khả đắc, tức cũng là dạy con người đừng chấp trước, đừng có tâm phân biệt. Phải có tư tưởng viên dung vô ngại. Do đó : "Dọc bao thái hư, ngang khắp sa giới", phóng tâm lượng rộng lớn.

10. Bồ Tát khắp hiển bày cho tất cả chúng sinh, biết sự trang nghiêm của chư Phật, oai lực của chư Phật, cảnh giới của chư Phật, tất cả tất cả đồng với chư Phật, chẳng có gì khác biệt.

Bấy giờ, Bồ Tát Phổ Nhãn bạch với Bồ Tát Phổ Hiền rằng : Phật tử ! Đại Bồ Tát này được pháp như vậy, đồng với các Như Lai, sao chẳng gọi là Phật ? Sao chẳng gọi là bậc Thập lực ? Sao chẳng gọi là bậc Nhất thiết trí ? Sao chẳng gọi là bậc được bồ đề trong trong tất cả pháp ? Sao chẳng gọi là bậc thấy khắp ? Sao chẳng gọi là bậc thấy vô ngại trong tất cả cảnh ? Sao chẳng gọi là bậc giác tất cả pháp ? Sao chẳng gọi bậc trụ không hai với ba đời chư Phật ? Sao chẳng gọi bậc trụ thật tế ? Tại sao tu hành hạnh nguyện Phổ Hiền chưa từng

ngừng nghỉ ? Tại sao không thể rốt ráo pháp giới xả Bồ Tát đạo ?

Lúc đó, Bồ Tát Phổ Nhân bèn nói với Bồ Tát Phổ Hiền rằng : "Đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này đắc được đủ thứ pháp như vậy, đồng với cảnh giới của chư Phật, chẳng có khác biệt. Song, tại sao chẳng phải là Phật ? Tôi thật chẳng minh bạch. Xin nhân giả từ bi, chỉ thị mười một vấn đề dưới đây, trả lời rõ ràng những vấn đề này tại sao ?

1. Tại sao chẳng gọi là Phật ?
2. Tại sao chẳng gọi là bậc Thập lực ?
3. Tại sao chẳng gọi là bậc Nhất thiết trí ?
4. Tại sao chẳng gọi là bậc Được bồ đề trong trong tất cả pháp ?
5. Tại sao chẳng gọi là bậc Thấy khắp ?
6. Tại sao chẳng gọi là bậc Thấy rõ viên dung vô ngại trong tất cả cảnh giới ?
7. Tại sao chẳng gọi là bậc Giác ngộ tất cả pháp ?
8. Tại sao chẳng gọi là bậc Trụ không hai với ba đời chư Phật ?
9. Tại sao chẳng gọi là bậc Trụ thật tế lý thể ?
10. Tại sao vị đại Bồ Tát này, tu hành hạnh nguyện của Phổ Hiền chưa từng ngừng nghỉ ? Tức nhiên đồng với chư Phật, phải nên ngừng nghỉ, không cần tu hành nữa.
11. Tại sao vị đại Bồ Tát này, không thể rốt ráo pháp giới các pháp thật tướng ? Chưa xả bỏ đạo của Bồ Tát tu ? Tức nhiên vẫn tu Bồ Tát đạo, làm sao đồng với chư Phật ?

Bồ Tát Phổ Nhân Ngài đương nhiên minh bạch mười một vấn đề này, nhưng vì nghĩ đến đại chúng trong pháp hội Hoa Nghiêm, và tất cả chúng sinh tương lai, nên thỉnh

Bồ Tát Phổ Hiền giải đáp. Đây tức là tinh thần của Bồ Tát, nguyện làm ảnh hưởng chúng, thay thế chúng sinh để thỉnh pháp.

Bấy giờ, Bồ Tát Phổ Hiền nói với Bồ Tát Phổ Nhân rằng : Lành thay Phật tử ! Như lời Ngài hỏi, nếu đại Bồ Tát này đồng với tất cả chư Phật, tại sao chẳng gọi là Phật, cho đến không thể xả bỏ Bồ Tát đạo ?

Lúc đó, Bồ Tát Phổ Hiền nói với Bồ Tát Phổ Nhân rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Đệ tử của Phật ! Như lời Ngài hỏi, nếu đại Bồ Tát này đồng với tất cả chư Phật, tại sao chẳng gọi là Phật, cho đến không thể xả bỏ Bồ Tát đạo ?"

Phật tử ! Đại Bồ Tát này, đã tu tập đủ thứ hạnh nguyện của tất cả Bồ Tát đời quá khứ, vị lai, hiện tại, vào cảnh giới trí huệ, tức gọi là Phật. Ở chỗ Như Lai tu hạnh Bồ Tát, không có ngừng nghỉ, gọi là Bồ Tát.

Các lực của Như Lai, thấy đều đã vào, tức gọi là thập lực. Tuy thành mười lực, thực hành hạnh Phổ Hiền mà không ngừng nghỉ, gọi là Bồ Tát.

Biết tất cả pháp mà hay diễn nói, gọi là nhất thiết trí. Tuy hay diễn nói tất cả các pháp, nơi mỗi mỗi pháp tư duy khéo léo, chưa từng ngừng nghỉ, gọi là Bồ Tát.

Biết tất cả pháp không có hai tướng, tức gọi là ngộ tất cả pháp. Nơi đạo tất cả các pháp sai biệt, hai mà chẳng hai, khéo léo quán sát, triển chuyển tăng trưởng, không có ngừng nghỉ, gọi là Bồ Tát.

Đã thấy rõ cảnh giới phổ nhãn, gọi là phổ nhãn. Tuy chứng được cảnh giới phổ nhãn, niệm niệm tăng trưởng, chưa từng ngừng nghỉ, gọi là Bồ Tát.

Nơi tất cả pháp, thấy đều chiếu rõ, là các ám chướng, gọi là thấy vô ngại. Bậc thấy vô ngại thường siêng nghĩ nhớ, gọi là Bồ Tát.

Phật tử ! Xin chú ý lắng nghe, nay tôi sẽ nói rõ ràng về mười một vấn đề này.

1. Đại Bồ Tát này, đã tu hành học tập đủ thứ hạnh nguyện của tất cả Bồ Tát quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời, vào cảnh giới nhất thiết trí huệ, liền gọi là Phật. Song, ở chỗ chư Phật vẫn tu hạnh Bồ Tát, không có lúc nào ngừng nghỉ, cho nên gọi là Bồ Tát.

2. Vị đại Bồ Tát này, đối với mười lực của chư Phật, thấy đều chứng được, liền gọi là thập lực. Tuy đã thành tựu thập lực, nhưng vẫn phải tu hành hạnh môn của Bồ Tát Phổ Hiền, chẳng có lúc nào ngừng nghỉ, cho nên gọi là Bồ Tát.

3. Vị đại Bồ Tát này, biết tất cả các pháp, minh bạch tất cả nghĩa, hay vì tất cả chúng sinh diễn nói nghĩa lý diệu pháp, liền gọi là nhất thiết trí. Tuy hay diễn nói tất cả các pháp, nhưng ở trong mỗi thứ pháp, dùng thiện xảo để tư duy, chưa từng dừng lại, hoặc ngừng nghỉ, cho nên gọi là Bồ Tát.

4. Vị đại Bồ Tát này, biết tất cả các pháp, không có hai tướng, dù một tướng cũng không có, tức gọi là ngộ tất cả pháp. Vì đối với đạo lý hai tướng chẳng tướng, phân biệt tất cả các pháp, dùng thiện xảo để quán sát, triển chuyển tăng trưởng, không có lúc nào ngừng nghỉ, cho nên gọi là Bồ Tát.

5. Vị đại Bồ Tát này, đã thấy rõ cảnh giới phổ nhãn, tức gọi là phổ nhãn. Tuy chứng được cảnh giới phổ nhãn, nhưng niệm niệm tăng trưởng, vẫn phải hướng về trước cầu tiến bộ, chưa từng ngừng nghỉ, cho nên gọi là Bồ Tát.

6. Vị đại Bồ Tát này, đối với tất cả các pháp, thấy đều chiếu rõ, liả khỏi tất cả ám chướng, cho nên gọi là thấy vô ngại. Vì Bồ Tát thường siêng nghĩ nhớ tất cả chư Phật, cho nên gọi là Bồ Tát.

Đã được mắt trí huệ của chư Phật, tức gọi là giác ngộ tất cả pháp. Quán các Như Lai chánh giác trí nhãn, mà chẳng phóng dật, gọi là Bồ Tát.

Trụ chỗ Phật trụ, với Phật không hai, gọi là bậc trụ với Phật không hai. Được Phật nhiếp thọ, tu các trí huệ, gọi là Bồ Tát.

Thường quán tất cả thế gian thật tế, tức gọi là bậc trụ thật tế. Tuy thường quán sát các pháp thật tế, mà không chứng nhập, cũng không xả lìa, gọi là Bồ Tát.

Chẳng đến, chẳng đi, chẳng đồng, chẳng khác, sự phân biệt này thấy đều vĩnh viễn diệt trừ, tức gọi là bậc nghỉ ngơi nguyện. Tu tập rộng lớn, viên mãn bất thối, tức gọi là bậc chưa nghỉ nguyện Phổ Hiền. Biết rõ pháp giới không có bờ mé, tất cả các pháp, một tướng vô tướng, tức gọi là rốt ráo pháp giới xả Bồ Tát đạo.

Tuy biết pháp giới không có bờ mé, mà biết đủ thứ tất cả tướng khác nhau, khởi tâm đại bi, độ các chúng sinh, hết thở vị lai, không có mệt mỏi, tức gọi là Bồ Tát Phổ Hiền.

7. Vị đại Bồ Tát này, đã chứng được mắt trí huệ của chư Phật, tức gọi là giác ngộ tất cả pháp. Vì mắt quán sát chánh giác trí huệ của tất cả chư Phật, mà chẳng phóng dật,

lúc nào cũng tinh tấn, ở đâu cũng đều giữ quy cụ, cho nên gọi là Bồ Tát.

8. Vị đại Bồ Tát này, trụ cảnh giới chỗ của Phật trụ, với Phật không hai, gọi là bậc trụ với Phật không hai. Vì được Phật nhiếp thọ, tu tập nhất thiết trí huệ, cho nên gọi là Bồ Tát.

9. Vị đại Bồ Tát này, thường quán sát chân thật lý thể của tất cả thế gian, tức gọi là bậc trụ thật tế. Tuy thường quán sát các pháp thật tế, mà không chứng nhập thật tế lý thể, cũng không xả lìa chân thật lý thể, cho nên gọi là Bồ Tát.

10. Vị đại Bồ Tát này, chẳng đến, chẳng đi, chẳng đồng, chẳng khác, sự phân biệt này, vĩnh viễn diệt trừ, tức gọi là bậc nghỉ ngơi nguyện. Vì Bồ Tát tu tập rộng lớn hạnh nguyện Phổ Hiền, viên mãn bất thối, tức gọi là bậc chưa nghỉ nguyện Phổ Hiền.

11. Vị đại Bồ Tát này, biết rõ pháp giới chẳng có bờ mé, tất cả các pháp, một tướng vô tướng, tức gọi là rốt ráo pháp giới xả Bồ Tát đạo. Tuy biết pháp giới không có bờ mé, mà biết có đủ thứ tất cả tướng khác nhau, khởi tâm đại bi, nguyện độ tất cả chúng sinh, dù hết thuở vị lai, cũng không có mệt mỏi, cũng không nhàm chán, cho nên gọi là Bồ Tát Phổ Hiền.

Phật tử ! Ví như voi chúa Y La Bát Na, ở núi Kim Hiếp trong hang bảy báu. Hang đó chu vi đều dùng bảy báu làm lan can. Cây đa la báu thứ tự thẳng hàng. Lưới La bằng vàng thật che phủ phía trên. Thân

voi trắng khiết giống như ngọc kha tuyết, phía trên dựng tràng bằng vàng, chuỗi bằng vàng, lưới báu trùm vòi, linh báu thòng xuống. Thất chi thành tựu, đầy đủ sáu ngà, đoan chánh sung mãn, người thấy rất vui thích. Điều thuận lương thiện, tâm không trái nghịch.

Các vị Phật tử ! Giống như voi chúa Y la bát na (hương diệp), ở núi Kim Hiếp trong hang bảy báu. Chu vi hang đó đều dùng bảy báu làm lan can, rất là trang nghiêm. Lại có rất nhiều cây đa la báu, thứ tự rất thẳng hàng, nhìn trái cũng thẳng hàng, nhìn phải cũng thẳng hàng. Lại có lưới La làm bằng vàng thật che phủ phía trên hang báu. Thân voi chúa đó màu rất trắng khiết, giống như ngọc kha tuyết, phía trên có tràng bằng vàng, chuỗi làm bằng vàng. Lại có lưới báu trùm vòi, linh báu thòng xuống, thất chi (bốn chân, đầu, âm, đuôi) thành tựu, đầy đủ sáu ngà. Chẳng những đoan chánh, mà còn sung mãn, người thấy rất vui thích. Tánh tình của voi chúa điều thuận lương thiện, bất cứ sự việc gì, tâm cũng không trái nghịch mà không vui. Tóm lại, đều tùy thuận tâm ý của chủ nhân (Thích Đề Hoàn Nhân), nghe sự điều khiển, phục tùng mệnh lệnh.

Nếu như trời Đế Thích sắp muốn đi du hành, thì bảy giờ voi chúa liền biết ý của trời Đế Thích, bèn từ hang báu ẩn hình, đến trước Đế Thích trời Đạo Lợi. Dùng sức

thần thông biến hiện đủ thứ, khiến cho thân nó hiện ra ba mươi hai đầu. Trên mỗi đầu hoá hiện ra bảy ngà. Mỗi cái ngà hoá làm bảy ao nước, trong mỗi ao nước có bảy hoa sen, trên mỗi hoa sen có bảy thể nữ. Nhất thời đều tấu lên trăm ngàn nhạc trời.

Bấy giờ, trời Đế Thích bèn ngồi lên voi báu, từ điện Nan Thắng đi đến vườn hoa. Hoa phân đà lợi đầy khắp trong đó. Lúc đó, Đế Thích đến vườn hoa rồi, từ voi chúa đi xuống, vào trong điện Tất Cả Báu Trang Nghiêm, có vô lượng thể nữ theo hầu đờn ca múa hát, thọ các sự khoái lạc.

Bấy giờ, voi chúa lại dùng thần thông, ẩn thân voi, hiện ra thân trời, cùng với trời Đế Thích, và các thể nữ, ở trong vườn hoa phân đà lợi vui chơi. Thân tướng hiện ra, ánh sáng y phục, tới lui nói cười nhìn ngắm, đều giống như chư Thiên không khác, không thể phân biệt được là voi, hoặc là chư Thiên. Voi và chư Thiên đều giống nhau.

Nếu như trời Đế Thích (Thích Đề Hoàn Nhơn) nghĩ muốn đi du hành, thì bảy giờ voi chúa liền biết ý của trời Đế Thích, bèn từ hang báu ẩn hình, đến trước Đế Thích trời Dao Lợi. Bèn dùng sức thần thông biến hoá ra đủ thứ, khiến cho thân nó đồng thời hiện ra ba mươi hai cái đầu. Trên mỗi cái đầu hoá hiện ra bảy ngà. Trên mỗi cái ngà đều hoá hiện bảy ao nước, trong mỗi ao nước đều có bảy hoa sen báu lớn, trên mỗi hoa sen báu lớn đó, lại hoá hiện ra bảy thể nữ. Nhất thời đều tấu lên trăm ngàn thứ nhạc trời.

Bảy giờ, trời Đế Thích bèn ngồi lên voi báu trắng lớn, từ điện Nan Thắng đi đến vườn hoa thượng ngoạn. Trong vườn hoa có hoa phân đà lợi (hoa sen trắng) đầy khắp trong đó, hoa sen trắng khiết, một bụi không nhiễm. Lúc đó, trời Đế Thích đến vườn hoa rồi, từ voi chúa trắng báu đi xuống, đến điện Tất Cả Báu Trang Nghiêm. Có vô lượng thể nữ theo hầu, đờn ca múa hát, thọ các sự khoái lạc.

Bảy giờ, voi chúa lại dùng đủ thứ thần thông, ẩn mất thân voi, hiện ra thân trời, cùng với trời Đế Thích và tất cả thể nữ, ở trong vườn hoa phân đà lợi cùng nhau vui chơi thượng ngoạn. Voi chúa trắng lớn hiện ra thân hình, ánh sáng y phục, tới lui nói cười nhìn ngắm, đủ thứ hành động, đều giống như người trời không khác, không ai có thể phân biệt được nó là voi chúa trắng lớn biến hoá ra người. Vì nó biến hoá ra người và người trời giống nhau, không cách chi phân biệt được thật giả.

Phật tử ! Voi chúa Y La Bát Na đó, ở tại núi Kim Hiếp trong động bảy báu, chẳng có sự biến hoá. Đến trên trời Tam

Thập Tam, vì muốn cúng dường Thích Đề Hoàn Nhân, mà hoá ra đủ thứ vật vui thích, thọ sự khoái lạc của chư Thiên, với chư Thiên không khác.

Phật tử ! Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tu tập hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, và các tam muội, dùng các châu báu làm đồ trang nghiêm. Bấy bô đề phần làm thân Bồ Tát, phóng ra quang minh dùng làm lưới. Kiến lập pháp tràng lớn, đánh chung pháp lớn. Đại bi làm hang, đại nguyện kiên cố dùng làm y. Trí huệ vô úy như sư tử, lựa pháp quán đầu, khai thị bí mật, đến được hạnh nguyện bờ bên kia của các Bồ Tát.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tu tập hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, và đủ thứ các tam muội khác nữa, dùng đủ thứ các châu báu làm đồ trang nghiêm. Bấy bô đề phần làm thân của Bồ Tát, phóng ra quang minh dùng làm lưới la. Kiếp lập pháp tràng lớn, đánh chung pháp lớn. Dùng tâm đại bi làm hang bảy báu, dùng đại nguyện kiên cố làm y. Trí huệ vô úy oai lực dũng mãnh như sư tử, dùng lựa pháp để quán đầu, khai thị pháp bí mật, đến được hạnh nguyện bờ bên kia của các Bồ Tát tu.

Vì muốn an xứ toà bồ đề, thành tựu nhất thiết trí, đắc được tối Chánh Giác. Tăng trưởng hạnh nguyện Phổ Hiền rộng lớn, không lùi không nghỉ, không dứt không bỏ, đại bi tinh tấn, hết thở vị lai, độ thoát tất cả phiền não chúng sinh, chẳng bỏ đạo Phổ Hiền.

Hiện thành tối Chánh Giác, hiện bất khả thuyết bất khả thuyết môn thành Chánh Giác. Hiện bất khả thuyết bất khả thuyết môn chuyển pháp luân. Hiện bất khả thuyết bất khả thuyết môn trụ thâm tâm. Tại bất khả thuyết bất khả thuyết cõi nước rộng lớn, hiện môn Niết Bàn biến hoá.

Bồ Tát vì muốn an xứ toà bồ đề, cho đến thành tựu nhất thiết trí, đắc được quả vị tối Chánh Giác. Tăng trưởng hạnh nguyện Phổ Hiền rộng lớn, vĩnh viễn không thối lùi, vĩnh viễn không nghỉ ngơi, cũng không đoạn tuyệt, cũng không xả bỏ. Đại từ bi thường tinh tấn, hết thở vị lai, độ thoát tất cả chúng sinh khổ não, khiến cho họ được an lạc.

Bồ Tát cũng chẳng xả bỏ đạo của Bồ Tát Phổ Hiền tu, thị hiện thành tựu tối thượng Chánh Giác. Hiện ra bất khả thuyết bất khả thuyết pháp môn thành Chánh Giác. Lại hiện ra bất khả thuyết bất khả thuyết pháp môn chuyển đại

pháp luân. Lại hiện ra bất khả thuyết bất khả thuyết pháp môn trụ thâm tâm. Tại bất khả thuyết bất khả thuyết cõi nước rộng lớn, hiện ra pháp môn Niết Bàn biến hoá.

Tại bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới khác nhau, mà hiện thọ sinh, tu hạnh Phổ Hiền. Hiện bất khả thuyết bất khả thuyết Như Lai, tại bất khả thuyết bất khả thuyết cõi nước rộng lớn, ở dưới cội bồ đề thành tối Chánh Giác. Có bất khả thuyết bất khả thuyết chúng Bồ Tát, gần gũi vây quanh.

Hoặc ở trong khoảng một niệm, tu hạnh Phổ Hiền mà thành Chánh Giác. Hoặc trong khoảng sát na, hoặc một thời, một ngày, nửa tháng, một tháng, hoặc vô số năm, hoặc một kiếp, như vậy cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, tu hạnh Phổ Hiền, mà thành Chánh Giác.

Bồ Tát ở trong bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới khác nhau, mà hiện tướng thọ sinh, tu hạnh Bồ Tát Phổ Hiền. Lại hiện bất khả thuyết bất khả thuyết chư Phật, tại bất khả thuyết bất khả thuyết cõi nước rộng lớn, ở dưới cội bồ đề thành tựu tối thượng Chánh Giác. Có bất khả thuyết bất khả thuyết chúng Bồ Tát, đến gần gũi đức Phật, đến vây quanh đức Phật. Hoặc ở trong khoảng một niệm, tu

hạnh Phổ Hiền mà thành Chánh Giác. Hoặc trong khoảng sát na, hoặc một thời, một ngày, nửa tháng, một tháng, hoặc vô số năm, hoặc một kiếp, như vậy cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, tu hạnh Bồ Tát Phổ Hiền, mà thành chánh giác.

Lại ở trong tất cả cõi nước chư Phật, mà làm thượng thủ. Gần gũi Phật, đánh lễ cúng dường. Tỉnh vấn quán sát cảnh giới như huyễn. Tịnh tu vô lượng các hạnh, vô lượng các trí, thần thông biến hoá, đủ thứ oai đức, đủ thứ trí huệ, đủ thứ cảnh giới, đủ thứ thần thông, đủ thứ tự tại, đủ thứ giải thoát, đủ thứ pháp minh, đủ thứ pháp giáo hoá điều phục của Bồ Tát.

Bồ Tát lại ở trong tất cả cõi nước chư Phật, mà làm thượng thủ. Gần gũi chư Phật, đánh lễ chư Phật, cúng dường chư Phật. Tỉnh vấn chư Phật tất cả pháp môn, quán sát chư Phật tất cả pháp môn. Trong cảnh giới như huyễn không thật, chuyên tâm nhất chí để tu vô lượng các hạnh thanh tịnh, vô lượng các trí, thần thông biến hoá, đủ thứ oai đức, đủ thứ trí huệ, đủ thứ cảnh giới, đủ thứ thần thông, đủ thứ tự tại, đủ thứ giải thoát, đủ thứ pháp minh, đủ thứ pháp giáo hoá điều phục của Bồ Tát.

Phật tử ! Bỏ thân của đại Bồ Tát không diệt. Dùng sức hạnh nguyện, tại tất cả mọi nơi, biến hiện như vậy, tại sao ?

Các vị Phật tử ! Bỏ thân của đại Bồ Tát không có huỷ diệt. Dùng đủ thứ nguyện lực tu hành, ở tại tất cả mọi nơi, tùy thời tùy lúc biến hiện như vậy, tại sao ?

Vì muốn dùng thần lực tự tại của Phổ Hiền, để điều phục tất cả chúng sinh. Vì khiến cho bất khả thuyết bất khả thuyết chúng sinh đắc được thanh tịnh. Vì khiến cho họ vĩnh viễn dứt bánh xe sinh tử. Vì nghiêm tịnh các thế giới rộng lớn. Vì thường thấy tất cả các Như Lai. Vì vào sâu tất cả dòng Phật pháp. Vì nghĩ nhớ dòng dõi chư Phật ba đời. Vì nghĩ nhớ pháp và pháp thân của tất cả chư Phật mười phương. Vì khắp tu các hạnh của tất cả Bồ Tát, khiến cho được viên mãn. Vì vào dòng Phổ Hiền, tự tại chứng được nhất thiết trí.

Bồ Tát tu pháp môn Thập định, là vì mười nguyên nhân này :

1. Vì muốn dùng thần lực tự tại của Bồ Tát Phổ Hiền, để điều phục tất cả các chúng sinh.

2. Vì khiến cho bất khả thuyết bất khả thuyết chúng sinh, đều đắc được nguồn gốc thanh tịnh, tánh diệu chân như.

3. Vì khiến cho tất cả chúng sinh vĩnh viễn dứt bánh xe sinh tử. Gốc rễ của sinh tử là tình ái mà ra, nếu dứt được vô minh tình ái, thì gốc rễ sinh tử cũng dứt hẳn. Do đó : "Đoạn dục khử ái", đây là phương pháp giải quyết gốc rễ sinh tử.

4. Vì trang nghiêm thanh tịnh tất cả mười phương thế giới rộng lớn.

5. Vì thường thấy tất cả chư Phật mười phương ba đời.

6. Vì vào sâu tất cả dòng pháp rộng lớn của tất cả chư Phật.

7. Vì nghĩ nhớ dòng dõi chư Phật ba đời.

8. Vì nghĩ nhớ pháp và pháp thân của tất cả chư Phật mười phương.

9. Vì khắp tu các hạnh của tất cả Bồ Tát, khiến cho lục độ vạn hạnh sớm được viên mãn.

10. Vì khắp vào dòng pháp tánh của Bồ Tát Phổ Hiền, nhập vận tự tại chứng được nhất thiết trí.

Phật tử ! Ông nên quán đại Bồ Tát này, không bỏ hạnh Phổ Hiền, không dứt Bồ Tát đạo, thấy tất cả chư Phật, chứng nhất thiết trí, tự tại thọ dụng pháp nhất thiết trí. Như voi chúa Y La Bát Na, chẳng bỏ thân voi, mà ở trời Tam Thập Tam, được trời Đế Thích cõi, thọ khoái lạc trên

trời, làm người trời vui chơi. Hầu hạ Thiên chủ, vui chơi với thể nữ, giống như chư Thiên, không có gì khác biệt.

Phật tử ! Ông nên quán vị đại Bồ Tát này, Ngài không bỏ hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền tu, cũng không đoạn tuyệt Bồ Tát đạo. Thấy tất cả chư Phật chứng được nhất thiết trí, tự tại thọ dụng pháp môn nhất thiết trí. Giống như voi chúa Y la bát na, chẳng bỏ thân voi, mà ở trời Tam Thập Tam, được trời Đế Thích cỡi, thọ khoái lạc trên trời, làm người trời vui chơi. Hầu hạ Thiên chủ, vui chơi với thể nữ, giống như chư Thiên, không có gì khác biệt.

Phật tử ! Đại Bồ Tát cũng lại như thế, không bỏ các hạnh đại thừa Phổ Hiền, không thôi chuyển các nguyện. Được tự tại của Phật, đủ nhất thiết trí. Chứng được giải thoát của Phật, không chướng không ngại, thành tựu thanh tịnh. Nơi các cõi nước không có nhiễm trước. Ở trong Phật pháp không có phân biệt. Tuy biết các pháp khắp đều bình đẳng, không có hai tướng, mà luôn thấy rõ tất cả cõi Phật. Tuy đã bình đẳng đồng với chư Phật ba đời, mà tu Bồ Tát hạnh liên tục không ngừng.

Các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát cũng lại như thế, không xả bỏ tất cả hạnh môn đại thừa Bồ Tát Phổ Hiền tu, không thối chuyển các nguyện đã phát, đắc được tự tại của chư Phật, đầy đủ nhất thiết trí huệ. Chúng được giải thoát của chư Phật, cảnh giới không chướng, không ngại, thành tựu quả vị thanh tịnh. Nơi các cõi nước của chư Phật, không có nhiễm trước. Ở trong pháp của tất cả chư Phật nói, không có phân biệt.

Tuy Bồ Tát biết tất cả các pháp, đều là bình đẳng, không có hai tướng, mà luôn luôn thấy rõ cõi nước của tất cả chư Phật. Tuy đã bình đẳng đồng với chư Phật ba đời, mà vẫn tu tất cả hạnh môn của Bồ Tát tu, liên tục không ngừng.

Phật tử ! Đại Bồ Tát an trụ pháp hạnh nguyện Phổ Hiền rộng lớn như vậy, nên biết người đó tâm được thanh tịnh.

Phật tử ! Đại Bồ Tát an trụ ở trong pháp hạnh nguyện rộng lớn của Bồ Tát Phổ Hiền tu như vậy, nên biết người đó tâm đắc được cảnh giới thanh tịnh, không nhiễm ô.

Phật tử ! Đó là đại tam muội Vô ngại luân, tâm thù thắng trí quảng đại thứ mười của đại Bồ Tát.

Phật tử ! Đó là đại tam muội Vô ngại luân, tâm thù thắng trí huệ quảng đại thứ mười của đại Bồ Tát tu.

**Phật tử ! Đó là sở trụ mười đại tam
muội luân, hạnh Phổ Hiền của đại Bồ Tát.**

Phật tử ! Đó là sở trụ mười đại tam
muội luân, hạnh Phổ Hiền của đại Bồ Tát.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYÊN BỐN MƯƠI BỐN

PHẨM THẬP THÔNG THỨ HAI MƯƠI TÁM

Thập thông tức là mười thứ thần thông. Thần thông là gì ? Đó là :

"Diệu dụng khó dò là thần
Tự tại vô ngại là thông".

Tức cũng là sức nhậm vận tự tại không thể dò, không thể ngại, cảnh giới thiên biến vạn hoá, không thể nghĩ bàn. Thần thông từ đâu mà có ? Nói đơn giản là, người tiểu thừa tu pháp tứ đế và pháp quán mười hai nhân duyên, tu quán đến cảnh giới viên mãn, thì chứng được thần thông. Người đại thừa tu lục độ vạn hạnh, tham thiền đả tọa, tu tập chỉ quán, hành Bồ Tát đạo, tu đến cảnh giới viên mãn thì chứng được thần thông.

Thần thông của A la hán và thần thông của Bồ Tát có chỗ khác nhau. Thần thông của A la hán, có giới hạn nhất định, chỉ thấy được sự vật trong ba ngàn đại thiên thế giới, chỉ nghe được âm thanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, chỉ biết được nhân duyên trong tám vạn四千 đại kiếp, nhưng vẫn còn phải tác ý để quán sát, mới biết được. Còn thần thông của Bồ Tát thì chẳng có giới hạn, thấy được cõi

nước trong hạt bụi, hạt bụi trong cõi nước, chư Phật ở trong bụi cõi. Nghe được chư Phật đang diễn nói diệu pháp ở trong trùng trùng cõi nước, biết được tất cả tâm niệm của chúng sinh trong bụi cõi, biết được nhân duyên ngoài tám vạn đại kiếp, cũng không cần ở trong định quán sát, nghĩ đến liền biết được.

Phẩm này, là phẩm thứ hai mươi tám trong ba mươi chín phẩm của Kinh Hoa Nghiêm, là Phẩm Thập Thông thứ hai mươi tám.

Vì Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, công đức viên mãn, mà đắc được mười thứ thần thông này. Nếu chúng ta phát tâm bồ đề, hành Bồ Tát đạo, cũng có thể đắc được mười thứ thần thông này, chỉ cần khi nào tu đến viên mãn, thì không cần mà tự được.

Bồ Tát có thần thông rồi, có phải không nên hiện thần thông chẳng? Chẳng phải. Nếu Bồ Tát có thần thông, mà không thị hiện thần thông, thì có thần thông lại có dụng gì? Giống như có người, ông ta có một hạt bảo châu, mà cất giấu ở trong túi áo, không biết nó là châu báu vô giá, nên vẫn nghèo cùng, không có cơm ăn áo mặc, không có nhà ở, mà chẳng biết đem hạt châu ra đổi tiền về để xài. Nếu có thần thông mà không dùng thần thông, thì cũng giống như vậy.

Không có thần thông, mà muốn dùng thần thông, thì không thể được, đáng cười cũng giống như người si nói mộng. Nhưng nếu như có thần thông, thì có thể tận dụng thần thông. Giáo hoá chúng sinh, lợi dụng thần thông, thì sẽ có hiệu nghiệm, khiến cho chúng sinh tăng thêm niềm tin. Pháp môn thiện xảo phương tiện này, các vị phải chú ý! Ma cũng hay hiển thần thông, khiến cho người tham

cầu thần thông, người chẳng có định lực, dễ bị lừa gạt, mất đi đạo nghiệp, làm quyến thuộc của ma vương. Điểm này, phải đặc biệt chú ý, không thể không cẩn thận.

Hiện tại có người vô tri vô thức, nhất là Phật giáo đồ biết một hiểu nửa, họ sao mình cũng vậy. Đối với đạo lý Phật pháp, tựa đúng mà không đúng, chẳng muốn tìm hiểu sâu xa, thậm chí căn bản cũng không biết, hoặc chẳng muốn nghiên cứu Phật pháp. Giả sử thấy có người hiển thần thông, rất kinh ngạc nói : "Thời đại mạt pháp, con người không thể có thần thông" ! Nói những lời này, thật là ấu trĩ, nói đơn giản đó là chúng tử địa ngục, chẳng hiểu một chút gì về Phật pháp. Các vị chú ý ! Bất cứ đối với sự việc gì, trước khi chưa minh bạch triệt để, không thể tùy tiện phê bình nói bậy bạ, càng không thể tùy tiện nói không ngừng. Sai nhân quả rồi, thì phải đoạ vào địa ngục cắt lưỡi.

Phật giáo có đạo lý chân chánh, có định luật vạn cổ không thay đổi, có lời những lời vàng thước ngọc, đều do kim khẩu của Phật nói ra, cũng là kinh nghiệm của Phật, tuyệt đối không phải là đạo lý bịt tai ăn cắp chuông, lường gạt người. Lời dạy của Phật là kinh tạng, thân giáo của Phật là luật tạng, chú giải của đệ tử Phật là luận tạng. Tam tạng mười hai bộ kinh tức là lời dạy chân lý, giáo nghĩa chân thật không ngoa.

Chân lý sở tại, mười phương chư Phật đều đến ủng hộ. Chân lý sở tại, mười phương các Bồ Tát đều đến ủng hộ. Chân lý sở tại, thiên long bát bộ đều đến ủng hộ. Minh bạch chân lý, mới là chân chánh Phật giáo đồ. Không minh bạch chân lý là tự làm lẫn Phật giáo đồ. Các vị ! Phải nhận rõ chân lý, phải biện rõ thị phi, không thể hồ đồ, người ta nói gì, thì tin cái đó. Nếu làm như vậy, thì không thể được.

Bồ Tát đặc được mười thứ thần thông này, tại sao ? Đó là do thiện xảo phương tiện giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh phát bồ đề tâm, không đồng lưu hợp ô với người thế tục. Nếu người ta sao mình cũng vậy, thì đó là Phật giáo đồ hồ đồ, chẳng những không nghiên cứu chân lý, ngược lại tìm cầu tà pháp. Tin tà pháp, phỉ báng chánh pháp, Phật giáo đồ như thế, thật là đáng thương !

Hiện tại là thời đại mạt pháp, có rất nhiều pháp thân Đại sĩ, đảo giá từ thuyền, đến thế giới Ta Bà giáo hoá chúng sinh, cảnh tỉnh chúng sinh, xa lìa tà tri tà kiến, gần gũi chánh tri chánh kiến. Pháp của Phật nói là chánh pháp, pháp của ma nói là tà pháp. Y giáo phụng hành, y pháp tu hành, nghiêm trì giới luật, thực hành giới luật, tức là chánh pháp, bằng không, tức là tà pháp. Phạm là chẳng hợp với giới luật, thì tuyệt đối đừng làm. Hợp với giới luật, thì tận sức đi làm, đó là đạo của Bồ Tát hành.

Tâm của Bồ Tát, tuyệt đối không ích kỷ lợi mình, mua danh chuộc tiếng khen. Ngài bi tâm thiết thiết, hết lòng giáo hoá chúng sinh, lìa khổ được vui. Bồ Tát lấy sự lợi ích chúng sinh làm điểm xuất phát, chẳng lấy sự lợi ích của mình làm tiền đề, đây là tinh thần của Bồ Tát. Bồ Tát có tâm từ bi, không thể cảm tình dụng sự. Có tư tưởng vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, tuyệt đối không khởi tâm phân biệt, Ngài xem tất cả chúng sinh, đều là người đáng được độ. Chịu cực chịu oán, không phân ngày đêm, lo độ chúng sinh thoát khỏi biển khổ. Ngài nhận rằng là việc phải làm, cho nên đặc được thần thông.

Hiện tại có những Phật giáo đồ không có trí huệ, đi khắp nơi tuyên truyền, thời đại mạt pháp không thể hiện thần thông, cũng không thể có thần thông. Tại sao phải

tuyên truyền như vậy ? Vì họ ngu si, không chịu dụng công tu hành, tâm đồ kỵ tác quái. Chính họ chẳng có thần thông, cho rằng người khác cũng không có thần thông. Họ chẳng những không có thần thông, mà cho dù người khác có thần thông, họ cũng nhìn chẳng thấy. Tại sao ? Vì người có thần thông, biết họ có tà tri tà kiến, cho nên họ nhìn người có thần thông cũng không nhận ra. Do đó :

"Trước mặt bỏ qua,
Quay lưng mắt đi cơ hội".

Bồ Tát thấy Phật giáo đồ có chánh tri chánh kiến, lúc bí yếu mới chịu hiển thần thông, khiến cho tăng thêm niềm tin, nỗ lực tu đạo, đắc được giải thoát.

Các vị thiện tri thức, bất cứ vị nào có thần thông, tôi đều hoan nghênh các vị hiển thần thông. Nếu lời nói có tội, tôi sẽ một mình chịu trách nhiệm, dù đọa địa ngục, tôi cũng cam lòng đi thọ tội, chẳng có quan hệ gì đến các vị, đừng có sợ. Chỉ e rằng các vị không có thần thông, hiển không được thần thông. Nếu có thần thông, tận lượng hiển hiện thần thông. Tôi tuyệt đối giữ gìn các vị, hỗ trợ các vị.

Thời đại mạt pháp, cần người có chân tâm tu đạo, cần người khai ngộ, cần người chứng quả. Chứng quả rồi, phải trở lại tiếp dẫn bạn bè có duyên thoát khỏi ba cõi, đến cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Đây là hy vọng của tôi đối với các vị.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Phổ Hiền bảo các Bồ Tát rằng : Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ thông. Những gì là mười ?

Sau khi nói xong Phẩm Thập Định, lúc đó, Bồ Tát Đại Hạnh Phổ Hiền, bảo tất cả Bồ Tát trong pháp hội Hoa Nghiêm rằng : "Các vị đệ tử của Phật ! Các vị mọi người có biết đại Bồ Tát có mười thứ thần thông chăng ? Tôi sẽ nói kỹ càng cho các vị mọi người được rõ, hy vọng mọi người chú ý lắng nghe".

Những gì là mười thứ thần thông mà đại Bồ Tát có ? Đó là :

1. Trí thần thông khéo biết tâm người khác.
2. Trí thần thông thiên nhãn vô ngại.
3. Trí thần thông biết thưở quá khứ kiếp túc trụ.
4. Trí thần thông biết hết kiếp thưở vị lai.
5. Trí thần thông thiên nhĩ thanh tịnh vô ngại.
6. Trí thần thông đến tất cả cõi Phật trụ không thể tánh, không động tác.
7. Trí thần thông khéo phân biệt tất cả lời lẽ.
8. Trí thần thông vô số sắc thân.
9. Trí thần thông tất cả pháp.
10. Trí thần thông vào tất cả pháp diệt tận tam muội.

THỨ NHẤT, TRÍ THẦN THÔNG KHÉO BIẾT THA TÂM

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng tha tâm trí thông, biết được tâm khác biệt của chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Đại Bồ Tát có thần thông tha tâm trí. Trong tâm của người khác nghĩ gì, muốn nói lời gì, trước khi chưa làm,

Bồ Tát đều biết. Ngài biết được hết thấy tâm niệm, đều khác nhau của chúng sinh ở trong ba ngàn đại thiên thế giới. Vì tâm chúng sinh trong một thế giới là như vậy, tâm chúng sinh trong tiểu thiên thế giới cũng như vậy, tâm chúng sinh trong trung thiên thế giới cũng như vậy, tâm chúng sinh trong đại thiên thế giới, như ở dưới đây nói hai mươi chín thứ tâm.

Thế nào là ba ngàn đại thiên thế giới ? Nói đơn giản là một bốn thiên hạ là một thế giới. Một ngàn thế giới là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Vì ba lần ngàn nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới.

Đó là : Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm rộng, tâm hẹp, tâm lớn, tâm nhỏ, tâm thuận sinh tử, tâm trái sinh tử, tâm Thanh Văn, tâm Độc Giác, tâm Bồ Tát, tâm Thanh Văn hành, tâm Độc Giác hành, tâm Bồ Tát hành, tâm trời, tâm rồng, tâm Dạ Xoa, tâm Càn Thát Bà, tâm A Tu La, tâm Ca Lô La, tâm Khẩn Na La, tâm Ma Hầu La Già, tâm người, tâm chẳng phải người, tâm địa ngục, tâm súc sinh, tâm chỗ Diêm Ma vương, tâm ngạ quỷ, tâm chúng sinh các chỗ nạn.

Hai mươi chín thứ tâm đó là :

1. Tâm thiện : Trì giới, tu định, tu huệ, đều là tâm thiện.
2. Tâm bất thiện : Có tham, sân, si, ba độc tức là tâm bất thiện. Thập thiện và thập ác đều do thân miệng ý tạo thành. Tóm lại, ba nghiệp thanh tịnh, tức là thập thiện nghiệp. Ba nghiệp chẳng thanh tịnh, tức là thập ác nghiệp.
3. Tâm rộng : Tức là tâm rộng lớn.
4. Tâm hẹp : Tức là tâm hẹp hòi.
5. Tâm lớn : Tâm đại lượng lớn, có thể bao dung thiên hạ.
6. Tâm nhỏ : Tâm tiểu lượng nhỏ, nếu có người nói một câu nghe không hoan hỷ, bèn nổi nóng, do đó "Tâm lượng hẹp hòi".
7. Tâm thuận sinh tử : Tức là tâm của phàm phu.
8. Tâm trái sinh tử : Tức là tâm Thánh nhân.
9. Tâm Thanh Văn : Tức là tâm tu pháp tứ đế.
10. Tâm Độc Giác : Tâm quán mười hai nhân duyên.
11. Tâm Bồ Tát : Tâm tu lục độ vạn hạnh.
12. Tâm Thanh Văn hành : Tức là tâm Thanh Văn tu hành.
13. Tâm Độc Giác hành : Tức là tâm Độc Giác tu hành.
14. Tâm Bồ Tát hành : Tức là tâm Bồ Tát tu hành.
15. Tâm trời : Tâm người trên trời, rất hoan hỷ khoái lạc.
16. Tâm rồng : Rất hoan hỷ dùng thần thông, tại sao phải bị đọa làm rồng ? Vì thuở xưa tu hành, chuyên tu pháp đại thừa, ngày đêm tinh tấn không giải đãi, nhưng không giữ giới luật, thường phạm quy cụ. Do đó : "Thừa cấp giới

hoãn", vì thừa cấp (tu đại thừa), mà đắc được thân thông. Do giới hoãn (phạm giới), mà đọa làm súc sinh.

17. Tâm Dạ Xoa : Dịch là tốc tạt quỷ, vì chúng đi rất nhanh. Có Dạ Xoa bay trên không, Dạ Xoa đi trên không, Dạ Xoa đi dưới đất, ba loại, đều thuộc về quỷ, hoan hỉ nhiễu loạn người.

18. Tâm Càn Thát Bà : Dịch là hương thần, vì chúng hoan hỉ ngửi mùi hương, còn dịch là nhạc thần, là thần ca hát nhảy múa của trời Đê Thích.

19. Tâm A Tu La : Chúng hoan hỉ đấu tranh, thường nóng giận. A tu la dịch là vô đoan chánh, người nam xấu, người nữ đẹp.

20. Tâm Ca Lô La : Dịch là kim xí điều, vì cánh của chúng có ánh sáng màu vàng, rất thích ăn rồng.

21. Tâm Khẩn Na La : Dịch là nghi thần, vì trên đầu có một cái sừng, khiến cho người thấy sinh nghi.

22. Tâm Ma Hầu La Già : Dịch là đại phục hành, tức là thần mãng xà, rất thích phun độc hại người.

23. Tâm người : Tâm của một số người ở thế gian.

24. Tâm chẳng phải người : Tâm của một số chúng sinh thế gian.

25. Tâm địa ngục : Tâm chúng sinh thọ khổ dưới địa ngục.

26. Tâm súc sinh : Tâm của hết thảy súc sinh.

27. Tâm chỗ Diêm Ma Vương : Ở dưới âm phủ quản lý thiện ác của nhân gian, phán đoán sinh tử của con người

28. Tâm ngạ quỷ : Ngạ quỷ thích ăn uống, nhưng thấy thức ăn uống thì biến thành lửa, không được ăn uống.

29. Tâm chúng sinh các chỗ nạn : Tâm chúng sinh không dễ gì trụ xứ.

Vô lượng đủ thứ tâm chúng sinh khác biệt như vậy, đều phân biệt biết được. Như một thế giới, như vậy trăm thế giới, ngàn thế giới, trăm ngàn thế giới, trăm ngàn ức Na do tha thế giới, cho đến hết thấy tâm chúng sinh, trong các cõi Phật nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới, đều phân biệt biết được.

Vô lượng đủ thứ tâm chúng sinh khác biệt như vậy, Bồ Tát vì đắc được tha tâm thông trí, cho nên đều phân biệt biết được rõ ràng. Như một thế giới, như vậy trăm thế giới, ngàn thế giới, trăm ngàn thế giới, trăm ngàn ức na do tha thế giới, cho đến hết thấy tâm chúng sinh, trong các cõi Phật nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới, Bồ Tát đều hoàn toàn phân biệt biết được rõ ràng.

Đó là trí thần thông khéo biết tha tâm thứ nhất của đại Bồ Tát.

Đó là thần thông thứ nhất của đại Bồ Tát, gọi là tha tâm trí thần thông khéo biết.

Học Phật pháp phải dùng trí huệ để học, không thể dùng cảm tình để học. Dùng trí huệ học Phật pháp là chánh pháp. Dùng cảm tình để học Phật pháp là mạt pháp. Học Phật pháp phải có con mắt chọn pháp, lựa chọn thế nào là chánh pháp? Thế nào là mạt pháp? Tu chánh pháp dần dần thăng đi lên, tu mạt pháp dần dần đi xuống. Vì trí huệ là thanh tịnh, cảm tình là nhiễm ô. Nếu dùng cảm tình,

chẳng những không thể thành tựu, ngược lại càng học càng đọa lạc. Điểm này, các vị phải đặc biệt nhận thức rõ ràng. Tôi dùng chân tâm để giảng pháp chân thật cho quý vị. Tôi không muốn dùng thủ đoạn ích kỷ gạt người, để giảng pháp hư ngụy. Tôi đọa địa ngục, cũng không thể để cho các vị rớt vào địa ngục. Tôi giảng Kinh, biết bao nhiêu thì giảng bấy nhiêu, tôi đem hết tâm chân thành để hoằng dương Phật pháp, nghe hay không nghe là tùy quý vị. Tôi giảng kinh đã hơn mười năm, quý vị đã nghe kinh hơn mười năm, cũng chẳng đắc được lợi ích gì. Hiện tại tôi quyết tâm giảng chân thật pháp, các vị phải chú ý lắng nghe. Tông chỉ của tôi là :

"Rét chết không phan duyên
Đói chết không hoá duyên
Nghèo chết không cầu duyên
Tùy duyên không đổi
Không đổi mà tùy duyên
Giữ gìn ba đại tông chỉ của chúng ta
Xả mạng làm Phật sự
Tạo mạng làm bổn sự
Chánh mạng làm Tăng sự
Tức sự minh lý, minh lý tức sự
Giữ gìn Tổ sư một mạch tâm truyền".

Chúng ta là Phật giáo đồ, nếu bị chết đói, chết rét, là một sự việc quang vinh nhất. Vì Phật pháp mà hy sinh, đây là việc có giá trị nhất. Chúng ta nhất định phải kiên trì giữ gìn, bất cứ gặp hoàn cảnh nào, cũng không thể thay đổi tông chỉ của chúng ta. Bất cứ lúc nào, cũng không thể thay đổi tinh thần của chúng ta. Chúng ta phải có chí khí :

"Rét chết đứng trước gió,
Đói chết ôm bụng đi".

Chúng ta phải làm Phật giáo đồ có chí khí, phải có khí tiết kiên nhẫn không lung lay, gì cũng không sợ, đứng mãnh hướng về trước, tuyệt đối không lùi về sau, đó mới là chí hướng chân chánh của Phật giáo đồ.

THỨ HAI, TRÍ THẦN THÔNG THIÊN NHÃN VÔ NGẠI

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng thiên nhãn trí thông thanh tịnh vô ngại, thấy chúng sinh trong thế giới, nhiều như hạt bụi của vô lượng bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, chết đây sinh kia, hướng về đường lành, hướng về đường ác, tướng phước, tướng tội, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc dơ, hoặc tịnh. Phẩm loại như vậy, vô lượng chúng sinh.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát dùng thiên nhãn trí thông thanh tịnh vô ngại, thấy được chúng sinh trong thế giới, nhiều như hạt bụi của vô lượng bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, hết thấy chúng sinh ở trong đó, hoặc chết ở đây, lại sinh về chỗ kia, hoặc chết ở thế giới này, lại sinh về thế giới kia, sự luân hồi quả báo như vậy, Bồ Tát dùng thiên nhãn vô ngại nhìn thấy liền biết rõ. Hoặc nhìn thấy chúng sinh sinh về ba đường lành, hoặc sinh về ba đường ác. Làm các việc thiện

thì có tướng phước, làm các việc ác thì có tướng tội. Tướng phước là tướng phước đức viên mãn. Tướng tội là tướng xấu xí không gì sánh bằng. Hoặc sinh tướng tốt ngũ quan đoan chánh, hoặc sinh tướng xấu ngũ quan không đủ. Hoặc sinh tướng dơ bẩn, hoặc sinh tướng thanh tịnh. Phẩm loại khác nhau như vậy, có vô lượng chúng sinh.

Đó là chúng trời, chúng rồng, chúng Dạ Xoa, chúng Càn Thát Bà, chúng A Tu La, chúng Ca Lô La, chúng Khẩn Na La, chúng Ma Hầu La Già, chúng người, chúng chẳng phải người, chúng chúng sinh thân nhỏ bé, chúng chúng sinh thân rộng lớn, chúng nhỏ, chúng lớn.

Đó là :

1. Chúng trời : Người ở trên trời, phước báo rất thù thắng, tướng mạo rất xinh đẹp. Nghĩ ăn thì có ăn, nghĩ mặc thì có mặc, nhưng khi phước trời hưởng hết, thì vẫn phải luân hồi đi thọ sinh.

2. Chúng rồng : Rồng có thần thông quảng đại, ở trong biển, khi giăng mây mưa xuống thì có thể đến trong hư không, nhưng rồng có bốn thứ khổ :

- a. Bị chim đại bàng bắt ăn thịt.
- b. Khi giao cấu thì biến thành rắn.
- c. Bị trùng nhỏ rúc rĩa ăn thịt.
- d. Bị cát nóng làm thân thể đau khổ.

3. Chúng Dạ xoa : Chúng là ác quỷ lợi hại nhất, hành động như bay, đến các nơi làm tai ương, nhưng sau khi quy

y Phật Pháp Tăng Tam Bảo rồi, trở thành hộ pháp thiện thần.

4. Chúng Càn thát bà : Chuyên môn đi khắp nơi tìm mùi hương, ăn mùi hương, thân toả ra hương thơm. Khi trời Đế Thích muốn nghe ca khúc, bèn đốt hương chiên đàn lên, thì chúng bèn ngửi mùi hương mà tìm đến.

5. Chúng A tu la : Rất thích đấu tranh, cho nên có phước trời mà không có đức trời, không thể hoà bình sống với nhau.

6. Chúng Ca lâu la : Dịch là chim đại bàng cánh vàng, cánh rộng khoảng ba trăm ba mươi do tuần, quạt nước biển rẽ làm đôi bắt rồng ăn.

7. Chúng Khẩn na la : Chúng chuyên tấu lên pháp khúc trang nghiêm, khiến cho người nghe sinh tâm thanh tịnh.

8. Chúng Ma hầu la già : Gọi là địa long, nhưng không có thần thông, không thể đặng không giá mây.

9. Chúng người : Hết thấy chúng sinh nhân loại.

10. Chúng chẳng phải người : Hết thấy những chúng sinh khác.

11. Chúng chúng sinh thân nhỏ bé : Tức là những con kiến, con trùng.

12. Chúng chúng sinh thân rộng lớn : Tức là những con voi, con cá lớn .v.v...

13. Chúng nhỏ : Tức là chúng sinh thân rất nhỏ, như vi khuẩn .v.v...

14. Chúng lớn : Tức là chúng sinh thân rất lớn, như khổng long thời xưa, hiện tại như trâu bò .v.v...

Như vậy đủ thứ ở trong chúng chúng sinh, dùng mắt vô ngại, thấy đều thấy rõ. Tuỳ theo sự tích tập nghiệp, tuỳ theo sự thọ khổ vui, tuỳ theo tâm, tuỳ theo sự phân biệt, tuỳ theo sự thấy, tuỳ theo lời nói, tuỳ theo nhân, tuỳ theo nghiệp, tuỳ theo duyên, tuỳ theo khởi lên, thấy đều thấy được, không có sai lầm.

Như vậy đủ thứ ở trong chúng chúng sinh, dùng thiên nhãn vô ngại để quán sát, thấy đều thấy rõ những cảnh giới đó. Tuỳ theo sự tích tập nghiệp thiện ác, tuỳ theo sự tiếp thọ khổ vui, tuỳ theo tâm ý, tuỳ theo sự phân biệt, tuỳ theo sự thấy hiểu, tuỳ theo lời nói, tuỳ theo nhân tạo ra, tuỳ theo nghiệp đã làm, tuỳ theo nhân duyên sinh ra, tuỳ theo cảnh giới khởi lên, thấy đều thấy được rất rõ ràng, không có sự sai lầm.

Đó gọi là trí thần thông thiên nhãn vô ngại thứ hai của đại Bồ Tát.

Đó là thần thông thứ hai của đại Bồ Tát đắc được, tên gọi là trí thần thông thiên nhãn vô ngại.

THỨ BA, TRÍ THẦN THÔNG BIẾT KIẾP
THUỞ QUÁ KHỨ TỨC TRỤ

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng túc trụ tuỳ niệm trí thông, biết được thân mình, và tất

cả chúng sinh trong thế giới, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, những sự việc quá khứ số kiếp nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát Ngài có thần thông túc trụ tùy niệm trí huệ. Bồ Tát muốn biết một sự việc gì, không cần phải tác ý, nghĩa là không dùng chú ý để quán sát, bất cứ lúc nào cũng đều biết được. A la hán muốn biết sự việc gì, thì phải yên tĩnh, hoặc tĩnh toạ, chú ý dùng tâm để quán sát, thì sau đó mới biết được tất cả cảnh giới. Đó là chỗ khác nhau của Bồ Tát và A la hán. Bồ Tát có thần thông túc trụ tùy niệm trí huệ, biết được thân của mình, cũng biết được hết thấy tất cả chúng sinh trong thế giới nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, những sự việc quá khứ số kiếp nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, đều thấu rõ biết được.

Đó là sinh xứ nào? Tên như vậy, họ như vậy, chủng tộc như vậy, ăn uống như vậy, khổ vui như vậy. Từ vô thủy đến nay, ở trong các cõi, nhờ nhân, nhờ duyên, dần dần lớn lên, thứ tự liên tục, luân hồi không dứt, đủ thứ phẩm loại, đủ thứ cõi nước, đủ thứ cõi sinh, đủ thứ hình tướng, đủ thứ

nghiệp làm, đủ thứ kết sử, đủ thứ tâm niệm, đủ thứ nhân duyên, thọ sinh khác biệt, những việc như vậy, thấy đều biết rõ.

Những chúng sinh đó, thọ sinh ở xứ nào ? Tên gì ? Họ gì ? Thuộc về chủng tộc nào ? Người da trắng, hay da đen ? Sinh vào quốc gia nào ? Thức ăn uống cũng khác nhau : Có người ăn gạo, có người ăn lúa mì. Truyền thuyết ở phi châu có chỗ dùng rễ cây làm thức ăn. Khổ như thế nào ? Vui như thế nào ? Từ vô thủy kiếp đến nay, ở trong tam giới hai mươi lăm cõi, nhờ nhân gì ? Nhờ duyên gì ? Dần dần lớn lên. Đồi đồi kiếp kiếp trải qua thời gian rất dài, một đời liên tục một đời, một kiếp liên tục một kiếp, đều lưu chuyển trong luân hồi, không có khi nào dứt. Đủ thứ thọ sinh khác nhau trong các cõi, có đủ thứ hình tướng, ví như người thì có tướng người, súc sinh thì có tướng súc sinh. Có đủ thứ nghiệp làm tạo ra, có đủ thứ kết sử, tức là tham, sân, si, mạn, nghi (năm thuận sử), thân, biên, giới, kiến, tà (năm lợi sử), cộng lại là mười sử. Có đủ thứ tâm niệm khác nhau, các loại chúng sinh có tâm niệm của các loại. Vì có đủ thứ nhân duyên khác nhau, cho nên thọ sinh đủ thứ quả báo khác nhau. Đủ thứ những việc vừa nói ở trên như vậy, Bồ Tát thấy đều biết rõ.

Lại nghĩ nhớ quá khứ số kiếp, nhiều như số hạt bụi cõi Phật như vậy. Ở trong thế giới nhiều như số hạt bụi cõi Phật như vậy. Có chư Phật nhiều như số hạt bụi cõi Phật như vậy. Mỗi vị Phật danh hiệu như

vậy, hiện ra đời như vậy, chúng hội như vậy, cha mẹ như vậy, thị giả như vậy, Thanh Văn như vậy, hai vị đại đệ tử tối thắng như vậy. Nơi thành ấp như vậy, xuất gia như vậy. Lại ở dưới cội bồ đề như vậy, thành tối Chánh Giác. Xứ sở như vậy, ngôi toà như vậy, diễn nói bao nhiêu Kinh điển như vậy.

Bồ Tát lại nghĩ nhớ quá khứ số kiếp, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật như vậy. Ở trong thế giới nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật như vậy. Có chư Phật nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật như vậy. Mỗi vị Phật danh hiệu là gì ? Hiện ra đời như thế nào ? Hết thầy chúng hội đạo tràng có vị Phật nào thuyết pháp ? Cha mẹ của Phật là ai ? Thị giả của Phật là ai ? Thanh Văn là ai ? Hai vị đại đệ tử tối thắng là ai ? Ở thành ấp nào ? Xuất gia như thế nào ? Lại ở dưới cội bồ đề thành Phật như thế nào ? Ở xứ sở nào ? Ngôi trên toà gì ? Diễn nói pháp gì ? Nói bao nhiêu kinh điển ? Bồ Tát đối với tất cả sự việc như vậy, hoàn toàn biết được rất rõ ràng.

Lợi ích chúng sinh như vậy. Thời gian trụ thọ mạng như vậy. Bồ thí làm bao nhiêu Phật sự như vậy. Nương cội Vô Dư Y Niết Bàn mà vào Niết Bàn. Vào Niết Bàn

rồi, pháp trụ lâu mau, tất cả những việc như vậy, Bồ Tát thấy đều nghĩ nhớ được.

Bồ Tát nghĩ nhớ trong quá khứ chư Phật lợi ích chúng sinh, nhiều như hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Ở trong số kiếp nhiều như hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, trụ thọ mạng làm bao nhiêu là đại Phật sự. Nương cõi Vô Dư Y Niết Bàn, nương cõi Bát Niết Bàn, mà vào Niết Bàn. Vào Niết Bàn rồi, pháp trụ thế bao nhiêu năm? Hoặc bao nhiêu kiếp? Tất cả những việc như vậy, Bồ Tát thấy đều nghĩ nhớ không quên, nhớ rất rõ ràng.

Lại nghĩ nhớ danh hiệu chư Phật, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi mỗi danh hiệu, có số chư Phật nhiều như hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Từ ban đầu phát tâm, khởi nguyện tu hành, cúng dường chư Phật, điều phục chúng sinh, chúng hội thuyết pháp, thọ mạng bao nhiêu, thần thông biến hoá, cho đến vào Vô Dư Niết Bàn. Vào Niết Bàn rồi, pháp trụ lâu mau, tạo lập tháp miếu, đủ thứ trang nghiêm, khiến cho các chúng sinh, gieo trồng căn lành, thấy đều biết được.

Bồ Tát lại nghĩ nhớ danh hiệu chư Phật, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, trong các thế giới nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi mỗi danh hiệu, lại có số chư Phật Như Lai nhiều như hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi vị Phật, từ lúc ban đầu phát bồ đề tâm, phát khởi nguyện lớn, tu hạnh bồ đề, cúng dường chư Phật, điều phục chúng sinh. Ở trong tất cả chúng hội đạo tràng, diễn nói diệu pháp, thọ mạng bao nhiêu, thần thông biến hoá bao nhiêu, cho đến vào Vô Dư Niết Bàn, chấm dứt sinh tử. Vào Niết Bàn rồi, pháp trụ thế bao nhiêu kiếp, tạo lập bảo tháp và chùa chiền, dùng đủ thứ bảy báu để trang nghiêm, khiến cho tất cả chúng sinh, gieo trồng tất cả căn lành, tất cả các việc như vậy, Bồ Tát đều biết được rất rõ ràng.

Đó là trí thần thông biết kiếp thuở quá khứ túc trụ thứ ba của đại Bồ Tát.

Đó là thần thông thứ ba của đại Bồ Tát, tên gọi là thần thông trí túc trụ biết quá khứ tế kiếp.

THỨ TƯ, TRÍ THẦN THÔNG BIẾT HẾT KIẾP
THUỞ VỊ LAI

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng trí thông biết hết kiếp thuở vị lai, biết hết thấy kiếp trong thế giới, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát dùng thần thông trí huệ, biết hết tất cả sự việc kiếp thuở vị lai, biết hết thấy kiếp số trong thế giới, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật.

Trong mỗi mỗi kiếp, hết thấy chúng sinh, mạng chung thọ sanh, các cõi liên tục, nghiệp làm quả báo, hoặc thiện, hoặc chẳng thiện, hoặc xuất ly, hoặc chẳng xuất ly, hoặc quyết định, hoặc chẳng quyết định, hoặc tà định, hoặc chánh định, hoặc thiện căn cùng với kiết sử, hoặc thiện căn chẳng cùng với kiết sử, hoặc đầy đủ thiện căn, hoặc chẳng đầy đủ thiện căn, hoặc nhiếp lấy thiện căn, hoặc chẳng nhiếp lấy thiện căn, hoặc tích tập thiện căn, hoặc chẳng tích tập thiện căn, hoặc tích tập tội pháp, hoặc chẳng tích tập tội pháp. Tất cả như vậy, đều biết rõ được.

Trong mỗi mỗi kiếp, hết thấy chúng sinh, khi mạng chung thì đi thọ sanh, ở trong tam giới hai mươi lăm cõi liên tục không ngừng. Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ quả báo, hoặc quả báo thiện, hoặc quả báo ác, hoặc thoát khỏi tam giới, hoặc không thể thoát khỏi tam giới, hoặc quyết định thoát khỏi tam giới, hoặc chẳng quyết định thoát khỏi tam giới, hoặc nhập tà định (tà tri tà kiến), hoặc nhập chánh

định (chánh tri chánh kiến), hoặc thiện căn cùng với mười kiết sử (năm độn sử và năm lợi sử), hoặc thiện căn chẳng cùng với mười kiết sử, hoặc đầy đủ thiện căn, hoặc chẳng đầy đủ thiện căn, hoặc nhiếp lấy thiện căn, hoặc chẳng nhiếp lấy thiện căn, hoặc tích tập thiện căn, hoặc chẳng tích tập thiện căn, hoặc tích tập tất cả tội pháp, hoặc chẳng tích tập tất cả tội pháp. Tất cả hết thảy như vậy, Bồ Tát đều phân môn biệt loại, biết rất rõ ràng.

Lại biết các thế giới nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, hết thảy vị lai, có số kiếp nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi mỗi kiếp, có danh hiệu chư Phật nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật.

Mỗi mỗi danh hiệu, có chư Phật Như Lai nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi mỗi Như Lai, từ ban đầu phát tâm, khởi nguyện lập hạnh, cúng dường chư Phật, giáo hoá chúng sinh, chúng hội thuyết pháp, thọ mạng bao nhiêu, thần thông biến hoá, cho đến vào Vô Dư Niết Bàn. Vào Niết Bàn rồi, pháp trụ lâu mau, tạo lập chùa tháp, đủ thứ trang nghiêm, khiến cho các chúng sinh, gieo

trồng căn lành. Những việc như vậy, thấy đều biết rõ.

Bồ Tát lại biết các thế giới, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, hết thuở vị lai, có số kiếp nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Ở trong mỗi mỗi kiếp, có danh hiệu chư Phật nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi mỗi danh hiệu, có chư Phật Như Lai nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi mỗi vị Như Lai, từ ban đầu phát bồ đề tâm, phát khởi đại nguyện, lập tu hạnh bồ đề, cúng dường chư Phật, giáo hoá chúng sinh, ở trong chúng hội thuyết pháp, thọ mạng thời gian dài bao lâu, thân thông biến hoá bao nhiêu, cho đến vào Vô Du Niết Bàn. Vào Niết Bàn rồi, pháp trụ bao nhiêu năm, tạo lập chùa tháp, đều dùng đủ thứ bảy báu để trang nghiêm, khiến cho tất cả chúng sinh, gieo trồng căn lành. Những việc như vậy, Bồ Tát thấy đều biết rõ.

Đó là trí thần thông biết hết kiếp thuở vị lai thứ tư của đại Bồ Tát.

Đó là thần thông thứ tư của đại Bồ Tát, tên gọi là thần thông trí huệ biết hết kiếp thuở vị lai.

THỨ NĂM, TRÍ THẦN THÔNG THIÊN NHĨ
THANH TỊNH VÔ NGẠI

**Phật tử ! Đại Bồ Tát thành tựu thiên
nhĩ thanh tịnh vô ngại, viên mãn, rộng lớn,**

thông suốt, lìa khỏi chướng ngại, thấu đạt, vô ngại, đầy đủ, thành tựu. Đối với tất cả hết thảy âm thanh, muốn nghe, chẳng muốn nghe, đều tùy ý tự tại.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát thành tựu thiên nhĩ thông thanh tịnh không có chướng ngại. Thiên nhĩ này, vừa viên mãn vừa rộng lớn, vừa thông minh vừa thấu triệt. Lìa khỏi tất cả chướng ngại, thấu rõ thông đạt, chẳng có mọi sự chướng ngại. Đầy đủ tất cả pháp lành, thành tựu tất cả pháp lành. Đối với tất cả hết thảy âm thanh và lời nói, hoặc muốn nghe, hoặc chẳng muốn nghe, thảy đều tùy thuận ý niệm của mình mà quyết định, đó tức là tam muội tùy ý tự tại.

Phật tử ! Phương đông có chư Phật nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Chư Phật đó nói, chỉ bày, khai mở, diễn nói, an lập, giáo hoá, điều phục, nghĩ nhớ, phân biệt, thâm sâu rộng lớn, đủ thứ sự khác biệt, vô lượng phương tiện, vô lượng thiện xảo, pháp thanh tịnh. Tất cả những sự việc như vậy, đều thọ trì được.

Các vị đệ tử của Phật ! Phương đông có chư Phật nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Luật của chư Phật đó nói, thị hiện cảnh giới, khai mở pháp

môn, diễn nói pháp, an lập đạo tràng, giáo hoá chúng sinh, điều phục chúng sinh, nghĩ nhớ chư Phật, phân biệt các pháp, thâm sâu lại rộng lớn, có đủ thứ sự khác biệt, có vô lượng phương tiện, vô lượng thiện xảo, pháp thanh tịnh. Tất cả những pháp như vậy, Bồ Tát đều thọ trì được.

Lại ở trong đó, hoặc nghĩa, hoặc văn, hoặc một người, hoặc chúng hội. Như âm thanh lời lẽ, như trí huệ, như sự thấu đạt, như sự thị hiện, như sự điều phục, như cảnh giới, như sự nương tựa, như sự xuất đạo.

Bồ Tát lại có thể ở trong tất cả các pháp, hoặc là nghĩa lý, hoặc là văn từ, hoặc là một người, hoặc là ở trong chúng hội đạo tràng. Như âm thanh và lời lẽ, như trí huệ, có thể thấu rõ thông đạt như Phật, thị hiện như Phật, điều phục như Phật, như cảnh cảnh, như nương tựa Niết Bàn, như đạo thoát khỏi tam giới.

Đối với tất cả những sự việc đó, đều nhớ rõ giữ gìn, không quên, không mất, không dứt hẳn, không thối chuyển, không mê, không hoặc. Vì họ diễn nói, khiến cho họ được ngộ hiểu, trọn không quên mất một chữ một câu. Như phương đông, phương nam tây bắc, bốn hướng trên dưới, cũng lại như thế.

Bồ Tát đối với tất cả các pháp, không những ghi nhớ, mà còn tu trì, không thể quên, cũng không mất đi, cũng không dứt hẳn, cũng không thối chuyển, không mê, không hoặc. Vì chúng sinh chỉ biết tùy thuận pháp thế gian, chẳng biết tu pháp xuất thế, cho nên Phật Bồ Tát vì chúng sinh diễn nói diệu pháp, khiến cho họ được khai ngộ, được giải thoát. Họ trọn không quên mất một chữ một câu pháp. Ở phương đông như vậy, phương nam, phương tây, phương bắc, bốn hướng trên dưới, cũng giống như ở phương đông.

Đó là trí thần thông thiên nhĩ thanh tịnh vô ngại thứ năm của đại Bồ Tát.

Thần thông thứ năm của đại Bồ Tát đặc được, tên gọi là thần thông trí huệ thiên nhãn thanh tịnh vô ngại.

Tại sao chúng ta có phiền não ? Vì có sự ích kỷ. Tại sao có sự ích kỷ ? Vì có lòng tham muốn, tìm hết mọi cách để bảo vệ nó, sợ nó chạy đi mất. Nếu đối với nó bất lợi, thì sẽ phát sinh nóng giận. Tại sao phải nóng giận ? Nguyên nhân chủ yếu là vô minh và ái tình tác quái. Nếu chẳng có vô minh, thì chẳng có ái tình, nóng giận sẽ bỏ chạy cách xa bạn mười vạn tám ngàn dặm, muốn tìm cũng tìm chẳng được.

Nếu như có ái tình, thì sẽ sinh tâm ích kỷ. Có tâm ích kỷ thì chẳng cứ đến gì khác, mục đích bắt chấp thủ đoạn để truy cầu cho bằng được, thậm chí hy sinh tánh mạng cũng không tiếc. Quy về nguồn gốc là do lòng tham dục. Nếu chẳng có lòng tham dục, thì sẽ không có sự ích kỷ. Chẳng có ích kỷ thì sẽ không có phiền não. Nếu có phiền não, thì

có sinh tử; nếu chẳng có phiền não thì không còn sinh tử. Đạo lý này ai ai cũng đều biết, nhưng làm không được. Phải biết, không còn lòng tham muốn thì hết vô minh. Phá được vô minh, thì hiển bày pháp tánh. Chúng ta học Phật, trước hết là trừ vô minh, khử phiền não. Nếu viên mãn được thì sẽ chứng được giải thoát.

Tại sao chúng ta chẳng có trí huệ ? Vì còn vô minh. Vô minh sinh ra lòng tham muốn, tham muốn sinh ra lòng ích kỷ, ích kỷ sinh ra phiền não. Tham cầu không được bèn sinh phiền não, người khác đối với mình không tốt bèn sinh ra phiền não. Tại sao có phiền não ? Vì còn cái ta tồn tại. Nếu chẳng còn cái ta, thì chẳng còn phiền não. Nếu không còn vô minh, không còn lòng ích kỷ, thì không biết phiền não chạy đi đâu. Các vị tin hay không tin tức là điều này. Ngàn kinh vạn điển, nói tới nói lui, tức là nói cái này. Cái ta không còn nữa, thì sẽ phá được vô minh, lòng tham muốn cũng bị tiêu diệt, chẳng còn tâm ích kỷ, cũng chẳng còn phiền não. Muốn tìm phiền não, cũng tìm chẳng được phiền não. Tại sao ? Vì đã giải quyết được vấn đề gốc rễ.

Các vị phải chú ý ! Tài, sắc, danh, ăn, và ngủ, năm dục này, đều từ vô minh và ái tình mà ra. Nếu chẳng còn ái tình, thì cảm thấy gì cũng không còn quan trọng nữa. Do có ái tình, mới cảm thấy cái này không tốt, cái kia cũng không tốt, cái gì cũng đều không đúng, đó là con quỷ ái tình đang tác quái. Nếu hàng phục được con quỷ ái tình, thì sớm sẽ vào nhà Như Lai, ngồi toà Như Lai, mặc y Như Lai, nói pháp Như Lai.

**THỨ SÁU, TRÍ THẦN THÔNG TRỤ KHÔNG THỂ
TÁNH KHÔNG ĐỘNG TÁC ĐẾN TẤT CẢ CỒI PHẬT**

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ thần thông không thể tánh, thần thông không tạo tác, thần thông bình đẳng, thần thông rộng lớn, thần thông vô lượng, thần thông không nương tựa, thần thông tùy niệm, thần thông khởi, thần thông chẳng khởi, thần thông chẳng thối chuyển, thần thông chẳng dứt, thần thông chẳng hoại, thần thông tăng trưởng, thần thông tùy đến.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tại thần thông chẳng có thể tánh, thần thông chẳng có tạo tác, thần thông bình đẳng, thần thông rộng lớn, thần thông vô lượng, thần thông không nương tựa, thần thông tùy niệm, thần thông khởi, thần thông chẳng khởi, thần thông chẳng thối chuyển, thần thông chẳng dứt, thần thông chẳng hoại, thần thông tăng trưởng, thần thông tùy đến.

Bồ Tát này nghe danh hiệu chư Phật trong tất cả thế giới rất xa. Đó là : Vô số thế giới, vô lượng thế giới, cho đến danh hiệu chư Phật trong thế giới, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Nghe danh hiệu chư Phật rồi, liền thấy thân mình ở chỗ chư Phật đó.

Bồ Tát này nghe đến danh hiệu của hết thầy chư Phật trong tất cả thế giới rất xa. Đó là : Vô số thế giới, vô lượng thế giới, cho đến danh hiệu của chư Phật trong thế giới, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Nghe danh hiệu chư Phật rồi, Bồ Tát liền thấy thân mình ở trong đạo tràng của chư Phật đó, lắng nghe chư Phật diễn nói diệu pháp thâm sâu vô thượng.

Các thế giới đó, hoặc ngửa, hoặc úp, đủ thứ hình tướng, các xứ sở đều khác nhau, vô biên vô ngại. Đủ thứ cõi nước, đủ thứ thời kiếp, vô lượng công đức, đều khác biệt để trang nghiêm. Các Như Lai đó xuất hiện ở trong đó, thị hiện thần biến, tán thán danh hiệu, vô lượng vô số, thầy đều khác nhau.

Bồ Tát này khi nghe được danh hiệu của các Như Lai đó, chẳng động chỗ của mình, mà thấy thân mình ở chỗ các đức Phật đó, lễ bái tôn trọng, hầu hạ cúng dường. Hỏi pháp của Bồ Tát, nhập vào trí huệ của Phật, đều thấu rõ thông đạt, cõi nước chư Phật, đạo tràng chúng hội, và chỗ thuyết pháp, đến nơi rất ráo, không có chấp lấy.

Ở trong các thế giới đó, hoặc thế giới ngửa, hoặc thế giới úp, có đủ thứ hình tướng đều khác nhau, các xứ sở cũng đều khác nhau, chẳng có bờ mé, chẳng có chướng ngại. Đủ thứ cõi nước, đủ thứ thời kiếp, có vô lượng công đức, đều khác biệt để trang nghiêm. Ở trong mỗi thế giới, đều có Phật xuất hiện ra đời, thị hiện thần thông biến hoá, tán thán danh hiệu của Phật, có vô lượng vô số, thấy đều khác nhau. Vị Bồ Tát này khi nghe được danh hiệu của các Như Lai đó, chẳng cần lìa khỏi chỗ của mình, mà hiện thân ở trong đạo tràng của chư Phật, lễ bái chư Phật, tôn trọng chư Phật, hầu hạ chư Phật, cúng dường chư Phật. Thỉnh vấn pháp của Bồ Tát tu, nhập vào trí huệ của Phật, tức cũng là chứng được nhất thiết trí của Phật. Bồ Tát hoàn toàn thấu rõ thông đạt cõi nước của chư Phật, đạo tràng của chư Phật, chúng hội của chư Phật, pháp của chư Phật nói. Đã đến được nơi rốt ráo, cũng chẳng có thủ lấy, cũng chẳng có chấp trước.

Như vậy trải qua số kiếp, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, đến khắp mười phương mà không chỗ đến. Đến các cõi thấy Phật, nghe pháp thỉnh đạo, không lúc nào đoạn tuyệt, không xả bỏ, không nghỉ ngơi, không nhàm mỏi. Tu Bồ Tát hạnh thành tựu đại nguyện, đều khiến cho đầy đủ, chưa từng thoái chuyển. Vì khiến cho chúng tánh Như Lai rộng lớn, không đoạn tuyệt.

Tình hình như vậy trải qua số kiếp, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, tuy nhiên Bồ Tát phân thân đến khắp mười phương thế giới, nhưng bốn thể chẳng động. Cho nên nói : "Không chỗ đến". Đi đến các cõi nước chư Phật, thấy được chư Phật, gần gũi chư Phật. Ở dưới toà chư Phật, lắng nghe diệu pháp, thỉnh vấn diệu đạo chấm dứt sinh tử. Bồ Tát nghe pháp thỉnh đạo, không có lúc nào gián đoạn, không lúc nào xả bỏ, không lúc nào nghỉ ngơi, không lúc nào nhàm mỏi. Bồ Tát thường tu Bồ Tát hạnh, thành tựu đại nguyện đã phát, hạnh nguyện đầy đủ, vĩnh viễn không sinh tâm thoái chuyển. Vì khiến cho chủng tánh của Như Lai rộng lớn, vĩnh viễn không đoạn tuyệt.

Đó là trí thần thông trụ không thể tánh không động tác đến tất cả cõi Phật thứ sáu của đại Bồ Tát.

Đó là thần thông thứ sáu, tên gọi là trí thần thông trụ không thể tánh không động tác đến tất cả cõi Phật của đại Bồ Tát.

THỨ BẢY, TRÍ THẦN THÔNG KHÉO PHÂN BIỆT
TẤT CẢ LỜI NÓI

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng trí thông khéo phân biệt lời nói của tất cả chúng sinh. Biết đủ thứ lời nói của chúng sinh

trong các thế giới, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát Ngài dùng thân thông trí huệ, khéo phân biệt lời nói âm thanh của tất cả chúng sinh. Biết được đủ thứ lời nói của hết thảy chúng sinh trong các thế giới, nhiều như số hạt bụi bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Bất cứ lời nói của một loài chúng sinh nào, đều biết rõ ràng hết.

Đó là lời nói bậc Thánh, lời nói chẳng phải bậc Thánh, lời nói chư Thiên, lời nói của rồng, lời nói Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A tu la, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người và chẳng phải người, cho đến hết thảy lời nói của bất khả thuyết bất khả thuyết chúng sinh. Mỗi lời nói đều biểu thị, đủ thứ sự khác biệt. Tất cả như vậy, đều biết rõ.

Đó là :

1. Lời nói bậc Thánh : Lời nói của bậc Thánh trong bốn pháp giới của bậc Thánh.
2. Lời nói chẳng phải bậc Thánh : Tức là lời nói của những người chưa chứng bốn pháp giới của bậc Thánh.
3. Lời nói chư Thiên : Tức là lời nói chúng chư Thiên.
4. Lời nói của rồng : Tức là lời nói của loài rồng.

5. Lời nói Dạ Xoa : Tức là lời nói của quỷ tộc tật.
6. Lời nói Càn Thất Bà : Tức là lời nói của thần tầm hương.
7. Lời nói A tu la : Tức là lời nói của chúng vô đoan chánh.
8. Lời nói Ca Lô La : Tức là lời nói của đại bàng kim xí điều.
9. Lời nói Khẩn Na La : Tức là lời nói chúng nhạc thần.
10. Lời nói Ma Hầu La Già : Tức là lời nói của chúng nghi thần.
11. Lời nói của người : Tức là lời nói của loài người.
12. Lời nói chẳng phải người : Tức là lời nói của những loài khác.

Cho đến hết thấy lời nói của bất khả thuyết bất khả thuyết chúng sinh. Mỗi lời nói đều biểu thị khác nhau, hoặc dùng lời nói để biểu thị, hoặc dùng không lời để biểu thị, có đủ thứ phương thức khác nhau để biểu đạt lời nói của họ. Tất cả lời nói như vậy, Bồ Tát đều hiểu biết rõ.

Bồ Tát này tùy theo vào thế giới nào, mà biết được hết thấy tánh tham muốn của tất cả chúng sinh trong đó. Như tánh tham muốn của họ, mà nói ra lời lẽ, khiến cho họ hiểu rõ, không có nghi hoặc. Như ánh sáng mặt trời xuất hiện, chiếu khắp các màu sắc, khiến cho kẻ có mắt, đều nhìn thấy rõ.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng trí huệ khéo phân biệt được tất cả lời lẽ, vào sâu mây tất cả lời lẽ. Hết thấy lời lẽ, khiến cho người thông huệ trong các thế gian, đều được hiểu rõ.

Vị Bồ Tát này, bất cứ đến thế giới nào, đều biết được hết thấy tất cả chúng sinh ở trong đó, tánh tình ham muốn của họ là gì ? Dục niệm của họ ưa thích những gì ? Bồ Tát quán sát sự ưa thích của chúng sinh, mà vì họ nói ra lời lẽ, khiến cho loại chúng sinh đó hiểu rõ thông đạt, không có sự nghi hoặc. Giống như ánh sáng mặt trời xuất hiện, chiếu sáng khắp các màu sắc, khiến cho chúng sinh có mắt, đều nhìn thấy rõ các màu sắc mặt trời chiếu sáng. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, dùng trí huệ khéo phân biệt được tất cả lời lẽ, vào sâu trong mây tất cả lời lẽ. Hết thấy lời lẽ, khiến cho người thông minh có trí huệ trong các thế gian, hoàn toàn hiểu rõ thông đạt được.

Đó là trí thần thông khéo phân biệt tất cả lời nói thứ bảy của đại Bồ Tát.

Đó là thần thông thứ bảy của đại Bồ Tát, tên gọi là trí huệ thần thông khéo phân biệt tất cả lời nói.

THỨ TÁM, TRÍ THẦN THÔNG VÔ SỐ SẮC THÂN

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng trí thông sinh ra vô lượng A tăng kỳ sắc thân trang

nghiêm, biết tất cả pháp, xa lìa sắc tướng, chẳng có tướng khác biệt, chẳng có đủ thứ tướng, chẳng có vô lượng tướng, chẳng có phân biệt tướng, chẳng có tướng xanh vàng đỏ trắng.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát dùng thần thông trí huệ sinh ra vô lượng A tăng kỳ sắc thân trang nghiêm, biết tất cả pháp, xa lìa tất cả sắc tướng, chẳng có sắc tướng khác biệt, chẳng có đủ thứ sắc tướng, chẳng có vô lượng sắc tướng, chẳng có phân biệt sắc tướng, chẳng có sắc tướng xanh vàng đỏ trắng.

Bồ Tát vào pháp giới như vậy, hay hiện thân mình đủ thứ sắc tướng.

Bồ Tát vào pháp giới như vậy, hay hiện thân Bồ Tát đủ thứ sắc tướng.

Đó là : Sắc tướng vô biên, sắc tướng vô lượng, sắc tướng thanh tịnh, sắc tướng trang nghiêm, sắc tướng khắp cùng, sắc tướng không gì sánh, sắc tướng chiếu khắp, sắc tướng tăng thượng, sắc tướng không trái nghịch, đủ các sắc tướng.

Bồ Tát thị hiện một trăm lẻ ba (103) thứ sắc thân, đó là : Sắc thân chẳng có bờ mé, sắc thân chẳng có số lượng, sắc thân thanh tịnh không nhiễm, sắc thân tốt đẹp trang

nghiêm, sắc thân khắp cùng tất cả, sắc thân không gì sánh bằng, sắc thân trí huệ chiếu khắp, sắc thân tăng trưởng vô thượng, sắc thân chẳng có trái nghịch, sắc thân đầy đủ ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp.

Lìa các sắc tướng xấu, sắc tướng đại oai lực, sắc tướng đáng tôn trọng, sắc tướng vô cùng tận, sắc tướng đẹp xen tạp, sắc tướng rất đọan nghiêm, sắc tướng không thể lường, sắc tướng khéo giữ gìn, sắc tướng hay thành thực, sắc tướng tùy sự giáo hoá.

Bồ Tát lại thị hiện lìa khỏi tất cả sắc thân xấu. Sắc thân có sức đại oai đức, sắc thân khiến người tôn trọng, sắc thân chẳng cùng tận, sắc thân tất cả tốt đẹp xen tạp, sắc thân rất đọan nghiêm, sắc thân không thể hạn lượng, sắc thân khéo giữ gìn, sắc thân hay thành thực, sắc thân tùy thuận giáo hoá chúng sinh.

Sắc tướng không chướng ngại, sắc tướng rất sáng suốt, sắc tướng không dơ trước, sắc tướng rất trong xanh, sắc tướng đại dũng kiện, sắc tướng phương tiện không nghĩ bàn, sắc tướng không thể hoại, sắc tướng lìa tỳ vết, sắc tướng không ám chướng, sắc tướng khéo an trụ.

Bồ Tát lại thị hiện sắc thân không có sự chướng ngại, sắc thân rất sáng suốt, sắc thân không dơ trước, sắc thân rất trong xanh, sắc thân đại dũng kiện, sắc thân phương tiện không nghĩ bàn, sắc thân không thể hoại, sắc thân lia khỏi tỳ vết, sắc thân không có ám chướng, sắc thân khéo an trụ.

Sắc tướng đẹp trang nghiêm, sắc tướng các tướng đoan nghiêm, sắc tướng đủ thứ vẻ đẹp, sắc tướng đại tôn quý, sắc tướng cảnh giới tốt, sắc tướng khéo chùi bóng, sắc tướng thâm tâm thanh tịnh, sắc tướng rất sáng rực rỡ, sắc tướng tối thắng rộng lớn, sắc tướng không gián đoạn.

Bồ Tát lại thị hiện sắc thân tốt đẹp trang nghiêm, sắc thân các tướng đoan nghiêm, sắc thân đủ thứ vẻ đẹp, sắc thân đại tôn đại quý, sắc thân cảnh giới thù diệu, sắc thân khéo chùi bóng, sắc thân thâm tâm thanh tịnh, sắc thân rất sáng rực rỡ, sắc thân tối thắng rộng lớn, sắc thân không có gián đoạn.

Sắc tướng không nương tựa, sắc tướng không gì sánh bằng, sắc tướng sung mãn bất khả thuyết cõi Phật, sắc tướng tăng trưởng, sắc tướng kiên cố nhiếp thọ, sắc tướng công đức tối thắng, sắc tướng tùy các tâm ưa thích, sắc tướng thanh tịnh hiểu

rõ, sắc tướng tích tập sự tốt đẹp, sắc tướng khéo léo quyết định.

Bồ Tát lại thị hiện sắc thân không nương tựa, sắc thân không gì sánh bằng, sắc thân sung mãn bất khả thuyết cõi Phật, sắc thân tăng trưởng, sắc thân kiên cố nhiếp thọ, sắc thân công đức tối thắng, sắc thân tùy các tâm ưa thích, sắc thân thanh tịnh hiểu rõ, sắc thân tích tập sự tốt đẹp, sắc thân khéo léo quyết định.

Sắc tướng không có chướng ngại, sắc tướng hư không sáng tịnh, sắc tướng thanh tịnh đáng thích, sắc tướng lia các trần cấu, sắc tướng không thể xưng lượng, sắc tướng thấy đẹp, sắc tướng thấy khắp, sắc tướng tùy thời thị hiện, sắc tướng tịch tĩnh, sắc tướng lia tham.

Bồ Tát lại thị hiện sắc thân không có chướng ngại, sắc thân hư không sáng tịnh, sắc thân thanh tịnh đáng thích, sắc thân lia các trần cấu, sắc thân không thể xưng lượng, sắc thân thấy đẹp, sắc thân thấy khắp, sắc thân tùy thời thị hiện, sắc thân tịch tĩnh, sắc thân lia tham.

Sắc tướng ruộng phước chân thật, sắc tướng hay làm an ổn, sắc tướng lia các sợ hãi, sắc tướng lia hạnh ngu si, sắc tướng trí huệ dũng mãnh, sắc tướng thân tướng vô

ngại, sắc tướng du hành khắp cùng, sắc tướng tâm không nương tựa, sắc tướng đại từ khởi lên, sắc tướng đại bi hiện ra.

Bồ Tát lại thị hiện sắc thân ruộng phước chân thật, sắc thân hay làm an ổn, sắc thân lia các sợ hãi, sắc thân lia khởi hạnh ngu si, sắc thân trí huệ dững mãnh, sắc thân thân tướng vô ngại, sắc thân du hành khắp cùng, sắc thân tâm không nương tựa, sắc thân đại từ khởi lên, sắc thân đại bi hiện ra.

Sắc tướng bình đẳng xuất ly, sắc tướng phước đức đầy đủ, sắc tướng tùy tâm nghĩ nhớ, sắc tướng vô biên báu đẹp, sắc tướng bảo tạng quang minh, sắc tướng chúng sinh tin ưa, sắc tướng nhất thiết trí hiện tiền, sắc tướng mắt hoan hỷ, sắc tướng các báu trang nghiêm bậc nhất, sắc tướng không có xứ sở.

Bồ Tát lại thị hiện sắc tướng bình đẳng xuất ly, sắc thân phước đức đầy đủ, sắc thân tùy tâm nghĩ nhớ, sắc thân vô biên báu đẹp, sắc thân bảo tạng quang minh, sắc thân chúng sinh tin ưa, sắc thân nhất thiết trí hiện tiền, sắc thân mắt hoan hỷ, sắc thân các báu trang nghiêm bậc nhất, sắc tướng không có xứ sở.

Sắc tướng tự tại thị hiện, sắc tướng đủ thứ thần thông, sắc tướng sinh nhà Như Lai, sắc tướng hơn hẳn ví dụ, sắc tướng khắp cùng pháp giới, sắc tướng chúng đều đi đến, sắc tướng đủ thứ, sắc tướng thành tựu, sắc tướng xuất ly, sắc tướng uy nghi tùy kẻ giáo hoá.

Bồ Tát lại thị hiện sắc tướng tự tại thị hiện, sắc thân đủ thứ thần thông, sắc thân sinh nhà Như Lai, sắc thân hơn hẳn ví dụ, sắc thân khắp cùng pháp giới, sắc thân tất cả đều đi đến, sắc thân đủ thứ, sắc thân thành tựu thiện báo, sắc thân xuất ly tam giới, sắc thân uy nghi tùy thuận chúng sinh giáo hoá.

Sắc tướng thấy không nhàm đủ, sắc tướng đủ thứ sáng tịnh, sắc tướng hay phóng vô số lưới quang, sắc tướng bất khả thuyết quang minh đủ thứ khác biệt, sắc tướng bất khả tư hương quang minh vượt qua ba cõi, sắc tướng bất khả lượng ánh sáng mặt trời chiếu sáng, sắc tướng thị hiện thân mặt trăng không gì sánh bằng, sắc tướng vô lượng mây hoa đáng ưa thích, sắc tướng sinh ra đủ thứ hoa sen mây búi tóc trang nghiêm, sắc tướng hơn hẳn hương

lửa ngọn huân khắp tất cả thế gian, sắc tướng sinh ra tất cả Như Lai tạng, sắc tướng bất khả thuyết âm thanh khai thị diễn xướng tất cả pháp, sắc tướng đầy đủ tất cả hạnh Phổ Hiền.

Bồ Tát lại thị hiện sắc thân thấy không nhàm đủ, sắc thân đủ thứ sáng tịnh, sắc thân hay phóng vô số lưới quang, sắc thân bất khả thuyết quang minh đủ thứ khác biệt, sắc thân bất khả tư nghì hương quang minh vượt qua ba cõi, sắc thân bất khả lượng ánh sáng mặt trời chiếu sáng, sắc thân thị hiện thân mặt trăng không gì sánh bằng, sắc thân vô lượng mây hoa đáng ưa thích, sắc thân sinh ra đủ thứ hoa sen mây búi tóc trang nghiêm, sắc thân hơn hẳn hương lửa ngọn huân khắp tất cả thế gian, sắc thân sinh ra tất cả Như Lai tạng, sắc thân bất khả thuyết âm thanh khai thị diễn xướng tất cả pháp, sắc thân đầy đủ tất cả hạnh Phổ Hiền.

Ở trên là 103 thứ sắc thân, Bồ Tát tùy thời đều thị hiện ra.

Phật tử ! Đại Bồ Tát vào sâu pháp giới vô sắc như vậy, hay thị hiện đủ thứ những sắc thân như thế, khiến cho kẻ được giáo hoá thấy, khiến cho kẻ được giáo hoá tưởng nhớ.

Vì kẻ được giáo hoá mà chuyển bánh xe pháp, tùy thuận thời cơ kẻ được giáo

hoá, tùy thuận sắc tướng kẻ được giáo hoá, khiến cho kẻ được giáo hoá gần gũi, khiến cho kẻ được giáo hoá khai ngộ.

Vì kẻ được giáo hoá mà khởi đủ thứ thần thông. Vì kẻ được giáo hoá mà hiện đủ thứ tự tại. Vì kẻ được giáo hoá mà làm các thứ việc.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát vào sâu pháp giới vô sắc như vậy, hay thị hiện đủ thứ những sắc thân như thế, khiến cho chúng sinh được giáo hoá đều thấy được vị Bồ Tát này. Khiến cho chúng sinh được giáo hoá thường tưởng nhớ đến vị Bồ Tát này. Vì chúng sinh được giáo hoá mà thường chuyên bánh xe pháp. Tùy thuận thời cơ chúng sinh được giáo hoá, tùy thuận sắc tướng chúng sinh được giáo hoá, khiến cho chúng sinh được giáo hoá đều gần gũi vị Bồ Tát này, khiến cho chúng sinh được giáo hoá được khai ngộ đắc được trí huệ. Vì chúng sinh được giáo hoá mà sinh khởi đủ thứ thần thông. Vì chúng sinh được giáo hoá hiện đủ thứ tự tại. Vì chúng sinh được giáo hoá mà làm các thứ việc.

Đó gọi là trí thần thông thành tựu vô số sắc thân thứ tám của đại Bồ Tát, vì độ tất cả chúng sinh mà siêng tu.

Đó gọi là thần thông trí huệ thành tựu vô số sắc thân thứ tám của đại Bồ Tát, vì độ tất cả chúng sinh mà siêng tu.

THỨ CHÍN, TRÍ THẦN THÔNG TẤT CẢ PHÁP

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng trí thông tất cả pháp, biết tất cả pháp không có danh tự, không có chủng tánh, không đến, không đi, không khác, chẳng không khác, không đủ thứ, chẳng không đủ thứ, không hai, chẳng không hai.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát dùng tất cả pháp trí huệ thần thông, biết được tất cả pháp, vốn chẳng có danh tự, cũng chẳng có chủng tử, cũng chẳng có thể tánh. Cũng chẳng có đến, cũng chẳng có đi, chẳng phải hai dạng, cũng chẳng phải không hai dạng, chẳng phải đủ thứ, cũng chẳng phải không đủ thứ. Nói nó là hai chẳng ? Lại chẳng phải hai. Nói nó chẳng phải là hai chẳng ? Lại chẳng phải là một, cho nên nói : "Chẳng hai, chẳng không hai". Nói tóm lại, tức là trung đạo liễu nghĩa. Trung đạo tức là chân không diệu hữu, chẳng rơi vào không, có hai bên. Liễu nghĩa tức là gì cũng chẳng có, chỗ diệu là tại chỗ này. Nếu hiểu được pháp này, thì vượt qua khỏi ba cõi, chẳng hiểu được pháp này, thì lưu chuyển sinh tử trong ba cõi.

Trong Phật giáo, hết thầy kinh điển đều rất quan trọng. Chỉ có Kinh Lăng Nghiêm là quan trọng nhất. Phàm là chỗ nào có Kinh Lăng Nghiêm, thì có chánh pháp trụ thế. Kinh Lăng Nghiêm chẳng còn nữa, thì mạng pháp hiện tiền. Hết thầy Phật giáo đồ phải đem sức lực ra, đem mồ hôi nước mắt ra để ủng hộ bộ Kinh Lăng Nghiêm này.

Trong Kinh Pháp Diệt Tận có nói : "Thời đại diệt pháp, Kinh Lăng Nghiêm diệt trước nhất. Các kinh điển khác, dần dần sẽ diệt". Nếu Kinh Lăng Nghiêm không diệt, thì thời đại chánh pháp còn hiện tiền. Do đó, chúng ta là Phật giáo đồ, phải đem tánh mạng ra để ủng hộ Kinh Lăng Nghiêm. Đem máu nước mắt ra để hộ trì Kinh Lăng Nghiêm. Đem chí nguyện ra để hộ trì Kinh Lăng Nghiêm, khiến cho Kinh Lăng Nghiêm vĩnh viễn trụ lâu ở thế gian, phát triển rộng lớn, lưu truyền đến từng mỗi hạt bụi, đến khắp nơi trên toàn thế giới, đến tận hư không khắp pháp giới. Nếu được như thế, thì chánh pháp sẽ phóng đại quang minh.

Tại sao Kinh Lăng Nghiêm diệt trước nhất ? Vì đạo lý nói ở trong Kinh quá chân thật ! Thiên ma ngoại đạo chịu không được, cho nên dùng đủ thứ phương pháp để phá hoại, để tiêu diệt. Trước hết tạo ra lời phỉ báng, nói Kinh Lăng Nghiêm chẳng phải là Kinh từ kim khẩu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra, mà là Kinh người đời sau này ngụy tạo ra, cho nên Kinh Lăng Nghiêm là giả, là ngụy kinh. Đó là lối nói cường từ đoạt lý của ngoại đạo, mưu đồ thủ đoạn cố ý phá hoại chân kinh.

Kinh Lăng Nghiêm là chân thân của Phật, Kinh Lăng Nghiêm là xá lợi của Phật, Kinh Lăng Nghiêm là chùa tháp của Phật. Nội dung của Kinh Lăng Nghiêm nói rõ cảnh giới bốn thứ thanh tịnh minh hối, hai mươi lăm vị Thánh thuật lại viên thông của mình, năm mươi ám ma. Giống như tấm gương chiếu yêu, lộ rõ nguyên hình của bàng môn tả đạo, không có chỗ ẩn thân của bọn yêu ma quỷ quái, vì an toàn của chúng, mới tuyên truyền nói Kinh Lăng Nghiêm là giả, không thể tin.

Một số người vô tri vô thức, chẳng có trí huệ phân biệt được thật giả, người ta sao mình cũng vậy, nói Kinh Lăng Nghiêm chẳng phải là Phật nói. Nguyên nhân chủ yếu, đạo lý nói trong Kinh Lăng Nghiêm là chánh quyết, lại hợp lý. Yêu ma quỷ quái, bàng môn tả đạo, không cách chi ân hình, vì lợi ích của họ, bất đắc dĩ dùng mưu đồ thủ đoạn để phá hoại, làm như vậy, sẽ phải đoạ vào địa ngục.

Những năm gần đây, có những học giả vô tri, giáo đồ ngu si, chẳng nhận thức được Phật giáo, chẳng hiểu biết về Phật học, biết một hiểu nửa, phê bình bậy bạ, phát biểu ngông cuồng, khiến cho lòng người hoang mang.

Người học Phật pháp, phải hiểu rõ thâm sâu đạo lý trong Kinh Lăng Nghiêm, cho nên phải đi khắp nơi đề xướng Kinh Lăng Nghiêm, phải đi khắp nơi tuyên dương Kinh Lăng Nghiêm, phải đi khắp nơi giải nói Kinh Lăng Nghiêm, phải đi khắp nơi hộ trì Kinh Lăng Nghiêm, vì khiến cho chánh pháp trụ lâu dài ở thế gian, vì khiến cho tà pháp vĩnh viễn tiêu diệt ở thế gian, đây là trách nhiệm của Phật giáo đồ phải làm hết sức mình.

Hôm nay tôi đề ra bảo đảm với quý vị, bảo đảm Kinh Lăng Nghiêm là chân kinh. Nếu Kinh Lăng Nghiêm là giả, thì tôi nguyện đoạ vào địa ngục. Vì tôi chẳng nhận thức được Phật pháp, lấy giả làm thật, cam tâm tình nguyện tiếp thọ quả báo này. Nếu Kinh Lăng Nghiêm là thật, thì tôi phát nguyện rằng : Đồi đời kiếp kiếp phải hoằng dương Kinh Lăng Nghiêm đại pháp, phải xiển dương giảng nói nghĩa thật của Kinh Lăng Nghiêm.

Các vị hãy nghĩ xem ! Nếu Kinh Lăng Nghiêm chẳng phải của Phật nói, ai có thể nói ra pháp chánh quyết này ? Tôi hy vọng người phê bình Kinh Lăng Nghiêm là

giả, hãy mau sám hối, sửa đổi lỗi lầm, bằng không, sẽ đoạ vào địa ngục cắt lưỡi. Tôi mong cho những người đọc Kinh Lăng Nghiêm, những người giảng Kinh Lăng nghiêm, những người tuyên dương Kinh Lăng Nghiêm, những người lưu truyền Kinh Lăng Nghiêm, thấy đều sớm thành Phật đạo.

Vô ngã, không so sánh. Không sanh, không diệt. Không động, không hoại. Không thật, không hư. Một tướng, chẳng phải tướng. Chẳng không, chẳng có. Chẳng pháp, chẳng không pháp. Chẳng tùy tục, chẳng không tùy tục. Chẳng nghiệp, chẳng không nghiệp. Chẳng báo, chẳng không báo. Chẳng hữu vi, chẳng vô vi. Chẳng phải đệ nhất nghĩa, chẳng không đệ nhất nghĩa.

Pháp thì không có pháp cố định, cho nên nói chẳng hai, chẳng không hai. Pháp thì vô ngã, không có sự so sánh. Pháp cũng không sanh, cũng không diệt. Pháp cũng bất động, cũng không hoại. Pháp cũng không thật, cũng không hư. Pháp là một tướng, cũng là vô tướng. Pháp chẳng nhất định là không, chẳng nhất định là có, chẳng có một pháp có thể được. Trong Kinh Kim Cang có nói :

"Pháp còn phải bỏ,
Hà hướng là chẳng phải pháp".

Cũng chẳng có không phải pháp. Pháp cũng chẳng tùy tục đế, cũng chẳng không tùy tục đế. Pháp chẳng có nghiệp, cũng chẳng có không nghiệp. Pháp cũng chẳng có báo, cũng chẳng có không báo. Pháp chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải là vô vi. Pháp chẳng thuộc về đệ nhất nghĩa, càng không thể nói nó không phải đệ nhất nghĩa.

Chẳng phải đạo, chẳng phải không đạo. Chẳng xuất ly, chẳng phải không xuất ly. Chẳng lượng, chẳng vô lượng. Chẳng thế gian, chẳng xuất thế gian. Chẳng từ nhân sinh, chẳng phải không từ nhân sinh. Chẳng quyết định, chẳng phải không quyết định. Chẳng thành tựu, chẳng phải không thành tựu. Chẳng xuất, chẳng phải không xuất. Chẳng phân biệt, chẳng phải không phân biệt. Chẳng như lý, chẳng phải không như lý.

Pháp cũng chẳng phải đạo, cũng chẳng phải không đạo. Pháp chẳng nhất định xuất ly, chẳng nhất định không xuất ly. Pháp cũng chẳng có lượng, chẳng phải là vô lượng, vượt qua cảnh giới lời lẽ nghĩ bàn. Pháp cũng chẳng phải thế gian, cũng chẳng phải xuất thế gian. Pháp chẳng từ nhân sinh, cũng chẳng phải không từ nhân sinh. Pháp là chẳng quyết định, chẳng phải không quyết định. Pháp chẳng phải thành tựu, cũng chẳng phải không thành tựu. Ở trong trung đạo mới là pháp rốt ráo. Pháp chẳng phải xuất,

cũng chẳng phải không xuất. Pháp chẳng phải phân biệt, cũng chẳng phải không phân biệt. Tìm ở trong sự phân biệt là thức, tìm ở trong sự không phân biệt là trí. Ở trong chính giữa này, pháp là chẳng như lý, cũng chẳng phải không như lý.

Bồ Tát này chẳng thủ lấy thể tục đế, chẳng trụ đệ nhất nghĩa. Chẳng phân biệt các pháp, chẳng kiến lập văn tự. Tùy thuận tánh tịch diệt, chẳng bỏ tất cả lời nguyện. Thấy nghĩa biết pháp, khắp nổi mây pháp, mưa xuống pháp vũ.

Vị Bồ Tát này, chẳng y chiếu đạo lý thể tục, cũng chẳng trụ tại đệ nhất nghĩa. Chẳng phân biệt tất cả các pháp, chẳng kiến lập tất cả văn tự. Tùy thuận tánh tịch diệt của các pháp, chẳng xả bỏ tất cả lời nguyện của Bồ Tát. Thấy tất cả nghĩa lý, liền biết nguồn gốc của tất cả pháp. Khắp nổi mây đại pháp, mưa xuống đại pháp vũ.

Tuy biết thật tướng không thể nói, mà dùng phương tiện biện tài vô tận, tùy pháp tùy nghĩa, diễn nói thứ lớp. Dùng lời lẽ các pháp diễn nói, đều đắc được thiện xảo. Đại từ đại bi, đều đã thanh tịnh. Có thể ở trong tất cả pháp lìa văn tự, sinh ra văn tự. Với pháp với nghĩa, tùy thuận không trái nghịch. Vì nói các pháp đều từ duyên khởi.

Bồ Tát tuy biết thật tướng vô tướng là không thể nói, mà vẫn dùng phương tiện biện tài không cùng tận, tùy theo pháp tùy theo nghĩa lý, vì chúng sinh khai thị diễn nói thứ lớp. Đối với các pháp, lời lẽ, diễn nói, đều đắc được thiện xảo. Vì nguyện lực đại từ đại bi, cho nên đều đã thanh tịnh. Có thể ở trong tất cả pháp lìa văn tự, sinh ra tất cả văn tự. Đối với pháp với nghĩa, tùy thuận không trái nghịch. Vì tất cả chúng sinh, mà diễn nói tất cả các pháp, nói tất cả các pháp, đều từ đạo lý duyên khởi.

Tuy có lời nói, mà không chấp trước. Diễn nói tất cả pháp, biện tài vô tận. Phân biệt an lập, khai phát chỉ đạo. Khiến cho các pháp tánh, hiển rõ đầy đủ. Dứt các lưới nghi, đều được thanh tịnh. Tuy nhiếp chúng sinh, chẳng bỏ chân thật.

Bồ Tát tuy dùng biện tài vô ngại, để diễn nói đủ thứ pháp, nhưng không có chấp trước. Khi diễn nói tất cả các pháp, biện tài không cùng tận. Phân biệt tất cả pháp, an lập tất cả pháp, khai phát tất cả pháp, chỉ đạo tất cả pháp. Khiến cho tất cả pháp tánh, hiển rõ đầy đủ. Dứt lưới nghi của tất cả chúng sinh, đều được nguồn gốc tự tánh thanh tịnh. Bồ Tát tuy làm Phật sự, để giáo hoá chúng sinh, để nhiếp thọ chúng sinh, nhưng chẳng xả bỏ lý thể chân thật.

Đối với pháp không hai, mà không thoái chuyển. Thường hay diễn nói pháp môn vô ngại. Dùng các âm thanh hay, tùy

tâm chúng sinh, khắp mừa pháp vũ, mà không thất thời.

Bồ Tát đối với pháp môn không hai (thật tướng lý thể chân thật), không có khi nào thối chuyển. Thường hay diễn nói pháp môn viên dung vô ngại. Dùng đủ thứ các âm thanh hay, tùy thuận tâm ý của chúng sinh, khắp vì chúng sinh để nói pháp, mà không khi nào mất đi thời cơ.

Đó gọi là trí thần thông tất cả pháp thứ chín của đại Bồ Tát.

Đó là thần thông thứ chín của đại Bồ Tát, gọi là trí huệ thần thông tất cả pháp.

THỨ MƯỜI, TRÍ THẦN THÔNG VÀO TAM MUỘI
TẤT CẢ PHÁP DIỆT TẬN

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng trí thông tam muội tất cả pháp diệt tận, ở trong niệm niệm, vào tam muội tất cả pháp diệt tận.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát dùng thần thông trí huệ tam muội tất cả pháp diệt tận, ở trong mỗi niệm, đều vào tam muội tất cả pháp diệt tận.

Cũng không thối chuyển Bồ Tát đạo, không bỏ việc Bồ Tát, không bỏ tâm đại từ

đại bi. Tu tập Ba la mật, chưa từng nghỉ ngơi. Quán sát tất cả cõi nước, không nhàm mỏi, không bỏ nguyện độ chúng sinh, không dứt việc chuyển bánh xe pháp, không bỏ sự nghiệp giáo hoá chúng sinh, không bỏ hạnh cúng dường chư Phật, không bỏ tất cả pháp môn tự tại, không bỏ thường thấy tất cả chư Phật, không bỏ thường nghe tất cả pháp.

Bồ Tát ở trong định, không thôi chuyển đạo của Bồ Tát tu, cũng không bỏ việc của Bồ Tát làm, càng không bỏ tâm đại từ đại bi. Tu tập pháp môn mười Ba la mật, vĩnh viễn đều không nghỉ ngơi. Quán sát cõi nước của tất cả chư Phật, không có khi nào nhàm chán mệt mỏi, không bỏ nguyện lực độ chúng sinh, không dứt Phật sự chuyển bánh xe pháp, không bỏ sự nghiệp giáo hoá chúng sinh, không bỏ hạnh cúng dường tất cả chư Phật, không bỏ tất cả pháp môn tự tại, không bỏ thường thấy tất cả chư Phật, không bỏ thường nghe tất cả pháp. Tâm của Bồ Tát thường nguyện thấy Phật, thường nguyện nghe pháp.

Biết tất cả pháp bình đẳng vô ngại, tự tại thành tựu tất cả Phật pháp. Hết thảy thắng nguyện đều được viên mãn. Biết rõ tất cả cõi nước khác biệt. Vào chủng tánh Phật, đến được bờ kia. Hay ở trong các thế

giới đó, học tất cả pháp, rõ pháp vô tướng. Biết tất cả pháp đều từ duyên khởi, không có thể tánh. Tuỳ theo thể tục phương tiện diễn nói. Tuy đối với các pháp, tâm không trụ vào, mà thuận chúng sinh, các căn ưa thích, phương tiện vì họ nói đủ thứ các pháp.

Bồ Tát biết tất cả pháp vốn là bình đẳng, viên dung vô ngại, nhậm vận tự tại, thành tựu tất cả Phật pháp. Nguyên lực thù thắng của Bồ Tát phát ra, đều thành tựu viên mãn. Lại thấu rõ tất cả cõi nước của chư Phật, có đủ thứ cảnh giới khác biệt. Bồ Tát đắc được chủng tánh Phật, đạt đến được bờ kia của chư Phật. Hay ở trong mỗi thế giới, học tập tất cả pháp, thấu rõ pháp chẳng có một thể tướng. Tuy nhiên Bồ Tát biết tất cả pháp, đều từ duyên sinh khởi, nếu không có duyên khởi thì chẳng có tất cả pháp. Pháp chẳng có một thể tánh, nhưng vẫn tuỳ thuận tất cả căn tánh và tất cả sự ưa thích của chúng sinh, dùng pháp môn thiện xảo phương tiện, để vì chúng sinh nói đủ thứ tất cả các pháp.

Khi Bồ Tát này trụ tam muội, thì tuỳ tâm ưa thích của Ngài, hoặc trụ một kiếp, hoặc trụ trăm kiếp, hoặc trụ ngàn kiếp, hoặc trụ ức kiếp, hoặc trụ trăm ức kiếp, hoặc trụ ngàn ức kiếp, hoặc trụ trăm ngàn

ức kiếp, hoặc trụ Na do tha ức kiếp, hoặc trụ trăm Na do tha ức kiếp, hoặc trụ ngàn Na do tha ức kiếp, hoặc trụ trăm ngàn Na do tha ức kiếp, hoặc trụ vô số kiếp, hoặc trụ vô lượng kiếp, cho đến hoặc trụ bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp.

Khi vị Bồ Tát này trụ tam muội, thì tùy tâm hoan hỷ của Ngài, hoặc trụ một kiếp, hoặc trụ trăm kiếp, hoặc trụ ngàn kiếp, hoặc trụ ức kiếp, hoặc trụ trăm ức kiếp, hoặc trụ ngàn ức kiếp, hoặc trụ trăm ngàn ức kiếp, hoặc trụ na do tha ức kiếp, hoặc trụ trăm na do tha ức kiếp, hoặc trụ ngàn na do tha ức kiếp, hoặc trụ trăm ngàn na do tha ức kiếp, hoặc trụ vô số kiếp, hoặc trụ vô lượng kiếp, cho đến hoặc trụ bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp.

Bồ Tát vào tam muội tất cả pháp diệt tận này, tuy trải qua các kiếp trụ như thế, mà thân không tan rã, không gãy ốm, không biến đổi, chẳng thấy, chẳng không thấy, không diệt, không hoại, không mệt, không lười, không thể kiệt tận.

Khi Bồ Tát vào tam muội tất cả pháp diệt tận này, tuy nhiên trải qua các kiếp trụ như ở trước đã nói, mà bản thân của Bồ Tát không tan, không rã, không gãy, không ốm, không biến, không đổi. Một số chúng sinh, hoặc chẳng thấy, hoặc chẳng không thấy. Tại sao ? Vì thân thể của Bồ

Tát không diệt, không hoại, không mệt, không lười. Ở trong định trải qua thời gian dài như thế, cũng không thể cùng tận và khô kiệt.

Tuy đối với có không đều vô sở tác, mà hay thành tựu các việc của Bồ Tát. Đó là : Luôn không xả lìa tất cả chúng sinh, giáo hoá điều phục, chưa từng thất thời, khiến cho họ tăng trưởng tất cả Phật pháp. Đối với hạnh Bồ Tát đều được viên mãn. Vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh, thần thông biến hoá, không có ngừng nghỉ. Ví như hình bóng quang minh, hiện khắp tất cả, mà nơi tam muội, vắng lặng chẳng động.

Tuy Bồ Tát đối với có, không, đã vượt qua cảnh giới có, không, đều vô sở tác, mà hay thành tựu các việc của Bồ Tát làm. Tức là lục độ vạn hạnh, hành Bồ Tát đạo. Đó là : Luôn không xả lìa tất cả chúng sinh, lúc nào cũng ở với chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, điều phục chúng sinh, không sớm không trễ, hợp thời hợp lúc, khiến cho tất cả chúng sinh tăng trưởng tất cả sở cầu đối với Phật pháp. Đối với hạnh của Bồ Tát tu, đều đắc được cảnh giới viên mãn tự tại vô ngại. Bồ Tát vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh, cho nên vận dụng thần thông biến hoá, để giáo hoá chúng sinh, không lúc nào ngừng nghỉ. Giống như hình bóng quang minh, hiện khắp tất cả. Bồ Tát ở trong định, vắng lặng chẳng động.

Đó là trí thần thông tam muội vào tất cả pháp diệt tận của đại Bồ Tát.

Đó là thần thông thứ mười của đại Bồ Tát, gọi là trí huệ thần thông tam muội vào tất cả pháp diệt tận.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ tại mười thứ thần thông như vậy, tất cả trời người không thể nghĩ bàn, tất cả chúng sinh không thể nghĩ bàn, tất cả Thanh Văn, tất cả Độc Giác, và tất cả các chúng Bồ Tát khác, như vậy thấy đều không thể nghĩ bàn.

Thân nghiệp Bồ Tát này không thể nghĩ bàn, lời nghiệp không thể nghĩ bàn, ý nghiệp không thể nghĩ bàn. Tam muội tự tại không thể nghĩ bàn, trí huệ cảnh giới không thể nghĩ bàn. Chỉ có chư Phật, và các Bồ Tát khác được thần thông này. Ngoài ra, không ai nói được công đức này, tán thán khen ngợi.

Các vị đệ tử của Phật ! Khi đại Bồ Tát trụ tại mười thứ thần thông như thế, thì tất cả trời người không thể nghĩ bàn vị Bồ Tát này. Tất cả chúng sinh cũng không thể nghĩ bàn vị Bồ Tát này. Tất cả Thanh Văn, tất cả Độc Giác, và tất cả các chúng Bồ Tát khác, thấy đều không thể nghĩ bàn

vị Bồ Tát này. Thân nghiệp của Bồ Tát này không thể nghĩ bàn, lời nghiệp cũng không thể nghĩ bàn, ý nghiệp cũng không thể nghĩ bàn. Tam muội của Bồ Tát như thế nào ? Chúng ta chẳng biết. Bất cứ chúng sinh thông minh, hoặc chúng sinh ngu si, không thể dùng vọng tự phê bình cảnh giới của Bồ Tát, hoặc dò cảnh giới của Bồ Tát. Vì cảnh giới của Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

Vị Bồ Tát này, tam muội và tự tại không thể nghĩ bàn, trí huệ và cảnh giới cũng không thể nghĩ bàn. Chỉ có chư Phật mới biết được, hoặc các Bồ Tát khác được tam muội tự tại này, mới có thể biết được. Ngoài ra tất cả chúng sinh, không cách chi nói được công đức của vị Bồ Tát này, cũng không có ai có thể tán thán và khen ngợi. Tại sao ? Vì vốn không biết được cảnh giới của vị Bồ Tát này.

Phật tử ! Đó là mười thứ thần thông của đại Bồ Tát. Nếu đại Bồ Tát trụ thần thông này, đều đắc được tất cả trí thần thông vô ngại ba đời.

Các vị đệ tử của Phật ! Đó là mười thứ thần thông trí huệ của đại Bồ Tát chúng được. Nếu đại Bồ Tát trụ tại mười thứ thần thông này, thì hoàn toàn đắc được tất cả thần thông trí huệ viên dung vô ngại của tất cả chư Phật đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, để giáo hoá tất cả chúng sinh.

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYỂN BỐN MƯƠI BỐN

PHẨM THẬP NHÃN THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Ở trước đã giảng về thập định và thập thông, bây giờ giảng về thập nhẫn. Có định lực rồi mới có thần thông. Muốn có thần thông thì phải nhẫn, nhẫn được thì mới có định lực, đây là sự tác dụng với nhau, như kiềng ba chân, thiếu một không đứng vững được.

Chữ nhẫn được cấu tạo bởi chữ tâm và chữ đao, trên chữ tâm có chữ đao. Giống như tâm bị đao cắt rất đau đớn, nhưng phải nhẫn chịu, không thể nổi nóng. Tâm đau đớn không dễ gì nhẫn chịu được, nhưng không thể nhẫn cũng phải nhẫn, do đó :

« Nhẫn những gì người khác không nhẫn được ».

Khi con người chưa gặp cảnh giới, thì tự mình cho rằng mình nhẫn được, nhẫn cũng nhẫn được, nhường cũng nhường được, song khi cảnh giới đến, thì không nhận thức được. Nhẫn cũng nhẫn không được, nhường cũng không nhường được, chạy theo vô minh, càng chạy thì cách chân lý càng xa, do đó trí huệ không thể hiện tiền được.

Phẩm này là phẩm thứ ba mươi chín trong Kinh Hoa Nghiêm, thuộc về phẩm thứ ba mươi chín, nên gọi là Phẩm Thập Nhẫn thứ ba mươi chín.

Bấy giờ, Bồ Tát Phổ Hiền bảo các Bồ Tát rằng : Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ nhẫn, nếu đắc được nhẫn này, thì sẽ đắc được bậc vô ngại nhẫn của tất cả Bồ Tát, tất cả Phật pháp, vô ngại vô tận.

Sau khi nói Phẩm Thập Thông rồi, thì lúc đó, Bồ Tát Phổ Hiền quán sát nhân duyên đại chúng trong pháp hội, nên nói pháp gì thì nói pháp đó. Quán căn cơ đại chúng rồi, đúng là nên nói pháp môn thập nhẫn, cho nên Bồ Tát Phổ Hiền bèn nói với hết thầy Bồ Tát trong pháp hội rằng : « Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu hành hạnh Bồ Tát, tích tập đủ thứ căn lành, viên mãn lục độ vạn hạnh, Ngài phải tu hành pháp môn mười thứ nhẫn này. Nếu đắc được mười thứ nhẫn này, thì sẽ đắc được quả vị vô ngại nhẫn của tất cả Bồ Tát, đối với tất cả Phật pháp, viên dung vô ngại, viên mãn vô tận ».

Những gì là mười ? Đó là : Âm thanh nhẫn, thuận nhẫn, vô sanh pháp nhẫn, như huyễn nhẫn, như diệm nhẫn, như mộng nhẫn, như vang nhẫn, như ảnh nhẫn, như hoá nhẫn, như không nhẫn.

Những gì là mười thứ nhẫn ? Tức là :

1. Âm thanh nhẫn : Bất cứ là âm thanh tốt, hoặc âm thanh không tốt; âm thanh chánh đáng, hoặc âm thanh không chánh đáng; âm thanh thanh tịnh, hoặc âm thanh không thanh tịnh. Phạm là thuộc về tất cả âm thanh, đều phải nhẫn thọ, thậm chí khiến cho bạn thọ không được cũng phải nhẫn. Nhẫn không được mới phải nhẫn, thọ không được mới phải thọ. Nếu thọ được, hà tất phải nhẫn ? Giống như ở chợ náo nhiệt, tất cả tiếng nói khiến cho bạn tâm phiền ý loạn, lúc đó, bạn nghe mà không nghe, không bị chi phối, thì mới có định lực. Do đó : « Giữa chợ náo nhiệt mà tu hành », trải qua sự khảo nghiệm, mới có thể tăng tấn đạo nghiệp.

2. Thuận nhẫn : Tức cũng là nghịch nhẫn. Bất cứ là thuận hoặc là nghịch, đều phải nhẫn thọ. Thuận nhẫn là cảnh giới bạn hoan hỷ, giống như bạn hoan hỷ nhảy múa, nghe được tiếng âm nhạc thì thân thể càng không tự chủ được bèn đứng dậy nhảy. Nghịch nhẫn là cảnh giới bạn không hoan hỷ, giống như người mà bạn nhàm chán, mà họ lại đến tìm bạn để nhiễu loạn, cho nên thuận nghịch đều phải nhẫn. Vì muốn học Phật pháp, cho nên thọ người khinh khi, chịu người phỉ báng, chịu người mắng chửi, chịu người đánh đập, đều phải nhẫn thọ. Do đó : « Nhẫn là báu vô giá », nhẫn được mới có thể thành đạo. Có người nói : « Tôi không muốn tu hành, vì tu hành quá khổ, không thể ăn nhiều, không thể mặc nhiều, không thể ngủ nhiều, tôi thật chịu không được, tôi muốn hoàn tục » ! Người có tư tưởng như thế, không thể chấp nhận được. Chúng ta tham thiên đả toạ, tức là tu công phu nhẫn, phải chịu chân đau, phải chịu lưng ê, nhẫn đến cực điểm, thì sẽ có tin tức.

3. Vô sanh pháp nhẫn : Nói đơn giản là không thấy có chút pháp sanh, cũng không thấy có chút pháp diệt, nhẫn thọ nơi tâm. Tức cũng là cảnh giới đoạn, thường, nhị kiến đều mất, ngã pháp hai chấp không sanh.

4. Như huyễn nhẫn : Tất cả pháp thế gian như huyễn như hoá, không thể nhận cho là chân thật. Nếu nhận cho là chân thật, thì liền bị cảnh giới chuyển, phải biết cảnh giới là hư huyễn không thật, cho nên đừng chấp trước. Nếu không chấp trước, tất cả đều buông bỏ được, thì sẽ được giải thoát.

5. Như diệm nhẫn : Khi mùa xuân, ở xa nhìn đại địa có hình tướng sóng nước, đến gần nhìn thì không có, đó tức là hiện tượng dương diệm. Tất cả sự vật thế gian, cũng giống như dương diệm, tuy có hình nhưng không thật thể, đừng có cho nó là chân thật, bằng không, thì tự mình cầu khổ não mà thôi.

6. Như mộng nhẫn : Người ở trong mộng, vừa làm quan, vừa phát tài, vừa có vợ đẹp, cảm thấy đời người rất là mỹ mãn, khi tỉnh dậy thì vẫn không có gì cả. Biết đời người như mộng, nếu nhẫn thọ được, thì không có phiền não.

7. Như vang nhẫn : Vang là do tiếng mà phát ra, nếu không có âm thanh, thì cũng không có tiếng vang, vì tiếng vang chẳng có thật thể. Chúng ta xem tất cả sự việc thế gian như tiếng vang mà nhẫn thọ, thì tự nhiên sẽ đắc được tự tại.

8. Như ảnh nhẫn : Phải xem tất cả hết thảy đều giống như ảnh. Do đó :

« Hoa trong gương, trăng dưới nước ».

Nhìn tựa như có, kỳ thật là không, cái gì cũng không có. Hiểu được đạo lý này, thì sẽ không chấp trước.

9. Như hoá nhãn : Tất cả thế gian đều biến hoá mà có, bỗng lai chẳng có, hột nhiên mà có, đây là hiện tượng biến hoá. Giống như nhà huyền thuật, trong không biến có, trong có hoá không. Nếu quán thấy được như vậy, thì không có phiền não.

10. Như không nhãn : Tất cả đều không, không có thật thể. Trong Kinh Kim Cang có nói :

“Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bọt bong
Như sương cũng như điện
Hãy quán sát như vậy”.

Quán sát được như vậy, thì sẽ được không nhãn.

Đó là mười thứ nhãn, ba đời chư Phật đã nói, đang nói, và sẽ nói.

Pháp môn mười thứ nhãn này, chư Phật đời quá khứ đã nói, chư Phật đời hiện tại đang nói, chư Phật đời vị lai sẽ nói. Ba đời chư Phật đều nói pháp môn này, để giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh sớm lìa khỏi biển khổ, cùng lên bờ bên kia.

THỨ NHẤT, ÂM THANH NHÃN

Phật tử! Thế nào là âm thanh nhãn của đại Bồ Tát? Đó là nghe pháp của chư Phật nói, chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi.

Tin sâu ngộ hiểu, ưa thích hướng đến, chuyên tâm nghĩ nhớ, tu tập an trụ.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Thế nào là âm thanh nhẫn của đại Bồ Tát tu? Tức là nghe được pháp của mười phương chư Phật nói, không kinh hãi, không sợ sệt. Tin sâu pháp của chư Phật nói, giác ngộ thấu hiểu pháp của chư Phật nói. Ưa thích Phật pháp, hướng về Phật pháp, chuyên tâm nhất chí để nghĩ nhớ. Tức cũng là đọc tụng Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, hoặc đọc tụng Kinh Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm, hoặc đọc tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc đọc tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã, chỉ cần chuyên tâm để tụng, thì nhất định sẽ thuộc lòng. Tuy thuộc lòng, nhưng vẫn phải y pháp tu hành, bằng không, cũng giống như ca hát, không có lợi ích gì. Ví như trong Kinh nói : “Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu”. Đây là năm giới lớn căn bản. Phạm là Phật giáo đồ, đều phải giữ gìn, không được phạm giới, song có người biết rõ mà cố phạm, như vậy lại có ích gì? Do đó : “Tri hành hợp nhất”, mới có lợi ích. Cho nên đối với pháp của chư Phật nói, chẳng những phải nghĩ nhớ, mà còn phải tu tập, còn phải an trụ.

Đó gọi là âm thanh nhẫn thứ nhất của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn nhẫn thứ nhất của đại Bồ Tát tu, gọi là âm thanh nhẫn.

Phật tử! Thế nào là thuận nhẫn của đại Bồ Tát? Đó là đối với các pháp, tư duy quán sát, bình đẳng không trái, tùy thuận biết rõ, khiến cho tâm thanh tịnh, chánh trụ tu tập, hướng nhập thành tựu.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Thế nào là thuận nhẫn của đại Bồ Tát tu? Tức là nói đối với tất cả các pháp, phải tư duy, phải quán sát. Phải bình đẳng để tư duy và quán sát, không thể trái với tất cả Phật pháp, phải tùy thuận tất cả Phật pháp, phải biết rõ tất cả Phật pháp. Bất cứ học Phật pháp gì, đều phải khiến cho tâm thanh tịnh, không tạp nhiễm, không có ý niệm không chánh đáng. Chánh trụ nơi Phật pháp, tu tập Phật pháp. Như vậy thì sẽ hướng nhập Phật pháp, thành tựu Phật pháp.

Đó gọi là thuận nhẫn thứ hai của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn nhẫn thứ hai của đại Bồ Tát tu, gọi là thuận nhẫn.

THỨ BA, VÔ SINH PHÁP NHÃN

Phật tử! Thế nào là vô sanh pháp nhẫn của đại Bồ Tát?

Phật tử! Đại Bồ Tát này, chẳng thấy có chút pháp sanh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt. Tại sao?

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Thế nào là vô sanh pháp nhẫn của đại Bồ Tát tu? Các vị đệ tử của Phật! Vị đại Bồ Tát này, chẳng thấy có chút pháp sanh ra, cũng chẳng thấy có chút pháp tiêu diệt đi. Không sanh không diệt, nhẫn thọ nơi tâm. Lý do tại sao?

Vì nếu không sanh thì không diệt, nếu không diệt thì không cùng tận. Nếu không cùng tận thì lìa cấu bẩn. Nếu lìa cấu bẩn thì không có sự sai biệt. Nếu không có sự sai biệt, thì không xứ sở. Nếu không xứ sở thì tịch tĩnh. Nếu tịch tĩnh thì lìa dục. Nếu lìa dục thì không tạo tác. Nếu không tạo tác thì không có nguyện. Nếu không có nguyện thì không chỗ trụ. Nếu không chỗ trụ thì không đến không đi.

Vì nếu như không có sanh thì không có diệt, nếu không có diệt thì không cùng tận. Nếu không cùng tận thì lìa khỏi tất cả nhiễm ô cấu bẩn. Nếu lìa khỏi tất cả trần cấu thì không có sự phân biệt. Nếu không có sự phân biệt, thì không có một xứ sở nào. Nếu không có một xứ sở nào thì rốt ráo tịch tĩnh. Nếu rốt ráo tịch tĩnh thì lìa khỏi tài, sắc, danh, ăn, ngủ, năm dục niệm. Nếu lìa khỏi tất cả dục niệm

thì chẳng có tạo tác. Nếu chẳng có tạo tác thì chẳng có nguyên. Nếu chẳng có nguyên thì chẳng có chỗ trụ. Nếu không có chỗ trụ thì không đến không đi.

Đó gọi là vô sanh pháp nhẫn thứ ba của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn nhẫn thứ ba của đại Bồ Tát tu, gọi là vô sanh pháp nhẫn.

THỨ TƯ, NHƯ HUYỄN NHÃN

Phật tử! Thế nào là như huyền nhẫn của đại Bồ Tát?

Phật tử! Đại Bồ Tát này, biết tất cả pháp thấy đều như huyền. Do nhân duyên khởi, ở trong một pháp hiểu nhiều pháp, ở trong nhiều pháp hiểu một pháp.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Thế nào là như huyền nhẫn của đại Bồ Tát tu? Các vị đệ tử của Phật! Vị đại Bồ Tát này, biết tất cả các pháp, đều như huyền như hoá, do nhân duyên sinh khởi. Ở trong một thứ pháp, thấu hiểu được nhiều thứ pháp; ở trong nhiều thứ pháp, thấu hiểu được một thứ pháp. Do đó :

“Một tức tất cả, tất cả tức một”.

Đó là cảnh giới một nhiều vô ngại, nhiều một viên dung.

Bồ Tát này, biết các pháp như huyễn rồi, thấu đạt cõi nước, thấu đạt chúng sinh, thấu đạt pháp giới, thấu đạt thế gian bình đẳng, thấu đạt Phật xuất hiện bình đẳng, thấu đạt ba đời bình đẳng, thành tựu đủ thứ thần thông biến hoá.

Vị đại Bồ Tát này, biết tất cả các pháp, đều là hư huyễn. Tức thấu đạt tất cả cõi nước cũng là hư huyễn, thấu đạt tất cả chúng sinh cũng là hư huyễn, thấu đạt tất cả pháp giới cũng là hư huyễn, thấu đạt tất cả thế gian là bình đẳng, thấu đạt Phật xuất hiện là bình đẳng, thấu đạt ba đời là bình đẳng. Thành tựu đủ thứ thần thông biến hoá, đều là hư huyễn.

Ví như huyễn, chẳng phải voi, chẳng phải ngựa. Chẳng phải xe, chẳng phải đi bộ. Chẳng phải nam, chẳng phải nữ. Chẳng phải đồng nam, chẳng phải đồng nữ. Chẳng phải cây, chẳng phải lá, chẳng phải hoa, chẳng phải quả. Chẳng phải đất, chẳng phải nước, chẳng phải lửa, chẳng phải gió. Chẳng phải ban ngày, chẳng phải ban đêm. Chẳng phải ngày, chẳng phải tháng, chẳng phải nửa tháng, chẳng phải một tháng, chẳng phải một năm, chẳng

phải trăm năm, chẳng phải một kiếp, chẳng phải nhiều kiếp. Chẳng phải định, chẳng phải loạn. Chẳng thuần, chẳng tạp. Chẳng một, chẳng khác. Chẳng rộng, chẳng hẹp. Chẳng nhiều, chẳng ít. Chẳng lượng, chẳng vô lượng. Chẳng thô, chẳng tế. Chẳng phải tất cả đủ thứ các vật đó, đủ thứ chẳng phải huyền, huyền chẳng phải đủ thứ, vì do huyền, mà thị hiện đủ thứ sự việc khác biệt.

Ví như huyền biến hiện ra con voi, chẳng phải là con voi thật. Huyền biến hiện ra con ngựa, chẳng phải là ngựa thật. Huyền biến hiện ra xe, chẳng phải là xe thật. Huyền biến hiện ra đi bộ, chẳng phải là đi bộ thật. Huyền hoá hiện ra người nam, huyền hoá ra người nữ, huyền hoá ra đồng nam, huyền hoá ra đồng nữ, đều chẳng phải người nam thật, người nữ thật, đồng nam thật, đồng nữ thật. Huyền hoá ra cây, huyền hoá ra lá, huyền hoá ra hoa, huyền hoá ra quả, đều chẳng phải là cây thật, lá thật, hoa thật, quả thật. Huyền biến hiện ra đất, chẳng phải đất đai thật. Huyền biến hiện ra nước, chẳng phải là nước thật. Huyền biến hiện ra lửa, chẳng phải là lửa thật. Huyền biến hiện ra gió, chẳng phải là gió thật. Huyền biến hiện ra ban ngày, chẳng phải là ban ngày thật, huyền biến hiện ra ban đêm, chẳng phải là ban đêm thật. Huyền biến hiện ra ngày, chẳng phải là ngày thật. Huyền biến hiện ra tháng, chẳng phải là tháng thật. Huyền biến hiện ra nửa tháng, huyền biến hiện ra một

tháng, huyễn biến hiện ra một năm, huyễn biến hiện ra trăm năm, huyễn biến hiện ra một kiếp, huyễn biến hiện ra nhiều kiếp, đều chẳng phải thật. Huyền hiện ra định, huyền hiện ra loạn, huyền hiện ra thuận, huyền hiện ra tạp, huyền hiện ra một, huyền hiện ra khác, đều chẳng phải thật. Tóm lại, phàm là hư huyễn hiện ra đều chẳng chân thật.

Bồ Tát biết tất cả các pháp như huyễn, cho nên không chấp trước, cũng chẳng chấp trước rộng, cũng chẳng chấp trước hẹp, cũng chẳng chấp trước nhiều, cũng chẳng chấp trước ít, cũng chẳng chấp trước có số lượng, cũng chẳng chấp trước không có số lượng. Cũng chẳng chấp trước pháp thô, cũng chẳng chấp trước pháp tế. Cũng chẳng chấp trước tất cả đủ thứ sự vật. Đủ thứ chẳng phải hư huyễn, hư huyễn chẳng phải đủ thứ. Do vì hư huyễn, cho nên thị hiện đủ thứ sự vật khác nhau.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, quán tất cả thế gian như huyễn. Đó là: Nghiệp thế gian, phiền não thế gian, cõi nước thế gian, pháp thế gian, thời thế gian, thú thế gian, thành thế gian, hoại thế gian, vận động thế gian, tạo tác thế gian.

Đại Bồ Tát cũng tình hình như vậy, Ngài quán sát tất cả thế gian, đều là hư huyễn. Đó là:

1. Nghiệp thế gian.
2. Phiền não thế gian.
3. Cõi nước thế gian.
4. Pháp thế gian.

5. Thời thế gian.
6. Thú thế gian.
7. Thành thế gian.
8. Hoại thế gian.
9. Vận động thế gian.
10. Tào tác thế gian.

Mười thứ thế gian này, đều là hư huyễn, chẳng phải chân thật.

Khi đại Bồ Tát quán tất cả thế gian như huyễn, thì chẳng thấy chúng sinh sinh, chẳng thấy chúng sinh diệt. Chẳng thấy cõi nước sinh, chẳng thấy cõi nước diệt. Chẳng thấy các pháp sinh, chẳng thấy các pháp diệt. Chẳng thấy quá khứ có thể phân biệt, chẳng thấy vị lai có khởi tác, chẳng thấy hiện tại một niệm trụ. Chẳng quán sát bồ đề, chẳng phân biệt bồ đề. Chẳng thấy Phật xuất hiện, chẳng thấy Phật vào Niết bàn. Chẳng thấy trụ nguyện lớn, chẳng thấy vào chánh vị, chẳng xuất tánh bình đẳng.

Khi đại Bồ Tát quán sát tất cả thế gian như huyễn, thì chẳng thấy có chúng sinh sinh, cũng chẳng thấy có chúng sinh diệt. Chẳng thấy có cõi nước sinh, cũng chẳng thấy có cõi nước diệt. Chẳng thấy có các pháp sinh, cũng

chẳng thấy có các pháp diệt. Chẳng thấy pháp quá khứ có thể phân biệt, cũng chẳng thấy pháp vị lai có sự khởi tác, cũng chẳng thấy pháp hiện tại ở trong một niệm có chỗ trụ. Vì hết thấy tất cả đều do hư huyền thành tựu. Bồ Tát đối với tất cả các pháp chẳng có tất cả sự chấp trước, hành sở vô sự, cho nên chẳng thấy quá khứ, chẳng có sự phân biệt quá khứ. Chẳng thấy vị lai, chẳng có tác khởi vị lai. Chẳng thấy hiện tại, chẳng có một niệm chấp trước hiện tại.

Bồ Tát chẳng quán sát bồ đề, nhưng tu hạnh bồ đề. Do đó :

“Chỉ hỏi trồng trọt
Đừng hỏi thu hoạch”.

Khi mùa xuân trì làm ruộng, nỗ lực trồng trọt, mà không hỏi mùa thu thu hoạch như thế nào, đó là tư tưởng của người nông dân. Bồ Tát chẳng những không quán sát bồ đề, mà cũng không phân biệt bồ đề. Bồ Tát chẳng chấp trước vào Phật xuất hiện ra đời, cũng chẳng chấp trước vào Phật nhập Niết Bàn, cũng chẳng chấp trước vào đại nguyện của bậc Đẳng giác và Diệu giác trụ. Do đó :

“Quét tất cả pháp, lia tất cả tướng”.

Cũng chẳng chấp trước vào thấy chứng được quả vị Phật, cũng chẳng chấp trước vào tánh bình đẳng. Tóm lại, gì cũng chẳng chấp trước.

Bồ Tát đó, tuy thành tựu cõi Phật, biết cõi nước không khác biệt. Tuy thành tựu cõi chúng sinh, biết chúng sinh không khác biệt. Tuy quán khắp pháp giới, mà an trụ

pháp tánh, tịch nhiên bất động. Tuy đạt được ba đời bình đẳng, mà chẳng trái phân biệt pháp ba đời. Tuy thành tựu uẩn xứ, mà dứt hẳn chỗ nương tựa. Tuy độ thoát chúng sinh, mà biết rõ pháp giới bình đẳng, không có đủ thứ sự khác biệt. Tuy biết tất cả pháp xa lìa văn tự, không thể nói được, mà thường thuyết pháp, biện tài vô tận. Tuy chẳng chấp trước, việc giáo hoá chúng sinh, mà chẳng bỏ đại bi, vì độ tất cả mà chuyển bánh xe pháp. Tuy vì khai thị nhân duyên quá khứ, mà biết tánh nhân duyên không có động chuyển.

Vị Bồ Tát đó, tuy thành tựu cõi nước chư Phật, biết cõi nước không có sự phân biệt. Tuy thành tựu cõi chúng sinh, biết chúng sinh không có sự phân biệt. Loài người chúng ta, tuy có chủng tộc khác nhau, ngôn ngữ khác nhau, văn tự khác nhau, phong tục khác nhau, nhưng mọi người đều là con người. Bồ Tát tuy quán sát khắp tất cả pháp giới, mà vẫn ở tại cõi nước của mình, an trụ trong pháp tánh, tịch nhiên bất động. Tuy Bồ Tát thấu đạt được ba đời đều là bình đẳng, mà chẳng trái phân biệt pháp ba đời.

Tuy Bồ Tát thành tựu năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, mà dứt hẳn chỗ nương tựa thế giới. Giống như Bồ Tát có thể phá một phần vô minh cuối cùng, thì có thể thành Diệu giác, nhưng Bồ Tát không phá một phần vô

minh này, vẫn hoà quang hõn tục, ở trong chúng sinh giáo hoá chúng sinh, làm mô phạm cho chúng sinh. Ngài khiến cho chúng sinh sinh ra tư tưởng như vậy: “Bạn có thể khai ngộ, tôi cũng có thể khai ngộ. Bạn chứng được ngũ nhãn lục thông, tôi cũng có thể chứng được ngũ nhãn lục thông”, có sự tác dụng như thế.

Nếu hiện thân khác nhau, hoặc màu da nhan sắc khác nhau, thì tâm chúng sinh sẽ khởi hảo cảm tác dụng, sẽ dễ dàng giáo hoá. Cho nên Bồ Tát ở trong mỗi chủng tộc, hiện thân giống như vậy để vì chúng sinh thuyết pháp, khiến cho mỗi chủng tộc sinh ra tâm lý tự hào rằng: “Trong chủng tộc chúng ta cũng có người tu đạo, cũng có người thành đạo”. Do đó bèn phát bồ đề tâm, như vậy sẽ khiến cho chúng sinh có sự hy vọng, mà chẳng tuyệt vọng. Bồ Tát dụng tâm khổ cực như vậy, nghĩ hết biện pháp để giáo hoá chúng sinh. Bồ Tát vì hằng thuận chúng sinh, mà làm việc chúng sinh ưa thích, nhưng tuyệt đối không chấp trước, đó tức là cảnh giới của Bồ Tát.

Tuy Bồ Tát độ thoát tất cả chúng sinh, mà biết rõ pháp giới là bình đẳng, chúng sinh tức là Phật, Phật tức là chúng sinh, không có đủ thứ mọi sự phân biệt. Có người nói: “Đạo lý này tôi không tin”, tin hay không tin đều là Phật giáo, vì tánh của bạn và tánh của Phật, chẳng có sự phân biệt, là một thể, chẳng phải vấn đề bạn tin hay không tin, bạn tin hay không tin đều chẳng có quan hệ gì cả.

Tôi thường nói: “Hôm nay bạn không tin Phật, tôi đợi bạn ngày mai. Ngày mai bạn cũng không tin, thì tôi đợi bạn ngày một. Ngày một bạn cũng không tin Phật, thì tôi đợi bạn một năm, hoặc một đời, thậm chí nhiều đời, cho đến một đại kiếp, cuối cùng sẽ có một ngày bạn sẽ tin

Phật”. Tại sao? Vì Phật giáo là tận hư không khắp pháp giới, nếu bạn chạy ra ngoài hư không được, thì bạn không cần tin Phật. Nếu bạn có thể chạy ra ngoài pháp giới được, thì cũng không cần tin Phật, chỉ e rằng bạn không có bản lĩnh như thế, cho nên bạn sớm sẽ tin Phật.

Tuy Bồ Tát biết tất cả các pháp xa lìa tất cả văn tự, không lời lẽ để nói, do đó: “Ngôn ngữ đạo đoạn”, tức là lời nói đã dứt bậc, chẳng còn gì để nói. Bản thể của pháp là chẳng lập ngôn ngữ, chẳng lập văn tự. Pháp tuy nhiên không thể nói, nhưng Phật Bồ Tát lại luôn luôn thuyết pháp, có cảnh giới biện tài vô tận, thao thao bất tuyệt, đạo lý nói ra đều là chánh tri chánh kiến, chẳng phải cường từ đoạt lý, không có ai bắt bẻ được.

Tuy Bồ Tát chẳng chấp trước việc giáo hoá chúng sinh, mà chẳng xả bỏ tâm đại bi, vì độ tất cả mà chuyển bánh xe pháp. Có người hỏi: “Thế nào là chuyển bánh xe pháp?” Bạn không minh bạch thì có thể đến Kim Sơn Thánh Tự để tham quan. Kim Sơn Thánh Tự hằng ngày chuyển bánh xe pháp (giảng kinh thuyết pháp). Chuyển đến chuyển lui, chuyển ra Kim Luân Thánh Tự (tại Los Angeles), lại chuyển ra một Như Lai Tự (tại Vạn Phật Thánh Thành). Càng chuyển càng nhiều, tương lai hồng dương Phật pháp đến toàn thế giới.

Tuy Bồ Tát khai thị tất cả chúng sinh, khiến cho họ biết nhân duyên và quả báo đời quá khứ, mà Ngài cũng biết nhân duyên là tánh không, chẳng có một thể nào cả, cho nên chẳng động chuyển.

Đó gọi là như huyền nhãn thứ tư của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn nhân thứ tư của đại Bồ Tát tu, gọi là như huyền nhân.

THỨ NĂM, NHƯ DIỆM NHÂN

Phật tử! Thế nào là như diệm nhân của đại Bồ Tát?

Phật tử! Đại Bồ Tát này, biết tất cả thế gian giống như dương diệm. Ví như dương diệm, không có phương sở, không trong, không ngoài, chẳng có, chẳng không, chẳng đoạn, chẳng thường, chẳng một sắc, chẳng đủ thứ sắc, nhưng tùy thế gian lời nói hiển bày. Bồ Tát như vậy, quán sát như thật, biết rõ các pháp, hiện chứng tất cả, khiến cho được viên mãn.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Thế nào là như diệm nhân của đại Bồ Tát tu? Các vị đệ tử của Phật! Vị đại Bồ Tát này, Ngài biết hết thấy tất cả pháp thế gian giống như dương diệm, ở xa nhìn tựa như có, đến gần nhìn thì không có, là hư vọng không thật, nó chẳng có xứ sở nhất định, chẳng có nơi đến, cũng chẳng có nơi đi. Nói nó có chẳng? Ở gần nhìn thì chẳng có; nói nó chẳng có chẳng? Ở xa nhìn thì tựa như vũng nước. Dương diệm cũng chẳng phải đoạn, cũng chẳng phải thường, không thể nói nó là đoạn diệt, vì nó tùy thời có thể không có, nó cũng chẳng phải một thứ sắc, cũng chẳng phải đủ thứ sắc, cũng

chẳng phải chẳng có sắc. Nhưng Bồ Tát tùy thuận chúng sinh thế gian, mà dùng lời nói để hiển bày.

Bồ Tát dùng lý thể chân thật, trí huệ chân chánh để quán cảnh giới này, thấu rõ đạo lý thật tướng của tất cả các pháp, hiện chứng tất cả quả vị, chẳng những khiến cho mình được viên mãn bồ đề, cũng khiến cho tất cả chúng sinh đều được viên mãn bồ đề, đó tức là tinh thần tự giác giác tha của Bồ Tát.

Đó gọi là như diệm nhãn thứ năm của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn nhãn thứ năm của đại Bồ Tát tu, gọi là như diệm nhãn.

THỨ SÁU, NHƯ MỘNG NHÃN

Phật tử! Thế nào là như mộng nhãn của đại Bồ Tát?

Phật tử! Bồ Tát này, biết tất cả thế gian như mộng. Ví như mộng, chẳng phải thế gian, chẳng phải là thế gian, chẳng phải dục giới, chẳng phải sắc giới, chẳng phải vô sắc giới, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, mà có sự thị hiện.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Thế nào là như mộng nhãn của đại Bồ Tát tu? Các vị

đệ tử của Phật! Vị Bồ Tát này, Ngài biết tất cả thế gian như giấc mộng, chẳng có thật thể.

Khi chúng ta nằm mộng, chẳng biết là đang nằm mộng. Ở trong mộng, vừa thăng quan, vừa phát tài, vợ đẹp thiếp xinh, con cái đầy nhà, đời sống vinh hoa phú quý, hưởng thọ vui sướng, cảnh giới trong mộng như là thật, không biết rằng đó là mộng. Họ ở trong mộng rất là tuyệt vời, nếu có người nói với họ rằng: “Bạn đang nằm mộng! Đó chẳng phải là thật, đều là giả”, thì người đó nhất định không tin. Đợi khi họ tỉnh mộng rồi, chẳng cần ai nói với họ đó là mộng, họ cũng biết là đã nằm mộng. Cho nên nói thế gian giống như mộng, nhưng mộng chẳng phải là thế gian, cũng chẳng phải lìa thế gian, mộng cũng chẳng phải trời dục giới, cũng chẳng phải trời sắc giới, cũng chẳng phải trời vô sắc giới, vì nó là mộng, mộng chẳng sinh, cũng chẳng diệt. Cảnh giới của mộng chẳng phải nhiễm ô, chẳng phải thanh tịnh, nhưng có lúc ở trong mộng lạy Phật, tụng Kinh, ngồi thiền, đó là mộng thanh tịnh. Có lúc ở trong mộng nhảy đầm, uống rượu, ca hát, đó là mộng nhiễm ô, nhưng mộng đều có sự thị hiện.

Mộng có năm thứ:

1. Vì thân thể không điều hoà, nếu khí nóng nhiều, thì ở trong mộng sẽ thấy lửa, hoặc mộng thấy màu đỏ.
2. Nếu khí lạnh nhiều, thì ở trong mộng sẽ thấy nước, hoặc mộng thấy màu trắng.
3. Nếu khí gió nhiều, thì ở trong mộng sẽ thấy bay, hoặc mộng thấy màu đen, đó là hiện tượng sinh lý.
4. Lại mộng thấy sự việc, nhiều khi do suy nghĩ nhớ tưởng, do đó: “Ngày nghĩ việc gì, thì đêm nằm mộng thấy”.

5. Hoặc dự cảm mộng, muốn khiến cho biết việc tương lai, do đó: “Dự điềm cảm ứng”. Năm thứ mộng này đều không sự thật, mà là vọng kiến.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, biết tất cả thế gian đều giống như mộng, vì chẳng có thay đổi, vì tự tánh như mộng, vì chấp trước như mộng, vì tánh lìa như mộng, vì bản tánh như mộng, vì sở hiện như mộng, vì vô sai biệt như mộng, vì tướng phân biệt như mộng, vì giác thời như mộng.

Đại Bồ Tát cũng tình hình như vậy, biết tất cả thế gian đều giống như mộng. Do đó:

“Nhân sinh nhất trường mộng
Nhân tử mộng nhất trường
Mộng lý thân vinh quý
Mộng tỉnh tại cùng hương.
Triều triều thị tác mộng
Bất giác mộng hoàn lương
Mộng trung nhược bất tỉnh
Uổng tác mộng nhất trường”.

Nghĩa là:

Đời người một giấc mộng
Chết đi mộng một giấc
Trong mộng thấy giàu sang
Tỉnh mộng vẫn nghèo sơ.
Ngày ngày đang nằm mộng

Không biết đó là mộng
Trong mộng nếu không tỉnh
Uổng thay một giấc mộng.

Vì mộng chẳng có biến đổi, chẳng có tự tánh, do hư vọng mà sinh, hư vọng mà diệt. Nếu chấp trước mộng tốt, chấp trước mộng không tốt, sẽ sinh ra sự chấp trước. Mộng là lia khỏi tự tánh, vì bản tánh của mộng là hư vọng, cho nên trong mộng hiện ra đều không thật tại. Mộng và mộng chẳng có sự phân biệt với nhau. Mộng là do tưởng phân biệt mà có, đến lúc mộng giác ngộ thì mới biết tất cả là vô thường, là hư vọng. Mộng chẳng giác ngộ, cảm thấy là chân thật, con người từ lúc sinh đến lúc chết, một đời hồ đồ, chẳng có tỉnh táo, nếu chẳng phải đang nằm mộng, vậy thì đang làm gì?

Người chân chánh minh bạch Phật pháp, thì đắc được đại trí huệ, lúc đó, trong mộng tỉnh dậy, quay đầu nhìn lại, thì con người tại thế gian nhiều khổ quá, khổ khổ não não, tranh tranh náo náo, một ngày đến tối, tuý sinh mộng tử, chẳng biết tu hành, đợi đến lúc sắp chết thì, thật là đáng thương xót! Do đó:

“Biển khổ không bờ,
Quay đầu là bến”.

Tôi khuyên các vị, lúc còn trẻ khoẻ mạnh, nên phát tâm tu hành, đừng để thời gian trôi qua lãng phí, do đó:

“Đừng đợi đến già mới học đạo
Mộ phần đa số người tuổi trẻ”.

Đó là như mộng nhãn thứ sáu của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn nhẫn thứ sáu của đại Bồ Tát tu, gọi là như mộng nhẫn.

THỨ BẢY, NHƯ VANG NHÃN

Phật tử! Thế nào là như vang nhẫn của đại Bồ Tát?

Phật tử! Đại Bồ Tát này, nghe Phật thuyết pháp, quán các pháp tánh, tu học thành tựu, đến nơi bờ kia, biết tất cả âm thanh, đều giống như vang, không đến, không đi, thị hiện như vậy.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Thế nào là như vang nhẫn của đại Bồ Tát tu? Các vị đệ tử của Phật! Vị đại Bồ Tát này, Ngài luôn luôn lắng nghe chư Phật diễn nói tất cả các pháp, dùng trí huệ để quán sát pháp tánh của tất cả các pháp, y pháp để tu học, thành tựu pháp môn tu hành, đến được Niết Bàn bờ bên kia. Bồ Tát biết hết thấy tất cả âm thanh, đều giống như tiếng vang, chẳng đến, cũng chẳng đi, đó đều là thị hiện mà thôi.

Phật tử! Đại Bồ Tát này, quán tiếng Như Lai, chẳng từ trong ra, chẳng từ ngoài ra, cũng chẳng từ trong ngoài mà ra. Chỉ biết tiếng đó, chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng trong ngoài ra, mà có thể thị hiện

khéo léo danh từ câu văn, thành tựu diễn nói.

Các vị đệ tử của Phật! Vị đại Bồ Tát này, Ngài có thể quán sát âm thanh của Phật phát ra, chẳng phải từ bên trong phát ra, cũng chẳng phải từ bên ngoài phát ra, cũng chẳng phải ở trung gian trong ngoài phát ra. Tuy Bồ Tát biết rõ âm thanh đó, chẳng phải từ bên trong bên ngoài phát ra, nhưng có thể thị hiện khéo léo danh từ câu văn, thành tựu để diễn nói tất cả các pháp.

Ví như tiếng vang hang động, do duyên mà khởi, với pháp tánh chẳng có trái nhau, khiến cho các chúng sinh, tùy loại đều hiểu, mà được tu học.

Như phu nhân của trời Đế Thích, con gái của vua A tu la, tên là Xá Chi. Ở trong một tiếng, mà vang ra ngàn thứ tiếng, tâm cũng chẳng nghĩ làm ra như vậy.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vào cõi không phân biệt, thành tựu thiện xảo tùy loại tiếng. Ở trong vô biên thế giới, luôn chuyển bánh xe pháp.

Ví như hang động truyền thanh, tiếng nói trong hang núi sẽ hồi lại. Trong hang động lớn tiếng niệm « Nam Mô A Di Đà Phật », tích tắc sẽ dội lại tiếng « Nam Mô A Di Đà Phật », đó tức là như vang ứng tiếng. Cảnh giới này

là do nhân duyên mà khởi, song với pháp tánh bản lai chẳng trái với nhau. Thứ tiếng đó, khiến cho tất cả chúng sinh tùy loại đều hiểu được, dù nói với bất cứ loài chúng sinh nào, nghe được đều hiểu rõ ràng, đều y theo pháp tu hành.

Giống như phu nhân của trời Đế Thích, cô ta là con gái của vua A tu la, tên là Xá Chi. Cô ta ở trong một thứ tiếng, phát ra ngàn thứ tiếng. Đó là tự nhiên biến hoá ra, chẳng phải do tâm cô ta nghĩ làm ra tiếng ấy. Tóm lại, không cần tâm nghĩ, mà có thể thành tựu tiếng đó. Nếu dùng tâm để nghĩ, thì thành vọng tưởng, do đó :

« Vô tâm là cảm ứng,
Có tâm là vọng tưởng ».

Đủ thứ tiếng êm tai của cô Xá Chi, khiến cho ai ai cũng đều hoan hỉ thưởng thức.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, chúng được cảnh giới không phân biệt, thành tựu thiện xảo tiếng tùy loại, để giáo hoá chúng sinh. Tóm lại, Bồ Tát đến nơi nào giáo hoá chúng sinh, thì dùng ngôn ngữ ở địa phương đó để nói pháp, hoặc giáo hoá loại chúng sinh nào, thì dùng ngôn ngữ của loài chúng sinh đó để thuyết pháp. Ví như, thấy ngựa thì dùng lời nói của ngựa để thuyết pháp, thấy bò thì dùng lời nói bò để thuyết pháp. Bồ Tát ở trong vô biên thế giới, thường chuyển bánh xe diệu pháp, không có lúc nào ngừng nghĩ.

Bồ Tát này khéo hay quán sát tất cả chúng sinh, dùng tướng lưỡi rộng dài mà vì họ diễn nói, âm thanh đó vô ngại, khắp

mười phương cõi nước, khiến tùy sở nghi, nghe pháp đều khác nhau. Tuy biết tiếng không khởi mà khắp hiện âm thanh. Tuy biết vô sở thuyết mà diễn nói các pháp, diệu âm bình đẳng, tùy loại đều hiểu được, đều dùng trí huệ mà thấu đạt được.

Vị đại Bồ Tát này, Ngài khéo hay quán sát nhân duyên của tất cả chúng sinh, mà vì chúng sinh thuyết pháp (dùng tướng lưỡi rộng dài, tức là thuyết pháp). Ngài quán sát căn tánh, nên nói pháp gì, thì nói pháp đó. Do đó : « Quán cơ thí giáo, vì người thuyết pháp ». Bồ Tát dùng tướng lưỡi rộng dài, mà vì chúng sinh diễn nói tất cả diệu pháp, âm thanh đó viên dung vô ngại, khắp cùng mười phương cõi nước chư Phật, Bồ Tát tùy căn cơ mà vì họ nói pháp, chúng sinh đợi diệu pháp này để khai thị. Do đó :

« Bồ Tát một tiếng diễn nói pháp,
Chúng sinh theo loài đều hiểu được »,

Đó tức là đạo lý nghe pháp đều khác nhau. Ngộ nghĩa lý cũng có sâu có cạn, có nhiều có ít. Đây chẳng phải là tâm Bồ Tát thiên lệch, mà là quan hệ tâm lượng lớn nhỏ của chúng sinh. Chúng sinh tâm lượng lớn, thì được nhiều hơn một chút; chúng sinh tâm lượng nhỏ thì ít hơn một chút. Đó là vấn đề tâm lượng lớn nhỏ của chúng sinh, chứ chẳng phải tâm phân biệt của Bồ Tát. Bồ Tát có tư tưởng vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, một luật bình đẳng giống nhau, không phân biệt xa gần dày mỏng, đều là chúng sinh mà Ngài phải độ.

Tuy Bồ Tát biết âm thanh chẳng khởi chẳng diệt, nhưng khắp cùng hết thảy thế giới, mà hiện hiện ra âm thanh, vì chúng sinh thuyết pháp. Tuy Bồ Tát biết vô ngôn thuyết tướng, vô văn tự tướng, vô tâm duyên tướng, cho dù tâm tướng niệm cũng không còn, hà huống có thể nói ra? Bồn lai ngôn ngữ tánh không, nói mà không nói. Tuy nhiên biết vô sở thuyết, nhưng vẫn phải đối với tất cả chúng sinh diễn nói tất cả các pháp, khiến cho chúng sinh nghe pháp khai ngộ. Âm thanh vi diệu của Bồ Tát diễn nói pháp môn bình đẳng, chúng sinh tùy theo loài đều hiểu được. Hết thảy chúng sinh đều vận dụng trí huệ mà thấu đạt được đạo lý thật tướng của các pháp.

Đó là như vang nhẫn thứ bảy của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn nhẫn thứ bảy của đại Bồ Tát tu, gọi là như vang nhẫn.

THỨ TÁM, NHƯ ẢNH NHÃN

Phật tử! Thế nào là như ảnh nhẫn của đại Bồ Tát? Phật tử! Đại Bồ Tát này, chẳng sinh ở thế gian, chẳng diệt ở thế gian. Chẳng ở trong thế gian, chẳng ở ngoài thế gian. Chẳng tu hành ở thế gian, chẳng phải chẳng tu hành ở thế gian. Chẳng đồng nơi ở thế gian, chẳng khác nơi ở thế gian. Chẳng qua lại ở thế gian, chẳng phải chẳng

qua lại ở thế gian. Chẳng trụ ở thế gian, chẳng phải chẳng trụ ở thế gian. Chẳng phải là thế gian, chẳng phải là xuất thế gian.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Thế nào là như ảnh nhần của đại Bồ Tát tu? Các vị đệ tử của Phật! Vị đại Bồ Tát này, chẳng phải sinh tại thế gian, chẳng phải diệt tại thế gian, cũng chẳng phải ở trong thế gian, cũng chẳng phải ở ngoài thế gian. Đó là tự tại của Bồ Tát, vô câu vô thúc, vô quái vô ngại, cho nên chẳng giống với phàm phu.

Bồ Tát cũng chẳng phải tu hành tại thế gian, cũng chẳng phải chẳng tu hành tại thế gian, chẳng phải đồng nơi ở thế gian, chẳng phải khác nơi ở thế gian, chẳng phải qua lại ở thế gian, chẳng phải chẳng qua lại nơi thế gian, chẳng phải trụ nơi thế gian, chẳng phải chẳng trụ nơi thế gian, cũng chẳng phải tu pháp nhập thế, cũng chẳng phải tu pháp xuất thế gian, tức là ở giữa nhập thế xuất thế, xuất thế nhập thế.

Chẳng tu hành Bồ Tát hạnh, chẳng xả bỏ đại nguyện, chẳng thật, chẳng không thật. Tuy thường hành tất cả Phật pháp, mà làm được tất cả việc thế gian, chẳng tùy theo dòng thế gian, cũng chẳng trụ dòng pháp.

Bồ Tát tuy tu hành Bồ Tát hạnh, nhưng cũng chẳng chấp trước Bồ Tát hạnh, cũng chẳng xả bỏ đại nguyện của Bồ Tát. Pháp môn của Bồ Tát tu, Ngài cũng chẳng chấp trước là thật, cũng chẳng chấp là chẳng thật, tất cả đều không chấp trước. Bồ Tát tuy thường tu hành hết thấy tất cả Phật pháp, mà biện lý được tất cả việc thế gian, cũng chẳng xả tục đế thế gian, mà tu chân đế. Tuy tu chân đế, mà chẳng lìa tục đế thế gian. Ngài làm sở vô sự, pháp thế gian tức là pháp xuất thế gian, pháp xuất thế gian tức là pháp thế gian. Chẳng có mọi sự phân biệt và mọi sự chấp trước. Bồ Tát tuy xử lý tất cả tục đế pháp thế gian, nhưng Ngài vẫn tùy duyên bất biến, chẳng có chấp trước. Lại có thể bất biến tùy duyên, chẳng chấp trước vào dòng pháp.

Ví như mặt trời mặt trăng, người nam người nữ, nhà cửa núi rừng, sông suối các thứ vật.

Giống như mặt trời và mặt trăng. Lại giống như người nam và người nữ. Lại giống như nhà cửa và núi rừng, lại giống như sông ngòi và suối chảy các thứ vật.

Đều hiện bóng ở trong vật thanh tịnh, như trong dầu, trong nước, trong thân, trong châu báu, trong gương sáng.

Phàm là vật thanh tịnh, thì đều hiện ra hình bóng của nó, như ở trong dầu, ở trong nước, ở trong thân, ở trong châu báu, ở trong gương sáng.

Bóng và dầu .v.v... chẳng một, chẳng khác, chẳng lìa, chẳng hợp. Trong dòng nước chảy cũng chẳng bị trôi đi, ở trong ao giếng cũng chẳng bị chìm mất. Tuy hiện ở trong đó, mà không chấp trước.

Bóng và dầu .v.v... các thứ vật, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng lìa khỏi, chẳng hợp lại. Bóng và dầu ở trong nước cũng chẳng trôi đi, ở trong ao giếng cũng chẳng chìm đắm. Tuy nhiên hiện ở trong đó, bóng và dầu đều không chấp trước.

Các chúng sinh biết ở nơi đây có bóng đó hiện, cũng biết ở nơi kia không có bóng như vậy. Vật xa, vật gần, tuy đều hiện bóng, bóng chẳng tùy vật mà có gần xa.

Ở trước có nói tất cả chúng sinh biết ở nơi đây có bóng này hiện ra, cũng biết ở nơi kia chẳng có bóng như vậy. Vật xa và vật gần, tuy đều hiện bóng, nhưng bóng chẳng tùy vật mà có gần xa, nghĩa là vật có gần xa, mà bóng chẳng có gần xa.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế, biết thân mình và thân họ, tất cả đều là cảnh giới của trí, không cho là hai, rằng mình và họ khác nhau, mà nơi cõi nước mình, nơi cõi nước họ đều khác biệt, một thời hiện khắp.

Đại Bồ Tát cũng tình hình như thế, biết tâm thân của mình và tâm thân của người khác, tất cả đều vì có trí huệ, mới biết có cảnh giới như thế. Thân mình và thân họ, không cho đó là hai, nói rằng thân mình và thân họ có sự phân biệt, mà đối với cõi nước của mình ở, đối với cõi nước của họ ở đều khác biệt, một thời hiện ra khắp đủ thứ cõi nước.

Như trong hạt giống, không có rễ mầm thân đốt nhánh lá, mà hay sinh ra các việc như thế. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, ở trong pháp không hai, phân biệt hai tướng, phương tiện khéo léo, thông đạt vô ngại.

Giống như ở trong hạt giống, vốn chẳng có rễ, mầm, thân, đốt, nhánh, lá .v.v... mà hay sinh ra các việc như thế. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, ở trong pháp không hai, miễn cưỡng phân biệt có hai tướng, vốn chẳng có hai tướng, nhưng dùng phương tiện khéo léo để nói thành hai tướng, thông đạt đạo lý hai mà chẳng hai, chẳng hai mà hai, viên dung vô ngại.

Đó là như ảnh nhẫn thứ tám của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn ảnh nhẫn thứ tám của đại Bồ Tát, gọi là như ảnh nhẫn.

THỨ CHÍN, NHƯ HOÁ NHÃN

Đại Bồ Tát thành tựu nhãn này, tuy chẳng qua đến mười phương cõi nước, mà có thể hiện khắp tất cả cõi Phật, cũng chẳng lìa đây, cũng chẳng đến kia. Như bóng hiện khắp, sở hành vô ngại, khiến cho các chúng sinh thấy thân khác nhau. Đồng tướng kiên thật nơi thế gian, mà đây khác biệt tức chẳng khác biệt, khác và chẳng khác không có chướng ngại. Bồ Tát này, từ nơi chủng tánh Như Lai mà sinh ra, thân lời và ý thanh tịnh vô ngại, nên đắc được thân vô biên sắc tướng thanh tịnh.

Đại Bồ Tát thành tựu nhãn này, sắc thân của Ngài tuy chẳng qua đến mười phương cõi nước, mà có thể hiện khắp tất cả cõi Phật, cũng chẳng lìa khỏi cõi nước của mình ở, cũng chẳng đến cõi nước chư Phật. Giống như bóng hiện khắp mọi nơi có ánh sáng, Bồ Tát hành pháp môn này, có thần thông tự tại thiên biến vạn hoá, do đó mà sở hành vô ngại, khiến cho tất cả chúng sinh nhìn thấy được thân Bồ Tát khác nhau, đồng như tướng kiên thật nơi thế gian. Tuy nhiên sự khác nhau đó, nhưng vẫn là một dạng. Giống nhau và khác nhau, chẳng có sự chướng ngại, do đó : « Viên dung vô ngại », có thể nói là giống, cũng có thể nói là khác.

Vị Bồ Tát này, từ nơi chủng tánh của Phật mà sinh ra, thân cũng thanh tịnh, lời cũng thanh tịnh và ý cũng

thanh tịnh, ba nghiệp thanh tịnh, chẳng có chướng ngại, bởi vậy, cho nên đắc được diệu sắc thân vô biên sắc tướng thanh tịnh.

Phật tử! Thế nào là như hoá nhân của đại Bồ Tát ? Phật tử! Đại Bồ Tát này, biết tất cả thế gian thấy đều như hoá.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Thế nào là như hoá nhân của đại Bồ Tát tu? Các vị đệ tử của Phật! Ngài biết tất cả thế gian đều như hoá mà có, chẳng thật.

Đó là : Tất cả chúng sinh ý nghiệp hoá, vì giác tưởng khởi lên. Tất cả thế gian các hành vi hoá, vì phân biệt khởi lên. Tất cả khổ vui điên đảo hoá, vì vọng chấp lấy sở khởi. Tất cả thế gian chẳng thật pháp hoá, vì lời nói sở hiện. Tất cả phiền não phân biệt hoá, vì tưởng nhớ khởi lên.

Tất cả chúng sinh ý nghiệp chẳng thanh tịnh mà có biến hoá. Giống như chúng ta hôm nay muốn làm việc này, ngày mai lại muốn làm việc khác; hôm nay muốn xuất gia tu đạo, ngày mai lại muốn hoàn tục kết hôn, đó tức là ý nghiệp hoá. Ý chẳng nhất định, chẳng có định lực, giữ yên không được, vẫn tùy thuận ý nghiệp biến hoá khởi lên. Đó tức là giác quán các ác khởi lên. Giác này, chẳng phải là giác tốt, mà là ngu giác, tức cũng là nghĩ muốn biết thế nào

là ngu si ? Sao lại có thể đọa địa ngục ? Sao lại không thể giữ quy cụ ? Giác tướng này tức là tà tri tà kiến. Có tà tri tà kiến rồi, thì sẽ chi phối bạn điên đảo, hồ đồ, cho nên tu đạo chẳng dễ dàng.

Chúng ta người tu đạo, phải nhận thức rõ ràng sáu tên tặc (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), đừng chạy theo chúng, vì chúng hay tạo ra cho bạn rất nhiều phiền não, khiến cho bạn sinh phiền não, khiến cho bạn sinh ra vô minh. Cho nên người tu đạo, phải có chánh tri chánh kiến, lúc nào cũng phải nghĩ đến tu hành như thế nào, thành tựu đạo nghiệp như thế nào? Nghĩ tướng như thế tức là chánh tri chánh kiến. Có chánh tri chánh kiến thì sẽ nghĩ tướng thông suốt, sẽ buông bỏ đặng, không còn chấp trước, do đó : « Tâm không quái ngại ». Nếu cứ nghĩ tà tri tà kiến thì làm gì cũng không tự chủ được, mà tùy theo cảnh giới chuyên. Khi bị cảnh giới chuyên thì sẽ điên đảo. Các vị ! Phải đặc biệt chú ý ! Đừng bị cảnh giới chuyên, mà phải chuyên cảnh giới, chìa khoá tu đạo là tại chỗ này.

Thế gian tất cả hết thấy các hành vi hoá, tức cũng là hết thấy tất cả hành vi của chúng sinh. Tại sao thế gian có những hành vi khác nhau như thế ? Vì do trong tâm của chúng sinh phân biệt mà sinh ra. Chúng sinh thế gian lấy khổ làm vui, lấy vui làm khổ. Vui là nhân của khổ, khổ là quả của vui. Cho nên người tu đạo phải tu khổ hạnh, thì tương lai sẽ đắc được khoái lạc chân chánh (Thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức Niết Bàn). Người không tu hành chỉ tạm thời được khoái lạc, nhưng phải thọ khổ sở lâu dài. Tại sao phải đọa địa ngục ? Vì tham đồ khoái lạc của thế gian. Tại sao phải sinh về trời ? Vì khi tu hành thì thọ khổ. Chúng sinh chẳng minh bạch đạo lý này, cứ làm những việc điên

đảo, chỉ tham đồ khoái lạc trước mắt, chẳng cầu khoái lạc vĩnh cửu. Chúng sinh ngu si, chẳng muốn tạm thời thọ khổ, mà muốn thọ khổ vĩnh viễn, đây tức là điên đảo hoá. Lấy giả làm thật, lấy thật làm giả, nhận giặc làm con, đó là do vọng chấp lấy sở sinh khởi.

Tất cả hết thảy thế gian đều chẳng thật tại, đều là huyền hoá, đó là do lời nói biểu hiện. Phạm là do lời nói sở hiện, thì đều không rõ ràng, cho nên nói chẳng phải là thật pháp. Người thế gian đều chạy theo sau phiền não, có phiền não rồi, thì có sự phân biệt; có phân biệt rồi, thì liền có phiền não. Tại sao có phiền não? Vì có vọng tưởng, có vọng tưởng rồi thì liền có phân biệt, cho nên nói do vọng niệm khởi lên.

Lại có thanh tịnh điều phục hoá, vì không phân biệt sở hiện. Nơi ba đời không chuyển hoá, vì vô sanh bình đẳng. Bồ Tát nguyện lực hoá, vì tu hành rộng lớn. Như Lai đại bi hoá, vì phương tiện thị hiện. Chuyển pháp luân phương tiện hoá, vì trí huệ vô úy biện tài sở thuyết.

Lại có một sự biến hoá thanh tịnh điều phục chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, đó là do chẳng có tâm phân biệt biểu hiện. Tại sao ở trong ba đời không thể chuyển hoá? Vì có pháp môn vô sanh bình đẳng. Bồ Tát dùng đại nguyện đại lực để giáo hoá chúng sinh. Làm thế nào để đắc được đại nguyện đại lực? Vì phát Bồ đề tâm rộng lớn, chân thật tu hành. Phật có tâm đại bi, nhờ sạch khổ của chúng

sinh, dùng đủ thứ phương tiện khéo léo để thị hiện, giáo hoá chúng sinh, phát bồ đề tâm, tu vô thượng đạo. Thường chuyên diệu pháp luân, phương tiện giáo hoá chúng sinh. Người có đại trí huệ, mới chuyên được bánh xe pháp. Còn cần phải có tinh thần đại vô úy, cần phải có cảnh giới biện tài vô ngại, mới có thể giảng kinh thuyết pháp, khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích Phật pháp.

Bồ Tát như vậy, biết rõ thế gian, xuất thế gian hoá. Biết hiện chứng, biết rộng lớn, biết vô biên, biết như việc, biết tự tại, biết chân thật, chẳng hư vọng thấy có thể khuynh động được, tùy sở hành thế gian, cũng chẳng hoại mất.

Bồ Tát biết rõ huyễn hoá của thế gian và xuất thế gian rồi, biết hiện chứng, biết rộng lớn, biết vô biên, biết như việc, biết tự tại, biết chân thật, chẳng phải kiến giải hư vọng có thể khuynh động được, nghĩa là không thể lay động được. Bồ Tát tuy nhiên tùy thuận tục đế của thế gian để xử lý tất cả mọi việc, nhưng vẫn không hoại chân đế. Tuy thuận nơi sự, mà chẳng ngại nơi lý; tuy thuận nơi lý, mà chẳng ngại nơi sự. Sự lý viên dung, chân giả chẳng hai, cho nên mới nói cũng chẳng hư hoại mất. Sự bất hoại này, có thể nói bất hoại tục đế, do đó « Chân chẳng lìa tục », lại có thể nói chẳng hoại chân đế, do đó « Tục chẳng lìa chân ».

Ví như hoá, chẳng từ tâm khởi, chẳng từ tâm pháp khởi, chẳng từ nghiệp khởi, chẳng thọ quả báo. Chẳng phải thế gian sinh, chẳng phải thế gian diệt, chẳng thể theo đuổi, chẳng thể xúc chạm, chẳng thể ở lâu, chẳng thể ở giây lát, chẳng hành thế gian, chẳng lia thế gian, chẳng chuyên về một phương, chẳng thuộc khắp các phương, chẳng hữu lượng, chẳng vô lượng, chẳng nhàm, chẳng nghỉ, chẳng phải không nhàm nghỉ, chẳng phạm, chẳng Thánh, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, chẳng sinh, chẳng chết, chẳng trí, chẳng ngu, chẳng thấy, chẳng không thấy, chẳng nương thế gian, chẳng vào pháp giới, chẳng thông minh, chẳng đần độn, chẳng lầy chẳng không lầy, chẳng sinh tử, chẳng Niết Bàn, chẳng có, chẳng không có.

Giống như biến hoá, biến hoá là từ không hoá có, từ có hoá không, biến hoá vô cùng. Tuy nhiên là tâm khiến nó biến hoá, nhưng hoá ở đây chẳng phải tâm, cho nên nói hoá chẳng từ tâm khởi, cũng chẳng phải từ tâm pháp khởi, cũng chẳng phải từ nghiệp khởi, cũng chẳng thọ quả báo gì hết. Chẳng phải từ thế gian sinh ra, cũng chẳng phải từ thế gian

diệt. Biến hoá ở đây, vốn chẳng có, không thể theo đuổi, không thể xúc chạm. Biến hoá ở đây, chẳng phải ở lâu, chẳng phải ở tạm, chẳng phải hành nơi thế gian, chẳng phải lìa nơi thế gian. Biến hoá ở đây, chẳng chuyên về một phương, cũng chẳng khắp thuộc về nhiều phương. Chẳng phải hữu lượng, chẳng phải vô lượng. Cũng chẳng nhằm mỗi, cũng chẳng nghỉ ngơi. Chẳng phải chẳng nhằm mỗi, chẳng phải chẳng nghỉ ngơi. Biến hoá ở đây, cũng chẳng thuộc về phạm phu, cũng chẳng thuộc về Thánh nhân. Cũng chẳng thuộc về pháp nhiệm, cũng chẳng thuộc về pháp tịnh. Biến hoá ở đây, cũng chẳng có sinh, cũng chẳng có chết. Cũng chẳng phải trí huệ, cũng chẳng phải ngu si. Chẳng phải thấy, cũng chẳng phải chẳng thấy. Biến hoá ở đây, cũng chẳng phải nương thế gian mà sinh, cũng chẳng phải vào pháp giới. Chẳng phải thuộc về thông minh, chẳng phải thuộc về ngu si. Cũng chẳng lấy, cũng chẳng không lấy. Biến hoá ở đây, cũng chẳng thuộc về sinh tử, cũng chẳng thuộc về Niết Bàn. Cũng chẳng thuộc về có, cũng chẳng thuộc về chẳng có.

Bồ Tát phương tiện khéo léo như vậy, tu hành nơi thế gian, tu Bồ Tát đạo. Biết rõ pháp thế gian, phân thân hoá vắng, chẳng chấp thế gian, chẳng thủ lấy thân mình. Nơi thế gian, nơi thân mình, không có phân biệt. Chẳng trụ thế gian, chẳng lìa thế gian, chẳng trụ nơi pháp, chẳng lìa nơi pháp.

Vì nhờ nguyện xưa, mà chẳng xả bỏ một cõi chúng sinh nào, chẳng điều phục ít cõi chúng sinh, chẳng phân biệt pháp, chẳng phải không phân biệt. Biết các pháp tánh, không đến, không đi. Tuy không chỗ có, mà đầy đủ Phật pháp, biết rõ pháp như hoá, chẳng có, chẳng không.

Bồ Tát giống như sự biến hoá như vậy, dùng đủ thứ pháp môn phương tiện khéo léo, tu hành nơi thế gian hành Bồ Tát đạo. Biết rõ tất cả pháp thế gian, hay phân thân hoá vắng đến mười phương cõi nước chư Phật. Tại mười phương thế giới, chẳng trụ vào nơi thế gian, cũng chẳng chấp lấy thân thể của mình. Chẳng có ngã chấp, chẳng có pháp chấp, cho nên đối với pháp thế gian, đối với thân tướng của mình, chẳng có sự phân biệt. Cũng chẳng trụ vào thế gian, cũng chẳng lìa khỏi thế gian. Cũng chẳng trụ nơi pháp tướng, cũng chẳng lìa khỏi pháp tướng.

Bồ Tát nhờ vào nguyện lực xưa kia của mình đã phát, cho nên chẳng xả bỏ một cõi chúng sinh nào, chẳng điều phục ít cõi chúng sinh. Chẳng phân biệt nơi pháp, cũng chẳng phải chẳng phân biệt pháp. Biết tất cả pháp tánh, chẳng có một thể tánh, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu. Tuy nhiên pháp tánh là không chỗ có, nhưng vẫn dùng phương tiện khéo léo để diễn nói diệu pháp của chư Phật nói, khiến cho tất cả chúng sinh đều đầy đủ Phật pháp. Bồ Tát biết rõ đạo lý của tất cả các pháp, như huyền như hoá, chẳng có chẳng không.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát an trụ như hoá thân như vậy, thì đều được đầy đủ đạo bồ đề của tất cả chư Phật, lợi ích chúng sinh.

Các vị đệ tử của Phật ! Khi đại Bồ Tát an trụ như hoá thân như vậy, thì Ngài được đầy đủ đạo bồ đề của tất cả chư Phật tu, hay lợi ích tất cả chúng sinh.

Đó gọi là như hoá thân thứ chín của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn thân thứ chín của đại Bồ Tát tu, gọi là như hoá thân.

Đại Bồ Tát thành tựu thân này, phàm có làm gì, đều giống như hoá. Ví như hoá sĩ, ở trong tất cả cõi Phật không chỗ nương trụ, ở trong tất cả thế gian không có thủ trước, đối với tất cả Phật pháp không sinh phân biệt, mà hướng về Phật bồ đề không có lười mỏi.

Tu Bồ Tát hạnh, lìa các điên đảo. Tuy không có thân, mà hiện tất cả thân. Tuy không chỗ ở, mà ở các cõi nước. Tuy không có sắc, mà hiện khắp các sắc. Tuy chẳng

chấp thật tế, mà chiếu rõ pháp tánh, bình đẳng viên mãn.

Khi đại Bồ Tát thành tựu thứ nhứt này, thì bất cứ làm gì cũng đều giống như huyễn hoá, cho nên chẳng chấp trước, chẳng bị cảnh giới chuyể. Ví như hoá sĩ, đối với tất cả cõi nước chư Phật không chỗ nương trụ. Tại sao ? Vì nó là biến hoá. Cõi nước biến hoá không thể nương tựa, không thể an trụ. Đối với tất cả thế gian không thủ trước. Tại sao ? Vì nó là biến hoá. Thế gian biến hoá, không thể chấp, không thể trước, mà là độc lập. Đối với tất cả Phật pháp chẳng sinh phân biệt, nhưng hướng về Phật bồ đề chẳng có khi nào giải đãi. Chẳng giống như phàm phu chúng ta, tu hành hai ngày rưỡi, cảm thấy chẳng thành tựu, thì bỏ sự tu hành, hoặc giải đãi. Mọi người phải biết đạo lý không tu thì không đắc. Do đó : « Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc », nghĩa là ai chịu thật tâm tu hành, thì người đó đến được cảnh vui bờ bên kia. Tu hành Bồ Tát hạnh, mới xa lìa tất cả điên đảo mộng tưởng.

Bồ Tát vốn là người không, pháp không, chẳng chấp trước cái ta, chẳng chấp trước pháp. Tức nhiên chẳng chấp trước cái ta, vậy là chẳng có thân. Tuy nhiên chẳng có thân, nhưng vẫn thị hiện tất cả thân. Tuy không chỗ ở, mà vẫn ở trong mười phương cõi nước chư Phật. Tuy chẳng chấp trước về sắc, mà vẫn hiện khắp trong các sắc. Tuy nhiên chẳng chấp vào thật tế lý thể, mà trí huệ quang minh chiếu khắp pháp tánh, vừa bình đẳng, vừa viên mãn.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này, nơi tất cả pháp, không chỗ y chỉ, gọi là bậc giải thoát.

Tất cả lỗi lầm, thấy đều xả lìa, gọi là bậc điều phục. Chẳng động chẳng chuyển, vào khắp tất cả chúng hội của Như Lai, gọi là bậc thần thông. Nơi pháp vô sanh, đã được khéo léo, gọi là bậc không thối chuyển. Đủ tất cả lực, Tu Di Thiết Vi không thể làm chướng ngại được, gọi là bậc vô ngại.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này, đối với tất cả các pháp, không chỗ y chỉ, vì chẳng còn chấp trước, cho nên pháp cũng không nương tựa. Có người nói : « Tôi phải học Bồ Tát, chẳng y chỉ vào pháp. Tôi chẳng cần học Phật pháp, vì tôi đối với tất cả pháp, không chỗ y chỉ ». Kiến giải của bạn thật là cao minh, nhưng trí huệ của bạn vẫn không đủ, vẫn là ngu si. Tại sao ? Vì Bồ Tát đã minh bạch tất cả các pháp, nên hay thủ nơi pháp, hay dùng nơi pháp. Pháp với pháp là viên dung vô ngại, cho nên Ngài chẳng y chỉ nơi pháp. Phải biết Bồ Tát phương tiện dụng pháp, giống như dụng nước, khoang đào hướng đông thì chảy hương đông; khoang đào hướng tây, thì chảy hương tây. Lúc nào dùng, thì lúc đó có, do đó :

« Lấy không hết, dùng không cạn ».

Bồ Tát có cảnh giới biện tài vô ngại, hỏi gì thì biết đó, có hỏi thì đáp, đạo lý bạn không hiểu mà Ngài hiểu. Nếu bạn đạt đến trình độ này, thì mới có thể không y chỉ vào pháp. Hiện tại bạn một pháp cũng không thông : Thế nào là chân như ? Thế nào là thật tướng ? Vẫn không hiểu rõ ràng. Đã không minh bạch, không biết, thì nên y vào

pháp tu hành. Nếu vào sâu được tạng kinh, thì trí huệ như biển, lúc đó, mới có thể không y chỉ vào pháp.

Bồ Tát đối với tất cả các pháp, không chỗ y chỉ, đây tức là Bồ Tát giải thoát. Vì ngã pháp cả hai đều không, cho nên đối với tất cả lỗi lầm thấy đều xả lìa, đây tức là Bồ Tát điều phục. Điều phục gì ? Điều phục thân, điều phục tâm, điều phục tất cả lỗi lầm. Bồ Tát chẳng động chẳng chuyển (chẳng động bốn toà), mà đến khắp đạo tràng chúng hội của mười phương chư Phật, nghe kinh nghe pháp, đây tức là Bồ Tát thần thông. Bồ Tát đối với vô sanh pháp nhãn, đã đắc được phương tiện khéo léo, để giáo hoá chúng sinh, đây tức là Bồ Tát bất thối. Bất thối cái gì ? Bất thối chuyển quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ Tát đầy đủ tất cả sức lực, dù núi Tu Di và núi Thiết Vi, cũng không thể chướng ngại được, sức lực này phá hoại được vật kiên cố, vào sâu được chất kim cương. Tóm lại, bất cứ vật gì, cũng không chướng ngại được, đây là Bồ Tát vô ngại.

THỨ MƯỜI, NHƯ KHÔNG NHÃN

Phật tử ! Thế nào là như không nhãn của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Thế nào là như không nhãn của đại Bồ Tát tu ? Làm thế nào xem tất cả như hư không ? Hư không chẳng có hình chất, chẳng có chướng ngại. Hư không là không chẳng có gì hết, cũng là chẳng có gì mà không có. Thoạt nhìn chẳng có gì hết, phân tích lại thì cái gì cũng có, đó là đạo lý chân không diệu hữu.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này, thấu rõ tất cả pháp giới, như hư không, vì vô tướng. Tất cả thế giới, như hư không, vì không khởi. Tất cả pháp như hư không, vì không hai. Tất cả chúng sinh hành như hư không, vì vô sở hành. Tất cả Phật như hư không, vì không phân biệt. Tất cả Phật lực như hư không, vì không khác biệt. Tất cả thiên đĩnh như hư không, vì ba đời bình đẳng. Sở thuyết tất cả pháp như hư không, vì không thể nói. Tất cả thân Phật như hư không, vì vô trước vô ngại. Bồ Tát dùng phương tiện như hư không như vậy, thấu rõ tất cả pháp đều không chỗ có.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này, Ngài tu pháp môn như không nhãn, biết rõ chín cảnh giới dưới đây :

1. Biết rõ tất cả pháp giới, giống như hư không, vì pháp giới chẳng có hình tướng.
2. Biết rõ tất cả thế giới, giống như hư không, vì chẳng có sinh khởi.
3. Biết rõ tất cả Phật pháp, giống như hư không, vì pháp chẳng có một, cũng chẳng có hai.
4. Biết rõ hành vi của tất cả chúng sinh, giống như hư không, vì hành vô sở hành.

5. Biết rõ tất cả chư Phật, giống như hư không. Vì chẳng có phân biệt giữa Phật, chúng sinh và pháp.

6. Biết rõ tất cả Phật lực, giống như hư không, vì chẳng có gì khác nhau.

7. Biết rõ tất cả thiên định, giống như hư không, vì ba đời (quá khứ, vị lai, hiện tại) đều là bình đẳng.

8. Biết rõ chư Phật nói tất cả pháp, giống như hư không, vì bản thể của pháp không thể nói.

9. Biết rõ thân của tất cả chư Phật, giống như hư không, vì chẳng có chấp trước và chẳng có chướng ngại.

Các vị phải hiểu rõ ý nghĩa « giống như hư không ». Bỏ lai chẳng phải hư không, giả tưởng nó là hư không, thì giống như hư không, vì nó chẳng phải hư không, bạn nghĩ nó là hư không, cho nên phải nhận. Bạn muốn nhận thức cảnh giới này, thì nhận thức được, đó tức là nhận.

Bồ Tát biết rõ tất cả đều là hư không, dùng pháp môn phương tiện như hư không, để minh bạch tất cả pháp, bỏ lai đều là không chỗ có; không chỗ có tức là không. Tức nhiên là không, thì không còn có pháp chấp và ngã chấp. Ngã chấp và pháp chấp đều không còn nữa, thì đó chẳng phải hư không, thì là gì ?

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng trí như hư không nhận, khi thấu rõ tất cả pháp, thì đắc được thân, thân nghiệp như hư không, đắc được lời, lời nghiệp như hư không, đắc được ý, ý nghiệp như hư không.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát dùng trí huệ như hư không nhận, khi thấu đạt tất cả pháp, thì đắc được thân

nư hư không, bất cử ở trong tĩnh, hoặc ở trong động, đều chẳng thể đắc được thân tướng, vì không thể đắc được thân tướng, cho nên thân cũng chẳng có nghiệp. Đắc được lời như hư không, vì không có lời để nói, cho nên lời cũng chẳng có nghiệp. Đắc được ý như hư không, vì không chấp trước, cho nên ý cũng chẳng có nghiệp.

Ví như hư không, tất cả pháp nương tựa chẳng sinh, chẳng diệt. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tất cả pháp thân không sinh, không diệt.

Ví như hư không, không thể phá hoại. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, trí huệ các lực không thể phá hoại.

Ví như hư không, chỗ nương tựa của tất cả thế gian, mà không chỗ nương tựa. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, chỗ nương tựa của tất cả các pháp, mà không chỗ nương tựa.

Ví như hư không, không sinh không diệt, hay giữ gìn tất cả thế gian sinh diệt. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, không hướng, không đắc, hay thị hiện hướng đắc, khiến khắp thế gian tu hành thanh tịnh.

Ví như hư không, tuy là chỗ nương tựa của tất cả pháp, nhưng không sinh không diệt. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tất cả pháp thân cũng không sinh không diệt.

Ví như hư không, không thể phá hoại được. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, trí huệ và mười lực của Bồ Tát, không thể phá hoại được.

Ví như hư không, tuy là chỗ nương tựa của tất cả thế gian, nhưng hư không không chỗ nương tựa, chẳng có chấp trước.

Ví như hư không, tuy không sinh cũng không diệt, nhưng hay giữ gìn tất cả thế gian sinh diệt. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tuy chẳng có sở hướng, chẳng có sở đắc, nhưng hay thị hiện sở hướng sở đắc, khiến khắp hết thấy chúng sinh tất cả thế gian, tu hành pháp môn thanh tịnh.

Ví như hư không, không vuông, không góc, mà hay hiển hiện vô biên vuông góc. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, không nghiệp, không báo, mà hay hiển bày đủ thứ nghiệp báo.

Ví như hư không, chẳng đi, chẳng đứng, mà hay thị hiện đủ thứ oai nghi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, chẳng đi, chẳng đứng, mà phân biệt được tất cả các hành.

Ví như hư không, chẳng có sắc, chẳng không sắc, mà hay thị hiện đủ thứ các sắc. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, chẳng thế gian

sắc, chẳng xuất thế gian sắc, mà hay thị hiện tất cả các sắc.

Ví như hư không, chẳng lâu, chẳng gần, mà hay ở lâu, hiện tất cả vật. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, chẳng lâu, chẳng gần, mà hay ở lâu, hiển bày các hạnh của Bồ Tát tu hành.

Ví như hư không, tuy không có vuông, cũng không có góc, mà hay hiện hiện vô biên vuông và góc. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tuy bản thân không có nghiệp, cũng không có báo, mà hay hiển bày đủ thứ nghiệp và báo.

Ví như hư không, tuy chẳng có đi, cũng chẳng có đứng, mà hay thị hiện đủ thứ oai nghi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tuy chẳng cần đi đến chỗ nào, cũng chẳng cần đứng ở chỗ nào, mà phân biệt được tất cả hạnh môn của sở hành.

Ví như hư không, tuy chẳng phải sắc, cũng chẳng phải không sắc, mà hay thị hiện đủ thứ tất cả các sắc. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tuy chẳng phải nhan sắc thế gian, cũng chẳng phải nhan sắc xuất thế gian, mà hay thị hiện tất cả các sắc pháp.

Ví như hư không, nói nó là xa chăng ? bên cạnh chúng ta có hư không. Nói nó gần chăng ? dơ tay ra nắm chẳng được hư không, cho nên nói hư không chẳng phải xa, cũng chẳng phải gần, mà hư không hay trụ lâu dài, không lúc nào bị phá hoại. Tại sao ? Vì nó là hư không, không có gì cả, làm sao phá hoại được ? Chúng ta phải chú

ý chỗ này. Tại sao chúng ta có vô minh, có phiền não ? vì chúng ta chẳng giống như hư không, do đó :

« Tự tánh như hư không,
Chân vọng tại kỳ trung;
Ngộ triệt bản lai thể,
Nhất thông nhất thiết thông ».

Nghĩa là :

Tự tánh như hư không
Chân vọng ở bên trong
Thấu triệt thể xưa nay
Một thông tất cả đều thông.

Hư không chẳng những trụ lâu dài, mà còn hay hiện ra tất cả sự vật. Nhỏ như hạt bụi, lơ lửng trong hư không; lớn như sơn hà đại địa, nhà cửa phòng ốc, đều bao quát ở trong hư không, không cách chi phá hoại được hư không. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, cũng chẳng xa, cũng chẳng gần, mà thường trụ lâu ở đời, hiển bày tất cả hạnh của Bồ Tát tu hành.

Ví như hư không, chẳng sạch, chẳng dơ, chẳng lìa sạch dơ. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, chẳng chướng, chẳng không chướng, chẳng lìa chướng, không chướng.

Ví như hư không, tất cả thế gian đều hiện ra ở trước, chẳng hiện ở trước tất cả thế gian. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tất

cả các pháp đều hiện ra ở trước, chẳng hiện ra trước tất cả các pháp.

Ví như hư không, vào khắp tất cả mà không bờ mé. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vào khắp các pháp, mà tâm Bồ Tát không có bờ mé.

Ví như hư không, nó sạch chẳng? Cũng chẳng phải. Nó dơ bẩn chẳng? lại chẳng phải, nhưng hư không chẳng lìa sạch và dơ. Hiện tại tuy không khí bị ô nhiễm, nhưng hư không vẫn sạch. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, không thể nói chẳng có chướng ngại, lại không thể nói chẳng phải không có chướng ngại, tại sao? Vì chẳng lìa khỏi chướng ngại, cho nên không có chướng ngại.

Ví như hư không, tuy tất cả thế gian đều hiện ra ở trước hư không, nhưng chẳng phải hư không hiện ra ở trước tất cả thế gian. Tại sao? Vì hư không chẳng có gì cả, làm sao có thể hiện? Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tuy tất cả các pháp đều hiện ra ở trước Bồ Tát, nhưng Bồ Tát không thể hiện ra trước tất cả các pháp.

Ví như hư không, tuy vào khắp tất cả, mà không có bờ mé. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vào khắp các pháp thật tướng, mà tâm nguyện của Bồ Tát không có bờ mé, không có giới hạn.

Tại sao? Vì những gì Bồ Tát làm, giống như hư không. Những sự tu tập, những sự nghiêm tịnh, những sự thành

tự, thấy đều bình đẳng. Một thể, một vị, một thứ phân lượng, như hư không thanh tịnh khắp tất cả mọi nơi. Chúng biết tất cả các pháp như vậy, nơi tất cả pháp, không có sự phân biệt.

Nghiêm tịnh tất cả cõi nước chư Phật, viên mãn tất cả không chỗ nương tựa thân, thấu rõ tất cả phương hướng, không có sự mê hoặc. Đủ tất cả các lực, không thể phá hoại. Đầy đủ vô biên tất cả công đức, đã đến được nơi thâm sâu của tất cả các pháp. Thông đạt tất cả đạo Ba la mật, ngồi khắp tất cả toà kim cương, phát ra khắp tất cả âm thanh tùy loại. Vì tất cả thế gian chuyển bánh xe pháp, chưa từng thất thời.

Những tình hình như vậy là do duyên có gì? Vì những gì Bồ Tát làm đều giống như hư không. Những sự tu tập, những sự nghiêm tịnh, những sự thành tựu, đều giống như hư không, đều là bình đẳng. Một thể (thể tánh chân như thật tướng), một vị (vị giải thoát), một thứ phân lượng, thanh tịnh giống như hư không, đầy khắp tất cả mọi nơi, chúng biết tất cả các pháp như vậy, đều thấu rõ được, đối với tất cả các pháp chẳng có sự phân biệt.

Bồ Tát hay trang nghiêm thanh tịnh tất cả cõi nước chư Phật, viên mãn tất cả không chỗ nương tựa thân. Thấu

rõ tất cả phương hướng, chẳng có lúc nào mê hoặc. Đầy đủ tất cả sức lực, không thể bị phá hoại. Đầy đủ tất cả vô biên công đức, đã đến được chỗ tất cả pháp thâm sâu vi diệu. Thông đạt tất cả đạo Ba la mật đến bờ kia, ngòi khắp tất cả bảo toà kim cang, phát ra khắp tất cả âm thanh tùy loại đều hiểu được, khắp vì tất cả chúng sinh thế gian, chuyển bánh xe pháp, không khi nào thất thời.

Đó là như không nhãn thứ mười của đại Bồ Tát.

Đó tức là pháp môn nhãn thứ mười của đại Bồ Tát tu, gọi là như không nhãn.

Đại Bồ Tát thành tựu nhãn này, đặc được thân không đến, vì thân không đi. Đặc được thân không sinh, vì không diệt. Đặc được thân bất động, vì không hoại. Đặc được thân chẳng thật, vì lìa hư vọng. Đặc được thân một tướng, vì vô tướng. Đặc được thân vô lượng, vì Phật lực vô lượng. Đặc được thân bình đẳng, vì đồng như tướng. Đặc được thân vô sai biệt, vì bình đẳng quán ba đời. Đặc được thân đến tất cả mọi nơi, vì mắt tịnh bình đẳng chiếu không chướng ngại. Đặc được thân lìa dục tế, vì biết tất cả pháp không hợp tan.

Đại Bồ Tát thành tựu mười thứ nhẫn này rồi, lại đắc được mười hai thứ thân, thậm chí đắc được vô lượng vô biên sắc thân. Phàm phu chúng ta tại sao không có sắc thân như thế? Vì chúng ta không thể nhẫn. Tại sao không thể nhẫn? Vì chúng ta cho rằng tất cả thế gian đều là chân thật, cho nên không thể nhẫn. Giả như bị người mắng một câu, thì chịu không được; giả như bị người nói một câu, thì nhẫn không được.

Như có người nói: “Người nào đó là chó!” thì người này chắc chắn sẽ không vui, sao bạn lại mắng người? Giả thiết ban đầu tên gọi của con người là chó, tên gọi chó là người. Hiện tại giả như có người nói bạn là người, thì bạn cũng chẳng vui, bèn sinh ra phiền não, tại sao mắng tôi là người! Cho nên nói danh từ là giả danh. Vì giả danh, nên nhìn không thấu suốt, buông bỏ chẳng đặng, nên nói là mắng tôi, mắng bạn, mắng họ, có nhiều phiền não như thế. Nhưng nếu chẳng chấp trước cái tôi, thì chẳng chấp trước về thân, cũng chẳng có tâm chấp trước, chẳng có mọi sự chấp trước. Lúc đó, có người mắng tôi, thì tôi xem như họ ca hát để thưởng thức, nghĩ được như vậy thì chẳng có phiền não.

Chúng ta học Phật pháp là học chữ nhẫn này. Tôi thường nói:

“Nhẫn là báu vô giá
Mọi người đối không tốt
Nếu thường hay nhẫn được
Mọi việc đều tốt đẹp”.

Nhẫn này là nhẫn những gì người khác không nhẫn được, thọ những điều người khác thọ không được, ăn

những gì người khác không ăn được, mặc những gì người khác không mặc được, pháp môn này phải thật hành chân thật, không phải chỉ nói suông là được. Do đó có câu:

“Bồ Tát sợ nhân không sợ quả
Phàm phu sợ quả không sợ nhân”.

Khi Bồ Tát tại nhân địa, làm bất cứ chuyện gì, cũng đều rất cẩn thận, sợ sai lầm nhân quả. Khi Ngài thọ quả báo thì rất hoan hỉ tiếp thọ, không một lời than oán. Phàm phu khi trồng nhân thì chẳng sợ gì cả, tùy tiện có thể giết người phóng lửa. Nói với người những lời tệ bạc, mắng chửi người, hoặc ác ý phê bình người. Khi thọ quả báo thì mới cảm thấy đáng sợ. Có người nói: “Tại sao tôi phải khổ thế này?” Là vì trước kia bạn đã trồng xuống nhân này, cho nên phải thọ quả này.

Thế giới hiện nay, tại sao các nơi phát sinh tai nạn? Vì chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ quả báo. Người chẳng hiểu nhân quả, bất cứ sự việc gì cũng đều đấu với người, tranh với người, càng đấu tranh thì oán cừ càng sâu, càng tranh thì thị phi càng nhiều. Chúng ta người học Phật pháp, nên nhớ! Nên nhớ! Không thể đấu với người, càng không thể tranh với người. Do đó: “Tranh thì chẳng đủ, nhường thì có dư”, thiết thời tức là chiếm tiện nghi, đây là nói về kinh nghiệm.

Bồ Tát thành tựu nhân này:

1. Đắc được thân không từ đâu đến, vì không chỗ đi, tức cũng là không đến không đi.

2. Đắc được thân không sinh, vì chẳng có diệt. Có sinh thì có diệt, nếu chẳng có sinh, thì cũng chẳng có diệt.

3. Đắc được thân bất động, vì chẳng có hoại. Tức nhiên chẳng hoại, sao lại có động?

4. Đắc được thân không thật, vì lìa khỏi hư vọng. Bồ Tát cảm thấy thân thể của mình chẳng phải thật tại, cho nên lìa khỏi hư vọng.

5. Đắc được thân một tướng, vì vô tướng. Bồ Tát không còn tướng ta, thậm chí một tướng cũng không có.

6. Đắc được thân vô lượng, vì Phật lực vô lượng.

7. Đắc được thân bình đẳng, vì đồng như tướng, cho nên chẳng có sự bất bình đẳng.

8. Đắc được thân vô sai biệt, vì bình đẳng quán ba đời không phân biệt. Đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, chẳng có thân bất đồng.

9. Đắc được thân đến tất cả mọi nơi, vì mắt tịnh bình đẳng chiếu không chướng ngại. Bồ Tát vì tu hành Bồ Tát đạo, cho nên đắc được sắc thân thiên biến vạn hoá, đến đâu cũng không có sự hạn chế.

Phàm là nơi nào có duyên với Bồ Tát, Bồ Tát đều thị hiện thân đến độ chúng sinh, thân lớn như cõi Phật, thân nhỏ như hạt bụi. Tại sao? Vì Bồ Tát đắc được thiên nhãn, nhục nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn thanh tịnh. Dùng bốn thứ mắt thanh tịnh này để chiếu khắp, mà chẳng có mọi sự chướng ngại gì. Thanh tịnh tức là trong tâm chẳng có tư tưởng nhiễm ô, tức cũng là chẳng có niệm tham, chẳng có niệm dục, chẳng có niệm sân, như thế tức là đắc được mắt pháp thanh tịnh (thanh tịnh pháp nhãn). Mắt pháp thanh tịnh này, hay quán sát tận hư không khắp pháp giới, hết thấy tất cả mọi nơi, có chúng sinh nào đáng được độ, thì Bồ Tát liền thị hiện thân trước họ để độ họ.

Một số người khi chưa đắc được mắt pháp thanh tịnh, khi tụng kinh thì cần nhìn kinh để tụng. Người đắc được con mắt pháp thanh tịnh, khai mở mắt pháp thanh tịnh, quán sát tận hư không khắp pháp giới đều là đạo tràng, đều là chúng hội. Mười phương chư Phật, đang ở đó giảng kinh thuyết pháp; mười phương Bồ Tát, đang ở đó giảng kinh thuyết pháp. Cảnh giới này thật là không thể nghĩ bàn! Người mắt pháp thanh tịnh muốn niệm kinh, tụng kinh, có thể nhìn một cái thì thấu rõ tất cả các pháp thật tướng, không cần mở kinh ra để tụng, để đọc.

Ai muốn khai mở mắt pháp thanh tịnh? Thì phải thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển, thì chẳng có mọi sự chướng ngại. Người đắc được mắt pháp thanh tịnh, nhìn bất cứ cái gì thì thông suốt cái đó, nhìn thấu suốt qua tường luôn, mà không bị chướng ngại, cách núi lớn cũng nhìn thấu suốt được. Tóm lại, bất cứ sự vật gì, cũng không cản che được.

Người đắc được mắt pháp thanh tịnh, quán sát trong tâm người khác đang nghĩ gì, đều biết được rõ ràng, nhưng không cần nói với họ: “Ê! Hiện tại tôi biết bạn đang nghĩ gì”, như vậy thì mọi người chẳng dám gần gũi bạn. Tại sao? Vì sợ bạn biết được hết bí mật của họ, cho nên phải hoà quang hỗn tục giống như họ. Giống như có bảo châu, phải cất ở trong túi áo, không thể cầm ra cho người xem. Nếu khoe rằng: “Bảo châu của tôi, giá trị vô cùng”, khi bị kẻ trộm biết được, nhất định sẽ bị trộm mất. Do đó, phải cẩn thận, giữ bí mật, thì mới bình an vô sự, hoà bình với nhau.

Có mắt pháp thanh tịnh, tuy nhiên không bị người lấy trộm đi, nhưng có người sinh tâm đố kỵ: “Sao tôi chẳng

có? Tôi xuất gia đã nhiều năm, dụng công tu đạo, nghiêm trì giới luật, ngày ăn một bữa (trưa), ngủ ngồi. Tại sao chẳng có cảnh giới này? Tại sao họ lại có?” Do đó, trong tâm không được vui, đứng ngồi không yên, chẳng phải từ vị, là đổ kị hoặc là chướng ngại? Chính mình cũng không biết rõ, rốt ráo tại sao, cũng chẳng biết. Cho nên phải hoà quang, ôn hoà, biểu hiện bên ngoài phải giống như họ.

Đừng khoe khoang phô trương trí huệ của mình, đừng hiển lộ ra ngoài, như thế thì chẳng có sự phân tranh. Họ và bạn giống nhau thì họ chẳng sinh đổ kị, chẳng sinh chướng ngại. Các bạn sẽ không tin tại sao có người đổ kị tôi, chướng ngại tôi? Vì tôi và họ chẳng giống nhau. Họ cảm thấy tôi là người kỳ quái, ngày chỉ ăn một bữa, ngủ ngồi, hằng ngày đắp y, do đó họ nói: “Người này quá ngu si! Ngày ăn một bữa, làm sao có thể ngủ ngồi? Làm sao có thể chịu được? Hằng ngày đắp y, thật là mệt quá!” Hoặc nói: “Ồ đó khổ quá, con người chịu không nổi, không biết là thật hay là giả?” Hoặc nói: “Đại khái không phải như thế đâu!” Tóm lại, những gì tôi làm đều chẳng đúng, ăn một bữa cũng chẳng đúng, ngủ ngồi cũng chẳng đúng, mặc y cũng chẳng đúng, họ phê bình như thế.

Chẳng những tôi tu khổ như thế, mà tôi giáo hoá đệ tử người Mỹ cũng tu khổ như thế. Họ lại phê bình nói: “Thật là hại chết người!” Có một lần, vị Thầy họ đến tham quan Phật giáo Giảng Đường (tiền thân Kim Sơn Thiền Tự), phát hiện khoảng hai ba mươi cái hộp bằng gỗ, không biết là để dùng làm gì? Buổi tối nhìn thấy những thanh niên người Mỹ, sau khi làm khoá lễ buổi tối xong, giống như chim về tổ, mỗi người ngồi trên hộp gỗ ngủ. Lúc đó, vị Thầy đó mới biết hộp gỗ dùng để làm gì, bèn nói với tôi:

- “Ai da, Thầy thật là hại người chết! Sao lại ngược đãi họ như vậy, Thầy thật là không đúng!”

- Tôi nói: “Tôi chẳng có dạy chúng như thế, mà là chúng muốn như thế”. Tôi không cách chi giải thích với ông ta.

Người xuất gia, nên lúc nào cũng đáp y thì mới hiện tướng Tỳ Kheo. Hiện tại người xuất gia, tự mình không đáp y, còn nói người khác đáp y là không đúng. Các vị hãy nhìn xem! Chạy đi đến nơi nào đây? Đừng nói bỏn lai diện mục của tự tánh chẳng nhận thức được, dù lông da trên bỏn lai diện mục cũng không nhận thức được. Bên ngoài thấy được bỏn lai diện mục đều không biết được, lấy phải làm trái, lấy trái làm phải; lấy đen làm trắng, lấy trắng làm đen, như vậy làm sao giáo hoá người? Chẳng những người tại gia phê bình như thế, mà người xuất gia cũng công khai nói: “Mặt y là không đúng”. Có tư tưởng như thế, thật khiến cho người đau lòng. Chẳng có cách gì giảng chân lý với họ, càng giảng chân lý thì họ càng không tin, ngược lại còn nói: “Bạn mới là giả”. Phật giáo chẳng phải thật đau lòng lắm sao! Chúng sinh tương tức là như thế.

10. Đắc được thân lia dục tế, phải lia khỏi hành vi dâm dục, vì dâm dục tức là nguồn gốc của sinh tử. Tại sao chúng ta sinh rồi lại chết? Chết rồi lại sinh? Là vì có dâm dục. Có ý niệm dâm dục thì có sinh tử. Lia ý niệm dâm dục thì sinh tử chấm dứt. Có người nói: “Tôi đã dứt trừ ý niệm dâm dục”. Bạn nói đã dứt trừ ý niệm dâm dục, nó vẫn đang ẩn tàng bên trong, chính bạn chẳng biết mà thôi. Ý niệm dâm dục ở trong thức thứ tám, chẳng biết có bao nhiêu, e rằng còn cao hơn là núi Thái sơn, vì núi Thái sơn là do từng hạt bụi tích tập mà thành, do đó: “Do ít tích lũy thành

cao lớn”. Dâm dục trong tâm của bạn còn nhiều hơn là những hạt bụi của núi Thái sơn, bắt quá mình chẳng phát hiện được mà thôi. Nếu bạn thật không còn ý niệm dâm dục, thì khi bạn đi đường, giày không dính đất, không có âm thanh. Có cảnh giới này, thì mới chứng minh bạn đã lìa khỏi dâm dục.

Thế nào là thân lìa dục tế? Tức là biết tất cả pháp, chẳng có hợp, cũng chẳng có tan. Rất tự nhiên, chẳng phải tạo tác, chẳng phải miễn cưỡng. Có người hỏi: “Thế nào là hợp? Thế nào là tan?” Nói tóm lại, kết hôn tức là hợp, ly hôn tức là tan. Phật pháp đang ở bên cạnh của bạn, chứ chẳng lìa khỏi bạn mười vạn tám ngàn dặm. Giảng Phật pháp ở bên ngoài, giảng tới giảng lui, có ích lợi gì? Đối với các bạn nghe kinh, chẳng có ích lợi thật tế nào cả. Cho nên tôi giảng kinh, chỉ nói về ăn cơm, mặc y, ngủ nghỉ, tức là đạo lý này. Các bạn hiểu được rõ ràng, thì sẽ chứng được quả Thánh. Còn hiểu không rõ ràng, hồ đồ tới, hồ đồ lui, khi chết lại bị hồ đồ che đậy. Một đời đều hồ đồ, nghe kinh cũng nghe không rõ ràng. Tại sao? Vì tôi giảng hồ đồ, cho nên các vị nghe không rõ ràng. Hiện tại tôi thành thật nói với các vị, tức là điều này.

Đắc được thân hư không, không bờ mé, vì phước đức tạng vô tận như hư không.

Đắc được thân pháp tánh bình đẳng biện tài vô tận không dứt, vì biết tất cả pháp tướng, chỉ là một tướng, không tánh làm tánh, như hư không.

Đắc được thân âm thanh vô lượng vô ngại, vì không gì chướng ngại như hư không.

Đắc được thân đầy đủ tất cả thiện xảo thanh tịnh Bồ Tát hạnh, vì ở tất cả mọi nơi đều không chướng ngại như hư không.

Đắc được thân tất cả biển Phật pháp thứ lớp liên tục, vì không thể đoạn tuyệt như hư không.

Đắc được thân trong tất cả cõi Phật hiện vô lượng cõi Phật, vì lia các tham chấp như hư không vô biên.

Đắc được thân thị hiện tất cả pháp tự tại không nghỉ ngơi, vì biển cả không bờ mé như hư không.

Đắc được thân kiên cố thể lực tất cả không thể hoại, vì như hư không giữ gìn tất cả thế gian.

Đắc được thân các căn sáng lợi như kim cương kiên cố không thể hoại, vì như hư không tất cả kiếp lửa không thể thiêu đốt.

Đắc được thân sức lực giữ gìn tất cả thế gian, vì sức trí huệ như hư không.

11. Bồ Tát lại đắc được thân hư không, không bờ mé, vì phước đức tạng nhiều chẳng cùng tận, giống như hư không.

12. Bồ Tát lại đắc được thân pháp tánh bình đẳng biện tài vô tận không dứt, vì biết tất cả pháp tướng, đều là một tướng. Một tướng tức là vô tướng, là chẳng có tướng, là vắng lặng, là tịch diệt. Pháp là vô tánh làm tánh, căn bản không cách chi có thể nói, giống như hư không.

13. Bồ Tát lại đắc được thân âm thanh vô lượng vô ngại, cũng có thể nói thân của Ngài chẳng có số lượng, chẳng có chương ngại; lại có thể nói âm thanh của Ngài chẳng có số lượng, chẳng có chương ngại, tại sao? Vì chẳng cách chi có thể chương ngại được âm thanh của Ngài và thân thể của Ngài, cho nên nói giống như hư không.

14. Bồ Tát lại đắc được thân đầy đủ tất cả thiện xảo thanh tịnh Bồ Tát hạnh, vì bất cứ ở đâu đều không chương ngại giống như hư không.

15. Bồ Tát lại đắc được thân tất cả biến Phật pháp thứ lớp liên tục, vì không thể đoạn tuyệt giống như hư không.

16. Bồ Tát lại đắc được thân trong tất cả cõi Phật thị hiện vô lượng cõi Phật, vì lìa khỏi tất cả niệm tham và mọi sự chấp trước, giống như hư không.

17. Bồ Tát lại đắc được thân thị hiện tất cả pháp tự tại không nghĩ ngại, tại sao? Vì giống như hư không, giống như biển cả, chẳng có bờ mé.

18. Bồ Tát lại đắc được thân thể lực kiên cố tất cả không thể hoại, tại sao? Vì giống như hư không, hay giữ gìn tất cả thế gian.

19. Bồ Tát lại đắc được thân các căn sáng lợi kiên cố như kim cang không thể hoại, tại sao? Vì giống như hư không, bất cứ gặp đại kiếp lửa gì, đều không thể bị thiêu đốt.

20. Bồ Tát lại đắc được thân sức lực giữ gìn tất cả thế gian, tại sao? Vì sức trí huệ giống như hư không.

Phật tử! Đó là mười thứ nhãn của đại Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật! Đó tức là pháp môn mười thứ nhãn của đại Bồ Tát tu.

Ở Trung Quốc là lấy nghề nông lập quốc, nhân dân đều biết đạo lý mùa xuân gieo giống, mùa hạ trồng trọt, mùa thu thu hoạch, mùa đông cất vào kho. Một năm bốn mùa, mọi người đều ấm no, không bị khổ đói lạnh. Nếu như có người, mùa xuân không gieo trồng, mùa hạ không trồng trọt, thì khi đến mùa thu, ngồi ở trong nhà, muốn thu hoạch ngũ cốc, lương thực, không thể nào có được. Chúng ta tu hành cũng giống như làm ruộng, trước hết làm việc lành trong ruộng phước, khi việc thiện làm đến lúc viên mãn, thì tất cả mọi vấn đề, sẽ tự nhiên giải quyết được hết.

Tôi đến nước Mỹ hoằng dương Phật pháp, vì cứu chúng sinh lìa khổ được vui, cho nên hằng ngày giảng kinh thuyết pháp, khiến cho họ khai mở trí huệ, biết rõ nhân quả báo ứng, là vạn lần sự thật. Cho nên phải nhớ không thể sai lầm nhân quả, bằng không sẽ đọa vào địa ngục, vĩnh viễn không được thân người. Nhưng tôi chưa nói với các vị, nghe kinh có ích lợi gì. Nghe kinh là hiểu biết về chân lý, minh bạch đạo lý mà mình chưa hiểu. Thấu hiểu rồi, thì

mới y pháp tu hành, đắc được khoái lạc chân chánh. Do đó: “Tin hiểu hành chứng”, chiếu theo bốn giai đoạn này mà hướng về trước, thì sẽ đến được chỗ rốt ráo.

Chúng ta hiểu rõ vấn đề này, thì phải coi trọng Phật giáo, phải ủng hộ Phật giáo, khiến cho Phật giáo ngày càng phát triển, tục Phật huệ mạng, là trách nhiệm của Phật giáo đồ.

Bất cứ tôn giáo nào, cũng đều tạo hạnh phúc cho chúng sinh, chẳng phải mang phiền não đến cho chúng sinh. Chúng ta đối với bất cứ tôn giáo nào, đừng có tâm thành kiến, phê bình các tôn giáo khác không cao minh như Phật giáo. Chúng ta phải dùng câu: “Đạo với hành, đừng trái nhau”, làm nguyên tắc. Phải tích tập nghĩa lý của tất cả tôn giáo lại với nhau, nghiên cứu triệt để, lấy chỗ dài bổ xung chỗ ngắn, phát dương quang đại, hướng về trước tiến tới, bằng không, sẽ bị thời đại đào thải đi.

Có người hỏi tôi: “Ngài là giáo gì?” Tôi là chân lý giáo, tôi là nhân giáo, tôi là chúng sinh giáo, tôi là đại chúng giáo. Vì chúng sinh là do con người thành, con người có thể thành Phật, cho nên Phật giáo có thể gọi là nhân giáo, cũng có thể gọi là chúng sinh giáo.

Phật giáo là tận hư không, khắp pháp giới. Chúng ta phải thừa nhận tất cả tôn giáo, đều là một bộ phận thuộc về Phật giáo, nhưng tất cả tôn giáo, họ không thừa nhận là Phật giáo, đó là chuyện của họ, đừng hỏi làm gì. Chúng ta phải mở tâm lượng cho rộng lớn, bao la vạn hữu. Tận hư không, khắp pháp giới, đều là biểu hiện của chân lý.

Các vị chú ý! Từ nay về sau đừng có phân biệt đó đây các tôn giáo khác. Họ phân biệt chúng ta đó đây, nhưng chúng ta không phân biệt họ đó đây, phải làm như

thế thì sẽ không có việc gì xảy ra, bằng không “Ông nói ông có lý, bà nói bà có lý”, tranh luận với nhau, chẳng có ý nghĩa gì hết. Chân lý không sợ khảo nghiệm, khoa học càng tiến bộ, thì chứng minh Phật giáo càng chính xác. Do đó: “Vàng thật thì không sợ lửa”, càng luyện thì càng sáng, sáng lạn chói mắt.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Phổ Hiền, muốn thuật lại nghĩa này, mà nói bài kệ rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Phổ Hiền muốn tường thuật lại nghĩa lý Thập nhẫn đã nói ở trên, bèn dùng một trăm lẻ bảy bài kệ, để biểu đạt ý nghĩa. Một trăm bài kệ trước, phân làm mười đoạn, mỗi đoạn có mười bài kệ, nói về mười thứ nhẫn. Bảy bài kệ sau là kết hỉ.

**Ví như đời có người
Nghe có chỗ bảo tàng
Vì có thể hưởng được
Tâm sinh đại hoan hỉ.**

Ví như trên thế gian, có hạng người như vậy: Nghe được người nhà nói: “Ở dưới đất chỗ đó có kho báu, nếu đào được kho báu này, thì có thể giàu nhất thiên hạ”. Người đó cho rằng có cơ hội, thì sẽ được kho báu đó, nên trong tâm rất là vui mừng, vì kho báu giúp cho họ muốn gì được nấy, làm cho họ toại tâm mãn nguyện.

**Như vậy bậc trí huệ
Bồ Tát chân Phật tử**

Nghe được các Phật pháp Tượng tịch diệt thâm sâu.

Bồ Tát có đại trí huệ, mới là đệ tử chân chánh của Phật. Ngài hay nghe được tất cả pháp của chư Phật nói, pháp đó đều là tượng tịch diệt thâm sâu vô thường, do đó:

“Chư hành vô thường
Là pháp sinh diệt
Sinh diệt diệt rồi
Tịch diệt vi lạc”.

Nghĩa là:

Các hành vô thường
Là pháp sinh diệt
Sinh diệt diệt rồi
Tịch diệt là vui.

Khi nghe pháp sâu này Tâm Ngài được an ổn Không kinh cũng không hãi Cũng không sinh sợ sệt.

Khi Bồ Tát nghe được pháp Bát Nhã thâm sâu, thì tâm của Ngài đắc được sự đại an ổn, cũng không kinh hãi, cũng không sợ sệt. Hay được an ổn như vậy, thì mới vào sâu được tạng kinh, đắc được trí huệ rộng lớn như biển cả.

Đại sĩ cầu bồ đề Nghe tiếng rộng lớn đó Tâm tịnh kham nhẫn được

Nhờ vậy không nghi hoặc.

Đại sĩ tức là đại Bồ Tát. Đại sĩ là bậc đã phát tâm bồ đề (Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh), cầu đạo bồ đề. Nghe được pháp âm rộng lớn thâm sâu đó, thì trong tâm rất thanh tịnh, kham nhẫn được pháp môn này, mà đắc được pháp môn này không có sự nghi hoặc.

Tự nghĩ nhờ nghe được Pháp vi diệu thâm sâu Sẽ thành nhất thiết trí Đại Đạo Sư trời người.

Bồ Tát tự nghĩ nhờ nghiên cứu, tự mình nghe được pháp vi diệu thâm sâu này, tương lai sẽ thành tựu nhất thiết trí huệ, mà làm đại Đạo Sư của trời và người, tức cũng là thành Phật, Phật là sư biểu của trời người.

Bồ Tát nghe tiếng này Tâm Ngài đại hoan hỷ Phát sinh ý kiên cố Nguyện cầu các Phật pháp.

Bồ Tát nghe được pháp âm vi diệu thâm sâu vô thượng này, trong tâm sinh đại hoan hỷ, phát sinh ý chí kiên cố, nguyện cầu pháp vi diệu của chư Phật nói.

Nhờ vui thích bồ đề Tâm Ngài dần điều phục Khiến tin thêm tăng trưởng

Không trái chệ Phật pháp.

Vì nhờ Bồ Tát hoan hỉ ưa thích bồ đề giác đạo, cho nên tâm của Ngài dần dần được điều phục, khiến cho tín tâm ngày càng tăng trưởng. Đối với Phật pháp không trái ngược, không phỉ báng, mà ủng hộ Phật pháp, tuyên dương Phật pháp.

**Do nghe pháp âm này
Tâm Ngài được kham nhẫn
An trụ chẳng lay động
Tu hành Bồ Tát hạnh.**

Do nhờ nhân duyên, nên nghe được pháp âm này, mà tâm của Ngài đắc được sự kham nhẫn, an trụ vào cảnh giới kham nhẫn, nên tâm không bị lay động, để tu tập Bồ Tát hạnh lục độ vạn hạnh.

**Vì nhờ cầu bồ đề
Chuyên hành hướng bồ đề
Tinh tấn không thối chuyển
Chẳng bỏ các thiện nghiệp.**

Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, vì cầu đạo vô thượng bồ đề, chuyên tâm nhất chí để tu hành, hướng về đạo bồ đề, lúc nào cũng tinh tấn, chẳng thối chuyển Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không xả bỏ tất cả thiện nghiệp.

Nhờ cầu đạo bồ đề

**Tâm Ngài không sợ hãi
Nghe pháp thêm dũng mãnh
Cúng Phật khiến hoan hỉ.**

Bồ Tát nhờ cầu bồ đề, cho nên ngày đêm tinh tấn không giải đãi. Trong tâm của Bồ Tát chẳng sinh tâm kinh hãi sợ sệt, cũng chẳng sợ Phật đạo lâu xa, chỉ một lòng tinh tấn hướng về trước. Nghe được pháp của chư Phật nói, tâm sẽ thêm dũng mãnh tinh tấn. Bồ Tát thường hay đến cõi nước chư Phật mười phương, để cúng dường chư Phật, thừa sự chư Phật, khiến cho chư Phật sinh đại hoan hỉ.

**Như có người phước lớn
Đắc được kho vàng thật
Tuỳ thân mang trang sức
Làm các đồ trang nghiêm.**

Giống như có người có phước báo lớn, đắc được kho vàng thật, bèn đem vàng thật làm các thứ đồ trang nghiêm, để mang trên thân, dùng để cúng dường Tam Bảo.

**Bồ Tát cũng như thế
Nghe nghĩa thâm sâu này
Suy gẫm thêm biện trí
Nhờ tu tuỳ thuận pháp.**

Bồ Tát cũng như thế, nghe được nghĩa lý pháp thâm sâu này, Ngài bèn tư duy tu hành, để tăng thêm trí huệ rộng

lớn như biển cả, còn tu hành pháp môn tùy thuận chúng sinh.

**Pháp có cũng thuận biết
Pháp không cũng thuận biết
Tùy pháp đó như vậy
Như vậy biết các pháp.**

Pháp có tướng, Bồ Tát cũng biết, pháp không tướng, Bồ Tát cũng biết. Tùy thuận tất cả pháp để tu hành, có vô sinh pháp nhãn, tùy thuận các pháp, biết rõ tất cả các pháp thật tướng.

**Thành tựu tâm thanh tịnh
Thấu triệt đại hoan hỉ
Biết pháp do duyên khởi
Dũng mãnh siêng tu tập.**

Làm thế nào để được tâm thanh tịnh? Tức là siêng tu lục độ vạn hạnh, thực hành đạo của Bồ Tát tu. Như vậy mới viên mãn công đức, thành tựu tâm thanh tịnh. Thành tựu rồi, mới thấu triệt được, sau đó sẽ sinh tâm đại hoan hỉ. Biết tất cả các pháp, là do nhân duyên sinh. Tuy thấu triệt là không, nhưng chẳng chấp trước vào không, mà dũng mãnh tinh tấn, siêng năng tu tập.

**Bình đẳng quán các pháp
Biết rõ hết tự tánh
Chẳng trái Phật pháp tạng**

Giác khắp tất cả pháp.

Dùng tâm bình đẳng để quán sát tất cả các pháp, thấu suốt biết rõ tự tánh của các pháp, chẳng trái ngược với pháp tạng của chư Phật, giác ngộ khắp đạo lý của tất cả các pháp.

Chí thích thường kiên cố Nghiêm tịnh Phật bồ đề Bất động như Tu Di Một lòng cầu Chánh Giác.

Chí nguyện tâm hoan hỷ phải thường hoan hỷ, như kim cương không bị phá hoại. Trang nghiêm thanh tịnh giác đạo của Phật, chẳng lay chẳng động, vững vàng như núi Tu Di, một lòng một dạ dùng pháp môn cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nhờ phát tâm tinh tấn Lại tu đạo tam muội Vô lượng kiếp siêng tu Chưa từng có thời thất.

Vì phát nguyện ý chí dũng mãnh tinh tấn, cho nên lại siêng tu đạo tam muội. Từ vô lượng kiếp đến nay, siêng năng tu hành, chưa từng khi nào thôi chuyễn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Pháp của Bồ Tát vào Là chỗ của Phật hành

Do đó biết rõ được Tâm Ngài không nhàm mỏi.

Pháp môn mà Bồ Tát chứng nhập, tức là chỗ hành của Phật. Đối với pháp môn này, sau khi thấu rõ hiểu biết rồi, thì tâm chẳng sinh nhàm mỏi, cũng chẳng sinh giải đãi, lúc nghe kinh cũng không ngủ gục. Tại sao muốn buồn ngủ? Vì tâm cầu pháp không chân thật, không minh bạch tánh trọng yếu của sự cầu pháp, cho nên bị cảnh giới hôn trầm lay chuyển, mà sinh ra tâm nhàm mỏi. Nếu thành khẩn cầu pháp, thì tuyệt đối không ngủ gục, nhất định tập trung tinh thần để nghe kinh, trong tâm cũng chẳng có mọi vọng tưởng.

Như pháp của Phật nói Bình đẳng quán các pháp Đâu chẳng bình đẳng nhãn Hay thành bình đẳng trí.

Như pháp của Phật nói, dạy chúng sinh dùng tâm bình đẳng để quán sát tất cả các pháp, lại dạy chúng sinh bình đẳng nhãn thọ tất cả những gì không thể nhãn, không thể nhãn cũng phải cố gắng nhãn, thì sẽ thành tựu bình đẳng trí huệ.

Tuỳ thuận lời Phật nói Thành tựu môn nhãn này Như pháp mà biết rõ Cũng chẳng phân biệt pháp.

Tùy thuận đạo lý của Phật nói, thì thành tựu pháp môn nhẫn này. Ý nghĩa chữ « như » là nhưt như, không phải nhị như. Nhưt như nhất thiết như, nhất thiết như tức là chẳng có gì mà không biết. « Như giả » tức là tất cả đều tự tại, tất cả đều hợp với pháp. Biết rõ đều như pháp, không tạo tác, chẳng có hành vi miễn cưỡng. Trong như pháp, vốn chẳng có pháp phân biệt.

**Trên trời Tam Thập Tam
Hết thấy các Thiên tử
Cùng đồng ăn một bát
Thức ăn đều khác nhau.**

Trên cõi trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi), hết thấy tất cả các Thiên tử, tuy nhiên mọi người cùng ăn cơm trong một cái bát, nhưng mùi vị thức ăn đều khác nhau, mặn, ngọt, đắng, cay, chua, năm vị tùy theo sự ưa thích của mỗi người mà có, mùi vị này là tự nhiên.

**Ăn đủ thứ thức ăn
Chẳng từ mùi hương đến
Do nghiệp thiện mình tu
Tự nhiên ở trong bát.**

Các Thiên tử dùng đủ thứ thức ăn uống, chẳng phải từ mùi hương đến, đều do nghiệp thiện của mình tu, mà đắc được quả báo thức ăn ngon, tự nhiên đều hiện ra trong bát của mình. Người trời nghĩ quần áo thì quần áo đến, nghĩ thức ăn thì thức ăn đến, nghĩ cái gì thì có cái đó, đó là quả báo của người trời.

**Bồ Tát cũng như thế
Quán sát tất cả pháp
Đều từ nhân duyên khởi
Không sinh nên không diệt.**

Bồ Tát cũng lại như thế, quán sát tất cả các pháp, đều từ nhân duyên mà sinh ra. Vì không sinh, nên không diệt. Pháp là tự nhiên mà sinh, tự nhiên mà diệt, chẳng có miễn cưỡng.

**Không diệt nên vô tận
Vô tận nên không nhiễm
Pháp thế gian biến đổi
Biết rõ không biến đổi.**

Vì không sinh, nên không diệt. Vì không diệt nên không cùng tận. Vì vô tận nên chẳng nhiễm ô. Đối với pháp thành trụ hoại không biến đổi, Bồ Tát biết rõ là hư vọng, không thật tại. Tức nhiên là không thật, thì còn có gì thay đổi ?

**Không đổi tức không xứ
Không xứ tức tịch diệt
Tâm Ngài không nhiễm trước
Nguyện độ các quần sinh.**

Tức nhiên chẳng có biến đổi, thì chẳng có xứ sở, vì chẳng có xứ sở, cho nên chỉ có tịch diệt. Trong tâm của Bồ Tát chẳng có tất cả pháp nhiễm ô, cũng chẳng có

tâm chấp trước tất cả pháp. Nguyên lực của Bồ Tát là độ tất cả chúng sinh lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử.

**Chuyên niệm về Phật pháp
Chưa từng có tán động
Mà dùng tâm bi nguyện
Phương tiện hành nơi đời.**

Bồ Tát chú trọng về Phật pháp. Phật pháp thì không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, cho nên chẳng có tán động. Bồ Tát dùng tâm đại bi nguyện, để độ thoát tất cả chúng sinh thế gian, khiến cho họ lìa khỏi biển khổ. Dùng pháp môn thiện xảo phương tiện, để giáo hoá tất cả chúng sinh thế gian, khiến cho họ phát bồ đề tâm, cầu vô thượng đạo, đến thẳng bờ bên kia.

**Siêng cầu nơi thập lực
Nơi đời mà chẳng trụ
Không đi cũng không đến
Phương tiện khéo thuyết pháp.**

Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, vì siêng cầu mười thứ lực của Phật, tuy nhiên ở tại thế gian, nhưng lại chẳng trụ nơi thế gian. Tại sao ? Vì cảnh giới của Bồ Tát đắc được, đã đạt đến trình độ không đi, cũng không đến, Bồ Tát dùng pháp môn phương tiện khéo léo, để vì chúng sinh thuyết pháp.

**Nhẫn này trên hơn hết
Rõ pháp không cùng tận**

Nhập vào chân pháp giới Thật cũng không chỗ vào.

Pháp môn nhãn Ba la mật này, là pháp cao hơn hết. Bồ Tát thấu rõ tất cả các pháp, đều chẳng cùng tận. Chứng được lý thể chân pháp giới, thật ra không chỗ chứng, cũng không chỗ vào.

Bồ Tát trụ nhãn này Thấy khắp các Như Lai Cùng đồng thời thọ ký Gọi là thọ Phật chức.

Bồ Tát trụ cảnh giới vô sinh pháp nhãn, thấy khắp mười phương chư Phật, đồng thời thọ ký cho Bồ Tát. Gọi là thọ Phật chức, tức cũng là ban cho chức vị làm Phật.

Thấu rõ pháp ba đời Tướng tịch diệt thanh tịnh Mà hay độ chúng sinh Đặt vào trong thiện đạo.

Bồ Tát thấu rõ thông đạt tất cả các pháp ba đời, đều là tướng tịch diệt thanh tịnh. Bồ Tát hay tùy thời tùy lúc giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều trụ ở trong thiện đạo.

Mười bài kệ ở trên, là kệ vô sinh nhãn thứ ba.

Thế gian đủ thứ pháp Tất cả đều như huyễn

**Nếu biết được như vậy
Thì tâm không lay động.**

Hết thấy đủ thứ pháp thế gian, tất cả tất cả đều là hiện tượng hư huyền không thật. Nếu thấu rõ tất cả các pháp như vậy, thì tâm không thể lay động.

**Các nghiệp từ tâm sinh
Nên nói tâm như huyền
Nếu là phân biệt này
Diệt khắp hết các cõi.**

Tất cả nghiệp đều từ tâm mà sinh ra, do đó: “Tất cả do tâm tạo”. Cho nên mới nói tâm giống như hư huyền. Nếu là khỏi sự phân biệt hư huyền, như vậy thì sẽ tiêu trừ diệt hết tam giới hai mươi lăm cõi (lục đạo), không còn sót.

**Ví như nhà huyền thuật
Hiện khắp các sắc tượng
Đều khiến chúng tham vui
Rốt ráo không chỗ đắc.**

Giống như có nhà huyền thuật, ông ta có thể hiện ra khắp đủ thứ sắc tượng, có thể đều là giả hình giả tướng, bất quá khiến cho những người xem tham trước sắc tướng, hoan hỉ sắc tướng. Rốt ráo sắc tướng đều là hư huyền, không chỗ đắc.

**Thế gian cũng như thế
Tất cả đều như huyền**

Không tánh cũng không sanh Thị hiện có đủ thứ.

Thế gian và tình hình như vậy đều giống nhau, tức cũng giống như nhà huyền thuật biến hoá ra, cho nên nói tất cả thế gian đều là hư huyền không thật. Vì chẳng có một thể tánh, cho nên chẳng có sinh diệt, nhưng vẫn thị hiện có đủ thứ tướng hư huyền.

Độ thoát các chúng sinh Khiến biết pháp như huyền Chúng sinh chẳng khác huyền Biết huyền không chúng sinh.

Bồ Tát dùng đủ thứ pháp môn phương tiện, để độ thoát tất cả chúng sinh, khiến cho họ biết tất cả pháp, như huyền như hoá. Chúng sinh cũng do hư huyền hoá ra. Nếu biết rõ tướng hư huyền là không thật tại, thì còn có tướng chúng sinh chăng?

Chúng sinh và cõi nước Hết thấy pháp ba đời Như vậy đều không thừa Tất cả đều như huyền.

Hết thấy chúng sinh và hết thấy cõi nước, hết thấy tất cả pháp ba đời, đều là hư huyền, chẳng có thật thể. Tất cả tất cả đều như huyền như hoá. Quán tướng như vậy, liền không chấp trước, cũng không phiền não.

**Huyền làm hình nam nữ
Và các ngựa trâu dê
Nhà cửa hồ sông ngòi
Vườn rừng hoa quả thấy.**

Nhà huyền thuật biến hoá tướng hình nam, tướng hình nữ, tướng hình voi, tướng hình ngựa, tướng hình trâu, tướng hình dê, hoặc biến hoá tướng hình nhà cửa, tướng hình hồ, sông, ngòi, tướng hình vườn, rừng, tướng hình hoa, quả v.v...

**Huyền vật không tri giác
Cũng không có trụ xứ
Tướng rớt ráo tịch diệt
Chỉ tùy phân biệt hiện.**

Sự biến hoá ra huyền vật, bản thân của nó chẳng có tri giác, cũng chẳng có chỗ trụ xứ. Vật biến hoá rớt ráo là tướng tịch diệt, chẳng có thật thể, nhưng tùy thời tùy lúc mà phân biệt hiện ra đủ thứ tướng hư huyền.

**Bồ Tát hay như vậy
Thấy khắp các thế gian
Có không tất cả pháp
Thấu đạt đều như huyền.**

Bồ Tát cũng như thế, tùy thời tùy lúc hay thị hiện ra tất cả cảnh giới, hay thiên biến vạn hoá sắc thân của Ngài. Hay thấy khắp tất cả thế gian, bất cứ là pháp hữu vi, hoặc

pháp vô vi, đều thấu đạt biết rõ như huyễn hoá, chẳng có thật thể.

**Chúng sinh và cõi nước
Đủ thứ nghiệp tạo ra
Nhập vào như huyễn tế
Nơi đó không nương tựa.**

Chúng sinh và cõi nước, đều do nghiệp cảm tạo ra. Chúng sinh này thiện lương, chúng sinh kia chẳng thiện lương, đó là nghiệp lực tạo thành. Cõi nước này hưng khởi, cõi nước kia hoại đi, đây cũng là nghiệp lực của chúng sinh sở cảm. Tất cả đều nhập vào như huyễn tế. Tức nhiên là như huyễn, thì không chỗ nương tựa.

Mười bài kệ ở trên là kệ thứ tư như huyễn nhãn.

**Như vậy được thiện xảo
Tịch diệt không hí luận
Trụ nơi bậc vô ngại
Khắp hiện đại oai lực.**

Bồ Tát không chấp trước như vậy, do đó đắc được pháp môn thiện xảo phương tiện. Vốn là tịch diệt, chẳng có tất cả hí luận. Bồ Tát trụ tại địa vị viên dung vô ngại, khắp thị hiện thần lực đại oai đức.

**Dũng mãnh các Phật tử
Tuỳ thuận vào diệu pháp
Khéo quán tất cả tướng**

Ràng rịt nơi thế gian.

Các đệ tử của Phật dũng mãnh tinh tấn! Tùy thuận như huyễn tam muội, chứng được tất cả diệu pháp. Hay khắp quán sát tất cả vọng tưởng, giống như lưới ràng rịt tại thế gian, chằng chịt với nhau, mà đào thoát chằng khỏi tấm lưới này.

Các tướng như dương diệm Khiến họ hiểu điên đảo Bồ Tát khéo biết tướng Liả bỏ mọi điên đảo.

Hết thấy vọng tưởng giống như dương diệm, hư vọng không thật. Dương diệm là gì? Vào mùa xuân, nhìn xa trên mặt đất, có hình trạng mờ mịt tựa như đám nước. Đi đến gần xem thì không hình, không tướng, chẳng có gì cả. Sự vọng tưởng này, hay khiến cho chúng sinh, sinh hiểu điên đảo. Bồ Tát khéo biết tất cả vọng tưởng, cho nên xả bỏ liả khỏi tất cả điên đảo mộng tưởng, chẳng sinh mọi sự chấp trước.

Chúng sinh đều khác biệt Hình loại chẳng một thứ Thấu đạt đều là tướng Tất cả không chân thật.

Chúng sinh có thai noãn thấp hoá bốn thứ sinh khác nhau. Dù chúng sinh đồng loại, cũng có sự khác nhau; hà huống là chúng sinh khác loại, càng khác nhau, cho nên nói

nhieu loại chẳng phải một loại. Ví như con người: Có người da vàng, người da trắng, người da đen, người da đỏ. Còn động vật: Thú chạy thì có loài thú chạy, loài bay thì có loài bay, côn trùng thì có loại côn trùng, mỗi thứ đều khác nhau. Tại sao? Vì vọng tưởng của chúng sinh khác nhau, giống như hạt bụi ở trong hư không. Chỗ nào có ánh sáng mặt trời, thì nhìn thấy được bụi bay trong không, bay lên, bay xuống, lúc bên đông, lúc bên tây, lúc nam, lúc bắc. Vọng tưởng của chúng ta cũng như thế, có người nghĩ đi lên, có người nghĩ đi xuống, do đó: “Quân tử thì đi lên, tiểu nhân thì đi xuống”. Hoặc tưởng đông, hoặc tưởng tây, lăn xả không ngừng, giống như hạt bụi.

Có người nghĩ muốn phát tài, liền mê về tiền tài. Có người nghĩ muốn làm quan, thì mê về làm quan. Có người nghĩ muốn đi học, thì mê về học. Có người muốn làm ruộng, thì mê về làm ruộng. Chúng sinh đều có mê của người đó. Tóm lại, muốn làm gì, thì mê về cái đó. Đó tức là mê và tưởng sinh ra chấp trước. Sự chấp trước này, nếu không phá được, thì từ khi sinh ra đến chết, hồ đồ một đời, cũng không thể minh bạch.

Tại sao hình loại khác nhau? Vì thưở xưa nghĩ tưởng khác nhau. Thưở xưa nghĩ gì, thì đời này có diện mạo như vậy. Tưởng điên đảo đó, lâu dần thì đoạ lạc trong nghĩ tưởng của loài đó. Tóm lại, thưở xưa tạo nghiệp nhân gì, thì đời này sinh ra quả báo thân đó, mà làm chúng sinh trong sáu nẻo.

Trong Kinh Lăng Nghiêm có ghi như vậy: “Thai do tình mà có, noãn do tưởng mà sinh, thấp do hợp mà cảm, hoá do ly mà ứng”. Làm sao thành thai sanh? Vì do tình cảm mà sinh ra. Nam nữ có ái tình, mà sinh ra con cái.

Sinh sinh không ngừng, cho nên con cái tiếp nối vĩnh viễn không dứt được. Làm thế nào thành noãn sinh? Vì do tướng mà sinh ra, giống như gà mái ấp trứng, ngày ngày nghĩ tướng gà con của nó, tướng tới tướng lui, bèn tướng ra gà con. Làm thế nào thành thấp sinh? Vì chỗ ẩm ướt và hơi ẩm hoà hợp mà cảm sinh ra, giống như tất cả côn trùng. Làm thế nào thành hoá sinh? Do biến hoá mà sinh, vì thích mới chán cũ, mà lìa bỏ bản thân của mình, cảm ứng mà hoá ra thân khác. Như tầm hoá bướm.

Bồ Tát khéo biết tất cả đều là tướng. Tài sắc danh ăn và ngủ trong thế gian, có chân thật chăng? Chúng sinh hồ đồ mà sinh, lại hồ đồ mà chết, ở giữa đoạn thời gian này chẳng minh bạch. Bất cứ người thông minh như thế nào, cũng không thể sinh tử được tự do. Không thể sinh tử tự do, thì đó là không minh bạch. Làm thế nào sinh tử được tự do? Chỉ có một phương pháp, đó là học Phật pháp, niệm danh hiệu Phật, tu thiên định, thì mới có thể không chế được sinh tử, mới biết được đi về đâu. Tại sao? Vì tu đạo, mới minh bạch được tất cả tướng điên đảo, mới minh bạch được tất cả là hư vọng, tất cả đều không chân thật. Như thế sẽ không khởi hoặc, không tạo nghiệp, thì sẽ không thọ quả báo, sẽ ra khỏi được tam giới, chấm dứt sinh tử.

Mười phương các chúng sinh

Đều vì tướng che đậy

Nếu bỏ thấy điên đảo

Liền diệt tướng thế gian.

Hết thấy chúng sinh mười phương thế giới, đều bị điên đảo tướng che đậy. Người thông minh thì bị vọng

tướng che đây ít một chút, người ngu si thì bị vọng tướng che đây nhiều một chút. Trừ khi người có đại trí huệ, mới phá được vọng tướng. Mục đích chúng ta tu đạo là phá vô minh, trừ vọng tướng. Nếu lìa khỏi được thấy điên đảo, thì tất cả vọng tướng thế gian sẽ tiêu diệt hết sạch.

Thế gian như dương diệm Nhờ tướng có phân biệt Biết đời trụ nơi tướng Xa lìa ba điên đảo.

Thế gian giống như dương diệm, ở xa nhìn tựa như có, đến gần nhìn thì chẳng có, là hư vọng không thật. Tướng của chúng sinh thế gian, giống như dương diệm, là chẳng rõ ràng. Giống loài chúng sinh là do vọng tướng mà hiện ra. Nếu chẳng có vọng tướng, thì tất cả cảnh giới cũng chẳng có, cho nên vọng tướng có đủ thứ tánh sai biệt khác nhau.

Bồ Tát biết chúng sinh thế gian, đều trụ trong vọng tướng. Tướng có sự phân biệt giữa thô tướng và tế tướng. Thế nào là thô tướng? Đó là những gì nghĩ tướng chẳng hợp đạo lý, chẳng hiện thật, do đó: “Hồ tư loạn tướng”. Thế nào là tế tướng? Đó là “Tướng nhập phi phi”, tướng những sự việc chẳng có ý nghĩa gì hết. Nếu biết được tất cả thế gian do tướng mà thành, thì liền xa lìa được ba thứ điên đảo. Những gì là ba:

1. Tướng điên đảo: Ở trong cảnh giới sáu trần, tướng việc không hợp lý.

2. Thấy điên đảo: Về pháp sự lý, tà tri tà kiến, tức là chẳng phải chánh tri chánh kiến.

3. Tâm điên đảo: Đây là gốc rễ của sự điên đảo. Vì dùng vọng tâm tà thức để hiểu biết sự vật, điểm xuất phát chẳng chánh quyết, đó chẳng phải là điên đảo chăng?

**Như diệm lúc nóng gắt
Đòi thấy rằng là nước
Thật ra không có nước
Bậc trí không nên cầu.**

Vào thời tiết mùa hè, vì khí hậu quá nóng mà tạo thành hiện tượng dương diệm. Người thế tục thấy cho rằng là nước, kỳ thật đó chẳng phải nước, mà là một thứ khí thể. Đến gần để nhìn thì chẳng có gì hết. Người có trí huệ nhìn, biết là hình ảnh hư vọng, cho nên không nên có sở cầu. Tức cũng là không chấp vào cảnh giới, không bị cảnh giới làm lay chuyển.

**Chúng sinh cũng như thế
Đòi hướng về chẳng có
Như diệm trụ nơi tường
Cảnh giới tâm vô ngại.**

Tất cả chúng sinh cũng như thế, tất cả thế gian hướng về sở cầu, đều chẳng có. Giống như dương diệm ở trong tường của chúng sinh, tưởng nó là nước, nhưng chẳng phải nước. Cảnh giới dương diệm này, chẳng chướng ngại được tâm của bậc trí, cho nên nói cảnh giới tâm vô ngại.

Nếu lìa hết các tướng

**Cũng lìa các hí luận
Kẻ ngu si chấp tướng
Đều khiến được giải thoát.**

Nếu lìa khỏi tất cả vọng tưởng, cũng lìa khỏi tất cả hí luận. Hí luận tức là ngôn luận không hợp lý, lời lẽ chẳng có ý nghĩa. Người ngu si chấp trước vào vọng tưởng, truy cầu tất cả cảnh giới hư vọng không thật. Bồ Tát có tâm đại từ đại bi, khiến cho chúng sinh có vọng tưởng, đều đắc được pháp môn giải thoát.

**Xa lìa tâm kiêu mạn
Trừ diệt tướng thế gian
Trụ nơi tận vô tận
Là Bồ Tát phương tiện.**

Người tu đạo, trước hết xa lìa tâm kiêu ngạo ngã mạn, mới có sự thành tựu, mới diệt trừ được tất cả vọng tưởng thế gian. Nhưng mọi người đều có sự chấp trước, buông bỏ chẳng được chính mình, nhận rằng hơn hẳn mọi người, là vĩ nhân của thế giới, cho nên cống cao ngã mạn, hoặc khinh sư mạn pháp. Phạm là người có tư tưởng này, nhất định sẽ đoạ địa ngục, tở hào chẳng có vấn đề gì.

Trụ tại cảnh giới tận vô tận, tức cũng là trụ chỗ vô sở trụ, do đó: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, đó là pháp môn phương tiện tu hành Bồ Tát đạo của đại Bồ Tát đắc được.

Mười bài kệ ở trên là kệ pháp môn như diệm nhãn thứ năm.

**Bồ Tát rõ thể pháp
Tất cả đều như mộng
Phi xứ phi vô xứ
Thể tánh thường tịch diệt.**

Bồ Tát tu hành pháp môn như mộng nhãn, cho nên biết tất cả đều như mộng. Nếu nói mộng là thật, vậy nó đang ở chỗ nào? Chẳng có một chỗ nào có thể tìm được nó. Nếu nói nó chẳng có chỗ nào, nhưng ở trong mộng giống như có chỗ, tự nhiên hiện ra cảnh giới. Phải biết rõ thể tánh của mộng là hằng thường tịch diệt, tức cũng là bản lai chẳng có.

Cảnh giới của mộng là không chân thật, cho nên đừng chấp trước, nhưng có lúc ở trong mộng có thể biết trước sự việc tương lai sẽ xảy ra, đây là mộng biết trước, vấn đề này sẽ nói sau. Hiện tại đang nói về mộng hư vọng không thật, do đó: “Đời người như mộng”, nếu nhìn đời người như mộng không chân thật, thì còn có gì để lưu luyến? Lại còn có gì để chấp trước? Lại còn có gì mà nhìn không thấu? Lại còn có gì buông xả chẳng đặng?

Cảnh giới của mộng, nắm bắt không thể được, xả bỏ không thể được. Muốn đem mộng ra nhìn xem, chẳng thể đem ra được. Muốn đừng nằm mộng cũng không được. Tuy nhiên mộng là giả, nhưng hay khiến cho tâm của bạn lay động.

Hiện tại chúng ta đang nằm mộng, nhưng mình không tin đang nằm mộng. Như có người nói:

- “Ông ơi! Ông đang nằm mộng!”

Lúc đó bạn tuyệt đối không tin, bèn nói:

- “Tôi đang làm việc kiếm tiền, tôi đi học để có kiến thức. Những gì tôi làm đều là chân thật, sao lại nói tôi đang nằm mộng”. Đợi khi bạn tỉnh mộng, không cần người khác nói bạn đang nằm mộng, thì chính bạn cũng biết là đang nằm mộng.

Mộng này khi nào mới có thể tỉnh? Khi bạn tu hành, tu đến chỗ chẳng còn sự chấp trước, chẳng còn vô minh, chẳng còn vọng tưởng, chẳng còn phiền não, thì lúc đó bắt đầu tỉnh, quay đầu nhìn lại, nguyên lai là đang nằm mộng ban ngày! Do đó:

“Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ”!

Đời người trước khi giác ngộ, đều là đang nằm mộng ban ngày. Có người nói với bạn, bạn sẽ không tin. Đợi khi bạn tỉnh, không có ai nói với bạn, thì bạn cũng sẽ tin. Chúng ta người tu đạo, tức là tu giác ngộ. Giác ngộ rồi, thì sẽ hiểu tất cả đều như mộng. Lúc đó, không còn điên đảo, không còn tham luyến vui năm dục hồng trần. Tất cả đều nhìn thủng, buông xả đặng, minh tâm kiến tánh, tức thân thành Phật.

Các pháp không phân biệt Tâm như mộng chẳng khác Ba đời các thế gian Tất cả đều như vậy.

Tất cả các pháp đều không phân biệt, giống như mộng, chẳng có hai dạng. Tất cả thế gian trong ba đời, hết thấy tất cả, đều giống như cảnh giới mộng, chẳng có thể tánh chẳng thật.

**Thê mộng không sinh diệt
Cũng không có phương sở
Ba cõi đều như vậy
Bậc thấy tâm giải thoát.**

Bản thê của mộng là chẳng sinh chẳng diệt, cũng chẳng có phương nào và xứ sở nào. Dục giới, sắc giới, vô sắc giới, đều đang nằm mộng. Nếu có tư tưởng và kiến giải như vậy, thì thường trụ chân tâm, tánh tịnh minh thê, sẽ đắc được giải thoát, mà không bị sáu căn sáu trần lay chuyển.

Chúng ta nghe kinh phải chú ý, phải phân tích lý, mới có sự thọ dụng. Bằng không, bất cứ nghe bao nhiêu lần kinh, cũng không thể đắc được lợi ích của pháp. Giống như ở trước có nói: “Thai do tình mà có, noãn do tướng mà sinh, thấp do hợp mà cảm, hoá nhờ lý mà ứng”. Cảnh giới này, tức là bị tình ái trói chặt, như thế thì sẽ không được tự tại. Biết rõ sự việc chẳng đúng, vẫn cứ đi làm, do đó: “Minh tri cố phạm”, hành vi này không thể tha thứ được.

Lão Tử nói: “Thiên hạ đều biết, điều tốt là tốt, mà vẫn làm ác”. Người thiên hạ đều biết tốt đẹp là tốt, nhưng chẳng làm điều tốt đẹp, mà đi làm việc ác. Lại nói: “Thiện là thiện, mà chẳng làm thiện”. Người thiên hạ đều biết việc thiện là tốt, nhưng chẳng chịu làm việc thiện. Đây là mao bệnh mà một số người hay phạm, biết rõ niệm Phật có thể vãng sinh về thế giới Cực Lạc phương tây, nhưng không chuyên tâm niệm Phật.

Mộng chẳng tại thế gian

**Đâu chẳng tại thế gian
Đây hai chẳng phân biệt
Được vào nơi nhẫn địa.**

Cảnh giới của mộng, tại thế gian tìm chẳng được. Nhưng lìa thế gian đi tìm mộng, cũng tìm chẳng được. Cho nên nói mộng cũng chẳng tại thế gian, cũng chẳng tại xuất thế gian. Hai sự tư tưởng này không cần phân biệt. Nếu có sự phân biệt, thì có thức tâm, có vọng tưởng, có sự chấp trước. Nếu chẳng có sự phân biệt, thì có trí huệ, được giải thoát, được tự tại, lúc đó bèn chúng nhập pháp môn như mộng nhẫn.

**Ví như trong mộng thấy
Đủ thứ các tướng khác
Thế gian cũng như thế
Với mộng chẳng khác biệt.**

Ví như cảnh giới thấy ở trong mộng, hoặc là tướng đẹp, hoặc là tướng xấu, hoặc là tướng thiện, hoặc là tướng ác, có đủ thứ tướng khác nhau. Pháp thế gian cũng như thế, chẳng khác gì đối với mộng. Tức nhiên là như thế, còn phải chấp trước làm gì? Sao lại nhìn không thấu? Sao lại buông bỏ không đặng? Sao lại phải khổ não? Nói thẳng là tự mình làm phiền mình.

**Người trụ nơi định mộng
Rõ đời đều như mộng
Chẳng đồng chẳng phải khác**

Chẳng một chẳng đủ thứ.

Thấu hiểu về mộng thì có thể trụ ở trong định mộng, thân ở trong mộng mà biết là mộng. Như vậy thì sẽ thấu hiểu tất cả pháp môn thế gian, đâu chẳng có gì mà không phải là mộng. Mộng và thế gian cũng chẳng phải giống nhau, cũng chẳng phải chẳng giống nhau. Cũng chẳng phải một, cũng chẳng phải nhiều. Tại sao phải nói như vậy? Vì dạy bạn đừng chấp trước. Cảnh giới của Kinh Hoa Nghiêm là viên dung vô ngại. Giống tức là khác, khác tức là giống; một tức là nhiều, nhiều tức là một.

Chúng sinh các nghiệp sát Tạp nhiễm và thanh tịnh Như vậy đều biết rõ Với mộng đều bình đẳng.

Chúng sinh do khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, cho nên có nghiệp nhiều như cõi nước hạt bụi. Có nghiệp tạp nhiễm, có nghiệp thanh tịnh. Bất cứ là nghiệp tạp nhiễm, hoặc là nghiệp thanh tịnh, Bồ Tát đều hoàn toàn thấu rõ biết được, với mộng là bình đẳng, chẳng có sự khác biệt. Trong Kinh Kim Cang có nói:

“Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bọt bóng
Như sương cũng như điện
Hãy quán sát như thế”.

Đó tức là đạo lý này.

Các vị thiện tri thức! Tức nhiên biết là mộng, tại sao mộng hoài không tỉnh? Còn mê mờ hồ đồ nằm mộng, phải hồi quang phản chiếu, tự hỏi mình: “Mỗi ngày những gì mình làm, là nghiệp tạp nhiễm nhiều? Hay là nghiệp thanh tịnh nhiều?” Có người nói: “Tôi ở trên thế giới này, nhận thức chẳng rõ ràng, không biết gì là nghiệp tạp nhiễm? Cũng không biết gì là nghiệp thanh tịnh”. Hiện tại hãy nói nó cho rõ ràng. Hằng ngày cứ vọng tưởng pháp tài sắc danh ăn ngủ năm dục, đó tức là nghiệp tạp nhiễm. Hằng ngày cứ tu hành pháp tín tấn niệm định huệ, đó tức là nghiệp thanh tịnh.

**Hạnh của Bồ Tát hành
Cùng với các đại nguyện
Thấu rõ đều như mộng
Với đời cũng không khác.**

Hạnh môn của Bồ Tát tu hành, và phát ra tất cả đại nguyện, thấu rõ biết được đều là mộng, chẳng có thật tại. Và tất cả pháp hữu vi thế gian, đều như nhau, cũng chẳng phân biệt. Phàm là có sự phân biệt, thì không thể nhận được.

**Rõ đời đều không tịch
Chẳng hoại nơi thế pháp
Ví như thấy trong mộng
Dài ngắn thấy các sắc.**

Tuy Bồ Tát biết rõ tất cả thế gian đều là không tịch, nhưng vẫn không hoại nơi pháp thế gian. Giống như những gì thấy trong mộng, có các sắc dài ngắn khác nhau.

**Tên là như mộng nhãn
Do đó rõ các pháp
Sớm thành vô ngại trí
Rộng độ các quần sinh.**

Bởi nguyên nhân đó, cho nên gọi là như mộng nhãn. Bồ Tát nhờ đó mà thấu hiểu pháp thế gian sớm sẽ thành tựu trí huệ vô ngại. Trí vô ngại tức là Phật trí, thông đạt cảnh giới tự tại. Có vô ngại trí rồi, thì mới rộng độ tất cả chúng sinh, khiến cho họ phát bồ đề tâm, tu vô thượng đạo.

Mười bài kệ ở trên là kệ như mộng nhãn thứ sáu.

**Tu hành hạnh như vậy
Sinh ra hiểu rộng lớn
Khéo biết các pháp tánh
Với pháp tâm không chấp.**

Bồ Tát tu hành hạnh như hưởng nhãn, khi tu đến lúc viên mãn, thì sẽ sinh ra tin hiểu rộng lớn. Khéo biết các pháp tánh, tức là chân như thật tướng, không biến, không đổi. Do đó:

« Tùy duyên không đổi,
Không đổi mà tùy duyên ».

Tuy Bồ Tát thấu hiểu pháp tánh, nhưng tâm không chấp trước.

**Tất cả các thể gian
Đủ thứ các âm thanh
Chẳng trong cũng chẳng ngoài
Biết rõ đều như vang.**

Tất cả hết thấy thể gian, có đủ thứ tất cả âm thanh khác nhau. Nhưng những âm thanh đó, cũng chẳng ở bên trong, cũng chẳng ở bên ngoài. Bồ Tát biết rõ đều như vang, giống như trong động vang ra tiếng, đó là do duyên khởi.

**Như nghe đủ thứ vang
Tâm chẳng sinh phân biệt
Bồ Tát nghe âm thanh
Tâm cũng lại như thế.**

Giống như nghe đủ thứ tiếng vang, trong tâm chẳng sinh phân biệt. Bồ Tát nghe được các thứ âm thanh, tâm của Ngài cũng như thế, chẳng khởi tâm phân biệt. Bồ Tát đối với tất cả, đều chẳng chấp trước, cho nên không phân biệt.

**Chiêm ngưỡng các Như Lai
Và nghe nói pháp âm
Diễn kệ kinh vô lượng
Chỉ nghe không chấp trước.**

Bồ Tát chiêm ngưỡng tất cả chư Phật, và nghe diệu pháp âm của chư Phật, diễn nói kinh Phật nhiều vô lượng

vô biên. Tuy nhiên Bồ Tát nghe kinh điển của chư Phật nói, nhưng không chấp trước.

Hiện tại chúng ta nghe kinh, cũng không chấp trước vào, nghĩa là không nhớ, quên mất, chẳng biết giảng kinh gì. Tại sao? Vì không chấp ! Không chấp trước của Bồ Tát với không chấp trước của chúng ta hoàn toàn khác nhau. Bồ Tát nhớ hết thấy đạo lý ở trong kinh điển, nhưng vẫn không chấp trước. Tại sao ? Vì Bồ Tát đã phá được pháp chấp, cho nên không chấp trước. Chúng ta chẳng phải muốn không chấp trước, mà là không nhớ. Vì vậy phải học Bồ Tát nhớ đạo lý trong kinh điển, nương theo pháp tu hành, học điều không chấp trước này.

**Như vang không chỗ đến
Sự nghe tiếng cũng thế
Mà phân biệt được pháp
Với pháp không trái lầm.**

Sự không chấp trước của Bồ Tát, giống như tiếng vang, chẳng chỗ đến. Bồ Tát nghe âm thanh cũng không chấp trước, chẳng chỗ đến. Nhưng ở trong âm thanh, có thể phân biệt được tất cả pháp âm đến. Tiếng đó cũng không chỗ đến, không có chỗ trái lầm đối với pháp, nghĩa là không trái ngược với đạo lý của pháp.

**Khéo rõ các âm thanh
Nơi tiếng chẳng phân biệt
Biết tiếng đều không tịch
Khắp vang tiếng thanh tịnh.**

Bồ Tát khéo hiểu biết tất cả âm thanh pháp môn, đối với âm thanh không phân biệt, biết âm thanh vốn đều là không tịch, chẳng có gì cả, chỉ có tiếng vang mà thôi. Diệu âm nói pháp này, là tiếng thanh tịnh của lưới rộng dài diễn nói.

**Rõ pháp chẳng tại lời
Khéo vào chỗ không lời
Mà thị hiện lời nói
Như vang khắp thế gian.**

Bồ Tát thấu rõ tất cả pháp, vốn là không lời nói tướng (vô ngôn thuyết tướng). Do đó: « Ly ngôn thuyết tướng, ly văn tự tướng, ly tâm duyên tướng », nghĩa là quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng. Bồ Tát khéo vào bờ mé vô ngôn thuyết (không lời nói). Trong vô ngôn thuyết (không lời nói), mà hay thị hiện lời nói. Giống như tiếng vang của âm thanh khắp nơi thế gian.

**Biết rõ đường lời lẽ
Đầy đủ phần âm thanh
Biết tánh tiếng không tịch
Dùng lời đời để nói.**

Bồ Tát thấu rõ tất cả con đường lời lẽ, đầy đủ cảnh giới âm thanh. Biết bản thể của âm thanh là không tịch, chẳng có vật gì bên trong, bất quá dùng lời lẽ và văn tự của thế gian, để diễn đạt âm thanh của nó.

Như hết thấy tiếng đời

**Hiện đồng pháp phân biệt
Tiếng đó đều khắp cùng
Khai ngộ các quần sinh.**

Bồ Tát biết hết thảy âm thanh thế gian, thị hiện âm thanh giống nhau, đủ thứ pháp khác nhau. Hết thảy âm thanh này, hoàn toàn khắp cùng pháp giới. Ở trong âm thanh diễn nói diệu pháp, khai ngộ tất cả các quần sinh.

**Bồ Tát được nhận này
Tịnh âm hoá thế gian
Khéo léo nói ba đời
Nơi đời không chấp trước.**

Bồ Tát đắc được pháp môn như vang nhĩ, dùng âm thanh thanh tịnh để giáo hoá tất cả chúng sinh thế gian, phát bồ đề tâm, tu hành vô thượng đạo. Bản lai một đời cũng không thể nắm bắt được, nhưng Bồ Tát dùng phương tiện khéo léo để nói ba đời. Ba đời tức là đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai, tức cũng là hôm qua, hôm nay và ngày mai. Bồ Tát đối với hết thảy tất cả pháp thế gian, đều không chấp trước. Tại sao ? Vì người, pháp, hai chấp đều không.

Mười bài kệ ở trên là kệ pháp môn như vang nhĩ thứ bảy.

**Vì muốn lợi thế gian
Chuyên tâm cầu bồ đề
Mà thường vào pháp tánh**

Nơi đó không phân biệt.

Bồ Tát muốn lợi ích chúng sinh thế gian, chuyên tâm nhất chí cầu vô thượng bồ đề, mà thường vào bản thể của pháp tánh, nhưng đối với những điều đó chẳng có tâm phân biệt.

Quán khắp các thế gian Tịch diệt không thể tánh Mà luôn làm lợi ích Tu hành tâm chẳng động.

Bồ Tát quán sát khắp cùng tất cả thế gian, đều là tịch diệt không có thể tánh. Nhưng Bồ Tát thường hành Bồ Tát đạo, lợi ích tất cả chúng sinh. Bồ Tát tu hành lục độ vạn hạnh, tức cũng là tu định lực. Định lực này, là động mà chẳng động. Do đó :

« Động tức là tĩnh, tĩnh tức là động ».

Động tĩnh nhất như, động tĩnh không hai. Tại sao ? Vì Bồ Tát lìa khỏi tất cả chấp trước, lìa khỏi tất cả quái ngại, cho nên tâm chẳng động.

Chúng ta người tu đạo, phải minh bạch đạo lý này. Không những ở trong tĩnh có thể tu định, mà ở trong động cũng có thể tu định. Kỳ thật, trong tĩnh có định lực, không như trong động có định lực. Tại sao ? Vì khi động, nếu chẳng có định lực, thì sẽ bị cảnh giới lay chuyển. Đừng đam không chấp tịch. Đam không tức là hoan hỉ về không, chấp tịch tức là chấp trước tịch tĩnh. Phải ở trong tĩnh tu động, trong động tu tĩnh. Tức tĩnh tức động, tức động tức

tĩnh, động tĩnh chẳng hai. Có người nói : « Tôi hoan hỉ tĩnh, chẳng hoan hỉ động », đó là bạn chấp trước vào tĩnh. Lại có người nói : « Tôi hoan hỉ động, chẳng hoan hỉ tĩnh », đó là bạn chấp trước vào động. Phải biết rõ tĩnh cũng là định, động cũng là định, tĩnh động đều ở trong định. Cảnh giới này là gì ? Tôi thường nói với các vị hai câu này :

« Mắt thấy hình sắc trong chẳng có
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay ».

Và :

Thấy việc tinh việc lià thế gian
Thấy việc mê việc đoạ trầm luân ».

Định chẳng phải chỉ riêng ở trong tĩnh sinh ra; ở trong động sinh ra định mới là thực dụng. Người tu đạo, đạt đến cảnh giới viên dung vô ngại, tức là tâm bất động, nghĩa là chẳng động tâm. Khi Mạnh Tử được bốn mươi tuổi thì, mới bất động tâm, đối với định lực có chút thành tựu. Mạnh Tử nói :

« Cáo tử tiên ngã bất động tâm ».

Chứng minh cáo tử được bất động tâm sớm hơn Mạnh Tử. Do đó :

« Thái sơn băng tiền nhi bất kinh
Mỹ nữ đương tiền nhi bất động ».

Nghĩa là :

Núi Thái đổ xuống trước mắt mà chẳng sợ
Người đẹp trước mắt mà chẳng động.

Tu đạo tu đến cảnh giới này, thì liền thành tựu đạo nghiệp.

**Chẳng trụ nơi thế gian
Chẳng lìa nơi thế gian
Thế gian không chỗ nương
Chỗ nương không thể được.**

Bồ Tát chẳng chấp trụ vào pháp thế gian, cũng chẳng lìa khỏi pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Đối với pháp xuất thế gian, chẳng có chỗ nương tựa. Muốn tìm chỗ nương tựa thì không thể được.

**Biết rõ tánh thế gian
Nơi tánh không nhiễm trước
Tuy chẳng nương thế gian
Độ đời khiến siêu độ.**

Bồ Tát biết rõ tự tánh tất cả pháp thế gian, đối với tánh không có nhiễm trước. Tại sao ? Vì Bồ Tát đã phá được ngã chấp và pháp chấp. Tuy Bồ Tát chẳng nương tựa pháp thế gian, nhưng Bồ Tát vẫn phải giáo hoá chúng sinh hữu tình thế gian, khiến cho họ được siêu độ.

**Hết thấy pháp thế gian
Đều biết hết tự tánh
Rõ pháp không có hai
Không hai cũng không chấp.**

Hết thấy tất cả pháp thế xuất thế gian, Bồ Tát đều biết chân thật tự tánh của tất cả các pháp, cũng biết rõ tất cả pháp, đều là pháp môn không hai (đệ nhất nghĩa đế), cũng chẳng có hai, cũng chẳng chấp. Đó là cảnh giới Bồ Tát đối với pháp.

**Tâm chẳng lìa thế gian
Cũng chẳng trụ thế gian
Chẳng ở ngoài thế gian
Tu hành nhất thiết trí.**

Tâm của Bồ Tát chẳng lìa pháp thế gian, cũng chẳng trụ pháp thế gian; cũng chẳng ở ngoài pháp thế gian, tu hành nhất thiết trí. Nghĩa là nói tu pháp xuất thế ở trong pháp thế gian, do đó :

« Tức thế gian lìa thế gian ».

Cảnh giới này dễ như trở bàn tay. Trở qua là lòng bàn tay, lật lại là lưng bàn tay. Trong kinh có nói :

« Phiền não tức Bồ đề,
Bồ đề tức phiền não ».

Bạn chẳng tu hành, chẳng hiểu Phật pháp, tức là phiền não. Hiểu rồi, tức là Bồ đề. Bồ đề chẳng ở ngoài phiền não, mà ở trong phiền não. Cho nên nói phiền não tức là Bồ đề, Bồ đề tức là phiền não. Tóm lại, biết dùng thì Bồ đề, không biết dùng tức là phiền não.

**Ví như bóng trong nước
Chẳng trong cũng chẳng ngoài**

**Bồ Tát cầu bồ đề
Rõ đời chẳng phải đời.**

Giống như bóng mặt trăng trong nước, cũng chẳng phải ở trong nước, cũng chẳng phải ở ngoài nước. Bồ Tát cầu vô thượng bồ đề, thấu rõ thế gian là không, cho nên tâm chẳng sinh chấp trước.

**Chẳng ở đời trụ xuất
Vì đời bất khả thuyết
Cũng chẳng ở trong ngoài
Như bóng hiện thế gian.**

Bồ Tát chẳng chấp vào pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Vì thế gian là không, bất khả thuyết bất khả thuyết. Nó chẳng ở trong thế gian, cũng chẳng ở ngoài thế gian. Như mặt trăng hiện khắp trong nước, giống như bóng hiện thế gian.

**Vào nghĩa thâm sâu này
Lìa dơ đều thấu triệt
Chẳng bỏ tâm nguyện xưa
Đèn trí huệ chiếu khắp.**

Bồ Tát chứng nhập vào chân thật nghĩa thâm sâu này rồi, lìa khỏi tất cả bụi dơ, hoàn toàn biết rõ thấu triệt, nhưng vẫn không xả bỏ tâm thệ nguyện vốn đã phát ra, Ngài nguyện làm đèn trí huệ, để chiếu khắp mười phương thế giới, khiến cho chúng sinh phát tâm bồ đề, tu vô thượng đạo.

**Thế gian không bờ mé
Trí vào đều bình đẳng
Hoá khắp các quần sinh
Khiến họ bỏ chấp trước.**

Tuy thế gian chẳng có bờ mé, nhưng trí huệ của Bồ Tát đầy khắp thế gian, bằng đồng với thế gian. Giáo hoá khắp tất cả quần sinh, khiến cho họ xả bỏ tất cả chấp trước, quay lưng với trần lao hợp với giác ngộ, trở về cội nguồn.

Mười bài kệ ở trên, là kệ pháp môn như ảnh nhẫn thứ tám.

**Quán sát pháp thâm sâu
Lợi ích chúng quần sinh
Từ đây vào trí huệ
Tu hành tất cả đạo.**

Bồ Tát quán sát pháp vi diệu thâm sâu vô thượng, để lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh từ pháp môn này, chứng nhập vào trí huệ, mà tu hành tất cả bồ đề giác đạo.

**Bồ Tát quán các pháp
Thấu rõ đều như hoá
Mà hành hạnh như hoá
Rốt ráo mãi không bỏ.**

Bồ Tát quán sát tất cả các pháp, thấu rõ được lý, đều là như huyễn như hoá, chẳng có một thật thể nào. Nhưng

Bồ Tát vẫn hành Bồ Tát đạo, như đồng hạnh huyển, mà chẳng chấp trước, rốt ráo vĩnh viễn chẳng xả bỏ chúng sinh. Vì cứu hộ chúng sinh lìa khổ được vui, thời thời vì chúng sinh diễn nói pháp chấm dứt sinh tử.

**Tùy thuận hoá tự tánh
Tu tập đạo bồ đề
Tất cả pháp như hoá
Bồ Tát tu cũng thế.**

Bồ Tát tùy thuận tự tánh huyển hoá, mà siêng năng tu tập bồ đề giác đạo, đều biết tất cả các pháp, giống như huyển hoá. Bồ Tát tu hành cũng như thế, nhưng Bồ Tát vẫn không xả bỏ hạnh Bồ Tát.

**Tất cả các thế gian
Cùng với vô lượng nghiệp
Bình đẳng đều như hoá
Rốt ráo trụ tịch diệt.**

Hết thấy tất cả thế gian, cùng với vô lượng nghiệp, đều là bình đẳng, như huyển như hoá, chẳng có thể tánh chân thật. Rốt ráo trụ nơi tịch diệt, tất cả tất cả đều do duyên mà sinh, do duyên mà diệt, cuối cùng quy về tịch diệt.

**Ba đời hết thấy Phật
Tất cả cũng như hoá
Nguyện xưa tu các hạnh**

Biến hoá thành Như Lai.

Mười phương ba đời hết thầy tất cả chư Phật, tất cả tất cả cũng như huyễn như hoá, nguyện thưở xưa đã phát ra, mà tu hành tất cả hạnh môn. Khi công đức viên mãn, thì biến hoá thành Như Lai. Tu phước tu huê, phước huê đều tròn đầy, mới thành Chánh Giác.

**Phật dùng đại từ bi
Độ thoát hoá chúng sinh
Độ thoát cũng như hoá
Hoá lực để thuyết pháp.**

Phật dùng tâm đại từ đại bi, để độ thoát giáo hoá tất cả chúng sinh. Tuy độ thoát chúng sinh, cũng như huyễn như hoá, dùng hoá lực để vì họ thuyết pháp, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, cải ác hướng thiện.

**Biết đời đều như hoá
Chẳng phân biệt thế gian
Hoá việc đủ thứ thù
Đều do nghiệp khác nhau.**

Bồ Tát biết tất cả thế gian, đều giống như biến hoá, cho nên chẳng phân biệt tất cả thế gian. Hết thầy những sự việc biến hoá, có đủ thứ thù đặc khác nhau, đó đều là do nghiệp lực sở cảm, mà sinh ra đủ thứ sự việc khác nhau.

**Tu tập hạnh bồ đề
Trang nghiêm nơi hoá tạng**

Vô lượng khéo trang nghiêm Như nghiệp làm thế gian.

Bồ Tát tu hành học tập hạnh bồ đề, trang nghiêm ở trong hoá tạng. Có vô lượng vô biên tất cả sự trang nghiêm, như nghiệp làm thế gian, chúng ta tu đạo, phải phát tâm bồ đề, tức là cúng dường chư Phật, gần gũi thiện tri thức cầu trí huệ của Phật, độ hoá tất cả chúng sinh. Tu tập các từ bi, tài bồi các căn lành, khiến cho tâm nhu hoà, khiến cho chí kiên cường. Tóm lại, có tâm cầu tiến hướng thượng, tức là tâm bồ đề.

Hoá pháp lìa phân biệt Cũng chẳng phân biệt pháp Đây hai đều tịch diệt Bồ Tát hành như vậy.

Pháp biến hoá lìa khỏi sự phân biệt, cũng chẳng phân biệt nơi pháp. Hai thứ này đều là tướng tịch diệt. Hạnh của Bồ Tát tu hành cũng như thế. Bồ Tát vì cứu độ chúng sinh, vì lợi ích chúng sinh, mà hành Bồ Tát đạo, chẳng phải vì lợi ích của mình, mà hành Bồ Tát đạo.

Biển hoá rõ nơi trí Tánh hoá ẩn thế gian Hoá chẳng sinh diệt pháp Trí huệ cũng như thế.

Biển biến hoá, rõ nơi trí huệ. Tánh biến hoá, ẩn tại thế gian. Biển hoá là pháp chẳng sinh chẳng diệt, trí huệ

cũng là pháp chẳng sinh chẳng diệt. Bồ Tát đều biết tất cả pháp như hoá, cho nên chẳng sinh tâm chấp trước. Chúng ta học Phật pháp, tức là học « không chấp trước ». Nếu không có tâm chấp trước, thì tất cả đều buông bỏ được, buông bỏ tức là giải thoát.

Mười bài kệ ở trên là pháp môn như hoá nhãn thứ chín.

**Thứ mười nhãn quán rõ
Chúng sinh và các pháp
Thể tánh đều tịch diệt
Như không chẳng xứ sở.**

Thứ mười là như không nhãn, phải quán sát thấu rõ triệt để. Thể tánh của chúng sinh và tất cả pháp, đều là tịch diệt, giống như hư không, chẳng có xứ sở nhất định.

**Được trí như hư không
Lìa hẳn các chấp trước
Như không chẳng có gì
Nơi đời không chướng ngại.**

Bồ Tát đắc được trí huệ như hư không, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả sự chấp trước. Giống như hư không, chẳng có vật gì cả, cho nên đối với thế gian, chẳng có gì chướng ngại.

**Thành tựu sức không hẳn
Như hư không vô tận**

Cảnh giới như hư không Chẳng phân biệt hư không.

Thành tựu sức không nhẫn này, giống như hư không, chẳng có lúc nào cùng tận. Cảnh giới giống như hư không, nhưng chẳng phân biệt hư không. Hiện tại nhà khoa học mới phát hiện bí mật của hư không (vũ trụ), có hệ thống ngân hà, đó là do hàng ngàn vạn thái dương hệ mà thành. Lại phát hiện có rất nhiều ngân hà xuất hiện. Cách đây ba ngàn năm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã biết rõ trong hư không, có tiểu thiên thể giới, trung thiên thể giới, đại thiên thể giới, nhìn thấy rất rõ ràng. Khoa học càng tiến bộ, thì càng chứng minh pháp của Phật nói, đều là chân lý, tuyệt đối không sai.

Hư không không thể tánh Cũng lại không đoạn diệt Cũng chẳng đủ thứ khác Trí lực cũng như thế.

Tuy hư không chẳng có thể tánh, nhưng cũng chẳng đoạn diệt, cũng chẳng có đủ thứ sự phân biệt. Tại sao ? Vì nó là hư không ! Nếu có thể tánh, thì có đoạn diệt, có phân biệt, đó chẳng phải là hư không. Trí huệ lực cũng như thế.

Hư không chẳng ban đầu Cũng lại không giữa cuối Lượng đó không thể được Trí Bồ Tát cũng vậy.

Hư không cũng chẳng có bắt đầu, cũng chẳng có hiện tại, cũng chẳng có khi nào kết thúc. Lượng của hư không không thể được. Trí huệ của Bồ Tát cũng như thế, chẳng có ban đầu, chẳng có giữa, chẳng có cuối.

**Quán pháp tánh như vậy
Tất cả như hư không
Không sinh cũng không diệt
Sở đắc của Bồ Tát.**

Như vậy quán sát pháp tánh, tất cả đều như hư không. Cũng chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt. Đó là sở đắc của Bồ Tát.

**Tự trụ như không pháp
Lại vì chúng sinh nói
Hàng phục tất cả ma
Đều là phương tiện nhãn.**

Bồ Tát tự trụ giống như không pháp, nhưng lại vì tất cả chúng sinh diễn nói diệu pháp, lại hàng phục tất cả thiên ma ngoại đạo, đều do sức phương tiện nhãn này mà thành tựu.

**Tướng thế gian khác nhau
Đều không chẳng có tướng
Vào nơi chỗ không tướng
Các tướng đều bình đẳng.**

Tướng thế gian, tuy nhiên có khác nhau, nhưng đều là không, chẳng có tướng chân thật. Nếu vào chỗ vô tướng, thì tất cả tướng hoàn toàn bình đẳng, chẳng có phân biệt.

**Chỉ dùng một phương tiện
Vào khắp các thế gian
Biết được pháp ba đời
Đều đồng tánh hư không.**

Chỉ dùng một pháp môn phương tiện, vào khắp tất cả thế gian, biết được tất cả các pháp ba đời, hoàn toàn đồng với tánh hư không.

**Trí huệ và âm thanh
Cùng với thân Bồ Tát
Tánh đó như hư không
Tất cả đều tịch diệt.**

Trí huệ và âm thanh cùng với thân của Bồ Tát, tánh giống như hư không, tất cả đều là tịch diệt, chẳng có gì cả.

Mười bài kệ ở trên là kệ pháp môn như không nhãn thứ mười.

**Như vậy mười thứ nhãn
Tu hành của Phật tử
Tâm ý khéo an trụ
Rộng vì chúng sinh nói.**

Mười thứ nhĩn đã nói ở trên, là hạnh môn tu hành của Phật tử. Tâm phải khéo an trụ, rộng vì tất cả chúng sinh diễn nói diệu pháp luân.

**Nơi đây khéo tu học
Thành tựu lực rộng lớn
Pháp lực và trí lực
Là phương tiện bồ đề.**

Đối với pháp nhĩn này phải khéo tu học, sẽ thành tựu sức lực rộng lớn, sức lực của pháp, sức lực của trí. Tóm lại, sẽ thành tựu được tất cả sức lực, là sức phương tiện của bồ đề giác đạo.

**Thông đạt môn nhĩn này
Thành tựu vô ngại trí
Vượt qua tất cả chúng
Chuyển pháp luân vô thượng.**

Nếu thông đạt được pháp môn mười thứ nhĩn này, thì sẽ thành tựu trí huệ vô ngại, tức cũng là viên dung vô ngại, vượt qua được tất cả chúng sinh, mà chuyển bánh xe pháp vô thượng, độ khắp chúng sinh.

**Tu hành hạnh rộng lớn
Số lượng không biết được
Biển trí Điều Ngự Sư
Mới phân biệt biết được.**

Bồ Tát tu hạnh môn rộng lớn, số lượng không thể được (bất khả đắc), chẳng biết là bao nhiêu? Chỉ có biện trí huệ của Điều Ngự Sư (một trong mười danh hiệu của Phật), mới phân biệt biết được có bao nhiêu hạnh môn.

**Bỏ ngã mà tu hành
Vào pháp tánh thâm sâu
Tâm thường trụ tịnh pháp
Dùng để thí quần sinh.**

Xả bỏ cái bản ngã mà tu hành, thì mới chứng nhập vào được trong pháp tánh thâm sâu, tâm đó thường trụ ở trong pháp thanh tịnh. Dùng pháp này thí giáo tất cả chúng sinh.

**Chúng sinh và bụi cõi
Còn có thể biết được
Các công đức Bồ Tát
Không thể độ hạn được.**

Vô lượng chúng sinh và vô lượng bụi cõi, còn có thể biết được số mục rớt ráo là bao nhiêu. Nhưng tất cả công đức của Bồ Tát, chúng ta phàm phu ngu si, không cách chi độ lượng được giới hạn, không có bờ mé.

**Bồ Tát thành tựu được
Mười thứ nhẫn như vậy
Trí huệ và sở hành
Chúng sinh không dò được.**

Bồ Tát thành tựu được mười thứ pháp nhẫn này, đó là trí huệ và công đức tu hành của Ngài mà thành tựu. Phàm phu chúng sinh chẳng cách chi có thể dò lường được.



A Selection of Mahayana Art by Brian Barry

With gratitude to my teacher
Ven. Manbong (1909~)
Pongwonsa Temple, Seoul

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT QUYỂN BỐN MƯƠI LĂM PHẨM A TĂNG KỲ THỨ BA MƯƠI

A tăng kỳ là số mục đầu tiên của mười số mục lớn của Ấn độ. « A » dịch là vô. « Tăng kỳ » dịch là số, tức là vô số, hoặc dịch là vô lượng số. Nghĩa là số mục không biết được là bao nhiêu, không cách chi có thể nói được số mục chính xác, không cách chi có thể hình dung được, cho nên mới nói : « Bất khả thuyết bất khả thuyết ». Phẩm này là phẩm thứ ba mươi trong Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, nên gọi là Phẩm A Tăng Kỳ thứ ba mươi.

Bấy giờ, Bồ Tát Tâm Vương bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chư Phật Như Lai diễn nói A tăng kỳ, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết.

Lúc đó, tức là lúc Bồ Tát Phổ Hiền nói xong Phẩm Thập Nhẫn, có vị Bồ Tát gọi là Tâm Vương (tâm thông nhiếp các pháp, vương thông ngự bốn biển), bèn đối với Đức Phật Tỳ Lô Giá Na (báo thân của Phật Thích Ca Mâu Ni) nói : « Đức Thế Tôn ! Mười phương ba đời tất cả chư

Phật, đã từng diễn nói A tăng kỳ, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xung, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết. Con thường thường nghe đến những số mục này, nhưng vẫn không hiểu rõ, rốt ráo ý nghĩa như thế nào ?

Đức Thế Tôn ! Thế nào là A tăng kỳ, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết ?

Bồ Tát Tâm Vương lại nói : « Đức Thế Tôn ! Thế nào là A tăng kỳ ? Cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết ? Xin Đức Thế Tôn từ bi, vì chúng con đại chúng trong pháp hội Hoa Nghiêm, diễn nói để cho chúng con hiểu rõ ».

**Phật bảo Bồ Tát Tâm Vương rằng :
Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử !
Nay ông vì muốn khiến cho các thế gian,
nhập vào nghĩa số lượng của Phật biết, mà
hỏi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.**

Phật nói với Bồ Tát Tâm Vương rằng : « Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Vấn đề ông hỏi tốt lắm ! Tốt lắm ! Hiện tại ông muốn khiến cho tất cả chúng sinh thế gian, đều biết nghĩa lý số lượng của Phật biết, mà hỏi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ».

Thiện nam tử ! Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, ta sẽ vì ông mà nói.

Phật lại gọi một tiếng: “Thiện nam tử! Ông phải tu tinh hội thân, ông phải chú ý lắng nghe, phải khéo suy gẫm và nhớ lấy. Bây giờ ta sẽ vì ông mà nói rõ vấn đề ông hỏi”.

Bồ Tát Tâm Vương cung kính thọ giáo.

Lúc đó, Bồ Tát Tâm Vương hoan hỉ nói: “Dạ, con xin cung kính thọ giáo, lắng nghe pháp âm, y giáo phụng hành”.

Đức Phật nói: Thiện nam tử! Một trăm Lạc xoa làm một Câu chi. Câu chi Câu chi làm một A dữu đa. A dữu đa A dữu đa làm một Na do tha. Na do tha Na do tha làm một Tần bà la. Tần bà la Tần bà la làm một Căng yết la. Căng yết la Căng yết la làm một A già la. A già la A già la làm một Tối thắng. Tối thắng Tối thắng làm một Ma bà la. Ma bà la Ma bà la làm một A bà la. A bà la A bà la làm một Đa bà la. Đa bà la Đa bà la làm một giới phần. Giới phần Giới phần làm một Phổ ma. Phổ ma Phổ ma làm một nỉ ma. Nỉ ma Nỉ ma làm một A bà kiềm. A bà kiềm A bà kiềm làm một Di già bà. Di già bà Di già bà làm

một Tỳ la già. Tỳ la già Tỳ la già làm một Tỳ già bà. Tỳ già bà Tỳ già bà làm một Tăng yết la ma. Tăng yết la ma Tăng yết la ma làm một Tỳ tát la. Tỳ tát la Tỳ tát la làm một Tỳ thiệm bà. Tỳ thiệm bà Tỳ thiệm bà làm một Tỳ thanh già. Tỳ thanh già Tỳ thanh già làm một Tỳ tổ đà. Tỳ tổ đà Tỳ tổ đà làm một Tỳ bà ha. Tỳ bà ha Tỳ bà ha làm một Tỳ bạc đẽ. Tỳ bạc đẽ Tỳ bạc đẽ làm một Tỳ khư đảm. Tỳ khư đảm Tỳ khư đảm làm một Xưng lượng. Xưng lượng Xưng lượng làm một Nhất trì. Nhất trì Nhất trì làm một Dị lộ. Dị lộ Dị lộ làm một Diên đảo. Diên đảo Diên đảo làm một Tam mạt gia. Tam mạt gia Tam mạt gia làm một Tỳ đồ la. Tỳ đồ la Tỳ đồ la làm một Hề bà la. Hề bà la Hề bà la làm một Từ tế. Từ tế Từ tế làm một Châu quảng. Châu quảng Châu quảng làm một Cao sơn. Cao sơn Cao sơn làm một Tối diệu. Tối diệu Tối diệu làm một Nê la bà. Nê la bà Nê la bà làm một Ha lý bà. Ha lý bà Ha lý bà làm một Nhất động. Nhất động Nhất động

làm một Ha lý bồ. Ha lý bồ Ha lý bồ làm một Ha lý tam. Ha lý tam Ha lý tam làm một Hề lỗ già. Hề lỗ già Hề lỗ già làm một Đạt la bộ đà. Đạt la bộ đà Đạt la bộ đà làm một Ha lỗ na. Ha lỗ na Ha lỗ na làm một Ma lỗ đà. Ma lỗ đà Ma lỗ đà làm một Sám mộ đà. Sám mộ đà Sám mộ đà làm một Y la đà. Y la đà Y la đà làm một Ma lỗ ma. Ma lỗ ma Ma lỗ ma làm một Điều phục. Điều phục Điều phục làm một Ly kiêu mạn. Ly kiêu mạn Ly kiêu mạn làm một Bất động. Bất động Bất động làm một Cực lượng. Cực lượng Cực lượng làm một A ma đất la. A ma đất la A ma đất la làm một Bột ma đất la. Bột ma đất la Bột ma đất la làm một Già ma đất la. Già ma đất la Già ma đất la làm một Na ma đất la. Na ma đất la Na ma đất la làm một Hề ma đất la. Hề ma đất la Hề ma đất la làm một Tỳ ma đất la. Tỳ ma đất la Tỳ ma đất la làm một Bát la ma đất la. Bát la ma đất la Bát la ma đất la làm một Thi bà ma đất la. Thi bà ma đất la Thi bà ma đất la làm một Ế la. Ế la Ế la

làm một Tiết la. Tiết la Tiết la làm một Đê la. Đê la Đê la làm một Kệ la. Kệ la Kệ la làm một Tốt bộ la. Tốt bộ la Tốt bộ la làm một Nê la. Nê la Nê la làm một Kế la. Kế la Kế la làm một Tế la. Tế la Tế la làm một Tỳ la. Tỳ la Tỳ la làm một Mê la. Mê la Mê la làm một Ta la đồ. Ta la đồ Ta la đồ làm một Mê lỗ đà. Mê lỗ đà Mê lỗ đà làm một Khê lỗ đà. Khê lỗ đà Khê lỗ đà làm một Ma đồ la. Ma đồ la Ma đồ la làm một Ta mẫu la. Ta mẫu la Ta mẫu la làm một A dã ta. A dã ta A dã ta làm một Ca ma la. Ca ma la Ca ma la làm một Ma già bà. Ma già bà Ma già bà làm một A đát la. A đát la A đát la làm một Hê lỗ gia. Hê lỗ gia Hê lỗ gia làm một Tiết lỗ bà. Tiết lỗ bà Tiết lỗ bà làm một Yết la ba. Yết la ba Yết la ba làm một Ha bà bà. Ha bà bà Ha bà bà làm một Tỳ bà la. Tỳ bà la Tỳ bà la làm một Na bà la. Na bà la Na bà la làm một Ma la la. Ma la la Ma la la làm một Ta bà la. Ta bà la Ta bà la làm một Mê la phổ. Mê la phổ Mê la phổ làm một Giả ma la. Giả ma la Giả ma

la làm một Đà ma la. Đà ma la Đà ma la
làm một Bát la ma đà. Bát la ma đà Bát la
ma đà làm một Tỳ già ma. Tỳ già ma Tỳ
già ma làm một Ô ba bạt đa. Ô ba bạt đa Ô
ba bạt đa làm một Diễn thuyết. Diễn thuyết
Diễn thuyết làm một Vô tận. Vô tận Vô tận
làm một Xuất sanh. Xuất sanh Xuất sanh
làm một Vô ngã. Vô ngã Vô ngã làm một A
bạn đa. A bạn đa A bạn đa làm một Thanh
liên hoa. Thanh liên hoa Thanh liên hoa
làm một Bát đầu ma. Bát đầu ma Bát đầu
ma làm một Tăng kỳ. Tăng kỳ Tăng kỳ làm
một Thú. Thú Thú làm một Chí. Chí Chí
làm một A tăng kỳ. A tăng kỳ A tăng kỳ
làm một A tăng kỳ chuyển. A tăng kỳ
chuyển A tăng kỳ chuyển làm một vô
lượng. Vô lượng vô lượng làm một vô
lượng chuyển. Vô lượng chuyển vô lượng
chuyển làm một vô biên. Vô biên vô biên
làm một vô biên chuyển. Vô biên chuyển vô
biên chuyển làm một vô đẳng. Vô đẳng vô
đẳng làm một vô đẳng chuyển. Vô đẳng
chuyển vô đẳng chuyển làm một bất khả

số. Bất khả số bất khả số làm một bất khả số chuyển. Bất khả số chuyển bất khả số chuyển làm một bất khả xung. Bất khả xung bất khả xung làm một bất khả xung chuyển. Bất khả xung chuyển bất khả xung chuyển làm một bất khả tư. Bất khả tư bất khả tư làm một bất khả tư chuyển. Bất khả tư chuyển bất khả tư chuyển làm một bất khả lượng. Bất khả lượng bất khả lượng làm một bất khả lượng chuyển. Bất khả lượng chuyển bất khả lượng chuyển làm một bất khả thuyết. Bất khả thuyết bất khả thuyết làm một bất khả thuyết chuyển. Bất khả thuyết chuyển bất khả thuyết chuyển làm một bất khả thuyết bất khả thuyết. Và bất khả thuyết bất khả thuyết làm một bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển.

Phật lại gọi một tiếng: Thiện nam tử! Mười vạn làm một Lạc xoa. Một trăm Lạc xoa làm một Câu chi. Câu chi Câu chi làm một A dữu đa. Từ đây trở đi tăng gấp đến một trăm hai mươi lần, tên gọi là bất khả lượng chuyển. Bất khả lượng chuyển bất khả lượng chuyển, gọi là một bất khả thuyết. Bất khả thuyết bất khả thuyết, gọi là bất khả thuyết chuyển. Bất khả thuyết chuyển bất khả thuyết chuyển, làm một bất khả thuyết bất khả thuyết. Và từ đây tăng lên đến

bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển. Vượt qua số lời nói gọi là bất khả thuyết bất khả thuyết.

Chữ đại biểu số mục, Trung Quốc có hai mươi ba số. Một đến mười là mười. Mười lần mười là trăm. Mười lần trăm là ngàn. Mười lần ngàn là vạn. Mười lần vạn là ức. Mười lần ức là triệu. Mười lần triệu là kinh. Mười lần kinh là cai. Mười lần cai là tử. Mười lần tử là nhượng. Mười lần nhượng là câu. Mười lần câu là giản. Mười lần giản là chánh. Mười lần chánh là tái. Tái là ý nghĩa trời đất không thể dung chứa. Tiểu thừa có sáu mươi số, đến vô số là ngừng. Trong phẩm này có một trăm hai mươi bốn số, tăng dần lên, đến bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển là ngừng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bồ Tát Tâm Vương mà nói bài kệ rằng.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì Bồ Tát Tâm Vương mà nói ra một trăm hai mươi bài kệ dưới đây, dùng để trả lời vấn đề của Bồ Tát Tâm Vương hỏi.

**Không thể nói ra bất khả thuyết
Đầy đầy tất cả bất khả thuyết
Trong các kiếp không thể nói ra
Nói bất khả thuyết không hết được.**

Vì không thể dùng lời nói, cho nên không thể nói (bất khả thuyết). Không thể nói nghĩa là hình dung quá nhiều, không biết có bao nhiêu, cũng có nghĩa là không khi nào nói hết được, vì quá nhiều, trong hết thấy thế gian, đều đầy đầy tất cả không thể nói. Dù không thể nói ra trong tất

cả đại kiếp, nói không thể nói, cũng nói không thể hết được. Nói không hết được, vẫn có thể nói, cho nên không thể nói không thể nói hết được.

**Các cõi Phật nhiều bất khả thuyết
Thảy đều nghiền nát làm hạt bụi
Cõi trong một bụi bất khả thuyết
Như một tất cả đều như vậy.**

Có các cõi Phật nhiều không thể nói được, đem những cõi đó nghiền nát ra nhỏ như hạt bụi. Ở trong mỗi hạt bụi, lại có cõi Phật nhiều không thể nói ra hết được. Ở trong mỗi hạt bụi, đều có cõi Phật nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết. Rốt ráo có bao nhiêu? Chúng ta phàm phu không cách chi biết được. Dù có dùng máy điện toán để tính, cũng tính không ra số mục là bao nhiêu. Tại sao? Vì có số thì có lời để nói.

**Bất khả thuyết các cõi Phật đó
Một niệm nghiền bụi bất khả thuyết
Niệm niệm nghiền bụi cũng như vậy
Suốt bất khả thuyết kiếp luôn nghiền.**

Cõi nước chư Phật bất khả thuyết bất khả thuyết như vậy, ở trong một niệm, đều nghiền nát thành bụi. Số lượng đó nhiều không thể nói. Ở trong mỗi một hạt bụi, lại có các cõi nước chư Phật nhiều bất khả thuyết. Ở trong niệm niệm, hạt bụi nghiền ra đều như vậy. Cùng tận bất khả thuyết kiếp, luôn luôn là như vậy.

**Bụi đó có cõi bất khả thuyết
Cõi đó làm bụi nói càng khó
Dùng bất khả thuyết pháp toán số
Bất khả thuyết kiếp số như vậy.**

Hết thấy cõi Phật trong mỗi một hạt bụi, đã là bất khả thuyết. Lại đem mỗi cõi Phật, nghiền nát ra làm bụi, càng bất khả thuyết hơn nữa. Dùng bất khả thuyết phương pháp toán số, ở trong bất khả thuyết kiếp như vậy để tính toán.

**Dùng các bụi đó đếm các kiếp
Một bụi mười vạn bất khả thuyết
Kiếp đó khen ngợi một Phổ Hiền
Không thể hết được lượng công đức.**

Dùng đủ thứ số mục hạt bụi như vậy để làm các kiếp. Ở trong mỗi hạt bụi, có mười vạn kiếp số bất khả thuyết. Ở trong nhiều kiếp như vậy, để tán thán khen ngợi công đức của một vị Bồ Tát Phổ Hiền, không ai có thể nói hết được Bồ Tát Phổ Hiền rốt ráo có bao nhiêu lượng công đức !

**Một bụi nhỏ nơi đầu sợi lông
Có bất khả thuyết các Phổ Hiền
Tất cả đầu lông đều như thế
Như vậy cho đến khắp pháp giới.**

Ở nơi đầu của mỗi sợi lông, có Bồ Tát Phổ Hiền nhiều bất khả thuyết. Ở tại tất cả hạt bụi đầu sợi lông, có bất khả thuyết bất khả thuyết Bồ Tát Phổ Hiền. Giống như vậy, cho đến khắp cùng pháp giới.

Lượng công đức của một vị Bồ Tát Phổ Hiền, đã không thể nói hết được, hà huống là lượng công đức của nhiều vị Bồ Tát Phổ Hiền tận hư không khắp pháp giới, càng nói không hết được.

**Hết thảy cõi nơi đầu sợi lông
Số đó vô lượng bất khả thuyết
Tận hư không lượng các đầu lông
Mỗi mỗi nơi cõi đều như vậy.**

Ở trên mỗi đầu sợi lông, hết thảy tất cả các cõi, số đó nhiều vô lượng vô biên, không thể nói ra được rất ráo có bao nhiêu. Các đầu sợi lông nhiều ở tận hư không khắp pháp giới, mỗi một cõi, cũng đều như vậy.

**Các cõi nước nơi đầu lông đó
Vô lượng các loài khác nhau ở
Có bất khả thuyết cõi loài khác
Có bất khả thuyết cõi loài đồng.**

Tại mỗi đầu sợi lông, có vô lượng các cõi Phật. Ở trong mỗi cõi nước, lại có vô lượng loài chúng sinh khác nhau đang ở trong đó. Có bất khả thuyết cõi loài khác, lại có bất khả thuyết cõi loài giống nhau.

Không thể nói được đầu sợi lông

**Đều có cõi tịnh bất khả thuyết
Đủ thứ trang nghiêm bất khả thuyết
Đủ thứ kỳ diệu bất khả thuyết.**

Có những đầu sợi lông nhiều không thể nói hết được, đều có cõi thanh tịnh, số lượng đó là bất khả thuyết. Ở trong mỗi cõi nước, đều có đủ thứ sự trang nghiêm không thể nghĩ bàn, số lượng đó cũng là bất khả thuyết. Lại có đủ thứ cảnh giới kỳ diệu không thể nghĩ bàn, số lượng đó cũng là bất khả thuyết.

**Nơi mỗi mỗi đầu sợi lông đó
Diễn bất khả thuyết danh chư Phật
Mỗi mỗi danh có các Như Lai
Nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết.**

Bồ Tát có thể ở nơi mỗi một đầu sợi lông, diễn nói danh hiệu chư Phật nhiều bất khả thuyết. Ở trong mỗi danh hiệu, đều có các Như Lai, danh hiệu đều nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết, không cách chi nói hết được.

Cổ đức có nói : « Thiện ác hai con đường, tu thì tu, tạo thì tạo », đúng là tình hình như vậy. Tu cái gì ? Tu đường lành. Tạo những gì ? Tạo đường ác. Thiện tri thức đã cảnh cáo chúng ta không ngừng, nhưng chúng ta ngu si, chẳng nghe lời của thiện tri thức, chỉ biết lợi mình, chẳng biết lợi người. Tóm lại, tạo ác chẳng tu thiện, cho nên cuối cùng không thoát được sáu nẻo luân hồi.

Tư tưởng của chúng ta và A tăng kỳ rất nhiều như nhau, vô lượng vô biên vô cùng tận. Một niệm chạy đến thiên đường, một niệm chạy xuống địa ngục. Khởi vọng

tướng thiện thì sinh thiên, khởi vọng tưởng ác thì đọa vào địa ngục. Cho nên, chúng ta mỗi cử chỉ lời nói hành động, đều phải cẩn thận, từng phút từng giây coi chừng, lúc nào cũng phải chú ý.

Về mặc làm việc, làm rất là tốt, nhưng trong tâm cứ khởi vọng tưởng, như vậy thì không thể thành tựu đạo quả. Phải trong ngoài như một, không khởi vọng tưởng. Có người đang khởi vọng tưởng, cho rằng người khác không biết, hằng ngày cứ khởi vọng tưởng, khởi vọng tưởng đến địa ngục, chính mình còn không biết tại sao lại đến địa ngục, loại người này thật đáng thương xót !

Chúng ta người tu đạo, phải giữ gìn lời nói của mình. Khi mọi người cùng ở với nhau, thì phải phòng ngừa thị phi. Do đó có câu rằng :

« Hoa tòng khẩu xuất,
Bệnh tòng khẩu nhập ».

Nghĩa là :

Hoa do miệng mà ra
Bệnh do ăn mà sinh.

Không thể tùy tiện nói bừa bãi, đừng để sinh ra phiền não, tốt nhất là cẩn thận lời nói, đừng nói nhiều quá. Do đó có câu:

“Thị phi chỉ vì nói nhiều quá,
Phiền não đều do đó mà ra”.

Phải ngồi một mình phòng ngừa tâm, khi mình ngồi một mình, thì phải cẩn thận phòng tâm, không thể khởi vọng tưởng, nhất là ý niệm về dâm dục, càng không thể dấy khởi. Người xuất gia phải đặc biệt chú ý, phải quản lý tâm của mình, đừng khởi những vọng tưởng vô ích.

Vọng tưởng, ai ai cũng đều hay khởi lên, chưa từng có người nào không khởi vọng tưởng. Nhưng khi khởi vọng tưởng, phải biết vận dụng phương pháp để khống chế nó, đừng để nó nổi sóng làm gió. Dùng phương pháp gì? Niệm Phật, hoặc trì chú, hoặc ngồi thiền, hoặc lễ lạy. Tóm lại, tìm chút việc làm cho tinh thần tập trung, để đừng khởi vọng tưởng.

Người tu đạo, trước hết phải phá cửa ải sắc dục, nếu không phá cửa ải sắc dục, thì tất cả đều không có hy vọng. Suốt ngày hồ đồ điên đảo, không thể thành tựu. Cho nên hôm nay tôi thành thật nói với quý vị, phải hàng phục được tâm của mình. Hàng phục được tâm, thì ý niệm dâm dục sẽ không còn nữa. Nếu không đoạn trừ ý niệm dâm dục, thì khi tu cái gì, cũng đều không thể chứng quả Thánh. Dù tu đến tám vạn đại kiếp, giống như nấu cát muốn thành cơm, không có chuyện đó xảy ra.

Các vị! Muốn đắc được quả Thánh vô lậu, thì nhất định phải đoạn dục khử ái, thanh tâm quả dục, thì mới có một chút hy vọng. Bằng không, một chút hy vọng cũng không có, chi bằng sớm hoàn tục còn tốt hơn, đừng để thời gian trôi qua lãng phí!

Bất cứ là người nam, hoặc người nữ, là Tỳ Kheo, hoặc Tỳ Kheo ni, là cư sĩ nam, hoặc cư sĩ nữ, hoặc là người già, hoặc là người trẻ, ai nói ra đạo lý đúng, thì tin người đó; ai nói ra đạo lý không đúng, thì không tin người đó. Điều quan trọng nhất là phải có con mắt chọn pháp. Phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi; lựa thiện mà theo, không thiện thì đổi. Đó là quan niệm căn bản của người tu đạo.

Có người biết rõ lỗi lầm của mình, mà không biết dừng lại để sửa đổi, loại người này biết rõ mà cố phạm,

thật là không kham sự giáo hoá, không kham lãnh thọ Phật pháp, mình không thương yêu mình, mình không thứ lỗi cho mình, thì người khác làm sao làm được, người khác làm sao thương yêu được, cho nên về điểm này, phải đặc biệt chú ý.

**Trên mỗi mỗi thân các đức Phật
Hiện bất khả thuyết các lỗ lông
Ở trong mỗi mỗi lỗ lông đó
Hiện các sắc tướng bất khả thuyết.**

Có các vị Phật nhiều bất khả thuyết, ở trên báo thân của mỗi vị Phật, hiện ra nhiều lỗ chân lông bất khả thuyết. Ở trong mỗi lỗ chân lông của chư Phật, lại hiện ra vô lượng vô biên các sắc tướng, nói không ra được có bao nhiêu? Cho nên nói bất khả thuyết. Tuy nhiên bất khả thuyết, nhưng vẫn phải nói. Tại sao? Vì dạy bạn đừng chấp trước, chẳng chấp trước thì mới có thể giải thoát.

**Không thể nói được các lỗ lông
Đều phóng quang minh bất khả thuyết
Ở trong mỗi mỗi quang minh đó
Đều hiện hoa sen bất khả thuyết.**

Trên báo thân của chư Phật, có nhiều lỗ chân lông bất khả thuyết. Ở trong mỗi lỗ chân lông phóng ra đại quang minh, cũng bất khả thuyết. Ở trong mỗi quang minh, đều hiện ra các hoa sen đủ thứ màu sắc: Có hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen vàng, hoa sen trắng, lớn như bánh xe, những hoa sen đó, cũng nhiều bất khả thuyết.

**Ở trong mỗi mỗi hoa sen đó
Đều có nhiều cánh bất khả thuyết
Trong những cánh hoa bất khả thuyết
Đều hiện sắc tướng bất khả thuyết.**

Ở trong mỗi đoá hoa sen, lại có vô lượng cánh hoa sen, cũng là bất khả thuyết. Ở trong bất khả thuyết cánh hoa sen, mỗi cánh hoa sen, đều hiện ra đủ thứ sắc tướng, cũng là bất khả thuyết.

**Trong các sắc bất khả thuyết đó
Lại hiện những cánh bất khả thuyết
Quang minh trong cánh bất khả thuyết
Sắc tướng trong quang bất khả thuyết.**

Trong đủ thứ sắc bất khả thuyết của hoa sen, lại hiện ra đủ thứ cánh hoa sen, cũng có nhiều bất khả thuyết. Ở trong cánh hiện ra quang minh, cũng nhiều bất khả thuyết. Sắc tướng hiện ra ở trong quang minh, cũng nhiều bất khả thuyết.

**Trong sắc tướng bất khả thuyết đó
Mỗi mỗi hiện quang bất khả thuyết
Trong quang hiện trắng bất khả thuyết
Trắng lại hiện trắng bất khả thuyết.**

Ở trong đủ thứ sắc tướng bất khả thuyết đó, mỗi mỗi sắc tướng lại hiện ra đủ thứ quang minh, cũng nhiều bất khả thuyết. Ở trong mỗi quang minh, lại hiện ra mặt trắng,

cũng nhiều bất khả thuyết. Ở trong mặt trăng lại hiện ra mặt trăng, mặt trăng trùng trùng vô tận, cũng nhiều bất khả thuyết.

Trên báo thân chư Phật bất khả thuyết, mỗi mỗi hiện ra các lỗ chân lông nhiều bất khả thuyết. Trong mỗi lỗ chân lông, lại hiện ra cõi nước chư Phật, lại hiện ra hoa sen báu lớn, lại hiện ra bất khả thuyết cánh hoa sen. Ở trong mỗi cánh hoa, đều phóng quang minh. Ở trong quang minh, lại phóng quang minh, hiện ra đủ thứ sắc tướng, vô cùng vô tận. Trong quang minh hiện ra mặt trăng, trong mặt trăng lại hiện mặt trăng, cảnh giới đó, đều do chư Phật hiện ra.

Trên thân của chúng ta chúng sinh, cũng có sở hiện. Hiện cái gì? Hiện ra vi trùng. Trên thân của chúng ta có vô lượng vi trùng, vi trùng này còn hôi thúi hơn vi trùng trong nhà cầu. Trên thân của mỗi vi trùng, lại hiện ra bất khả thuyết tế khuẩn (vi khuẩn cực nhỏ). Những tế khuẩn này, con mắt của phàm phu nhìn chẳng thấy được, người chứng được thiên nhãn thông mới nhìn thấy được (kính hiển vi đặc biệt hiện tại cũng nhìn không thấy được). Tế khuẩn này rất là bố láo. Bất quá, chính chúng ta chẳng biết mà thôi. Vi trùng lớn (thân thể) xem giống như là bảo bối, quan trọng, lại sợ đói, lại sợ khát, lại sợ lạnh, lại sợ nóng, nghĩ hết biện pháp để bảo hộ vi trùng lớn này. Tại sao phải thương mến nó? Vì có tâm ba độc. Có tâm tham bèn sinh ra vi trùng tham dục. Có tâm sân, thì sinh ra vi trùng sân hận. Có tâm si thì sinh ra vi trùng ngu si. Tóm lại, có tư tưởng gì rồi, thì sinh ra vi trùng đó.

Tư tưởng của chúng ta so với dòi trong nhà cầu còn bố láo hơn gấp mười lần, cứ nghĩ tà tri tà kiến, chẳng có một chút chánh tri chánh kiến. Càng bố láo thì càng bố láo

ngũ đông tây, cho đến tạo thành thế giới bố lác, thế giới ô nhiễm, cho nên biến thành đời ác năm trước.

Đời ác năm trước là do tâm vọng tưởng chẳng thanh tịnh của chúng ta tạo thành. Năm trước là: Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước, mạng trước. Năm trước này thật là đáng sợ.

Trong tâm của chúng ta có ý niệm bất chánh đáng, như ý niệm đồ kỵ và ý niệm chướng ngại, lúc nào cũng đang tác quái, nhưng chính mình không thừa nhận có tà tri tà kiến, tìm cách che đậy nó lại, để người khác không biết. Kỳ thật, hành vi xấu xí này, so với yêu ma quỷ quái còn xấu xí gấp mười lần. Sự xấu xí, nói đơn giản là giống như toả ra mùi hôi thối, xông đến cõi trời Ba Mươi Ba, khiến cho trời Đế Thích phải bịt mũi bỏ chạy. Các vị xem! Mùi hôi thối này có lợi hại chăng? Có thể biết mùi hôi đó không thể ngửi được vậy.

Tư tưởng và hành vi của mình, dù có hôi thối như vậy, mình cũng không biết, cho rằng mình là người thanh cao, hoá ra làm cho thế giới ô nhiễm, do đó mà biến thành đời ác năm trước.

Các vị phải biết, một niệm của chúng ta chánh, thì hỗ trợ trời đất thêm chánh khí; một niệm của chúng ta là tà, thì hơi thối xung thiên, khiến cho trời đất dung nạp không hết. Đây chẳng phải là nói chơi, càng chẳng phải là hí luận, mà đúng sự thật là như vậy.

**Trong các mặt trăng bất khả thuyết
Mỗi mỗi hiện quang bất khả thuyết
Ở trong mỗi mỗi quang minh đó**

Lại hiện mặt trời bất khả thuyết.

Ở trong các mặt trăng nhiều bất khả thuyết, mỗi mặt trăng lại hiện ra ánh sáng mặt trăng, cũng nhiều bất khả thuyết. Ở trong mỗi ánh sáng mặt trăng, lại hiện ra các mặt trời, cũng nhiều bất khả thuyết.

Trong các mặt trời bất khả thuyết

Mỗi mỗi hiện sắc bất khả thuyết

Ở trong mỗi mỗi các sắc đó

Lại hiện quang minh bất khả thuyết.

Ở trong các mặt trời nhiều bất khả thuyết, mỗi mặt trời lại hiện ra đủ thứ màu sắc, cũng nhiều bất khả thuyết. Ở trong mỗi một thứ màu sắc, lại hiện ra đủ thứ quang minh, cũng bất khả thuyết.

Ở trong mỗi mỗi quang minh đó

Hiện bất khả thuyết toà sư tử

Mỗi đồ trang nghiêm bất khả thuyết

Mỗi mỗi quang minh bất khả thuyết.

Ở trong mỗi luồng quang minh, lại hiện ra bất khả thuyết toà sư tử. Lại hiện ra đồ trang nghiêm, mỗi thứ đồ trang nghiêm, đều nhiều bất khả thuyết. Lại hiện ra quang minh, mỗi luồng quang minh, đều có diệu sắc nhiều bất khả thuyết.

Sắc đẹp trong quang bất khả thuyết

Tịnh quang trong sắc bất khả thuyết

Ở trong mỗi mỗi tịnh quang đó Lại hiện đủ thứ diệu quang minh.

Diệu sắc hiện ra ở trong quang minh, cũng bất khả thuyết. Quang minh thanh tịnh hiện ra ở trong diệu sắc, cũng nhiều bất khả thuyết. Ở trong mỗi thứ quang minh thanh tịnh, lại hiện ra đủ thứ diệu quang minh. Cảnh giới đó, đều là không thể nghĩ bàn.

Quang đó lại hiện đủ thứ quang Không thể nói ra bất khả thuyết Ở trong đủ thứ quang minh đó Đều hiện báu đẹp như Tu Di.

Ở trong quang minh đó, lại hiện ra đủ thứ quang minh, nhiều bất khả thuyết không thể nói ra được. Ở trong đủ thứ quang minh đó, trong mỗi mỗi quang minh, lại hiện ra báu đẹp bất khả thuyết, cao lớn như núi Tu Di.

Chúng ta và hư không hợp mà làm một, chúng ta có vọng tưởng gì, thì sẽ toả ra mùi vị đó. Mùi vị này, đầy đầy hư không. Hư không đã bị nhiễm ô, chúng ta hít vào trong cơ thể, bèn sinh ra đau bệnh. Nhẹ thì toàn thân khó chịu, nặng thì ảnh hưởng đến sự hô hấp!

Chúng ta khởi vọng tưởng tà tri tà kiến, như: Tâm sát sinh, tâm trộm cắp, tâm tà dâm, tâm nói dối, tâm sân hận, tâm đố kỵ, tâm chướng ngại v.v... có những thứ độc tố này trong tâm, khi phun ra ngoài thì làm nhiễm ô không khí. Cho nên ở trong không khí, tồn tại rất nhiều độc khí, nếu hít vào trong cơ thể, thì sẽ bị trúng độc. Tế bào trong cơ thể sẽ sinh ra sự biến hoá, chẳng phải ung thư thì bệnh nặng,

khiến cho con người chịu không thấu. Cho nên, tư tưởng và hành vi của chúng ta, nhất định phải chân chánh quang minh, bằng không, chỉ làm tăng thêm độc khí cho trời đất. Vũ trụ đầy đầy khí độc, thì chúng sinh toàn thể giới sẽ bị trúng độc mà chết.

Vọng tưởng của chúng ta là ác, thì độc khí ở trong hư không nhiều một chút, vọng tưởng của chúng ta là thiện, thì tường khí ở trong hư không nhiều một chút. Độc khí đầy đầy trong hư không, còn lợi hại hơn đạn nguyên tử gấp ngàn vạn lần.

Trong thân thể của chúng ta, cũng có đạn nguyên tử, đạn laser, đạn hạt nhân v.v... Nếu trong tâm của chúng ta chẳng có những thứ này, thì thế giới vốn chẳng hiện ra những thứ này. Ở bên trong chúng ta có những gì, thì sẽ hiện ra bên ngoài cái ấy. Nếu bên trong chẳng có, thì bên ngoài cũng chẳng có, do đó:

“Vạn pháp do tâm tạo”.

Cổ nhân có nói:

“Trời đất vốn vô sự,
Con người tự làm ra”.

Đây là nói người ngu si, cảm thấy cái này cũng là thật, cái kia cũng là thật, thật lại thật đi, thì chết thật, chính mình còn không biết vì sao mà chết, thật là đáng thương!

Người ngu si ở trên thế giới này, điên điên đảo đảo, phiền phiền não não, tranh tranh náo náo, chẳng có khi nào ngừng được. Bên ngoài chẳng có, thì bên trong có, bên trong chẳng có, thì trong lúc ngủ lại có. Có cái gì? Có vọng tưởng, vọng tưởng lẫn lẫn, tâm chẳng thanh tịnh, phải biết

vọng tưởng là hòn đá cột chân người tu đạo, chướng ngại thành tựu đạo nghiệp.

Các vị xem! Con người thật là quái vật, mình còn không thừa nhận mình là quái vật. Còn thương tiếc cho rằng thân thể của mình là đồ quý giá, lúc nào cũng nghĩ đến nó, cho nó ăn uống đồ bổ! Khiến cho nó sống thêm mấy năm. Bất cứ là thần phụ, mục sư, hoà thượng, rất nhiều người ăn uống thuốc bổ mỗi ngày, cho rằng đó là sự kéo dài mạng sống, để được mạnh khoẻ, có thể duy trì mạng sống, trường sinh bất tử.

Hôm nay tôi nói với mọi người! Bớt khởi vọng tưởng, thì rất có lợi ích hơn với bất cứ thuốc bổ nào. Nếu không tin đạo lý này, thì đó là ngu si đến cực điểm. Đạo lý chân chánh này, không thể không tin, không tin tức là chẳng có trí huệ. Người chẳng có trí huệ, thì không tin chân lý.

Chân lý là gì? Tức là đạo lý chân chánh, ví như người có dục niệm nặng, uống thuốc bổ gì cũng vô dụng. Tại sao? Vì lậu đi hết. Họ chẳng hiểu đạo dưỡng sanh chân chánh – thanh tâm quả dục. Chúng ta người tu đạo, trước hết phải đoạn dục khử ái, đó là pháp tắc cơ bản. Bằng không, tu đến tám vạn đại kiếp, cũng không thể nào thành tựu được.

Hôm nay tôi nói lời thật, hy vọng các vị nghe rồi, hãy thu hồi tham sân si ba độc của mình lại, đừng để toả độc ra ngoài hư không, để cho tất cả chúng sinh hít thở không khí tươi mát trong lành, công đức của các vị thật vô lượng, đó là gián tiếp phóng sinh. Và tôi hy vọng các vị mọi người tiêu diệt hết mọi vọng tưởng, chẳng còn vọng tưởng nữa, thì tất cả đều tựu tại, đắc được lợi ích.

Mùa đông tại Vạn Phật Thành là khảo nghiệm định lực của người tu đạo, là rèn luyện thân tâm của người tu đạo. Mùa hè tại Vạn Phật Thành cũng là khảo nghiệm. Do đó:

“Tất cả là khảo nghiệm
Xem bạn làm thế nào?
Trước mắt không nhận thức
Hãy luyện lại từ đầu”.

Mọi người phải nhớ câu này. Cách đây mấy ngày, chúng ta đã Phật thất và thiền thất (một Phật thất và ba thiền thất, tổng cộng bốn tuần lễ). Do đó có câu: "Đông thiền hạ học", vào mùa đông, vì thời tiết lạnh, cho nên phải tham thiền đả tọa. Vào mùa hè, vì thời tiết nóng nực, cho nên phải giảng kinh thuyết pháp. Tại sao? Vì mùa hè nóng nực, nếu tham thiền đả tọa, ngồi thiền mồ hôi chảy ra, trong tâm bực bội, ngồi không yên. Mùa đông trời lạnh, mặc áo lạnh vào ngồi thiền tĩnh tọa, tâm an dễ nhập định.

Bây giờ tôi kể một câu chuyện để tham khảo: Trước kia có một vị thiện tri thức, dẫn một số đồ đệ đi ra ngoài tham phương. Vì đều là người phương nam đi đến phương bắc, lúc đó đúng vào thời tiết lạnh lẽo băng giá, làm lạnh chết một số côn trùng nhỏ, côn trùng lớn chịu cũng không thấu, bèn ở chỗ đất trống nhóm lửa lên để sưởi ấm. Vị thiện tri thức nhìn thấy, bèn la lớn nói:

- “Người tu đạo, nếu không thể chịu đói chịu lạnh, còn tu đạo gì nữa”?

Do đó bèn dùng nước dập tắt lửa, còn dạy rằng:

- “Các vị không tự làm sinh ra lửa trong người của mình, mà đi tìm lửa bên ngoài hơ cho ấm, thật là không có chí khí”!

Đám đồ đệ thấy sư phụ nổi nóng, đều nhìn nhau không nói, dập tắt hết lửa bên ngoài, sinh khởi lửa trong nội tâm, ngồi xuống bắt đầu ngồi thiền, và không cảm thấy lạnh nữa. Do đó, có thể thấy chúng ta không thể mượn duyên bên ngoài, mà phải tự cường bất tức, dùng nghị lực của mình, để khắc phục hoàn cảnh bất như ý.

**Trong mỗi quang minh hiện báu đẹp
Không thể nói ra bất khả thuyết
Mỗi báu đẹp như Tu Di đó
Hiện các cõi nước bất khả thuyết.**

Ở trong mỗi luồng quang minh, hiện ra các báu đẹp như núi Tu Di, nhiều không thể nào nói ra được rất ráo có bao nhiêu, cho nên mới nói bất khả thuyết. Trong mỗi mỗi báu đẹp nhiều như núi Tu Di đó, lại hiện ra tất cả cõi nước chư Phật, số lượng đó cũng nhiều không thể nói ra bất khả thuyết.

**Hết Tu Di báu không thừa sót
Thị hiện cõi nước đều như vậy
Dùng một cõi nước nghiền làm bụi
Một bụi sắc tướng bất khả thuyết.**

Hết các núi Tu Di báu, không biết số là bao nhiêu, thị hiện ra cõi nước chư Phật, nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết như vậy. Dùng một cõi nước nghiền nát ra làm bụi,

ở trong mỗi hạt bụi, lại phóng ra vô lượng quang minh sắc tướng, cũng là bất khả thuyết.

**Các cõi làm bụi bụi có tướng
Không thể nói được bất khả thuyết
Như vậy đủ thứ các bụi tướng
Đều phóng quang minh bất khả thuyết.**

Dem hét thầy cõi nước thầy đều nghiền nát thành bụi. Ở trong mỗi mỗi hạt bụi, lại có vô lượng quang minh sắc tướng, cũng nhiều không thể nào dùng lời nói để nói ra, cho nên nói bất khả thuyết. Đủ thứ các sắc tướng như vậy, đều phóng ra quang minh, cũng bất khả thuyết.

**Trong quang hiện Phật bất khả thuyết
Pháp Phật nói ra bất khả thuyết
Trong pháp diệu kệ bất khả thuyết
Nghe kệ hiểu được bất khả thuyết.**

Ở trong quang minh hiện ra vô lượng vô số chư Phật, cũng bất khả thuyết. Diệu pháp của mỗi vị Phật nói ra, vô lượng vô biên, cũng là bất khả thuyết. Ở trong diệu pháp, có rất nhiều diệu kệ, cũng là bất khả thuyết. Nghe những bài kệ rồi, bèn hiểu rõ, cũng là bất khả thuyết.

**Trong niệm niệm hiểu bất khả thuyết
Hiển rõ chân đế bất khả thuyết
Thị hiện vị lai tất cả Phật
Thường diễn nói pháp vô cùng tận.**

Sư hiểu rõ các pháp bất khả thuyết đó, ở trong niệm niệm, hiển rõ để chân thật, cũng là bất khả thuyết. Lại thị hiện tất cả chư Phật vị lai, thường diễn nói tất cả diệu pháp, cũng là vô cùng vô tận.

**Mỗi mỗi Phật pháp bất khả thuyết
Đủ thứ thanh tịnh bất khả thuyết
Vang diệu âm thanh bất khả thuyết
Chuyên bánh xe pháp bất khả thuyết.**

Pháp của mỗi vị Phật nói ra, là diệu pháp thâm sâu vô thượng, không thể dùng lời nói để nói ra được. Đủ thứ thanh tịnh diệu pháp, “Thanh tịnh bản nguyên, diệu chân như tính”, đạo lý này, rộng lớn vô biên, cũng là bất khả thuyết. Diệu âm thanh của Phật nói ra, cũng là bất khả thuyết. Phật thường chuyên bánh xe pháp, nói tất cả chánh pháp, cũng là bất khả thuyết.

**Ở trong mỗi mỗi pháp luân đó
Diễn Tu đa la bất khả thuyết
Trong mỗi mỗi Tu đa la đó
Pháp môn khác nhau bất khả thuyết.**

Ở trong mỗi một pháp luân, diễn nói Tu đa la (kinh điển), cũng là nhiều bất khả thuyết. Ở trong mỗi bộ Tu đa la, lại có tất cả pháp môn khác nhau, cũng nhiều bất khả thuyết.

**Ở trong mỗi mỗi pháp môn đó
Lại nói các pháp bất khả thuyết**

**Ở trong mỗi mỗi các pháp đó
Điều phục chúng sinh bất khả thuyết.**

Ở trong mỗi một pháp môn, lại diễn nói tất cả các pháp, cũng là bất khả thuyết. Ở trong mỗi các pháp, điều phục tất cả chúng sinh, cũng là bất khả thuyết.

**Hoặc lại nơi đầu một sợi lông
Thường an trụ bất khả thuyết kiếp
Như các đầu lông khác cũng thế
An trụ kiếp số đều như vậy.**

Hoặc lại ở nơi đầu một sợi lông, không biết Phật trụ bao nhiêu đại kiếp, số kiếp đó cũng là bất khả thuyết. Tại một đầu sợi lông như vậy, ở những đầu sợi lông khác cũng như thế. Kiếp số an trụ đều là bất khả thuyết.

**Tâm Ngài vô ngại bất khả thuyết
Biến hoá chư Phật bất khả thuyết
Mỗi mỗi biến hoá các Như Lai
Lại hiện biến hoá bất khả thuyết.**

Tâm của Phật là viên dung vô ngại, cũng là bất khả thuyết. Lại ở đầu sợi lông, biến hoá ra tất cả chư Phật, cũng là bất khả thuyết. Tất cả chư Phật biến hoá ra, đều là tướng tốt trang nghiêm. Ở trong sự biến hoá, lại hiện sự biến hoá, biến hoá trùng trùng, trùng trùng biến hoá, cũng là bất khả thuyết.

Pháp thân Phật đó bất khả thuyết

**Phật đó phân thân bất khả thuyết
Trang nghiêm vô lượng bất khả thuyết
Đi đến mười phương bất khả thuyết.**

Pháp thân của Phật là khắp cùng tất cả mọi nơi. Vô tại vô bất tại, chẳng có số mục có thể hình dùng được, cho nên nói là bất khả thuyết. Phân thân của Phật, là tận hư không, khắp pháp giới. Ở trong mỗi hạt bụi, đều có phân thân của Phật, cũng là bất khả thuyết. Cõi nước của Phật là trang nghiêm vô lượng, cũng là bất khả thuyết. Phật thường đi đến cõi nước chư Phật trong mười phương, để giáo hoá chúng sinh, cũng là bất khả thuyết.

**Đi khắp cõi nước bất khả thuyết
Quán sát chúng sinh bất khả thuyết
Thanh tịnh chúng sinh bất khả thuyết
Điều phục chúng sinh bất khả thuyết.**

Phật vì giáo hoá chúng sinh, mà đi khắp các cõi nước, cũng là bất khả thuyết. Phật vì quán sát nhân duyên của tất cả chúng sinh, chúng sinh nào đáng độ được, liền đi độ thoát, cũng là bất khả thuyết. Thanh tịnh chúng sinh, nhiều bất khả thuyết, khiến cho họ phát Bồ đề tâm, tu Bồ đề đạo. Phật dùng đủ thứ pháp môn, để điều phục chúng sinh cương cứng, khiến cho họ nhu thuận, nhiều bất khả thuyết.

**Các trang nghiêm đó bất khả thuyết
Các thần lực đó bất khả thuyết
Các tự tại đó bất khả thuyết**

Các thần biến đó bất khả thuyết.

Đạo tràng của mỗi vị Phật, đều thanh tịnh trang nghiêm, cũng là bất khả thuyết. Hết thấy thần lực của chư Phật, rộng lớn vô biên, cũng là bất khả thuyết. Tất cả tự tại của chư Phật, nhậm vận tự như, cũng là bất khả thuyết. Thần thông của chư Phật, thiên biến vạn hoá, cũng là bất khả thuyết.

Hết thấy thần thông bất khả thuyết
Hết thấy cảnh giới bất khả thuyết
Hết thấy gia trì bất khả thuyết
Trụ tại thế gian bất khả thuyết.

Hết thấy thần thông diệu dụng của chư Phật, cũng là bất khả thuyết. Hết thấy tất cả cảnh giới của chư Phật, cũng là bất khả thuyết. Sự gia trì của chư Phật, cũng là bất khả thuyết. Tướng của chư Phật trụ thế gian, cũng là bất khả thuyết.

Thanh tịnh thật tướng bất khả thuyết
Nói Tu đa la bất khả thuyết
Nơi mỗi mỗi Tu đa la đó
Diễn nói pháp môn bất khả thuyết.

Lý thể thật tướng thanh tịnh, cũng là bất khả thuyết. Nói tất cả nghĩa lý kinh điển, cũng là bất khả thuyết. Trong bất khả thuyết kinh điển, mỗi một bộ kinh điển, diễn nói pháp môn vô cùng vô tận, cũng là bất khả thuyết.

Học Phật pháp, càng học phải càng thông minh, mới có cơ hội khai ngộ. Chẳng phải càng học càng ngu si, học nhiều năm mà chẳng tăng trưởng trí huệ, vẫn hồ đồ chẳng biết gì là chánh pháp, gì là tà pháp. Tại sao ? Vì chẳng nghiên cứu triệt để. Nghe Phật pháp, là giáo hoá chúng ta cung hành thực tiễn, y giáo phụng hành, y pháp tu hành. Chẳng phải nghe kinh rồi, thì đem kinh điển để vào trong tủ, không còn dùng nữa. Đạo lý nghe được, phải tự hỏi mình có thể làm được như vậy chẳng ? Học Phật pháp như vậy, mới không lãng phí công phu, mới không lãng phí thời gian.

Cổ nhân có nói :

« Nói là pháp, hành là đạo ».

Lại nói :

« Nói rất hay, nói rất giỏi,
Chẳng thực hành, chẳng phải đạo ».

Lại nói :

« Đạo là hành, chẳng hành đâu có dùng đạo;
Đức là làm, chẳng làm sao có đức ».

Trời mùa đông lạnh như thế này, mà đến giảng Phật pháp, đến nghe Phật pháp, phải thân thể lực hành, cung hành thực tiễn, mới là hành vi nghe pháp. Bằng không, bất cứ nghe bao nhiêu kinh, nghe bao nhiêu pháp, cũng chẳng ích gì. Điềm này, hy vọng các vị hiểu rõ thâm sâu.

Tu đạo ! Tu đạo ! Tu đạo ! Phải tu đạo ! Thế nào là tu đạo ? Ăn cơm là tu đạo, mặc áo là tu đạo, ngủ là tu đạo. Khi ăn cơm, phải ăn cho hết sạch, không thể chừa nửa bát, đổ vào thùng rác, làm tiêu hao phước báo. Khi mặc áo, phải

mặc áo sạch sẽ, không thể mặc áo dơ bẩn, bằng không mất đi oai nghi. Khi ngủ thì, cũng phải mặc đồ ngủ sạch sẽ đàng hoàng, không thể cầu thả, nếu người khác nhìn thấy, thật là khó coi. Nhất là người xuất gia, đi đứng nằm ngồi bốn oai nghi lớn, càng phải chú ý.

Vạn Phật Thánh Thành mới bắt đầu, nơi nơi phải có quy cụ, tất cả phải làm cho tốt. Trước hết phải từ chỗ nhỏ, mỗi người phải dọn dẹp phòng ngủ của mình cho sạch sẽ, dù một tờ giấy, một cây bút, đều phải để chỗ nên để; một cây kim, một sợi chỉ, cũng không thể để bậy bạ. Phải dưỡng thành tập quán tốt, thì tương lai đi ra ngoài tham phương, cũng phải tề chỉnh, sai một chút cũng không được, điểm này phải đặc biệt chú ý.

**Ở trong mỗi mỗi pháp môn đó
Lại nói các pháp bất khả thuyết
Ở trong mỗi mỗi các pháp đó
Hết thấy quyết định bất khả thuyết.**

Trong bất khả thuyết pháp môn, mỗi thứ pháp môn, lại nói tất cả các pháp, cũng là bất khả thuyết. Trong các pháp bất khả thuyết, mỗi một thứ pháp, hết thấy quyết định, cũng là bất khả thuyết.

**Ở trong mỗi mỗi quyết định đó
Điều phục chúng sinh bất khả thuyết
Không thể nói ra pháp đồng loại
Không thể nói ra tâm đồng loại.**

Trong bất khả thuyết quyết định, mỗi thứ quyết định, đều có thể điều phục tất cả chúng sinh cương cường, cũng là bất khả thuyết. Có pháp đồng loại không thể nói ra và tâm đồng loại không thể nói ra.

**Không thể nói ra pháp khác loại
Không thể nói ra tâm khác loại
Không thể nói ra căn khác loại
Không thể nói ra lời khác loại.**

Có pháp khác loại nhiều không thể nói ra được, có tâm khác loại nhiều không thể nói ra được, có căn khác loại không thể nói ra được, có lời lẽ khác loại không thể nói ra được.

**Niệm niệm ở chỗ các sở hành
Điều phục chúng sinh bất khả thuyết
Hết thấy thân thông bất khả thuyết
Hết thấy thị hiện bất khả thuyết.**

Trong niệm niệm của Bồ Tát, tất cả chỗ sở hành, điều phục chúng sinh cương cường, đều thành chúng sinh nhu thuận, số lượng đó nhiều không thể nói ra được. Hết thấy thân thông biến hoá, cũng bất khả thuyết. Hết thấy tự tại thị hiện, cũng bất khả thuyết.

**Ở trong thời kiếp bất khả thuyết
Ở trong sai biệt bất khả thuyết
Bồ Tát đều phân biệt nói được**

Những người tính toán không làm được.

Trải qua trong các thời kiếp, cũng là bất khả thuyết. Ở trong hết thấy sự khác biệt, cũng là bất khả thuyết. Nhưng sự bất khả thuyết này, Bồ Tát đều phân biệt nói ra được. Tất cả những người tính toán giỏi, chẳng có cách chi làm được.

**Nơi một đầu lông cỡi lớn nhỏ
Cỡi tạp nhiễm thanh tịnh thô tế
Tất cả bất khả thuyết như vậy
Mỗi mỗi thấu rõ phân biệt được.**

Nơi đầu một sợi lông, có vô lượng cỡi nước lớn và cỡi nước nhỏ, có cỡi nước tạp nhiễm và cỡi nước thanh tịnh, có cỡi nước thô và cỡi nước tế. Những cỡi nước như vậy, nhiều bất khả thuyết, nhưng Bồ Tát thấu rõ từng cỡi từng cỡi, và phân biệt được rất rõ ràng.

**Dùng một cỡi nước nghiền làm bụi
Bụi đó vô lượng bất khả thuyết
Số bụi như vậy vô biên cỡi
Đều tụ tập lại đầu sợi lông.**

Dùng một cỡi nước, nghiền nát thành hạt bụi, số lượng những hạt bụi đó, nhiều bất khả thuyết. Vô lượng vô biên số hạt bụi cỡi nước đó, thấy đều tụ tập tại một đầu sợi lông. Đó là cảnh giới trong nhỏ dung lớn.

Các cỡi nước đó bất khả thuyết

**Cùng tụ đầu lông không chặt hẹp
Không khiến đầu lông có lớn thêm
Mà cõi nước đó đều tụ lại.**

Các cõi nước đó, nhiều bất khả thuyết, đều cùng tụ tập ở nơi đầu một sợi lông, nhưng không chặt hẹp, cũng chẳng khiến cho đầu sợi lông lớn thêm, mà tất cả cõi nước đều tụ tập trên đầu sợi lông.

**Ở trong hết thảy các cõi nước
Hình tướng như xưa không tạp loạn
Như một cõi nước không tạp loạn
Tất cả cõi nước đều như thế.**

Hết thảy các cõi nước trên đầu sợi lông, chẳng những không chặt hẹp, mà hình tướng vẫn như cũ, chẳng có sự tạp loạn, đều có thứ tự. Một cõi nước tình hình như vậy, hết thảy cõi nước cũng đều như thế.

**Cảnh giới hư không chẳng bờ mé
Đều để đầu lông khiến đầy đầy
Đầu lông các cõi nước như vậy
Bồ Tát một niệm đều nói được.**

Cảnh giới hư không chẳng có bờ mé, đều để đầy đầy nơi đầu sợi lông, khiến cho hư không đầy ắp không có không gian. Nhiều đầu sợi lông như vậy, trên mỗi đầu sợi lông, có bất khả thuyết cõi nước, nhưng Bồ Tát ở trong một niệm, đều nói ra được.

**Ở trong một lỗ lông rất nhỏ
Bất khả thuyết cõi lần lượt vào
Lỗ lông dung được các cõi đó
Các cõi không thể đầy lỗ lông.**

Trong một lỗ chân lông rất nhỏ, có bất khả thuyết bụi cõi, lần lượt tiến vào trong lỗ chân lông, mà trong lỗ chân lông dung nạp được các cõi nhiều như hạt bụi ấy, nhưng cõi nước nhiều như hạt bụi đó, không thể nào chiếm đầy lỗ chân lông.

**Lúc vào kiếp số bất khả thuyết
Lúc thọ kiếp số bất khả thuyết
Tại lúc hàng liệt an trụ này
Tất cả các kiếp không thể nói.**

Khi vào số lượng kiếp, cũng là bất khả thuyết. Khi thọ số lượng kiếp cũng bất khả thuyết. Khi hàng liệt an trụ, hết thấy tất cả kiếp, chẳng có cách chi có thể nói được rõ ràng, rốt ráo có bao nhiêu tiểu kiếp.

**Nhiếp thọ an trụ như vậy rồi
Hết thấy cảnh giới bất khả thuyết
Lúc vào phương tiện bất khả thuyết
Vào rồi sở tác bất khả thuyết.**

Sau khi nhiếp nhiếp thọ an trụ rồi, hết thấy cảnh giới bất khả thuyết bất khả thuyết. Khi vào phương tiện là bất khả thuyết, vào rồi, sở tác cũng bất khả thuyết.

**Ý căn tỏ rõ bất khả thuyết
Du lịch các phương bất khả thuyết
Dũng mãnh tinh tấn bất khả thuyết
Tự tại thần biến bất khả thuyết**

Ý căn của Bồ Tát minh bạch thấu rõ, là bất khả thuyết. Bồ Tát du lịch mười phương thế giới, giáo hoá chúng sinh, là bất khả thuyết. Bồ Tát dũng mãnh tinh tấn hành Bồ Tát đạo, là bất khả thuyết. Bồ Tát có thần thông tự tại biến hoá, là bất khả thuyết.

**Hết thảy tư duy bất khả thuyết
Hết thảy đại nguyện bất khả thuyết
Hết thảy cảnh giới bất khả thuyết
Tất cả thông đạt bất khả thuyết.**

Sự tư duy của Bồ Tát, cũng là bất khả thuyết. Những đại nguyện của Bồ Tát, cũng là bất khả thuyết. Những cảnh giới của Bồ Tát, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát đối với hết thảy tất cả đều thông đạt vô ngại, cũng là bất khả thuyết.

**Thân nghiệp thanh tịnh bất khả thuyết
Lời nghiệp thanh tịnh bất khả thuyết
Ý nghiệp thanh tịnh bất khả thuyết
Tin hiểu thanh tịnh bất khả thuyết.**

Thân nghiệp của Bồ Tát thanh tịnh không nhiễm, cũng là bất khả thuyết. Lời nghiệp của Bồ Tát thanh tịnh không nhiễm, cũng là bất khả thuyết. Ý nghiệp của Bồ Tát

thanh tịnh không nhiễm, cũng là bất khả thuyết. Ba nghiệp của Bồ Tát thanh tịnh đến cực điểm, chẳng có chút tư tưởng nhiễm ô nào. Bồ Tát đối với tin hiểu hành chứng rất thanh tịnh, cũng là bất khả thuyết.

Chúng ta học Phật pháp, phải y chiếu “Tin, hiểu, hành, chứng” bốn giai đoạn này tu hành, mới có thể được giải thoát.

1. Tin: Nghĩa là không hoài nghi. Phải tin hiểu tam tạng mười hai bộ kinh của Phật nói. Đức Phật là bậc Thánh nhân không nói dối, lời lẽ nói ra đều chân thật. Phải tin nhân quả, do đó:

“Trông dưa được dưa,
Trông đậu được đậu”.

Phải tin luân hồi, do đó:

“Tu thập thiện sinh về trời,
Giữ năm giới sinh làm người”.

Phải tin tất cả chúng sinh, đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Nếu giết hại một chúng sinh, tức là gián tiếp giết hại một vị Phật, do đó:

“Tin là nguồn gốc mẹ công đức,
Nuôi lớn tất cả các pháp lành”.

2. Hiểu: Nghĩa là hiểu biết. Bất cứ chủ nghĩa và tư tưởng nào, nếu không hiểu biết triệt để, mà tin mù quáng, đó là mê tín. Cho nên phải có con mắt chọn pháp, biết lựa chọn thế nào là chánh pháp, thế nào là tà pháp. Tóm lại, nếu không trái ngược với truyền thống tư tưởng, thì có thể tin, nhưng phải được vị thiện tri thức chỉ dẫn, bằng không,

tu mù luyện đui, lãng phí công phu, chẳng những không được lợi ích, thậm chí còn bị hại.

3. Hành: Nghĩa là đem công sức ra thực hành. Tin kinh điển của Phật nói rồi, tinh tấn nghiên cứu, hiểu rõ rồi, nếu không áp dụng tu hành, thì không lợi ích gì cả. Do đó: “Ngồi mà nói, không bằng đứng dậy đi”, bằng không, trở thành thiên nơi miệng lưỡi. Nói một trượng, không bằng làm một thước.

4. Chứng: Nghĩa là chứng được, cũng là điểm cuối của hành, đắc được sự thu hoạch rất ráo. Do đó:

“Trông trọt một phần,
Thu hoạch một phần”.

Nếu không nỗ lực trông trọt, thì tuyệt đối không có gì để thu hoạch. Thu hoạch học Phật pháp là gì? Tức là chấm dứt sinh tử, đắc được cứu kính Niết Bàn. Cho nên phải siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, mới chứng được “Thường, lạc, ngã, tịnh”, bốn đức Niết Bàn, đó mới là khoái lạc thật sự, đó mới là mục đích tu học Phật pháp.

**Diệu trí thanh tịnh bất khả thuyết
Diệu huệ thanh tịnh bất khả thuyết
Rõ các thật tướng bất khả thuyết
Đoạn các nghi hoặc bất khả thuyết**

Bồ Tát vì tu lục độ vạn hạnh, cho nên chứng được diệu quán sát trí, không những thanh tịnh, mà còn bất khả thuyết. Trí huệ vi diệu của Bồ Tát rất thanh tịnh, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát thấu rõ lý thể thật tướng của các pháp, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát đã đoạn đoạn tuyệt

kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc, cũng là bất khả thuyết.

**Thoát khỏi sinh tử bất khả thuyết
Thăng lên chánh vị bất khả thuyết
Tam muội thâm sâu bất khả thuyết
Thấu đạt tất cả bất khả thuyết.**

Bồ Tát đã thoát khỏi sinh tử của ba cõi, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát đã thăng lên chánh vị (Đẳng giác Bồ Tát), cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát hay nhập vào tam muội thâm sâu, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát đã đạt được đạo lý tất cả pháp đều không, đều do duyên khởi, mà không thực thể, cũng là bất khả thuyết.

**Tất cả chúng sinh bất khả thuyết
Tất cả cõi Phật bất khả thuyết
Biết thân chúng sinh bất khả thuyết
Biết tâm họ thích bất khả thuyết.**

Tất cả chúng sinh nhiều bất khả thuyết. Tất cả cõi Phật nhiều bất khả thuyết. Nhưng Bồ Tát biết tất cả thân chúng sinh, là bất khả thuyết. Lại biết tâm ưa thích của tất cả chúng sinh, là bất khả thuyết. Tóm lại, mỗi cử chỉ hành động lời nói của chúng sinh, Bồ Tát đều biết. Khởi vọng tưởng gì, Bồ Tát cũng đều biết, đều thấy.

**Biết nghiệp quả họ bất khả thuyết
Biết ý hiểu họ bất khả thuyết**

**Biết phẩm loại họ bất khả thuyết
Biết chủng tánh họ bất khả thuyết.**

Bồ Tát có thân thông bất khả thuyết, biết được nghiệp quả của tất cả chúng sinh, là bất khả thuyết. Biết được ý hiểu của tất cả chúng sinh, là bất khả thuyết. Biết được phẩm loại của tất cả chúng sinh, là bất khả thuyết. Biết được chủng tánh của tất cả chúng sinh, là bất khả thuyết.

**Biết họ thọ thân bất khả thuyết
Biết nơi họ sinh bất khả thuyết
Biết họ đang sinh bất khả thuyết
Biết họ sinh rồi bất khả thuyết.**

Bồ Tát biết cảnh giới nhập thai, trụ thai, thọ thân, của tất cả chúng sinh, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát biết tất cả chúng sinh, chết đây sinh kia, chết kia sinh đây, sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh, xứ sở này cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát biết cảnh giới của tất cả chúng sinh đang sinh ra, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát biết cảnh giới của tất cả chúng sinh, sinh ra rồi, cũng là bất khả thuyết.

**Biết họ hiểu rõ bất khả thuyết
Biết họ hướng về bất khả thuyết
Biết ngôn ngữ họ bất khả thuyết
Biết nghiệp họ làm bất khả thuyết**

Bồ Tát biết cảnh giới hiểu biết và thấu rõ của tất cả chúng sinh, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát biết cảnh giới

hướng về của tất cả chúng sinh, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát biết ngôn ngữ học của tất cả chúng sinh, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát biết nghiệp làm của tất cả chúng sinh, cũng là bất khả thuyết.

**Bồ Tát đại từ bi như vậy
Lợi ích tất cả các thế gian
Khắp hiện thân mình bất khả thuyết
Vào cõi chư Phật bất khả thuyết.**

Bồ Tát đại từ bi như vậy, thấu rõ cảnh giới bất khả thuyết của tất cả chúng sinh, để lợi ích tất cả các chúng sinh thế gian. Bồ Tát khắp thị hiện thân mình, để giáo hoá tất cả chúng sinh, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát đi vào các cõi Phật giáo hoá chúng sinh, cũng nhiều bất khả thuyết.

**Thấy các Bồ Tát bất khả thuyết
Phát sinh trí huệ bất khả thuyết
Thưa hỏi chánh pháp bất khả thuyết
Xiển dương Phật giáo bất khả thuyết.**

Thấy được tất cả Bồ Tát, cũng là bất khả thuyết. Phát sinh ra tất cả trí huệ, cũng là bất khả thuyết. Hay thưa hỏi tất cả chánh pháp, cũng là bất khả thuyết. Xiển dương tất cả Phật giáo, cũng là bất khả thuyết.

**Hiện đủ thứ thân bất khả thuyết
Đến các cõi nước bất khả thuyết
Thị hiện thần thông bất khả thuyết**

Khắp cùng mùi hương bất khả thuyết.

Bồ Tát tùy các loài chúng sinh, mà hiện ra đủ thứ thân, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát đến cõi nước chư Phật mùi hương, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát thị hiện đủ thứ thân thông, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát khắp cùng mùi hương thế giới, cũng là bất khả thuyết.

Nơi nơi phân thân bất khả thuyết Gần gũi chư Phật bất khả thuyết Làm các đồ cúng bất khả thuyết Đủ thứ vô lượng bất khả thuyết.

Bồ Tát phân thân đến các nơi, để vì chúng sinh thuyết pháp, phân thân nhiều bất khả thuyết. Bồ Tát đến các cõi nước chư Phật mùi hương, gần gũi chư Phật, có chư Phật nhiều bất khả thuyết. Bồ Tát dùng tất cả đồ trang nghiêm, để cúng dường tất cả chư Phật, nhiều bất khả thuyết. Bồ Tát dùng đủ thứ vô lượng đồ cúng dường, nhiều bất khả thuyết.

Các báu thanh tịnh bất khả thuyết Hoa sen tối thượng bất khả thuyết Tràng thơm tối thắng bất khả thuyết Cúng dường Như Lai bất khả thuyết.

Dùng các báu thanh tịnh để cúng dường Phật, cũng là bất khả thuyết. Dùng các thứ hoa sen tốt đẹp tối thượng để cúng dường Phật, cũng là bất khả thuyết. Dùng tràng hương hoa thù thắng để cúng dường Phật, cũng là bất khả

thuyết. Rộng tu cúng dường tất cả Như Lai, cũng nhiều bất khả thuyết.

**Tín tâm thanh tịnh bất khả thuyết
Ngộ hiểu tối thắng bất khả thuyết
Chí thích tăng thượng bất khả thuyết
Cung kính chư Phật bất khả thuyết.**

Việc tin Phật quan trọng nhất là phải có tín tâm thanh tịnh. Nếu chẳng có tín tâm, thì cũng giống như phiêu lãng ở trong hư không, chẳng có sự thành tựu. Tín tâm thanh tịnh này, cũng là bất khả thuyết. Ngộ hiểu tối thù thắng, cũng là bất khả thuyết. Chí thích tăng thượng, cũng là bất khả thuyết. Cung kính cúng dường chư Phật, cũng là bất khả thuyết.

**Tu hành bố thí bất khả thuyết
Tâm đố quá khứ bất khả thuyết
Ai cầu đều thí bất khả thuyết
Tất cả đều thí bất khả thuyết.**

Tu hành phải bố thí, mới có thể cứu độ chúng sinh. Tâm tu hành bố thí, cũng là bất khả thuyết. Bồ đề tâm của Bồ Tát phát ra trong quá khứ, cũng là bất khả thuyết. Chúng sinh có cầu gì, Bồ Tát đều bố thí cái đó, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát chẳng những bố thí cho người cần, mà cũng bố thí cho đạo tràng của chư Phật, thanh tịnh trang nghiêm, cũng là bất khả thuyết.

Trì giới thanh tịnh bất khả thuyết

Tâm ý thanh tịnh bất khả thuyết Khen ngợi chư Phật bất khả thuyết Ưa thích chánh pháp bất khả thuyết.

Người tin Phật, nhất định phải giữ giới thanh tịnh, giống như ở trong căn nhà sạch sẽ; nếu không giữ giới thanh tịnh, cũng giống như ở trong căn nhà xí. Giữ giới thanh tịnh thì không phạm giới sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, năm giới lớn căn bản. Tâm ý thanh tịnh, thì không phạm tham, sân, si, mạn, nghi, và thân, biên, giới, kiến, tà, mười thứ sử. Tán thán khen ngợi công đức của chư Phật, ưa thích học tập chánh pháp của chư Phật, đều nhiều bất khả thuyết.

Thành tựu các nhẫn bất khả thuyết Vô sinh pháp nhẫn bất khả thuyết Đầy đủ tịch tĩnh bất khả thuyết Trụ bậc tịch tĩnh bất khả thuyết.

Bồ Tát tu hành nhất định phải thực hành nhẫn nhục. Nhẫn nhục mới đến được bờ kia. Thế nào là bờ kia? Tức là bất khả thuyết. Có người nói: “Bất khả thuyết! Làm thế nào đến được bờ kia? Làm thế nào thành tựu được Ba la mật?” Nếu chẳng phải Ba la mật, thì có thể nói ra được. Vì là Ba la mật, cho nên mới không thể nói được (bất khả thuyết)! Thành tựu tất cả nhẫn, ngộ được vô sinh pháp nhẫn (không thấy có chút pháp sinh, không thấy có chút pháp diệt, nhẫn chịu nơi tâm), đó tức là bất khả thuyết. Nói không ra được, làm sao nói? Đầy đủ tịch tĩnh, cũng là bất khả thuyết. Nếu

nói ra được, thì chẳng đầy đủ tịch tĩnh! Trụ tại bậc tịch tĩnh, cũng là bất khả thuyết.

**Khởi đại tinh tấn bất khả thuyết
Tâm đó quá khứ bất khả thuyết
Tâm không thối chuyển bất khả thuyết
Tâm không khuynh động bất khả thuyết.**

Bồ Tát sinh khởi tâm tinh tấn lớn nhất, cũng là bất khả thuyết. Vì quá nhiều, nói cũng nói không hết được. Trong quá khứ tất cả pháp bất khả thuyết, hiện tại tất cả pháp bất khả thuyết, vị lai tất cả pháp bất khả thuyết. Tại sao? Vì tâm quá khứ không thể đắc được, tâm hiện tại không thể đắc được, tâm vị lai không thể đắc được. Vì ba tâm không thể đắc được, cho nên chẳng có gì có thể nói. Nếu nói được, thì tâm bất thối chuyển đã thối chuyển rồi. Tức nhiên tâm chẳng thối chuyển, tại sao phải nói ra? Phàm là có thể nói ra, tức là thối chuyển, cho nên bất khả thuyết (không thể nói). Chẳng khuynh hướng, chẳng động tâm, lại có gì có thể nói, cũng là không thể nói.

**Tất cả định tạng bất khả thuyết
Quán sát các pháp bất khả thuyết
Tịch nhiên tại định bất khả thuyết
Thấu đạt các thiền bất khả thuyết.**

Trong tất cả định tạng (nhập định), cũng là bất khả thuyết. Nếu nói, đó là xuất định. Quán sát tất cả các pháp, cũng là bất khả thuyết. Tịch nhiên ở trong định, cũng là bất

khả thuyết. Thấu rõ thông đạt cảnh giới của tất cả các thiên, cũng là bất khả thuyết.

**Trí huệ thông đạt bất khả thuyết
Tam muội tự tại bất khả thuyết
Thấu đạt các pháp bất khả thuyết
Thấy rõ chư Phật bất khả thuyết.**

Trí huệ thông đạt rồi, còn có gì để nói? Cho nên nói bất khả thuyết. Tam muội (chánh định chánh thọ) đã nhập vận tự tại, muốn nhập định, liền nhập định; muốn xuất định, liền xuất định. Nhập định xuất định, động tĩnh nhất như. Hai mà chẳng hai, cũng chẳng có gì để nói. Thấu rõ thông đạt tất cả các pháp thật tướng, đó cũng là bất khả thuyết. Thấy rõ mười phương chư Phật, đó cũng là bất khả thuyết.

**Tu vô lượng hạnh bất khả thuyết
Phát nguyện rộng lớn bất khả thuyết
Cảnh giới thâm sâu bất khả thuyết
Pháp môn thanh tịnh bất khả thuyết.**

Tu vô lượng vô biên hạnh rộng lớn, phát vô lượng vô biên nguyện rộng lớn, đều là bất khả thuyết. Đắc được cảnh giới thâm sâu, và pháp môn thanh tịnh, đều là bất khả thuyết, phàm là nói ra đều chẳng phải.

Thế nào là nguyện rộng lớn? Tức là tu nhẫn nhục tam muội, tức cũng là phải chịu đựng. Bất cứ như thế nào, đều phải nhẫn thọ. Ai áp bức mình, phải nhẫn thọ, không

nóng giận. Ai nhục mạ tôi, phải nhẫn thọ, không nóng giận. Vì học Phật pháp, phải nhẫn thọ chịu đựng.

**Pháp lực Bồ Tát bất khả thuyết
Pháp trụ Bồ Tát bất khả thuyết
Các chánh niệm đó bất khả thuyết
Các pháp giới đó bất khả thuyết.**

Pháp lực của Bồ Tát tu, cũng là bất khả thuyết, Bồ Tát dùng pháp phương tiện trụ thế, cũng là bất khả thuyết. Tất cả chánh niệm của Bồ Tát, cũng bất khả thuyết. Tất cả cảnh giới của Bồ Tát, cũng là bất khả thuyết.

Không thể nói, không thể nói, vẫn nói. Hôm nay tôi làm thủ ca, thủ ca từ này, không nhất định là tốt, các vị hãy ghi nhớ, đem ra để sửa lại, xem thử ai sửa tốt, thì dùng người đó. Bài kệ của tôi nói, ca từ v.v... bất cứ ai cũng đều có thể sửa, chẳng phải một chữ không thể bớt, cũng chẳng phải một chữ không thể thêm, tức chẳng phải kim châm, cũng chẳng phải ngọc luật. Bây giờ hãy chú ý nghe:

“Tận hư không
Phật tánh sung mãn
Khắp pháp giới
Hữu tình uẩn dục trước.
Chúng sinh thành Phật
Phật hoá đồng bào
Vạn pháp do tâm tạo!
Đoàn kết nhất chí
Phục hưng thánh giáo
Cùng phân chấn
Đồng nỗ lực

Dũng mãnh hướng đạo
Phải đại công
Trừ ích kỷ
Tâm thẳng tốt nhất
Bảy báu bên trong
Rửa sạch trần ai
Thanh tịnh quang minh
Vạn Phật diệu giác”.

**Tu phương tiện trí bất khả thuyết
Học trí thâm sâu bất khả thuyết
Vô lượng trí huệ bất khả thuyết
Rốt ráo trí huệ bất khả thuyết.**

Bồ Tát tu hành phương tiện trí huệ, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát học tập trí huệ thâm sâu, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát có vô lượng trí huệ, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát có trí huệ rốt ráo, cũng là bất khả thuyết.

**Các pháp trí đó bất khả thuyết
Tịnh pháp luân đó bất khả thuyết
Đại pháp vân đó bất khả thuyết
Đại pháp vũ đó bất khả thuyết.**

Bồ Tát có tất cả các pháp trí huệ, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát có pháp luân thanh tịnh trí huệ, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát có sức lực hưng đại pháp vân, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát có sức lực mưa đại pháp vũ, cũng là bất khả thuyết.

**Các thần lực đó bất khả thuyết
Các phương tiện đó bất khả thuyết
Vào trí không tịch bất khả thuyết
Niệm niệm liên tục bất khả thuyết.**

Hết thấy tất cả sức thần thông của Bồ Tát, cũng là bất khả thuyết. Hết thấy tất cả pháp phương tiện của Bồ Tát, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát chứng nhập trí huệ không tịch, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát niệm niệm liên tục, cũng là bất khả thuyết.

**Vô lượng hạnh môn bất khả thuyết
Niệm niệm luôn trụ bất khả thuyết
Biển cõi chư Phật bất khả thuyết
Đều đi đến được bất khả thuyết.**

Bồ Tát có vô lượng hạnh môn, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát niệm niệm thường trụ ở trong vô lượng pháp môn, cũng là bất khả thuyết. Biển cõi chư Phật mười phương, tuy nhiên nhiều bất khả thuyết, nhưng Bồ Tát đi đến khắp cùng hết thấy biển cõi của chư Phật, để giáo hoá chúng sinh. Bụi cõi như biển cả, vô lượng vô biên, cũng là bất khả thuyết.

**Các cõi khác nhau bất khả thuyết
Đủ thứ thanh tịnh bất khả thuyết
Trang nghiêm khác biệt bất khả thuyết
Vô biên sắc tướng bất khả thuyết.**

Mỗi một cõi Phật có đủ thứ hình tướng khác nhau, cũng là bất khả thuyết. Đủ thứ thế giới thanh tịnh, cũng là bất khả thuyết. Có thế giới thanh tịnh, cũng có thế giới nhiễm ô. Thế giới có sự khác nhau về hình dáng, và sự trang nghiêm, cũng là bất khả thuyết. Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, cho nên nói vô biên sắc tướng bất khả thuyết.

Đủ thứ xen tạp bất khả thuyết
Đủ thứ tốt đẹp bất khả thuyết
Thanh tịnh cõi Phật bất khả thuyết
Thế giới tạp nhiễm bất khả thuyết.

Trên thế giới có đủ thứ châu báu, hồ tương sen tạp, cũng là bất khả thuyết. Có đủ thứ trang nghiêm tốt đẹp, cũng là bất khả thuyết. Có cõi Phật thanh tịnh, giống như thế giới Tây Phương Cực Lạc và thế giới Đông Phương Lưu Ly, cũng là bất khả thuyết. Có thế giới tạp nhiễm, giống như đời ác năm trược (thế giới của chúng ta đang ở), cũng là bất khả thuyết.

Biết rõ chúng sinh bất khả thuyết
Biết chủng tánh họ bất khả thuyết
Biết nghiệp báo họ bất khả thuyết
Biết tâm hạnh họ bất khả thuyết.

Bồ Tát thấu rõ tâm tánh chúng sinh, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát biết chủng tánh chúng sinh, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát biết nghiệp báo chúng sinh, cũng là bất khả

thuyết. Bồ Tát biết tâm hạnh chúng sinh, cũng là bất khả thuyết.

**Biết căn tánh họ bất khả thuyết
Biết hiểu muốn họ bất khả thuyết
Tạp nhiễm thanh tịnh bất khả thuyết
Quán sát điều phục bất khả thuyết.**

Bồ Tát biết căn tánh của mỗi chúng sinh, hoặc là thiện căn, hoặc là ác căn, cũng là bất khả thuyết. Lại biết hết thấy chúng sinh, sự hiểu biết của họ như thế nào, lòng ham muốn của họ là gì, cũng là bất khả thuyết. Lại biết hết thấy chúng sinh, tư tưởng của họ là tạp nhiễm, hoặc là thanh tịnh. Bồ Tát quán sát hết thấy chúng sinh, dùng phương pháp gì để điều phục, cũng là bất khả thuyết.

**Biến hoá tự tại bất khả thuyết
Hiện đủ thứ thân bất khả thuyết
Tu hành tinh tấn bất khả thuyết
Độ thoát chúng sinh bất khả thuyết.**

Vì căn tánh của chúng sinh khác nhau, Bồ Tát dùng đủ thứ biến hoá tự tại để giáo hoá, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát thị hiện đủ thứ thân để giáo hoá, cũng là bất khả thuyết. Tu hành đạo bồ đề, dũng mãnh tinh tấn, cũng là bất khả thuyết. Độ thoát hết thấy chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử, cũng là bất khả thuyết.

**Thị hiện thần biến bất khả thuyết
Phóng đại quang minh bất khả thuyết**

**Đủ thứ sắc tướng bất khả thuyết
Khiến chúng sinh tịnh bất khả thuyết.**

Bồ Tát thị hiện đủ thứ thần thông biến hoá, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát phóng đại quang minh, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát có đủ thứ sắc tướng, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ trở về nguồn cội, khôi phục thanh tịnh, cũng là bất khả thuyết.

**Mỗi mỗi lỗ lông bất khả thuyết
Phóng lưới quang minh bất khả thuyết
Lưới quang hiện sắc bất khả thuyết
Chiếu khắp cõi Phật bất khả thuyết.**

Trong hết thảy lỗ lông trên thân của Bồ Tát, thảy đều phóng ra vô lượng lưới đại quang minh, quang quang chiếu với nhau, lỗ lỗ thông với nhau, vô lượng vô tận, vô tận trùng trùng. Trong mỗi lưới đại quang minh, lại hiện ra đủ thứ màu sắc, do đó: “Năm quang mười màu, xán lạn chói mắt”. Mỗi lưới quang minh, chiếu khắp cõi nước chư Phật mười phương. Cảnh giới này, vẫn là bất khả thuyết bất khả thuyết.

**Dũng mãnh vô úy bất khả thuyết
Phương tiện khéo léo bất khả thuyết
Điều phục chúng sinh bất khả thuyết
Khiến thoát sinh tử bất khả thuyết.**

Bồ Tát thường phát tâm dũng mãnh và tâm vô úy, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát dùng đủ thứ phương tiện, đủ

thứ pháp môn khéo léo, để giáo hoá chúng sinh, cũng là bất khả thuyết. Chúng sinh thế giới Ta Bà, cử tâm động niệm, đâu chẳng phải là tạo tội, đâu chẳng phải là nghiệp. Càng cường thành tánh, khó điều khó phục, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát khiến cho chúng sinh đó chấm dứt sinh tử, thăng đến bờ kia, cũng là bất khả thuyết.

Thanh tịnh thân nghiệp bất khả thuyết
Thanh tịnh lời nghiệp bất khả thuyết
Vô biên ý nghiệp bất khả thuyết
Diệu hạnh thù thắng bất khả thuyết.

Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, khiến cho thân nghiệp của chúng sinh thanh tịnh, không nhiễm trước, khiến cho lời nghiệp của chúng sinh thanh tịnh không nhiễm trước, khiến cho ý nghiệp của chúng sinh thanh tịnh không nhiễm trước. Vô lượng vô biên ba nghiệp, thấy đều thanh tịnh, đều là bất khả thuyết. Hạnh môn thù thắng vi diệu của Bồ Tát tu, cũng nhiều bất khả thuyết.

Thành tựu trí báu bất khả thuyết
Thâm nhập pháp giới bất khả thuyết
Bồ Tát tổng trì bất khả thuyết
Khéo hay tu học bất khả thuyết.

Bồ Tát thành tựu trí huệ diệu báu, nhiều bất khả thuyết. Bồ Tát nhập vào pháp giới, hợp với pháp giới mà làm một, nhiều bất khả thuyết. Bồ Tát hay tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa, nhiều bất khả thuyết. Bồ Tát khéo tu học tất cả pháp môn, nhiều bất khả thuyết.

**Bậc trí âm thanh bất khả thuyết
Âm thanh thanh tịnh bất khả thuyết
Chánh niệm chân thật bất khả thuyết
Khai ngộ chúng sinh bất khả thuyết.**

Bồ Tát có âm thanh vi diệu, cũng bất khả thuyết. Âm thanh của Bồ Tát thanh tịnh, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát lúc nào cũng chánh niệm, chẳng có tà niệm; lúc nào cũng chân thật, chẳng hư ngụy, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, thọ đủ thứ khổ. Tại sao? Vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh khai ngộ, hiểu rõ thế gian là khổ, xuất thế gian là vui. Khai ngộ chúng sinh cũng bất khả thuyết.

**Đầy đủ oai nghi bất khả thuyết
Thanh tịnh tu hành bất khả thuyết
Thành tựu vô úy bất khả thuyết
Điều phục thế gian bất khả thuyết.**

Cử chỉ hành động, lời nói việc làm của Bồ Tát, đều y theo quy cụ, có pháp tắc, đều đầy đủ oai nghi. Do đó: “Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh”, nghĩa là đi, đứng, nằm, ngồi, đều có nghi tắc, chẳng tổn oai đức, vì bốn đại oai nghi. Do đó: “Hành như phong, lập như tùng, toạ như chung, ngoạ như cung”, oai nghi này, cũng nhiều bất khả thuyết. Tâm của Bồ Tát chẳng có phiền não, tu hành hạnh môn thanh tịnh, cũng nhiều bất khả thuyết. Bồ Tát thành tựu vô úy, điều phục thế gian, đều là bất khả thuyết.

**Chúng chư Phật tử bất khả thuyết
Thanh tịnh thắng hạnh bất khả thuyết
Tán thán chư Phật bất khả thuyết
Khen ngợi vô tận bất khả thuyết.**

Hết thầy đệ tử của Phật và thánh chúng pháp hội, cũng bất khả thuyết. Tu hành hạnh môn thanh tịnh thù thắng, cũng bất khả thuyết. Tán thán khen ngợi công đức mười phương chư Phật, cũng bất khả thuyết. Khen ngợi chẳng cùng tận, cũng bất khả thuyết.

**Đạo Sư thế gian bất khả thuyết
Diễn nói tán thán bất khả thuyết
Các Bồ Tát đó bất khả thuyết
Thanh tịnh công đức bất khả thuyết.**

Thế gian có vô lượng đạo sư, cũng bất khả thuyết. Diễn nói tất cả các pháp, khen ngợi tất cả chư Phật, cũng là bất khả thuyết. Trong pháp hội, có tất cả Bồ Tát, cũng bất khả thuyết. Công đức thanh tịnh của Bồ Tát, cũng bất khả thuyết.

**Các bờ mé đó bất khả thuyết
Hay trụ trong đó bất khả thuyết
Trụ trong trí huệ bất khả thuyết
Hết các kiếp trụ không nói được.**

Bờ mé công đức của Bồ Tát, là bất khả thuyết. Bồ Tát trụ ở trong đó, là bất khả thuyết. Trụ trong nhiều kiếp

tu trí huệ bất khả thuyết. Cùng tận tất cả kiếp, rốt ráo trụ bao nhiêu thời gian, chẳng cách chi có thể nói được.

**Vui thích chư Phật bất khả thuyết
Trí huệ bình đẳng bất khả thuyết
Khéo vào các pháp bất khả thuyết
Với pháp không ngại bất khả thuyết.**

Bồ Tát hoan hỷ ưa thích tất cả chư Phật, cũng là bất khả thuyết. Trí huệ của Bồ Tát và trí huệ của Phật là bình đẳng, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát khéo vào tất cả các pháp, chứng được các pháp thật tướng, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát đối với tất cả các pháp, viên dung vô ngại, cũng là bất khả thuyết.

**Ba đời như không bất khả thuyết
Ba đời trí huệ bất khả thuyết
Thấu đạt ba đời bất khả thuyết
Trụ nơi trí huệ bất khả thuyết.**

Đời quá khứ bất khả đắc, đời hiện tại bất khả đắc, đời vị lai bất khả đắc. Tại sao? Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại cũng không ngừng, vị lai thì chưa đến. Ba đời giống như không, là bất khả thuyết. Tuy nhiên ba đời như không, nhưng trong pháp thế gian không thể nói là không. Tại sao? Nếu nói là không, chúng sinh nghe được bèn sinh khởi tưởng đoạn diệt. Cho nên tại như không, lại biết chẳng không, đó là một thứ trí huệ. Người có trí huệ, thấy tất cả pháp đều là viên dung vô ngại. Ba đời như không, ba đời trí huệ, cảnh giới đó đều là bất khả thuyết. Bồ Tát biết rõ

thông đạt đạo lý ba đời như không, ba đời như có, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát trụ ở trong trí huệ quang minh, cũng là bất khả thuyết.

**Diệu hạnh thù thắng bất khả thuyết
Vô lượng đại nguyện bất khả thuyết
Thanh tịnh đại nguyện bất khả thuyết
Thành tựu bồ đề bất khả thuyết.**

Bồ Tát chứng được diệu hạnh thù thắng, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát phát vô lượng đại nguyện, cũng là bất khả thuyết. Thanh tịnh đại nguyện, mà tư tưởng không nhiễm ô, cũng là bất khả thuyết. Thành tựu bồ đề, vô thượng giác đạo, cũng là bất khả thuyết.

**Chư Phật bồ đề bất khả thuyết
Phát sinh trí huệ bất khả thuyết
Phân biệt nghĩa lý bất khả thuyết
Biết tất cả pháp bất khả thuyết.**

Mười phương chư Phật chứng được bồ đề giác đạo, cũng là bất khả thuyết. Trí huệ phát sinh cũng là bất khả thuyết. Phân biệt các thứ nghĩa lý, cũng là bất khả thuyết. Biết tất cả các pháp, cũng là bất khả thuyết.

**Nghiêm tịnh cõi Phật bất khả thuyết
Tu hành các lực bất khả thuyết
Trường kỳ tu tập bất khả thuyết
Một niệm ngộ hiểu bất khả thuyết.**

Trang nghiêm thanh tịnh cõi nước chư Phật, cũng là bất khả thuyết. Tu hành thập lực, cũng là bất khả thuyết. Từ vô lượng kiếp đến nay, tu tập bồ đề giác đạo, cũng là bất khả thuyết. Ở trong một niệm, ngộ hiểu lý sinh tử luân hồi, cũng là bất khả thuyết.

**Chư Phật tự tại bất khả thuyết
Rộng nói chánh pháp bất khả thuyết
Đủ thứ thần lực bất khả thuyết
Thị hiện thế gian bất khả thuyết.**

Tự tại thần lực của mười phương chư Phật, cũng là bất khả thuyết. Chư Phật rộng nói chánh pháp, cũng là bất khả thuyết. Đủ thứ thần thông lực, cũng là bất khả thuyết. Thị hiện nơi thế gian, để giáo hoá chúng sinh, cũng là bất khả thuyết. Tóm lại, những cảnh giới đó, không thể dùng tâm nghĩ, không thể dùng lời lẽ bàn luận, thật là diệu không thể tả.

**Thanh tịnh pháp luân bất khả thuyết
Dũng mãnh chuyển đờc bất khả thuyết
Đủ thứ khai diễn bất khả thuyết
Thương xót thế gian bất khả thuyết.**

Thường chuyển thanh tịnh diệu pháp luân, cũng là bất khả thuyết. Dũng mãnh tinh tấn để chuyển bánh xe pháp vô thượng, cũng là bất khả thuyết. Khai diễn đủ thứ diệu pháp môn, cũng là bất khả thuyết. Thương xót tất cả chúng sinh thế gian, cũng là bất khả thuyết.

**Không thể nói được tất cả kiếp
Khen các công đức bất khả thuyết
Bất khả thuyết kiếp có thể hết
Đức bất khả thuyết không hết được.**

Bồ Tát ở trong tất cả kiếp bất khả thuyết, để tán thán khen ngợi công đức bất khả thuyết của chư Phật. Bất khả thuyết kiếp, vẫn không khi nào hết được, nhưng chư Phật có công đức bất khả thuyết, không cách chi nói hết được.

**Không thể nói hết các Như Lai
Không thể nói hết các căn lồi
Khen đức của Phật bất khả thuyết
Bất khả thuyết kiếp không hết được.**

Có các Như Lai nhiều không thể nói, có các căn lồi nhiều không thể nói, để tán thán Phật có công đức nhiều bất khả thuyết. Trong các kiếp nhiều bất khả thuyết, cũng nói không hết được công đức của Phật.

**Mười phương hết thấy các chúng sinh
Tất cả đồng thời thành Chánh Giác
Trong đó một Phật hiện khắp được
Không thể nói được tất cả thân.**

Mười phương thế giới, hết thấy tất cả chúng sinh, đều đồng thời thành tựu quả vị Chánh Giác. Trong đó mỗi vị Phật, hiện khắp mười phương, thị hiện phân thân nhiều bất khả thuyết, để giáo hoá chúng sinh.

**Một thân trong bất khả thuyết đó
Thị hiện cái đầu bất khả thuyết
Một đầu trong bất khả thuyết đó
Thị hiện cái lưỡi bất khả thuyết.**

Trong thân Phật bất khả thuyết đó, mỗi thân thị hiện vô lượng vô biên đầu, nhiều bất khả thuyết. Trong bất khả thuyết đầu đó, mỗi cái đầu lại thị hiện vô lượng vô biên lưỡi nhiều bất khả thuyết. Lưỡi đó tức là tướng lưỡi rộng dài, khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

**Một lưỡi trong bất khả thuyết đó
Thị hiện âm thanh bất khả thuyết
Một âm trong bất khả thuyết đó
Trải qua kiếp trụ bất khả thuyết.**

Mỗi cái lưỡi trong bất khả thuyết đó, thị hiện đủ thứ âm thanh, cũng bất khả thuyết. Mỗi âm thanh trong bất khả thuyết đó, trải qua đại kiếp, trụ ở thế gian, cũng bất khả thuyết.

**Như một tất cả Phật như vậy
Như một tất cả thân như vậy
Như một tất cả đầu như vậy
Như một tất cả lưỡi như vậy.**

Như một vị Phật, thị hiện bất khả thuyết thân như vậy. Tất cả vị Phật cũng như thế. Giống như một thân, có thể thị hiện bất khả thuyết đầu như vậy, tất cả thân cũng

nư thế. Giống như một cái đầu, có thể thị hiện bất khả thuyết lưỡi, tất cả đầu cũng như thế. Giống như một cái lưỡi, có thể thị hiện bất khả thuyết âm thanh, tất cả lưỡi cũng như thế.

**Nư một tất cả âm như vậy
Bất khả thuyết kiếp luôn khen Phật
Bất khả thuyết kiếp có thể hết
Khen công đức Phật không hết được.**

Giống như một âm thanh, có thể thị hiện như vậy, tất cả âm thanh, cũng như thế. Âm thanh đó, ở trong bất khả thuyết kiếp, luôn luôn tán thán khen ngợi chư Phật, ở trong bất khả thuyết kiếp, cũng không khi nào hết được. Khen ngợi công đức của Phật, chẳng khi nào hết được.

**Trong một hạt bụi thủy đều có
Bất khả thuyết thế giới Liên Hoa
Trong mỗi mỗi thế giới Liên Hoa
Hiền Thủ Như Lai bất khả thuyết.**

Ở trong mỗi hạt bụi, đều có âm thanh khen ngợi Phật. Ở trong bất khả thuyết thế giới Liên Hoa, cũng có sự khen ngợi đó. Ở trong mỗi thế giới Liên Hoa, có Hiền Thủ Như Lai, cũng nhiều bất khả thuyết.

**Cho đến pháp giới đều khắp cùng
Trong đó hết thủy các hạt bụi
Thế giới hoặc thành hoặc trụ hoại**

Số đó vô lượng bất khả thuyết.

Do một thân mà hoá vô lượng thân, từ vô lượng thân mà thành một thân, cho đến khắp cùng pháp giới. Trong pháp giới hết thấy tất cả thế giới nhiều như hạt bụi, vô luận là thành, hoặc là trụ, hoặc là hoại, hoặc là không, số đó vô lượng vô biên bất khả thuyết.

**Nơi mỗi hạt bụi vô biên tế
Vô lượng các cõi khắp đi vào
Mười phương khác biệt bất khả thuyết
Biển cõi phân bố bất khả thuyết.**

Nơi mỗi hạt bụi, biến hoá làm vô lượng vô biên hạt bụi. Hết thấy vô lượng vô biên cõi nước mười phương, khắp vào trong một hạt bụi, đây là cảnh giới nhỏ có thể dung lớn. Mười phương thế giới, có đủ thứ sự khác nhau, cũng bất khả thuyết. Biển cõi chư Phật, phân bố trong mười phương, cũng bất khả thuyết.

**Trong mỗi mỗi cõi có Như Lai
Thọ mạng kiếp số bất khả thuyết
Chư Phật tu hành bất khả thuyết
Diệu pháp thâm sâu bất khả thuyết.**

Trong mỗi cõi nước, đều có một vị Phật, đang ở đó giáo hoá chúng sinh. Thọ mạng và trụ kiếp số của chư Phật, đều bất khả thuyết. Hạnh môn tu hành của chư Phật và diệu pháp nói ra, đều là bất khả thuyết.

**Thần thông đại lực bất khả thuyết
Trí không chướng ngại bất khả thuyết
Vào nơi lỗ lông bất khả thuyết
Lỗ lông nhân duyên bất khả thuyết.**

Thần thông lực của chư Phật rất lớn, cũng bất khả thuyết. Vô ngại trí của chư Phật rất rộng lớn, cũng bất khả thuyết. Chư Phật có thể vào trong một lỗ lông, chuyển đại pháp luân, giáo hoá chúng sinh. Ở trong một lỗ lông, có thể dung nạp ba ngàn đại thiên thế giới mười phương. Tóm lại, ba ngàn đại thiên thế giới mười phương, có thể bao dung ở trong một lỗ chân lông. Nhân duyên lỗ lông đó cũng bất khả thuyết.

**Thành tựu thập lực bất khả thuyết
Giác ngộ bồ đề bất khả thuyết
Vào tịnh pháp giới bất khả thuyết
Đắc tạng trí sâu bất khả thuyết.**

Bồ Tát có thể thành tựu mười lực của Phật, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát giác ngộ chân đế bồ đề, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát vào thanh tịnh pháp giới, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát đắc được trí huệ tạng thâm sâu, cũng bất khả thuyết.

**Đủ thứ số lượng bất khả thuyết
Như vậy tất cả đều biết rõ
Đủ thứ hình lượng bất khả thuyết
Nơi đó thấy đều thông đạt hết.**

Tuy nhiên có đủ thứ số lượng bất khả thuyết, nhưng Bồ Tát hoàn toàn biết được tất cả số lượng. Tuy nhiên có đủ thứ hình lượng bất khả thuyết, nhưng Bồ Tát đối với hình lượng đó thấy đều thông đạt, hoàn toàn thấu hiểu hết.

**Đủ thứ tam muội bất khả thuyết
Đều trụ trong đó trải kiếp số
Nơi bất khả thuyết chỗ chư Phật
Tu hạnh thanh tịnh bất khả thuyết.**

Có đủ thứ tam muội, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát trải qua kiếp số trụ ở trong hết thấy tam muội. Bồ Tát ở trong đạo tràng của chư Phật mười phương nhiều bất khả thuyết, tu hành hạnh môn rất thanh tịnh, cũng bất khả thuyết.

**Được bất khả thuyết tâm vô ngại
Đi đến mười phương bất khả thuyết
Thần lực thị hiện bất khả thuyết
Tu không bờ mé bất khả thuyết.**

Bồ Tát tu hạnh thanh tịnh, cho nên đắc được tâm vô ngại bất khả thuyết. Hay đi đến mười phương thế giới giáo hoá chúng sinh, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát vì điều phục chúng sinh càng cường, nên thị hiện đại oai thần lực, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát tu lục độ vạn hạnh, chẳng có bờ mé, cũng bất khả thuyết.

**Đi đến các cõi bất khả thuyết
Thấu đạt chư Phật bất khả thuyết**

Tinh tấn dũng mãnh bất khả thuyết Trí huệ thông đạt bất khả thuyết.

Bồ Tát đi đến cõi nước chư Phật mười phương, cúng dường Phật, gần gũi Phật, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát thấu rõ thông đạt diệu pháp của chư Phật nói, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát dũng mãnh tinh tấn học tập Phật pháp, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát đắc được trí huệ vô chướng ngại, thông đạt được tất cả các pháp, cũng bất khả thuyết.

Với pháp chẳng hành chẳng không hành Vào các cảnh giới bất khả thuyết Không thể diễn nói các đại kiếp Luôn đến mười phương bất khả thuyết.

Bồ Tát đối với tất cả các pháp, chẳng hành chẳng không hành (phi hành phi bất hành). Tại sao? Vì vào tất cả cảnh giới, cũng là bất khả thuyết. Bồ Tát ở trong tất cả đại kiếp không thể diễn nói, luôn luôn du hành mười phương, đến khắp hết thấy thế giới giáo hoá chúng sinh, cũng bất khả thuyết.

Phương tiện trí huệ bất khả thuyết Chân thật trí huệ bất khả thuyết Thần thông trí huệ bất khả thuyết Niệm niệm thị hiện bất khả thuyết.

Bồ Tát có trí huệ thiện xảo phương tiện, tức là quyền giáo. Pháp môn quyền giáo này, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát lại có trí huệ chân thật, tức là thật giáo. Pháp môn thật

giáo này, cũng bất khả thuyết. Tại sao phải có quyền giáo? Vì pháp môn quyền xảo phương tiện vì thật giáo mà nói, do đó: “Vì thật thí quyền”. Trí huệ phương tiện thiện xảo dùng hết rồi, tức là “khai quyền hiển thật”, chứng đắc trí huệ chân thật, cũng là bất khả thuyết. Thần thông biến hoá phải y trí huệ làm cơ sở. Nếu chẳng có trí huệ, điên điên đảo đảo, loạn dụng thần thông, chẳng những vô ích, ngược lại còn có hại. Thần thông là bản tánh của trí huệ, biến hoá vô cùng, cũng bất khả thuyết. Ở trong niệm niệm, thị hiện đến cõi nước chư Phật mười phương, để giáo hoá chúng sinh, cũng bất khả thuyết.

**Với bất khả thuyết các Phật pháp
Mỗi mỗi biết rõ bất khả thuyết
Ở trong một thời chứng bồ đề
Hoặc đủ thứ thời mà chứng nhập.**

Bồ Tát đối với Phật pháp, đều biết rõ, khéo vận dụng, cũng bất khả thuyết. Bồ Tát hoặc một thời chứng được đạo bồ đề, thành tựu quả bồ đề. Hoặc tất cả thời chứng được đạo bồ đề, thành tựu quả bồ đề.

**Đầu lông cõi Phật bất khả thuyết
Trong bụi cõi Phật bất khả thuyết
Cõi Phật như vậy đều đi đến
Thấy các Như Lai bất khả thuyết.**

Nơi đầu sợi lông hiện ra cõi Phật, nơi cõi Phật hiện ra đầu sợi lông. Đó là cảnh giới trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, cũng là bất khả thuyết. Ở trong mỗi hạt bụi,

hiện ra vô lượng cõi Phật, ở trong mỗi cõi Phật, lại có vô lượng hạt bụi, cũng là bất khả thuyết. Các cõi Phật nhiều như vậy, Bồ Tát đều tùy hỉ đi đến, giúp Phật hoàng dương, giáo hoá chúng sinh. Thấy các đức Phật nhiều bất khả thuyết.

**Thông đạt nhất thật bất khả thuyết
Khéo vào giống Phật bất khả thuyết
Cõi nước chư Phật bất khả thuyết
Thấy đều đi đến thành bồ đề.**

Thông đạt nhất chân pháp giới (chân như thật tướng), cũng là bất khả thuyết. Khéo vào giống Phật (tương lai thành Phật), cũng bất khả thuyết. Cõi nước chư Phật mười phương, cũng bất khả thuyết. Đương nhiên có nhiều cõi nước, nhưng Bồ Tát đều đi đến thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác.

**Cõi nước chúng sinh và chư Phật
Thể tánh khác nhau bất khả thuyết
Ba đời như vậy không bờ mé
Bồ Tát đều thấy rõ tất cả.**

Hết thấy cõi nước, hết thấy chúng sinh, hết thấy chư Phật, thể tánh đều có đủ thứ sự khác nhau, cũng là bất khả thuyết. Ba đời bất khả thuyết như vậy chẳng có bờ mé. Nhưng Bồ Tát đối với cảnh giới đó, đều biết rõ ràng.

**KINH HOA NGHIÊM
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
QUYỂN BỐN MƯƠI LĂM
PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG
THỨ BA MƯƠI MỐT**

Phẩm này dài hơn so với thọ lượng của cõi Phật, nên gọi là Phẩm Thọ Lượng.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Tâm Vương, ở trong chúng hội bảo các Bồ Tát rằng:

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Tâm Vương ở trong pháp hội Hoa Nghiêm, bảo các Bồ Tát rằng.

Phật tử! Thế giới Ta Bà này, cõi của đức Phật Thích Ca một kiếp, thì ở thế giới Cực Lạc, cõi của đức Phật A Di Đà, là một ngày một đêm.

Các vị đệ tử của Phật! Thời gian một đại kiếp ở thế giới Ta Bà (kham nhẫn), cõi của Phật Thích Ca Mâu Ni (Năng nhân tịch mặc), thì ở thế giới Cực Lạc, cõi của Phật A Di Đà (Vô Lượng Thọ), là một ngày một đêm.

Thế giới Cự Lạc một kiếp, thì ở thế giới Ca Sa Tràng, cõi của đức Phật Kim Cang Kiên, là một ngày một đêm.

Thời gian một đại kiếp ở thế giới Cự Lạc, là thời gian một ngày một đêm ở thế giới Ca Sa Tràng, cõi của đức Phật Kim Cang Kiên.

Thế giới Ca Sa Tràng một kiếp, thì ở thế giới Bất Thối Chuyển Âm Thanh Luân, cõi của đức Phật Thiện Thắng Quang Minh Liên Hoa Khai Phu Phật, là một ngày một đêm.

Thời gian một đại kiếp ở thế giới Ca Sa Tràng, là thời gian một ngày một đêm ở thế giới Bất Thối Chuyển Âm Thanh Luân, cõi của đức Phật Thiện Thắng Quang Minh Liên Hoa Khai Phu.

Thế giới Bất Thối Chuyển Âm Thanh Luân một kiếp, thì ở thế giới Ly Cấu, cõi của đức Phật Pháp Tràng, là một ngày một đêm.

Thời gian một đại kiếp ở thế giới Bất Thối Chuyển Âm Thanh Luân, thì ở thế giới Ly Cấu, cõi Phật Pháp Tràng, là một ngày một đêm.

Thế giới Ly Cấu một kiếp, thì ở thế giới Thiện Đăng, cõi của đức Phật Sư Tử, là một ngày một đêm.

Thời gian một đại kiếp ở thế giới Ly Cấu, thì ở thế giới Thiện Đăng, cõi của đức Phật Sư Tử là thời gian một ngày một đêm.

Thế giới Thiện Đăng một kiếp, thì ở thế giới Diệu Quang Minh, cõi của đức Phật Quang Minh Tạng, là một ngày một đêm.

Thời gian một đại kiếp ở thế giới Thiện Đăng, thì ở thế giới Diệu Quang Minh, cõi của đức Phật Quang Minh Tạng, là thời gian một ngày một đêm.

Thế giới Diệu Quang Minh một kiếp, thì ở thế giới Nan Siêu Quá, cõi của đức Phật Pháp Quang Minh Liên Hoa Khai Phu, là một ngày một đêm.

Thời gian một đại kiếp ở thế giới Diệu Quang Minh, thì ở thế giới Nan Siêu Quá, cõi của đức Phật Pháp Quang Minh Liên Hoa Khai Phu, là thời gian một ngày một đêm.

Thế giới Nan Siêu Quá một kiếp, thì ở thế giới Trang Nghiêm Huệ, cõi của đức

Phật Nhất Thiết Thần Thông Quang Minh, là một ngày một đêm.

Thời gian một đại kiếp ở thế giới Nan Siêu Quá, thì ở thế giới Trang Nghiêm Huệ, cõi của đức Phật Nhất Thiết Thần Thông Quang Minh, là thời gian một ngày một đêm.

Thế giới Trang Nghiêm Huệ một kiếp, thì ở thế giới Cảnh Quang Minh, cõi của đức Phật Nguyệt Trí, là một ngày một đêm.

Thời gian một đại kiếp ở thế giới Trang Nghiêm Huệ, thì ở thế giới Cảnh Quang Minh, cõi của đức Phật Nguyệt Trí, là thời gian một ngày một đêm.

Phật tử! Lân lược như vậy, cho đến trải qua trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới.

Các vị đệ tử của Phật! Lân lược giống như vậy, cho đến trải qua trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới.

Thế giới cuối cùng một kiếp, thì ở thế giới Thắng Liên Hoa, cõi của đức Phật Hiền Thắng, là một ngày một đêm.

Thời gian một đại kiếp ở thế giới cuối cùng, thì ở thế giới Thắng Liên Hoa, cõi của đức Phật Hiền Thắng, là thời gian một ngày một đêm.

Bồ Tát Phổ Hiền, và các đại Bồ Tát đồng hành, đầy đầy ở trong thế giới đó.

Bồ Tát Phổ Hiền và tất cả đại Bồ Tát đồng hành, đầy đầy ở trong thế giới Thắng Liên Hoa đó.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT QUYÊN BỐN MƯƠI LĂM PHẨM TRỤ XỨ CỦA CÁC BỒ TÁT THỨ BA MƯƠI HAI

Bồ Tát chẳng có trụ xứ. Nếu Bồ Tát có trụ xứ, thì chẳng thể xưng là Bồ Tát. Bồ Tát lấy từ bi hỷ xả làm trụ xứ. Vì Bồ Tát chẳng có một tư tưởng về cái ta, làm sao có trụ xứ? Trụ xứ ở đây là chẳng có sự nhất định. Tuy chẳng có sự nhất định, nhưng Bồ Tát Tâm Vương vẫn nói có phương sở, có trụ xứ. Trụ này là trụ chỗ vô trụ, chẳng có sự chấp trước. Xứ này là xứ chỗ vô xứ, cũng chẳng có sự chấp trước. Nếu Bồ Tát chẳng có sự chấp trước, thì gọi là Bồ Tát.

Bồ Tát cũng chẳng chấp trong, cũng chẳng chấp ngoài, cũng chẳng chấp không, cũng chẳng chấp có, tất cả đều không chấp trước. Hiện tại trụ xứ này, bất quá là giả danh mà thôi. Phẩm này thuộc về phẩm thứ ba mươi hai.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Tâm Vương ở trong chúng hội, bảo các Bồ Tát rằng:

Khi Bồ Tát Tâm Vương nói xong Phẩm A Tăng Kỳ và Phẩm Thọ Lượng rồi, nhưng cảm thấy ý vẫn chưa hết, vẫn còn điều muốn nói. Cho nên lúc đó, vị đại Bồ Tát Tâm

Vương, ở trong pháp hội Hoa Nghiêm, bảo hết thầy các Bồ Tát: “Trụ xứ của các Bồ Tát”. Bồ Tát ở trong pháp hội, vốn đều biết trụ xứ của các Bồ Tát. Vậy, tại sao còn phải hồ tương vấn đáp? Vì Bồ Tát biết chúng ta chúng sinh tương lai ở trong pháp hội Hoa Nghiêm tại Vạn Phật Thánh Thành, giảng Kinh Hoa Nghiêm và lắng nghe Kinh Hoa Nghiêm, cho nên, đây là vì chúng ta mà nói.

Phật tử! Phương đông có nơi gọi là núi Tiên Nhân, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát đang ở trong đó. Hiện có Bồ Tát tên là Kim Cang Thắng, với quyền thuộc của Ngài các chúng Bồ Tát, ba trăm người tụ hội, thường ở trong đó mà diễn nói pháp.

Theo ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) mà nói, thì phương đông là Giáp Ất Mộc, Giáp Mộc là dương, Ất Mộc là âm. Do đó:

“Một âm một dương gọi là đạo”,
“Lệch dương lệch âm gọi là bệnh”.

Âm dương điều hoà, hay sinh vạn vật; âm dương thất điều, thì vật chẳng sinh, đây là luật tự nhiên của vũ trụ. Mộc là màu xanh, Mộc có sinh khí hân hân hướng vinh, cho nên mùa xuân thuộc Mộc thịnh vượng. Mùa xuân là mùa đầu tiên trong bốn mùa. Do đó, trước hết bắt đầu từ phương đông.

Ngũ hành là phù hiệu chân lý của vũ trụ, chứ chẳng phải từ chuyên dùng của đạo nào đó, vẫn là danh từ thông dụng. Nho giáo có thể dùng, Đạo giáo cũng có thể dùng,

Phật giáo cũng có thể dùng, dùng chấp trước vào. Phạm là hợp với chân lý thì có thể xử dụng, không nên phân biệt đó đây, có thành kiến môn hộ.

Phương đông thuộc Mộc, Giáp Ất Mộc. Phương nam thuộc Hoả, Bính Đinh Hoả. Phương tây thuộc Kim, Canh Tân Kim. Phương bắc thuộc Thuỷ, Nhâm Quý Thuỷ. Chính giữa thuộc Thổ, Mậu Kỷ Thổ. Mộc màu xanh, Hoả màu đỏ, Kim màu trắng, Thuỷ màu đen, Thổ màu vàng. Đó là đại biểu của ngũ phương, ngũ hành, ngũ sắc.

Ngũ hành có sự khác nhau về tướng sinh môn, và tướng khắc môn: Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thuỷ, Thuỷ sinh Mộc, đó là đạo lý tương sinh. Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thuỷ, Thuỷ khắc Hoả, Hoả khắc Kim, Kim khắc Mộc, đây là đạo lý tương khắc. Do đó: “Cha mẹ sinh ta ra, ta sinh ra con cháu”. Ví như Mộc hay sinh Hoả, Mộc là cha mẹ của Hoả. Hoả hay sinh Thổ, Thổ là con của Hoả. Thổ hay sinh Kim, Kim là cháu của Hoả. Hồi đầu tương khắc, Kim khắc Mộc .v.v...

Đạo lý tương sinh tương khắc, vô cùng vô tận, diệu không thể tả, tất cả sự lý trong trời đất, đều có sự quan hệ này, bên trong đều hàm chứa triết lý. Giống như sáu mươi bốn quẻ, đều bao hàm ở trong Kim Mộc Thuỷ Hoả Thổ. Quẻ Càn là do ngũ hành biến hoá mà ra, nếu nghiên cứu kỹ thì có triết học rất sâu rộng. Âm dương, ngũ hành, thiên can, và địa chi, tuy là phù hiệu, nhưng có triết lý diễn biến vô cùng. Đó là văn hoá của Trung Hoa, đáng tiếc có những người dùng không chánh đáng, cuối cùng trở thành mê tín.

Bồ Tát Tâm Vương gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! “Ở phương đông có một nơi, gọi là núi Tiên Nhon. Từ trước cho đến bây giờ, mười phương ba đời các chúng

Bồ Tát, đang ở trong núi đó. Bồ Tát có thần thông biến hoá, ở bất cứ chỗ nào. Ngẫu nhiên đến ở nơi đó, cũng có khả năng. Hiện tại ở trong núi Tiên Nhơn, có vị Bồ Tát tên là Bồ Tát Kim Cang Thắng, cùng với quyền thuộc của Ngài và các chúng Bồ Tát, khoảng hơn ba trăm người, đang cùng nhau tu hành. Bồ Tát Kim Cang Thắng, thường ở trong núi đó, vì họ giảng kinh thuyết pháp.

Phương nam có nơi tên là núi Thắng Phong. Từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó. Hiện tại có Bồ Tát tên là Pháp Huệ, cùng với quyền thuộc của Ngài các chúng Bồ Tát, năm trăm người tụ hội, thường ở trong đó mà diễn nói pháp.

Phương nam có một nơi, tên gọi là núi Thắng Phong. Từ trước đến nay, mười phương ba đời các chúng Bồ Tát, thường ở trong núi đó. Hiện tại có vị Bồ Tát, hiệu là Bồ Tát Pháp Huệ, và quyền thuộc của Ngài với các chúng Bồ Tát, khoảng hơn năm trăm người cùng ở với nhau. Bồ Tát Pháp Huệ thường ở trong núi Thắng Phong, vì họ diễn nói diệu pháp.

Phương tây có nơi gọi là núi Kim Cang Diệm. Từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó. Hiện tại có Bồ Tát tên là Tinh Tấn Vô Úy Hành, cùng với quyền thuộc của Ngài các chúng Bồ Tát, ba

trăm người tụ hội, thường ở trong đó mà diễn nói pháp.

Phương tây có một nơi, tên gọi là núi Kim Cang Diệm. Từ trước đến nay, mười phương ba đời các chúng Bồ Tát, thường ở trong núi đó. Hiện tại có vị Bồ Tát, hiệu là Bồ Tát Tinh Tấn Vô Úy Hành, và quyền thuộc của Ngài với các chúng Bồ Tát, khoảng hơn ba trăm người, cùng ở với nhau. Bồ Tát Tinh Tấn Vô Úy Hành thường ở trong núi Kim Cang Diệm, vì họ diễn nói diệu pháp.

Phương bắc có nơi gọi là núi Hương Tích. Từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó. Hiện tại có Bồ Tát tên là Hương Tượng, cùng với quyền thuộc của Ngài các chúng Bồ Tát, ba ngàn người tụ hội, thường ở trong đó mà diễn nói pháp.

Phương bắc có một nơi, tên gọi là núi Hương Tích. Từ trước đến nay, mười phương ba đời các chúng Bồ Tát, thường ở trong núi đó. Hiện tại có vị Bồ Tát, hiệu là Bồ Tát Hương Tượng, và quyền thuộc của Ngài với các chúng Bồ Tát, khoảng hơn ba ngàn người cùng ở với nhau. Bồ Tát Hương Tượng thường ở trong núi Hương Tích, vì họ diễn nói diệu pháp.

Phương đông bắc có nơi gọi là núi Thanh Lương. Từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó. Hiện tại có Bồ

Tát tên là Văn Thù Sư Lợi, cùng với quyền thuộc của Ngài các chúng Bồ Tát, một vạn người tụ hội, thường ở trong đó mà diễn nói pháp.

Phương đông bắc có một nơi, tên gọi là núi Thanh Lương, tức nay là Ngũ Đài Sơn, tỉnh Sơn Tây của Trung Quốc. Từ trước đến nay, mười phương ba đời các chúng Bồ Tát, thường ở trong núi đó. Hiện tại có vị Bồ Tát, hiệu là Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, và quyền thuộc của Ngài với các chúng Bồ Tát, khoảng một vạn người cùng ở với nhau. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi thường ở trong núi Thanh Lương, vì họ diễn nói diệu pháp.

Giữa biển có nơi gọi là núi Kim Cang. Từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó. Hiện tại có Bồ Tát tên là Pháp Khởi, cùng với quyền thuộc của Ngài các chúng Bồ Tát, một ngàn hai trăm người tụ hội, thường ở trong đó mà diễn nói pháp.

Ở giữa biển đông có một nơi, tên gọi là núi Kim Cang. Từ trước đến nay, mười phương ba đời các chúng Bồ Tát, thường ở trong núi đó. Hiện tại có vị Bồ Tát, hiệu là Bồ Tát Pháp Khởi, và quyền thuộc của Ngài với các chúng Bồ Tát, khoảng một ngàn hai trăm người cùng ở với nhau. Bồ Tát Pháp Khởi thường ở trong núi Kim Cang, vì họ diễn nói diệu pháp.

Phương đông nam có nơi gọi là núi Chi Đề. Từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó. Hiện tại có Bồ Tát tên là Thiên Quan, cùng với quyến thuộc của Ngài các chúng Bồ Tát, một ngàn người tụ hội, thường ở trong đó mà diễn nói pháp.

Phương đông nam có một nơi, tên gọi là núi Chi Đề. Từ trước đến nay, mười phương ba đời các chúng Bồ Tát, thường ở trong núi đó. Hiện tại có vị Bồ Tát, hiệu là Bồ Tát Thiên Quan, và quyến thuộc của Ngài với các chúng Bồ Tát, khoảng một ngàn người cùng ở với nhau. Bồ Tát Thiên Quan thường ở trong núi Chi Đề, vì họ diễn nói diệu pháp.

Phương tây nam có nơi gọi là núi Quang Minh. Từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó. Hiện tại có Bồ Tát tên là Hiền Thắng, cùng với quyến thuộc của Ngài các chúng Bồ Tát, ba ngàn người tụ hội, thường ở trong đó mà diễn nói pháp.

Phương tây nam có một nơi, tên gọi là núi Quang Minh. Từ trước đến nay, mười phương ba đời các chúng Bồ Tát, thường ở trong núi đó. Hiện tại có vị Bồ Tát, hiệu là Bồ Tát Hiền Thắng, và quyến thuộc của Ngài với các chúng Bồ Tát, khoảng ba ngàn người cùng ở với nhau. Bồ

Tát Hiền Thắng thường ở trong núi Quang Minh, vì họ diển nói diệu pháp.

Phương tây bắc có nơi gọi là núi Hương Phong. Từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó. Hiện tại có Bồ Tát tên là Hương Quang, cùng với quyến thuộc của Ngài các chúng Bồ Tát, năm ngàn người tụ hội, thường ở trong đó mà diển nói pháp.

Phương tây bắc có một nơi, tên gọi là núi Hương Phong. Từ trước đến nay, mười phương ba đời các chúng Bồ Tát, thường ở trong núi đó. Hiện tại có vị Bồ Tát, hiệu là Bồ Tát Hương Quang, và quyến thuộc của Ngài với các chúng Bồ Tát, khoảng năm ngàn người cùng ở với nhau. Bồ Tát Hương Quang thường ở trong núi Hương Phong, vì họ diển nói diệu pháp.

Ở giữa biển lớn, lại có trụ xứ gọi là Trang Nghiêm Quật. Từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Ở giữa biển lớn, lại có trụ xứ, tên gọi là Trang Nghiêm Quật. Từ trước đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Phía nam Tỳ Xá Ly, có một trụ xứ tên là Thiện Trụ Căn, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Phía nam thành Tỳ Xá Ly (Quảng bát), tức thành của cư sĩ Tịnh Danh ở, thuộc trung Ấn Độ, có một trụ xứ tên là Thiện Trụ Căn, từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Thành Ma Độ La, có một trụ xứ tên là Mãn Túc Quật, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại thành Ma Độ La (Khổng tước), có một trụ xứ tên là Mãn Túc Quật, từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở tại thành đó.

Thành Câu Trân Na, có một trụ xứ tên là Pháp Toà, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại thành Câu Trân Na (Đại mãnh pháp luật), có một trụ xứ tên là Pháp Toà, từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở tại thành đó.

Thành Thanh Tịnh Bỉ Ngạn, có một trụ xứ tên là Mục Chân Lân Đà Quật, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại thành Thanh Tịnh Bỉ Ngạn (tức nam Ấn Độ), có một trụ xứ tên là Mục Chân Lân Đà Quật (tức chỗ rồng ở), từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở trong thành đó.

Nước Ma Lan Đà, có một trụ xứ tên là Vô Ngại Long Vương Kiến Lập, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại nước Ma Lan Đà, có một trụ xứ tên là Vô Ngại Long Vương Kiến Lập (tức Phổ quang pháp đường), từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở trong nước đó.

Nước Cam Bồ Già, có một trụ xứ tên là Xuất Sinh Từ, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại nước Cam Bồ Già (Quả danh), có một trụ xứ tên là Xuất Sinh Từ, từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở trong nước đó.

Nước Chấn Đán, có một trụ xứ tên là Na La Diên Quật, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại nước Chấn Đán (Trung Hoa), có một trụ xứ tên là Na La Diên Quật (kiên ngu). Tại tỉnh Sơn Đông núi Thanh châu đông ngu, hiện có Thánh tích cổ Phật. Từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở tại đó.

Nước Sớ Lặc, có một trụ xứ tên là núi Ngưu Đầu, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại nước Sớ Lặc (tức Sớ Lặc tỉnh Tân Cương), có một trụ xứ tên là núi Ngưu Đầu (Vu Chân tỉnh Tân Cương), từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong núi đó.

Nước Ca Diếp Di La, có một trụ xứ tên là Thứ Đệ, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại nước Ca Diếp Di La, có một trụ xứ tên là Thứ Đệ, từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở trong nước đó.

Thành Tăng Trưởng Hoan Hỉ, có một trụ xứ tên là Tôn Giả Quật, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại Thành Tăng Trưởng Hoan Hỉ (tức Nam Ấn Độ), có một trụ xứ tên là Tôn Giả Quật, từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Nước Am Phù Lê Ma, có một trụ xứ tên là Kiến Úc Tạng Quang Minh, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại nước Am Phù Lê Ma (Quả danh), tức trung Ấn Độ, có một trụ xứ tên là Kiến Ưc Tạng Quang Minh, từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở trong nước đó.

Nước Càn Đà La, có một trụ xứ tên là Chiêm Bà La Quật, từ xưa đến nay, các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Tại nước Càn Đà La (Trì địa), có một trụ xứ tên là Chiêm Bà La Quật (Hương hoa thụ danh), từ xưa đến nay, mười phương các chúng Bồ Tát thường ở trong đó.

Bồ Tát là vô sở trụ, tức nhiên vô sở trụ, tại sao lại nói là Ngài trụ? Đây là tùy thuận chúng sinh mà nói. Rất ráo Bồ Tát toại tâm sở dục, muốn ở đâu thì ở đó. Muốn ở trong hạt bụi, thì ở trong hạt bụi; muốn ở trong cung điện, thì ở trong cung điện. Bồ Tát không vào mà chẳng tự được. Cho nên nói Bồ Tát chẳng có trụ xứ.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói trụ xứ của Bồ Tát, đây là khiến chúng sinh biết Bồ Tát vô tại vô bất tại.

Hết tập 17

Hồi hướng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tông Kinh diễn bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tông, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thầy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.





Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

Kệ hồi hương công đức

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liên phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những Kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lǎng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lǎng nghiêm giảng giải tập 2.
- Chú lǎng nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5 (trọn bộ).

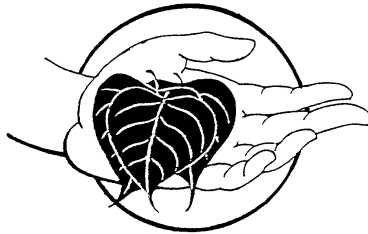
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 5.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 6.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 7.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 8.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 9.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 10.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 11.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 12.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 13.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 14.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 15.

- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 16.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 17.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 18.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 19.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 20.

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới sẽ tiếp tục lần lược in ra những tập kế tiếp
Kinh Hoa Nghiêm giảng giải :

- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 21.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 22.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 23.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 24.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 25.





Ví như hạt giống gieo trồng xuống đất, cho đến hay làm cho cành lá lớn lên. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tu hạnh Phổ Hiền, cho đến hay khiến cho tất cả chúng sinh tăng trưởng pháp lành.